

Bức thư thay lời tựa

Kính thưa quý vị, quý bạn, gần đây có một số quý vị gửi thư về hỏi rất nhiều về khoa học huyền bí, mà nội dung gần giống nhau, cả ngàn bức thư của quý vị chúng tôi có trả lời chung trên mặt báo: Số Mạng, Số Đẹp, Tin Mật, mà vẫn chưa hết, nay lại tiếp tục nhận được quá nhiều thư, cho nên có thiện ý của nhà xuất bản, nên chúng tôi quyết định cho in tập sách này hầu thỏa mãn tất cả bạn đọc để theo dõi khoa huyền bí này.

Thật vậy, ở khoa học này, các nước tân tiến ngày nay cũng nghiên cứu vì nhận thấy rất đúng, chỉ trừ những người “bói ra ma, quét nhà ra rác” thì không kể, còn ngoài ra căn cứ theo cổ truyền phối hợp lại để nghiên cứu tập sách này. Có hay không, hẳn bạn đọc đã va chạm nhiều ở cái xã hội phức tạp này thì sẽ rõ. Hàng triệu khuôn mặt, có ai giống ai bao giờ. Tại sao? Lại chẳng hề giống ai!

Tạo hóa này có biệt tài như thế! Vì vậy cá tính của ai cũng chẳng giống ai, nhưng chúng ta có thể đoán biết được tâm tính, ước muốn của họ, biểu lộ trên những khuôn mặt, tiếng nói tiếng cười, qua cái chỉ tay, bàn tay (ma y thần tướng, xem tướng diện để biết người sang hèn, phúc hậu, hay sát nhân, ấy là điều hữu ích để chúng ta giao dịch hằng ngày mà không nhầm lẫn ấy là điều hữu ích vậy. Bởi thế chúng tôi hằng say làm việc nghiên cứu tỉ mỉ, công phu qua các sách Tân, Cổ tìm những cái đúng cái thật mà viết nên quyển sách này, tuy chưa đủ lắm, nhưng nếu cần thì các bạn cũng có thể hiểu biết hữu sự, chẳng hạn như muốn cho người ấy vay nợ, có mất không? Hoặc giao du hùn hạp hay nhờ bạn xem giùm cô gái ấy có thể làm dâu nhà kia hay không? Chọn người giúp việc có trung thành không? Thì ở đây giúp bạn thỏa mãn phần nào qua sự nhìn mặt mà “bắt hình dung” được ở một phần về sắc diện con người, để không phải làm thầy bói, mà để giao dịch hằng ngày trên cuộc sống mà chúng ta đang vật lộn tranh đấu để nuôi gia đình, ấy chẳng phải là điều vô bổ vậy.

Kính thư và để giúp bạn theo dõi ở trang trong.

Kính

G.S BỬU SƠN

PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT TRONG VIỆC NHẬN XÉT NỘI TÂM NGƯỜI ĐÀN ÔNG

Như chúng ta đã rõ sau khi đệ nhị thế chiến những phong trào vận động tranh thủ quyền lợi của nữ giới đã từng vang bóng một thời theo những ghi nhận của những nhà sử học thì những phong trào đó đã từng lan rộng khắp hoàn cầu mà kết quả chúng ta đã thấy là giới phụ nữ trên nhiều lĩnh vực hầu hết đều đoạt được nhiều quyền lợi ngang hàng với nam giới, mà quan trọng nhất là những chế độ phong kiến về hôn nhân không còn nữa, người phụ nữ hiện nay cũng có quyền tự do luyện ái, tự do lựa chọn mối tình của mình và họ hoàn toàn có quyền tự quyết định lấy số mạng của mình.

Nhưng chúng ta hãy nhìn nhận một điều khá quan trọng là trong số đó cũng có nhiều phụ nữ vì ngộ nhận ý nghĩa tình yêu, họ thường hay bị mù quáng trong lãnh vực này, trong xã hội và đạo đức đã mất hết giá trị của thời nay. Phụ nữ thường đánh lạc hướng đi của mình, không phân biệt được người nào là kẻ đứng đắn và kẻ nào là kẻ phụ bạc. Có kẻ lại hiểu lầm những kẻ sở Khanh và chịu rất nhiều thiệt thòi, phải hối hận suốt đời.

Người ta thường nói: Nhân bất khả mạo tướng. Có nghĩa là chúng ta không thể đoán xét một người theo mặt mũi của họ.

Nhưng xét đúng ra câu nói trên không hoàn toàn đúng. Vì như chúng ta đã biết rằng, khuôn mặt hay tướng diện của mọi người đều có thể được coi là phản ánh của nội tâm, những gì ở trong đầu óc của chúng ta, như vậy xét đoán nội tâm của mọi người qua tướng diện (có thể gọi là tướng số) cũng các phần lập luận khoa học của nó.

Hiện nay, ở cả thế giới những nhà tướng số đều ủng hộ lý luận trên và họ đều đồng ý rằng những người phụ nữ kém về kinh nghiệm đường đời, tốt nhất là hiểu sơ qua về cách đoán xét nội tâm của người đàn ông theo phương cách tối tân, để rồi sau này trong sinh hoạt xã hội hay mọi khía cạnh nào trong việc tìm kiếm đối tượng tình yêu sẽ tránh được những cảm giác sai lầm và ngộ nhận, và luôn giữ được sáng suốt để rồi có thể tìm ra một đối tượng tình yêu xứng đáng của mình.

Trong bài này chúng tôi quy tụ là ba phương pháp để nhận đoán một người đó là tướng diện học, tướng cốt học (hình dáng của bộ xương con người) và chỉ tay.

Tuy nhiên, chúng tôi không thể giải thích hay phân tích lương tâm ở một nơi hạn chế nhưng đây chúng tôi sẽ gửi đến cùng bạn đọc vài nét chính yếu về cách tìm hiểu tính tình, tướng diện, xương cốt và quan niệm tình yêu của người đàn ông để bạn có một sự chuẩn bị về tâm lý sau này nếu gặp phải kẻ xấu, mình có thể trách xa kịp thời, nếu gặp kẻ tốt bạn có thể nắm lấy dịp may tìm cách gần nhau, như vậy bạn sẽ bước tới một con đường hạnh phúc và gia đình ấm cúng an vui.

Nhận xét người đàn ông qua tướng diện. Nếu bạn muốn biết người bạn trai của bạn có phải là một người chồng xứng đáng hay không, như trường hợp này bạn có thể nhận xét anh ta qua tướng diện: ít nhất bạn cũng tìm được câu trả lời mà phần chính xác được 70% hay 80% tướng diện của người đàn ông được chia ra làm ba loại.

1. Loại đàn ông: Loại đàn ông này chỉ chú trọng sự nghiệp của họ. Đối với gia đình thường không để ý là bao, loại đàn ông này được gọi là sự nghiệp tướng diện của loại đàn ông lo về sự nghiệp này có những đặc điểm là gương mặt nhọn, vầng trán rộng. Chân mày đậm, mắt một mí khoảng cách giữa lông mày và mắt rất hẹp, sống mũi cao, môi mỏng, miệng rộng xương nhỏ của tai lòi ra.

Loại đàn ông này thường có chí lớn và rất chăm lo sự nghiệp, nhiều tham vọng, lấy sự nghiệp giàu sang làm mục đích của đời sống, xuất thân sớm, làm việc cần mẫn vì vậy mà bỏ lỡ gia đình và vợ con.

-- Nếu loại đàn ông này có một gương mặt hơi vuông thì có lẽ ông ta thuộc về loại đàn ông lao lực (như kỹ sư, người bán hàng, thương gia) nếu loại đàn ông này nhọn và gần như tam giác sẽ thuộc về loại lao tâm (như buôn bán, kiến trúc sư, nhà xuất bản). Tóm lại khuôn mặt người đàn ông này thường có một hình tam giác hơi vuông.

2. Loại đàn ông vừa lo về sự nghiệp vừa quan tâm về gia đình: Loại đàn ông này thường là những ông có thái độ thung dung (không nặng về một bên, họ đều quan tâm đến gia đình và cũng *chăm lo công việc làm ăn, mục đích của loại này thường chỉ là đủ tiền để nuôi sống gia đình vợ con, đó là người chồng lý tưởng của phụ nữ. Không để cho gia đình lâm vào cảnh nghèo khổ*).

Khuôn mặt của loại đàn ông này thường là hình vuông, đầu tròn, vầng trán cao, lông mày có hình tam giác và đậm, hai tai to và tròn, mắt to, mắt một mí, đầu mũi nhỏ, nụ cười đều, môi trên và môi dưới dày bằng nhau.

3. *Loại đàn ông chỉ có gia đình:* Loại đàn ông này rất trung thành với gia đình, ông ta nhất định là người chỉ huy tối cao trong gia đình, lo mọi phương tiện trong gia đình và phụ trách một vai việc nhà, luôn luôn loại này yêu vợ thương con, làm việc một cách thận trọng, quan niệm gia đình tối cao. Phục nữ có một người chồng như vậy không còn cái gì mà không hài lòng nữa.

Loại đàn ông này là tín đồ của chủ nghĩa gia đình tối thượng. Không bao giờ ăn chơi rượu chè ở những nơi phong lưu. Khuôn mặt loại này có nhiều đặc điểm nhưng tóm lại thường có: khuôn mặt hình trái trứng, lông mày có vẻ nữ tính, mắt tròn nhỏ. Khoảng cách giữa lông mày và mắt rất rộng, mí mắt dưới đầy, tai to, lỗ mũi to, nhân trung dài, miệng nhỏ, môi dưới dày, cằm tròn.

Nhận xét qua (xương cốt)

Xương cốt mà hình dáng xương cốt của người đàn ông thường được tượng trưng của sự giàu nghèo may rủi. Có loại xương cốt người ta nom lên sẽ hiểu được người đó là kẻ nghèo, có loại nom vào người ta hiểu ngay là hạng cao sang, ở đây cũng có ba trường hợp: Loại phung phí bữa bãi, xa hoa, cầu thả. Không bao giờ nghĩ đến tiết kiệm là gì, bất kể ngày mai ra sao, nếu có chồng như thế, mặc dù cũng có phần vui thích thoải mái nhưng e rằng không được lâu bền.

Thường thì hết cái vui lại đến cái buồn, vì tài chính gia đình không được đều đặn, gia đình lúc này cũng lâm vào cảnh khốn khổ cũng chưa hay, nói tóm lại loại đàn ông này thuộc về loại ăn chơi.

Loại này thường có một tướng cốt như sau: vầng trán lồi ra, cổ thô và nhiều thịt, bờ vai rộng xéo, tay chân ngắn, eo rộng lớn.

4. *Loại tài chính vững chắc:* Loại đàn ông này gọi là tài chính vững chắc thường rất chú ý đến vấn đề tiết kiệm, và lúc nào cũng hướng về cải tiến gia đình, quan niệm gia đình rất cao, lúc nào cũng dự trù dành dụm một số tiền để phòng ngừa những trường hợp ngoại lệ, loại đàn ông này có một tướng cốt như sau: Xương cốt ở phía sau đầu rất cao, bờ vai rộng và ngang, bờ ngực

BẠN SẼ CÓ NGƯỜI CHỒNG TRẺ TUỔI HƠN BẠN QUA TÁM TƯỚNG DIỆN VÀ TÁM CHỈ TAY

Trong xã hội nam nữ đều có quyền hành ngang hàng với nhau: giới nữ thường rất chú trọng tới vấn đề tình yêu và hôn nhân. Nhưng trong số đó có một vài trường hợp vì người nữ giới mang một cá tính đặc biệt và tâm trạng, vì vậy mà đánh mất những dịp may và thời gian quý báu, đến phút cuối cùng, tuổi thanh xuân dù chưa qua đi, nhưng đã là nửa chừng xuân rồi, tuy nhiên rồi đây cũng tìm gặp được một người yêu phần nhiều là trẻ hơn, tục ngữ thường gọi là vợ già chồng non, đời sống của lứa đôi sau này phần đông cũng gặp vài trường hợp trắc trở vì nguyên nhân tới lúc bạn đã đến một tuổi tác nào đó mà người chồng vẫn khỏe mạnh thanh xuân và trường hợp như vậy chàng sẽ đâm ra say mê một cô gái trẻ hơn bạn một cách dễ dàng, đến lúc như vậy thì hạnh phúc gia đình không còn nữa, thậm chí gia đình dễ bắt đầu xảy ra thì bạn là người thiệt thòi hơn cả.

Bạn sẽ lấy chồng trẻ hơn bạn không? Cá tính của bạn có ảnh hưởng tương lai bạn không? Cá tính của bạn có làm cho bạn trở thành một bà già hay một người vợ lớn tuổi hơn chồng hay không?

Tin hay không tùy bạn, nhưng có điều là chúng ta có thể tìm thấy những câu trả lời cho những câu hỏi trên qua tướng số và chỉ tay, vì chính tướng diện và chỉ tay là môn phản ánh nội tâm và ý thức của bạn mà dựa theo khoa tướng số và chỉ tay, chúng tôi có thể đoán ra tình duyên và tương lai của bạn sẽ ra thế nào?

Chúng ta bắt đầu từ chỉ tay có tám trường hợp có thể phân tích tách tình của bạn, sẽ tìm ra câu trả lời và đoán được bạn sẽ có người chồng trẻ hơn mình hay không?

A. Hiếu thắng, đường chỉ bốn mạng bị cắt đứt. Loại phụ nữ có tánh hiếu thắng họ rất chăm chú về công việc làm và cách sống, loại phụ nữ này thường là những người rất cần mẫn chịu cực và lúc nào cũng hơn kẻ khác, tính cẩn trọng, dai sức, đôi khi có thể thức trắng đêm để đan một chiếc áo len, hay chỉ vì đọc một cuốn tiểu thuyết nào đó. Đối với thời trang rất ưa thích những màu rực rỡ hay chỉ một màu.

Đối tượng loại phụ nữ này thường là những chàng trai trẻ hơn mình một đến hai tuổi. Và thường dằng dai trên đường tình yêu. Khi xa thì muốn gần, khi gần lại muốn xa. Loại này rất giỏi về điều khiển tình cảm của người yêu. Còn về tình bạn, loại này cũng đối đãi một cách nồng nhiệt, đó cũng được coi là một ưu điểm trong trường hợp này. Nhưng chỉ khổ thay cho những anh chàng đeo đuổi loại phụ nữ này thôi.

B. Gần như là đàn ông Đường trí tuệ chẻ ra làm 2

Đường trí tuệ chẻ ra làm hai loại phụ nữ này có cá tính về người đàn ông. Thậm chí có thể mặc trang phục và cách sống theo vẻ đàn ông. Làm việc mau lẹ, ngăn nắp. Sắp đặt gọn gàng, khi đối diện với người cùng phái cũng thường nhắc đến vấn đề đàn ông và thao thao bất tuyệt. Về công việc loại này có thể đảm nhiệm những công việc quan trọng, đôi khi chi phối cả đàn ông. Vì vậy những người đàn ông có kinh nghiệm về cuộc đời thường tránh xa loại phụ nữ này, còn những anh chàng còn trẻ tuổi lại thường rất tán phục tài năng loại này, cho nên loại này thường có những người chồng trẻ hơn, có khi non cả 2 hay 5 tuổi

C. Gần như một người mẹ. Đường chỉ bốn mạng chẻ ra làm 2.

Loại này mang nặng những tình cảm của một người mẹ hiền từ. Cá tánh họ dễ cảm động, dù cho là những bi kịch trên ti vi hay mà ảnh họ thường rơi nước mắt một cách dễ dàng. Về công việc loại này cũng rất siêng năng, trung thành với thân chủ, còn về đời sống xã giao cũng khác biệt với loại khác, dù cho câu chuyện thao thao bất tuyệt lại nhằm chán người bạn trước mặt, chúng cũng mỉm cười ra vẻ thích thú, loại này rất trầm lặng, ít khi xem vào những lời nói của kẻ khác nhưng đối với người bạn cùng phái, thì phần đông loại này không được hoan nghênh chi mấy vì loại này thường chỉ kích thích. Còn những bạn trai trẻ rất mến những người phụ nữ này gần như là những người mẹ của mình, rất vui thích để gần gũi. Cho nên loại phụ nữ này thường tìm được một người chồng kém hơn mình hai hoặc ba tuổi.

D. Loại từng trải: Đường tình cảm có hình chữ X trên chỉ tay nếu đường tình cảm có hình chữ X loại phụ nữ này thường là những người từng trải rất nhiều kinh nghiệm ở đời, loại này rất giàu lòng thương hại, dễ thông cảm kẻ khác, rất được người khác phái mến yêu, về công việc loại này là những người được coi như có tài năng rất cao, đồng thời lúc nào cũng sẵn sàng chỉ dẫn cho những anh chàng trẻ tuổi mới bước chân vào xã hội, đôi khi họ trở thành cố vấn của những người bạn đồng thời. Cho nên những anh chàng trẻ đều có cảm tình đối với những phụ nữ này, từ đó mà đi đến chỗ yêu nhau, chung sống với nhau, chung sống với nhau, loại này thường có những người chồng trẻ hơn mình 1 hay 5 đôi khi có thể hơn cả 7 hay 8 tuổi.

E. Loại hành động: Đường tình cảm và đường bốn mạng nằm chéo lên nhau như hình chữ X. Loại này có tánh tình cởi mở, lanh lẹ, làm việc rất có tinh thần trách nhiệm, nói là làm rồi tính sau, lúc nào cũng làm tròn bổn phận của mình, không bao giờ cầu thả hay chậm trễ. Nếu chúng ta đã có

lời hứa bất cứ giá nào cũng phải đi đến chỗ thực hiện, đối với đồng nghiệp không phân biệt cá nhân nào, chúng đều đối xử tử tế và vui vẻ giúp bạn giải quyết những điều khó khăn và bênh vực bạn mình, không nói xấu kẻ khác, và rất ghét những kẻ hay nói xấu kẻ khác. Vì vậy mà những thanh niên rất có cảm tình với chúng. Người chồng thường kém chúng ba hay năm tuổi.

F. Loại tự do: Đường tình cảm và đường trí tuệ trùng chất thành một. Đường tình cảm trùng lên đường trí tuệ họ người phụ nữ có chủ trương của mình, rất chủ quan giàu lòng tự tin, có khiếu về nghệ thuật, mang một sức hút rất mạnh đối với những chàng trẻ. Nàng rất thích đi dạo phố một mình, mua sắm những gì nàng thích, đối với thời trang, những phụ nữ này có một sở thích đặc biệt, những chiếc áo màu sắc trang nhã, thanh lịch, nhất là về những thứ đó hợp thời trang và đúng mốt. Về đời sống chúng ta rất khó mà tìm hiểu, họ thường là những người phụ nữ không sợ cô đơn. Vì nhiều điều kiện cho nên trong việc chấp nhận tình yêu và ngày tháng trôi qua đến giai đoạn nào đó chúng vội vã tìm kiếm, thường phải tìm kiếm và an ủi nơi những chàng trai trẻ, người chồng của loại này thường kém hơn 6 tuổi trở lên.

G. Loại thụ động: Đường tình cảm làm hai.

Đường tình cảm xẻ làm hai: loại này thuộc loại thụ động, dễ thỏa hiệp với kẻ khác, lý trí tuy có phần sáng suốt nhưng lại dễ bị chi phối bởi tình cảm, đặc tính của họ là ưa thích trẻ nít và thích giao du với tuổi trẻ. Cho nên dễ mà có chồng trẻ tuổi. Chúng lấy tư cách một người chị để bảo ban hay chỉ dẫn những thanh niên ấy, gọi mình bằng chị. Và thanh niên lại rất có cảm tình với loại phụ nữ này. Người chồng của chúng thường kém hơn hai tuổi và như vậy những thanh niên tuổi tác gần nhau như vậy có thể đeo đuổi chúng một cách dễ dàng.

H. Loại sôi nổi: Đoạn đầu của hai đường trí tuệ và tình cảm chéo ngang nhau như hình chữ X. họ là những phụ nữ nhiệt tình. Mặc dù rất thận trọng trong việc lựa chọn người yêu của mình, nhưng chúng lại rất dễ bị cảm động bởi một tình cảm nồng nàn của mình một cách không điều kiện, họ thường là những đứa con gái của những ông giáo sư. Chúng thường mang một cảm giác rằng người con trai yêu mình là một điều làm vinh hạnh, trái lại đối với những tay lão luyện và lời lẽ ngọt ngào chúng không ưa thích là bao, người chồng của chúng sẽ kém hơn chúng 1 đến 4 tuổi.

Ngoài chỉ tay chúng ta còn có thể đoán được người đàn bà nào sẽ có chồng trẻ và tánh tình họ ra sao nếu chúng ta xét qua tướng diện, những người đàn bà có chồng trẻ thường có những tướng diện như sau, gồm 8 trường hợp

1. Khuôn mặt vuông, mi mắt dờ lên.
2. Khuôn mặt trái xoan vầng trán rộng.
3. Khuôn mặt dài gò má cao.
4. Khuôn mặt tròn, xương hàm rộng.
5. Khuôn mặt tròn gò má cao.
6. Khuôn mặt dài, xương hàm rộng.
7. Khuôn mặt dài, cằm rộng.
8. Khuôn mặt dài, lông mày đậm.

Tám tướng diện vừa kể là những khuôn mặt có vẻ không đôi xứng tánh tình, vì vậy có vẻ khác biệt với người thường, lấy chồng rất muộn, cũng không xa lạ gì, chỉ có những chàng trẻ chất phác dễ cảm động, còn đối với những người ông giàu kinh nghiệm hai bên đều khó gây được cảm tình.

Vợ chồng non không còn là một điều lạ lùng trong xã hội thời nay nữa, cũng không có gì gọi là bất chánh nhưng chỉ ngại rằng tuổi tác hai người có một chỗ trống rất to, đến lúc xuân tàn hoa rụng, người vợ sẽ già đi rất nhiều, còn người chồng lại vừa đúng lúc thanh xuân, vì vậy rất có thể sinh ra những màn bi kịch của gia đình.

Nếu bạn nào có tướng diện hay chỉ tay giống như trường hợp trên, khuyên bạn nên xét lại nhân sinh quan và cách cư xử trong đời sống và tương lai của mình.

HÔN NHÂN: TÌNH DUYÊN NĂM TRÊN BÀN TAY CỦA BẠN

Đường hôn nhân kỳ duyên:

Đường hôn nhân gần sát đường tứ đạo là cưới sớm trước tuổi 26.

Đường hôn nhân xa đường tứ đạo là gả cưới chận sau 35 tuổi thành gia thất.

Hai đường hôn nhân đi song song vừa thô vừa cạn không hiện sâu càng gả cưới chậm đi nhiều.

Nếu có ba đường nằm ấp hàng nhau đường nằm gần tứ đạo nhất là đường kết hôn đầu.

Đường hôn nhân tàn gia.

Đường hôn nhân bị đường phá tâm chặt ngang nghĩa là bị người ta dùng bạo lực can thiệp vào cuộc hôn nhân đang tiến hành. Sau khi kết hôn sẽ tán gia bại sản. Hay gặp bất trắc.

Đường lương duyên bất loạn.

Đường hôn nhân có hình như đuôi cây tên, tình đầu bẽ bàng, hoặc tiến đến hôn nhân bị dang dở, vì hoàn cảnh không hợp. Kết quả không bao giờ thành hôn được.

Đường hôn nhân có ba đường chỉ nhỏ nằm trong thế tam giác, trên đường chỉ lại có những đường nhỏ chắt ngang là tâm hôn lúc nào cũng bất loạn, nên hôn nhân bất hòa.

Đường hôn nhân, đường liền nhỏ và ngắn lại, lại có đường chắt ngang, đường dưới dài ấy là cuộc hôn nhân đầu tiên thất bại nhưng cuối cùng vẫn kết quả mỹ mãn.

Đường lương duyên ngang trái.

Đuôi đường hôn nhân như rẽ quạt là thất tình hay ngang trái. Nếu đường hôn nhân mà ngoằn ngoèo là vì tình mà tự sát hay gặp tai nạn chết chóc bất ngờ.

Cuối đường hôn nhân có một hình tròn như quả cầu vợ hay chồng sẽ gặp tai nạn bất ngờ.

Nhưng nếu trên quả cầu tự nhiên có lông thì sẽ tốt đẹp vô cùng.

Dầu đường hôn nhân có quả cầu mà đường chỉ vòng xuống qua khỏi đường tứ đạo, lúc kết hôn gặp chuyện không mấy tốt đẹp.

Đường lương duyên ngoại tình

Đường hôn nhân nhỏ lại lấm chấm nhiều đường là yêu đương không chuyên nhất, sẽ đi tìm người mới luôn. Đường hôn nhân có đường lại cản đầu là sau khi kết hôn sẽ bất hòa tai hại.

Đường hôn nhân cản trở.

Đường hôn nhân có hai đường nằm song song mà tách rời tứ đạo khá xa, và đường tứ đạo ngăn ngửi thô cạn và đường hôn nhân dài mà đi lên thì sẽ gặp người có nghệ thuật hay sang cả, cảm tình tốt đẹp và hạnh phúc lắm. Nếu đường lọt vào kẻ tay có nghĩa là trước tốt sau xấu.

Đường mạng đạo gặp đường phá tâm chặt ngang với lại đường tâm đạo và đường mạng đạo rời nhau thì có nghĩa là cuộc hôn nhân bị người ta phá hoại.

Đường lương duyên tan vỡ.

Đường hôn nhân đứt đoạn, đường này đè lên đường kia. Cuộc hôn nhân không thể tiến hành được, sẽ gặp nhiều trở ngại trong lúc tiến hành hôn lễ. Hay sau khi kết hôn xong sẽ đi đến ly dị nếu gặp đường lý tài ở bên trên nữa thì chắc chắn cuộc hôn nhân này không bao giờ thành tựu.

Đường lương duyên đa thê.

Đường hôn nhân có thêm hai đường rất rõ và đi song song với nhau lại thêm hai đường lý tài bên trên, người ấy được nhiều người yêu, cưới vợ hoặc gả chồng song vẫn có bé hay lẽ. Kết hôn sớm. Trên sự nghiệp, thích hợp trong giới chính trị và lý tài – và được nhiều người mến chuộng.

Đường lương duyên bất hòa.

Đường lương duyên cong queo là phu thê bất hòa, trong gia đình khó bề êm đẹp.

Đường hôn nhân có mọc lông như đuôi tên tua tua ra hai bên, vợ bị bệnh ngặt nghèo.

Đường hôn nhân ngược đầu lên thật cao là cưới hay gả nhằm nơi giàu có nếu đường chỉ thổ là cuộc hôn nhân khó thành. Nếu đường chỉ đi suốt kẻ tay kết hôn song sẽ bại sản phá tài.

Đường lương duyên lang chạ.

Đường hôn nhân đứt đoạn mà nối tiếp nhau đôi ba đường là gả hay cưới nhằm chỗ không đàng hoàng.

Đường hôn nhân ngoằn ngoèo như hai con rắn quấn nhau, là vợ hay chồng đều có ngoại tình cả, và cũng là triệu chứng tiến hành cuộc hôn nhân khó khăn, hoặc bệnh và tai họa.

Đường hôn nhân dài, đi xuống tới lòng bàn tay là vợ hay chồng cực kỳ xung khắc nếu là nam thì có năm bảy vợ, gái thì có hai ba chồng. Nếu đường chỉ ấy đứt đoạn thì sẽ nhẹ hơn một nửa.

Đường lương duyên xung khắc.

Đường hôn nhân có kim tinh lại thêm lục tú là sẽ cưới hay gả nhằm người có kỹ thuật và nghệ thuật, đường chỉ càng rõ càng hiệu nghiệm.

Đuôi đường hôn nhân có chữ thập là cưới hay gả nhằm chỗ giàu có được hưởng gia tài, nếu không chữ thập mà là đánh chéo thì sau khi kết hôn một trong hai người chết bất đắc kỳ tử.

Đường hôn nhân dài và đi xuống suốt đường mạng đạo là vợ chồng khắc và đi tới chỗ xa nhau.

Đường lương duyên ly dị.

Đường tâm đạo và mạng đạo rời xa nhau là vợ chồng ly dị nhưng nếu bàn tay của cả vợ lẫn chồng đều như thế thì trái lại chồng vợ sẽ thuận hòa, nhưng đến trung niên không khỏi tai nạn và bệnh hoạn, kết hôn trễ, lòng tự nhủ rất nặng, nếu có đường thấu văn nối liền thì nhẹ đi một nửa.

Đường lương duyên bội tình.

Đường bội tình nằm trên đường tâm đạo thì cả vợ lẫn chồng đều phản bội nhau. Nếu trên đường tứ đạo thì khi chưa thành hôn khó gặp được tình yêu chân chính, nếu nằm trên đường mạng đạo thì hãy coi chừng bạn hay người ở bất trung. Nhược bằng bị đường dạ xoa ngang thì đường bội tình không linh nghiệm.

Đường lương duyên háo sắc.

Đường hôn nhân mọc nhánh, trên nhánh lại mọc nữa là người háo sắc, vợ ngoại tình có con, huyết thống hỗn tạp nếu thấy đường dạ xoa, thất bại về tình, kết hôn rồi cũng phân ly, khó có hạnh phúc lắm, nếu nhánh rời là không linh nghiệm.

Đường lương duyên sát phu.

Đầu đường hôn nhân như cây chĩa ba là cực kỳ đa dâm, loạn luân, trai thì giết vợ, gái thì hai chồng, vì hôn nhân mà gặp nhiều điều bất hạnh nếu là độc thân, nghèo khổ hay đi tu thì giảm đi được một nửa.

TƯỚNG DIỆN: TƯỚNG HỢP VÀ TƯỚNG XUNG

MŨI CỦA BẠN:

MŨI CỦA CHÀNG:

1. ĐỐI VỚI TINH THẦN TÍCH CỰC CỦA CHÀNG, BẠN CẦN CÓ SỰ HIỂU BIẾT RỘNG RÃI ĐỂ THÔNG CẢM.
2. GIẤC MỘNG CỦA BẠN SẼ KHIẾN CHÀNG ĐẠT ĐƯỢC MỘT TÀI CHÁNH KHẢ QUAN VÀ MỘT TÀI NĂNG XỨNG ĐÁNG.
3. HAI NGƯỜI ĐỀU LÀ KẺ TÍCH CỰC HỢP LỰC VỚI NHAU SẼ GÂY DỰNG ĐƯỢC HẠNH PHÚC.
4. TÁNH NÓNG NẢY CỦA BẠN CÓ VẼ CẦN THIẾT ĐỂ BỒI DƯỠNG ẤM CÚNG CỦA GIA ĐÌNH, CHÀNG SẼ KÍNH NẾ BẠN.
5. MŨI CỦA BẠN SẼ CHE ĐẬY ĐƯỢC PHẦN NÀO TÍNH TIÊU CỰC CỦA CHÀNG.
6. TÁNH TRONG SẠCH CỦA CHÀNG SẼ CẢM ĐỘNG TRƯỚC TÌNH YÊU VÀ TÀI NĂNG CAO ĐẸP CỦA BẠN.
7. HAI NGƯỜI KẾT DUYÊN SẼ SỐNG TRONG NIỀM HẠNH PHÚC MÃI MÃI.
8. HAI NGƯỜI ĐỀU LÀ MŨI NHỌN SẼ GÂY LỘN MÃI MÃI VÀ KHÔNG HẠP.

MÔI CỦA BẠN:

MÔI CỦA CHÀNG:

1. CHÀNG SẼ TRUNG ĐỘNG VÌ SỰ NỒNG NÀN CỦA BẠN.
2. BẠN CÓ THỂ HƯỚNG DẪN CHÀNG, CHÀNG CÓ THỂ CHỊU DỰNG ĐƯỢC.
3. CHÀNG LUÔN LUÔN ĐÒI HỎI QUYỀN LÃNH ĐẠO TRONG ĐỜI SỐNG HAY TÌNH YÊU, BẠN PHẢI CHIỀU Ý CHÀNG.
4. CHÀNG SẼ COI BẠN NHƯ MỘT NGƯỜI CHỊ
5. QUAN NIỆM MẪU HỆ TRONG GIA ĐÌNH BẠN SẼ MANG LẠI CHO CHÀNG NHỮNG NGUỒN VUI VỀ HẠNH PHÚC.
6. TÁNH CHÀNG HỢI NHỎ MỌN, NHƯNG SỰ HIỂU BIẾT CỦA BẠN SẼ THÔNG CẢM CHO CHÀNG.
7. HAI NGƯỜI ĐỀU GIÀU TÌNH CẢM, GIA ĐÌNH HÒA HỢP NHƯ CÁ VỚI NƯỚC.
8. ĐÔI BÊN ĐỀU LÀ KẺ LẮM CHUYỆN, TƯỚNG XUNG.

TIẾNG NÓI CỦA TÌNH YÊU TRẦM LẶNG

Tiếng nói của cách ăn uống:

1. Khi dùng canh, khuôn mặt cô hơi nghiêng về phía bên phải, trong khi đó tay cô cầm chiếc thìa (muỗng) để sát gần tay trái của mình, một dáng điệu mời mọc như thế có nghĩa là “em sẽ chịu anh tất cả, em đã yêu anh”.
2. Há miệng thật to khi dùng canh, chiếc thìa đặt gần dưới cằm, như vậy có nghĩa là “em không thể nghe lời anh được, em hết tin cậy anh”.
3. Dùng bàn tay che lên môi mình có nghĩa là “cô thấy không được khỏe trong người và từ chối bất cứ một cái hôn nào”.
4. Trái lại có nghĩa là “cô thấy thoải mái và sẵn sàng tiếp đón nụ hôn của chàng”.

Cách tỏ tình:

1. Nếu cô đã chọn chàng ta là người yêu xứng đáng của mình, và cô luôn bày tỏ tình yêu với chàng. Trong khi đi bên cạnh nhau, cô có thể nghiêng đầu sát vào bên chàng, bằng cách có thể luôn cả tác tại của mình đồng thời với bàn tay phải trên ấy có đeo chiếc nhẫn của mình đặt tay vào bàn tay phải của chàng như vậy có nghĩa là “em yêu anh”.

2. Khi đối diện, có thể nghiêng về bên phải với góc độ là sáu phần tư, nhìn chàng bằng một ánh mắt long lanh như thể có nghĩa là “em yêu anh”.

Em muốn gần gũi anh:

Nếu người ý trung nhân của cô là một anh chàng đứng đắn, quá lịch sự và không hiểu được tình cảm của cô, như vậy cô phải sử dụng “tiếng nói, động tác” để tỏ tình yêu với chàng, cô phải ngồi bên cạnh chàng, bằng cách dùng đầu gối mình đẩy nhẹ vào chân chàng, đồng thời tay cô nắm lại và lắc nhẹ vài lần, động tác như vậy có nghĩa là “em muốn gần gũi anh, anh có thể ôm em”.

Cách tái hẹn:

Nếu cô chờ đợi nơi chàng một cuộc hẹn hò kế tiếp, như vậy khi chờ tới lúc chia tay, cô có thể đặt nhẹ bàn tay của mình vào phía sau lưng của chàng như thể có nghĩa là “em mong đợi sự hẹn hò của anh, em muốn anh hẹn em”.

Cách từ chối lịch thiệp:

Khí muốn từ chối một ý kiến nào của một người bạn khác, phải làm sao để khỏi chạm đến tự ái của kẻ khác, cô có thể khoanh tay lại, đưa mắt nhìn lên phía trên như thế có nghĩa là “tôi phải suy nghĩ kỹ càng mới trả lời ông được”.

Cách chờ đợi sự cầu hôn của chàng:

Nếu cô đã chọn chàng là người yêu chung thủy, tuy rất mong được đi đến hôn nhân, nhưng lại ngại ngùng, trường hợp như vậy khi đi đến bên cạnh chàng, cô có thể đột nhiên đi chậm lại vài bước, hay tay nắm nhau để sau lưng mình, chăm chú nhìn vào bờ vai của chàng một động tác bất chợt như vậy, có nghĩa là “em chờ đợi sự cầu hôn của anh, và anh cũng đến lúc phải lập gia đình rồi đó”. Tóm lại những động tác tỏ tình của những cặp tình nhân không hẳn chỉ nằm trong những trường hợp vừa kể, và đều có những phương thức tỏ tình khác nhau, tuy nhiên những trường hợp nêu trên được coi là một vài động tác chung trong muôn ngàn động tác tỏ tình giữa hai phái, không phân biệt nam hay nữ, đồng thời giữ được vẻ lịch thiệp cho người trong cuộc, mặc dầu ngoài những động tác tỏ tình khác, táo bạo hơn người viết xin phép được ngưng lại ở đây, để giành quyền sử dụng cho người trong cuộc để (tùy nghi tiện dụng).

CẦM CỦA BẠN, CẦM CỦA CHÀNG

1. HAI ĐỨA ĐỀU TỐT SỐ, TÀI CHÁNH DỒI DÀO, XÃ GIAO RỘNG, ĐỜI SỐNG CHẴN GỐI THOẢI MÁI, TƯƠNG HỢP.
2. HAI NGƯỜI ĐỀU LÀ KẺ TÍCH CỰC, ĐỒNG TÂM HIỆP LỰC, SẼ CÓ TƯƠNG LAI.
3. SỰ CẦN CÙ CỦA CHÀNG SẼ TÌM THẤY ĐƯỢC AN ỦI Ở TÁNH CỎI MỎ CỦA BẠN.
4. SỰ CHỊU ĐỰNG CỦA CHÀNG SẼ CHE ĐẬY TÌNH CẢM CĂNG THẴNG BẤT CHÁNH CỦA BẠN
5. CHÀNG LÀ MỘT NGƯỜI TỰ TIN VÀ CỨNG RẮN, NHƯNG BẠN NÊN CHỊU CHUỘNG CHÀNG.
6. HAI NGƯỜI ĐỀU LÀ NHỮNG KẺ ÍT NÓI, KHÔNG KHÍ GIA ĐÌNH TUY KHÔNG NÁO NHIỆT NHƯNG RẤT YÊN LÀNH.
7. HAI NGƯỜI ĐỀU LÀ KẺ NHIỀU THAM VỌNG TƯƠNG HỢP.
8. HAI NGƯỜI ĐỀU MANG TÁNH NGHỆ SĨ, XỬ SỰ THƯỜNG BẰNG TÌNH CẢM TƯƠNG XỨNG.

HÌNH DẠNG CÁC NGÓN TAY VÀ MÓNG TAY CÁC LÓNG TAY CŨNG QUAN TRỌNG

Móng tay:

Nhà tướng số và bác sĩ đều đồng ý với nhau trong điểm này. Móng tay là biểu hiện cho sức khỏe, tùy theo màu sắc và hình dáng.

Về vành trắng ở móng tay:

Phía dưới móng tay có hình vầng trắng màu trắng. Đó là biểu hiện cho sức khỏe.

Người đủ sức khỏe thì vành trắng lớn rõ ràng ở cả 10 ngón tay.

Người càng yếu thì các vầng trắng càng mảnh dần.

Vành trắng mất cả ở 10 ngón tay thì sức đã tàn rụi hẳn, không còn sống được bao lâu nữa.

Ý nghĩa móng tay:

Móng ngắn: có sức mạnh, có tiềm thức mạnh.

Móng ngắn: Cứng, có thịt bao trùm, ưa tranh cãi, ưa công kích.

- A. Móng ngắn vuông và xanh, coi chừng đau tim
- B. Móng ngắn, rộng và vuông ở phía chân móng, người dễ nổi giận và yêu say sưa.
- C. Móng ngắn và hình tam giác, coi chừng bị tê liệt.
- D. Móng ngắn, hẹp, không có cạnh coi chừng có bệnh ở xương sống. Móng rộng và dài có uốn vòng ở chân móng người sáng suốt.
- E. Móng dài hẹp, sức yếu.
- F. Móng dài rộng coi chừng yếu phổi.
- G. Móng dài và cong quắp, yêu say sưa, thiên về tình dục.
- H. Móng dài hẹp, nhút nhát sợ sệt. Nếu hẹp vừa thôi thì có bản tánh vừa phải không quá.
- I. Móng đẹp, trắng nhẵn, dài vừa, bản chất sung sướng khỏe mạnh.
- K. Móng quắp vào thịt ở dưới chân móng, có bệnh.

Ngón tay:

Hình ngón tay cho ta thấy 3 lóng: Lóng 1, lóng 2, lóng 3,

Tỷ lệ bình thường của các móng là:

Lóng 1 – 2/10

Lóng 2 – 3,5/10

Lóng 3 – 4,5/10

Chúng tôi chỉ kể bốn ngón, còn ngón cái sẽ nói riêng

CÁC NGÓN PHẢI XÉT**A. HÌNH DÁNG.**

-- Hình dáng cao thấp.

-- Ngón nghiêng vào nhau thế nào.

-- Ngón có kích nhau không.

B. BỀ DÀI CỦA NGÓN.**C. CÁC GÚT CỦA NGÓN.****NGÓN TAY CŨNG NÓI LÊN TÌNH BẠN**

1. Bạn có ngón tay dày, như vậy bạn là người đam mê vật chất, ham chuộng danh vọng và nếu thật dày, bạn có tánh hay chỉ trích phê bình và bạn có khuynh hướng say mê xa hoa đi đến đồi trụy.

2. Nếu bạn có ngón tay mỏng, đó là hình thức của sự mềm yếu, nhu nhược, những cầu kỳ, nóng nảy. Nếu ngón mỏng mà có lông tay có mấu, bạn là người nghiêm nghị hay xét đoán và có kiến thức rộng, còn móng mỏng không có mấu bạn là người phân minh yêu đời hay giúp đỡ và hay mê tình.

3. Ngón tay bạn trơn láng, bạn là người hào hiệp rộng lượng và bạn dễ nổi danh về phương diện văn học nghệ thuật, nếu bạn là đàn ông. Còn ngón tay trơn láng của phụ nữ lại xấu, đó là sự biểu lộ cho tánh chết mê say dục vọng.

4. Ngón tay bạn có mấu, bạn là người ưa suy nghĩ, trầm lặng và buồn bã và thích cô đơn. Nếu ngón tay có mấu lại dài, khô đét là ngón tay của những triết gia, những nhà tư tưởng, những lý thuyết gia, và cũng những người thông thái.

5. Người có ngón tay cứng đờ là người tham vọng, bạo ngược, chuyên quyền, thích chỉ huy và độc tài, độc đoán, không muốn làm việc dưới quyền người khác, thiếu khoan dung, ít tình cảm.

6. Người có ngón tay mềm, đầu ngón thon nhọn là người khéo léo, dễ cảm xúc, giàu nhân ái, nhớ dai, nhút nhát.

7. Người có ngón cong như cái móc là người hẹp hòi, nhỏ mọn, gian dâm, thiếu nhân cách, ưa chuyện ngoại tình, thích lấy vợ hay chồng người khác.

8. Người có ngón tay nhọn là người giàu tưởng tượng, nhiều trực giác, có tâm linh. Những người làm nghệ thuật và các bà thường có ngón tay này cũng chứng tỏ là người thiết thực dễ bị lừa và có người có ngón tay như trên còn là người dâm dăng, tham lam, gian xảo.

HÌNH NGÓN TAY



Bàn tay này là bàn tay của kẻ sát nhân những ngón tay ngắn mập và thô xấu.

BÀN TAY CỦA QUÝ BẠN VÀ THỂ HIỆN CỦA CUỘC ĐỜI

Bàn tay của con người thật là thiên hình vạn trạng không ai giống ai rất là thiên biến vạn hóa. Do đó trong lòng bàn tay có những đường chỉ chánh người ta gọi là đường Mạng đạo, Trí đạo và Tâm đạo, cũng như rất nhiều đường chỉ khác nằm ở trên lòng bàn tay.

Nhìn tổng quát ở lòng bàn tay thì đường chỉ về Mạng đạo ứng nghiệm cho cuộc đời như sanh mạng sống lâu chờ chết mau (thọ yếu) khỏe mạnh, đau yếu, trường thọ, yếu tử song với những biến cố của cuộc đời có tai nạn bệnh tật hoặc phước đức, vẻ vang trong cuộc sống hiện tại.

1. Nếu người nào có lòng bàn tay mà đường Mạng đạo cụt ngắn, đứt khúc, hay không hiện rõ ràng (xem hình vẽ ở dưới) thì cuộc sống của người đó có bệnh hoạn, đời sống ưu tư kém vui vẻ, sức khỏe bị kém đi, tóm lại người có bàn tay nói trên, thì có thể (chết yếu) chết non.

2. Nếu người nào có đường Mạng đạo ở lòng bàn tay mà có nét sâu đậm không bị đứt khoảng rồi, không có nét chắn ngang (coupé). Thấy rõ ràng, thì tinh thần người đó lên cao, cuộc sống vui vẻ, hăng hái làm việc có nhiều sinh lực khỏe mạnh ít hay đau ốm.

3. Nếu người nào mà có đường Sanh đạo không được suông (ngoằn ngoềo) dính nhiều chỉ lại như hình gai góc thì tinh thần yếu đuối, sinh lực suy kém, tâm tính gắt gỏng, làm ăn hay chán nản, không có kiên nhẫn, thường hay bị thất bại (nghèo khổ)

4. Đường nào có đường Mạng đạo có vuông tròn như (cù lao) thì cuộc sống của họ có bệnh tật đau ốm, liên miên cuộc sống rất ư là cơ học, vất vả nghèo nàn, hay đau bất thường nhất là có bệnh ở con mắt.

5. Người nào có hình trong đường Mạng đạo mà có một đường chắn ngang giống như hình chữ thập, thì cuộc sống của họ hay bừa bãi, đam mê, chạy theo thói đời không có chủ đích rất dễ sa ngã trụy lạc (traí thì trác táng, gái thì làm đi)

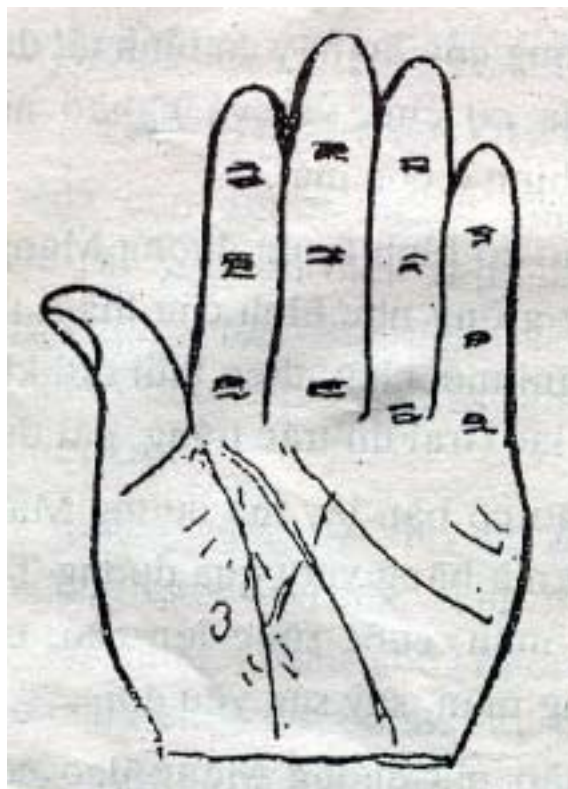
6. Người nào có bàn tay mà đường Mạng đạo có nhánh tẻ lên như cây lúa mà băng vượt qua đường Tâm đạo thì người ấy là người sung mãn, cuộc sống lên cao, có hạnh phúc, có nhiều người thương mến, say sưa yêu đời.

7. Người nào mà đường Mạng đạo có đóng hình tam giác, thì cuộc đời ít lắm cũng trải qua một lần tù tội, nhưng không nặng lắm, còn nếu người nào mà đường Mạng đạo có đóng hình vuông (carré) thì chắc chắn là số họ bị ở tù lâu năm, hoặc họ có thể giết người

8. Người nào mà đường Mạng đạo có những đường chỉ nhỏ chĩa xuống cổ tay, thì cuộc đời người đó sẽ mang lấy nhiều sự bức mình, phiền lụy, thêm và đó cuộc đời hay gặp phải nhiều sự phản trắc, có khi làm ơn mắc oán vì gánh lấy tai bay vạ gửi.

9. Người nào có đường Mạng đạo trong lòng bàn tay cũng có những đường chỉ nhỏ chĩa lên như vậy, thì bản thân của người đó có nhiều sự hy vọng của cuộc sống, mọi sự chú ý sở cầu, tính toán đâu ra đó đều hanh thông.

Đây là hình thức sơ lược của bàn tay:



-- NHỮNG DẤU, ĐIỂM, CHẤM, VẾT, CHỈ VỀ HÌNH TƯỢNG, CÙ LAO, HÌNH VUÔNG, CHỮ THẬP, TAM GIÁC, ĐƯỜNG CHẤN NGANG . . . V...V

1. Dấu đứt khúc ngăn cụt, hoặc mờ lợt, thì (có bệnh ở trong người, suy yếu)
2. Điểm có nhọn như chà gai, đường Mạng đạo không suông thì: tánh tình, làm việc không có kiên nhẫn.
3. Đường Mạng đạo có cù lao, hay mặt vảy hoặc có dấu chữ thập, thì tánh tình nóng nảy, ngang tàng.
4. Đường Mạng đạo có hình tượng ngôi sao ở giữa thì người ấu có phước tướng tốt, giàu sang, có địa vị.
5. Đường Mạng đạo có hình vuông và hình tam giác thì có thể bị tù tội gian lao khổ cực, cuộc sống vất vả.

ĐƯỜNG TRÍ ĐẠO, VỀ SỰ NGHIỆP VÀ KIẾN THỨC CỦA MỖI NGƯỜI

Đường Trí đạo (xem hình ở phần dưới bài này)

1. Nếu người nào có trong lòng bàn tay ở đường Trí đạo nằm ngay chính giữa lòng bàn tay mà vừa sâu vừa đậm, sáng rõ ràng chạy thẳng xuống thì những người đó có óc thông minh, học ít biết nhiều, khôn ngoan lanh lẹ.
2. Nếu người nào mà có đường Trí đạo không ngay mà xéo ngang qua, không bị nhánh, chùm chĩa xiên lên, hoặc xuống thì chứng tỏ người đó lúc nào cũng cương quyết. Muốn là làm cho không ai ngăn cản được và có ý chí kiên nhẫn, không chịu lùi bước trước khó khăn.
3. Nếu người nào có đường Trí đạo mờ thường nối liền với đường Mạng đạo, bắt đầu từ phía dưới cổ cách chừng hai phân ngón tay trở dọc xuống mà có những nét chấn ngang hình chữ thập

chứng tỏ sự học vấn của người ấy bị cách trở, hay vì hoàn cảnh trái ngược nào đó, khiến cho họ có kiến thức hẹp hòi.

4. Nếu người nào có đường Trí đạo mờ lợt và đứt khúc, lại thêm vào đó có 1 hay 2 khoanh tròn, thì chứng tỏ người ấy thiếu sự khôn ngoan, có khi bị khủng hoảng thần kinh đưa đến sự mất trí hoặc điên loạn.

5. Nếu người nào có đường Trí đạo, rõ và thẳng nét, thêm vào đó còn có một hoặc nhiều dấu ngang hình ngôi sao, thì chứng tỏ người đó học một biết mười khôn trước tuổi, mưu kế vượt bậc, phần đông làm cố vấn, nhưng cũng lại là người xảo quyết có khi chủ trương hành động nguy hiểm.

6. Nếu người nào có đường Trí đạo đã ngắn cụt còn lại cong queo thì chứng tỏ là người ấy có tánh giận dữ lưu manh, đê tiện, lừa dối, sống bám vào người khác, đa số là những người ngu đần, dốt nát nhưng nếu cuộc đời của họ có dư ăn, dư để, thì họ cũng làm những việc bất chánh chớ không được chánh đáng.

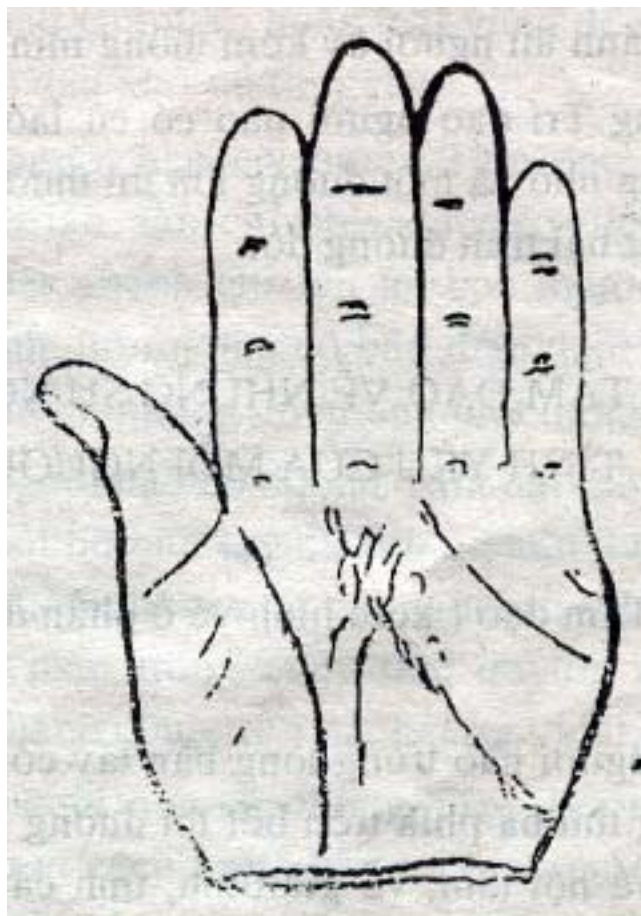
7. Nếu người nào có đường Trí đạo đỏ thắm nét chỉ thẳng, suông chạy giáp chí bờ bàn tay, chứng tỏ là người ấy có tầm hiểu biết sâu rộng đối với mọi sự việc và đặc biệt lại còn có tánh cương trực ngay thẳng, bản thân có địa vị quan trọng trong xã hội (tốt lắm)

8. Nếu người nào có đường Trí đạo bị gãy hay bị nhiều dấu chữ thập, hay là khuôn vuông là con người ấy có sự học hành nửa chừng vỡ lở, nên tương lai cuộc đời phải chịu lận đận luôn luôn, công danh cũng theo đó mà chùn bước lại, số vất vả chẳng có hên.

9. Nếu người nào có đường Trí đạo thẳng mà ngoằn ngoèo, còn điểm thêm lên nhiều hay ít lốm đốm tròn nhỏ, thì chứng tỏ người đó khá lợi hại, trong lòng thường mưu toan độc ác, lại có tánh nham hiểm, ích kỷ, lúc nào cũng tham quyền cố vị và chủ tâm hại người.

10. Nếu người nào có đường Trí đạo có những chấm son hoặc tàn nhang hoặc cù lao nhô lên và có màu sắc màu hồng ửng chứng tỏ con người ấy tốt số có thể làm nên sự nghiệp lớn, không những ở chốn quan trường mà còn bất luận là trên địa hạt nào cũng đều thành công, ấy cũng là nhờ kiến thức rộng và sự học, thi cử đỗ đạt cao, để đưa đến cho cuộc đời của họ hưởng thụ sự vinh quang phú quý.

Sơ lược bàn tay và đường Trí đạo



NHỮNG DẤU, ĐIỂM, NÉT, CHỈ VẼ HÌNH TƯỢNG CÙ LAO, MẶT VÔNG, CHỮ THẬP, NGÔI SAO TRÊN ĐƯỜNG TRÍ ĐẠO CÓ LIÊN HỆ ĐẾN BẢN THÂN.

1. Nét chỉ ngắn, có dấu chữ thập và cù lao thì người có kiến thức hẹp hòi, học hành dở dang.
2. Đường Trí đạo thẳng nét rõ ràng và đậm thì người ấy học rộng, tài cao, người có lý trí xét đoán mưu kế giỏi.
3. Đường Trí đạo người nào có cong queo và cụt mà có tia nhánh chĩa lên thì gan dạ can đảm, sâu độc, nhưng lại hiểm ác.
4. Đường Trí đạo người nào suông dài và nét chỉ tay màu hồng thì có danh vị trong xã hội lớn và giàu sang tột bậc.
5. Đường Trí đạo người nào tái mét, mờ lợt, đứt khúc hay có chia nhánh thì người ấy kém thông minh.
6. Đường Trí đạo người nào có cù lao mặt vông song song một đường nhỏ và một đường lớn thì thường bị bỏ rơi, đau khổ và hay thất bại trên đường đời.

ĐƯỜNG TÂM ĐẠO VỀ NHỮNG SỰ NGHIỆP VÀ TÌNH YÊU CỦA MỖI NGƯỜI.

Đường Tâm đạo (xem hình ở phần dưới bài này)

1. Nếu người nào trong lòng bàn tay có đường Tâm đạo đứng vào hàng thứ ba phía trên hết thì đường Tâm đạo này có tính cách chỉ về nội tâm, về gia đình, tình cảm và tình ái, thì đường Tâm đạo dài và đậm, người ấy có nhiều đức tính tốt, có lý trí xét đoán Tâm đạo tốt, có âm đức.

2. Nếu người nào mà đường Tâm đạo ngoằn ngoèo mờ lợt đứt khúc và ngắn cụt thì con người đó có lòng dạ chai đá không xúc cảm, thiếu tư cách hay lạc lõng đối với mọi người chung quanh, tâm trạng lúc nào cũng bối rối.

3. Nếu người nào đường Tâm đạo rõ rệt mà dài nằm song song với đường Trí đạo hay ở khoảng giữa quần quần xuống và có những tia nhánh chĩa lên thì đó là con người có tâm hồn nghệ sĩ, thích giao du nay đây mai đó, thích ca nhạc hoặc làm phú văn chương.

4. Nếu người nào có đường Tâm đạo lớn nhứt, dài, có điểm lớn, lổm đổm ít nhiều khoanh tròn mà nhánh chĩa xuống, thêm một vài dấu chữ thập hoặc mặt vòng đều là con người có cuộc sống âu lo đau khổ về tình yêu.

5. Nếu người nào có đường Tâm đạo mỏng phân nửa chia ra làm hai lần, lần chỉ phía dưới có điểm dấu chữ thập thêm nhiều ít tia nhánh chỉ lên thì con người đó có tâm hồn lãng mạn đa tình, thì thường có bản thân đam mê trụy lạc, gái làm đĩ, trai là điểm thường có những mối tình không đứng đắn.

6. Nếu người nào có đường Tâm đạo hồng ửng suông và dài kếp dài khỏi bờ bàn tay cách hai phân dưới ngón út thêm vào đó còn có điểm thêm một vài ngôi sao thì con người đó có rất nhiều may mắn trong cuộc tình duyên, đi đôi với nghề nghiệp có thể thành công trên địa hạt kỹ thuật.

7. Nếu người nào có đường Tâm đạo mà ở cuối tức là phần dưới ngón út cách một phân rưỡi, có một hay hai ba hình tam giác thì chứng tỏ con người đó có một cuộc sống khắc khổ, tình cảm bị xáo trộn thiếu hạnh phúc, gặp rủi nhiều may ít, cuộc đời cô độc buồn tẻ.

8. Nếu người nào có đường Tâm đạo chấm dứt ngay ở ngón tay giữa và tại đầu cũng như ở cuối điểm có hai dấu chữ thập hoặc ngôi sao, thì con người đó có tâm trạng chán chường thế sự, lòng dạ lúc nào cũng bùi ngùi suy nghĩ vẩn vơ, những người nào có lần chỉ như trên thì sau này sẽ tìm chốn tu hành ở chùa hoặc ở nhà thờ.

9. Nếu người nào có đường Tâm đạo điểm ít nhiều cù lao ở gần bờ bàn tay thì bất luận đàn bà hay đàn ông đều có số đào hoa, được rất nhiều người yêu, nhưng sự yêu đương này thay đổi như xiêm đổi áo.

10. Nếu người nào có đường Tâm đạo đỏ và thẳng mà không chia nhánh ràng rịt, không bị cắt đứt bởi các dấu chữ thập, không có điểm hình vuông và dài từ bờ bàn tay đến vượt lên đến dưới ngón trỏ thì người ấy là người dám làm những chuyện phi thường.

PHẦN ĐOÁN NỐT RUỒI TRONG CƠ THỂ CON NGƯỜI NAM VÀ NỮ NÓI CHUNG

Đây là phần nói về tổng quát, nói về điểm chính của các nốt ruồi, xin quý vị và quý bạn đừng lầm lẫn nốt ruồi và tàn nhang.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở chính giữa trán, người ấy có số thọ ngoài bảy mươi lại là người có đức có thiên lộc tấn (tức là được hưởng của lộc trời cho, không nghèo khổ) bốn mạng có quý hơn hỗ trợ nhiều khi tai nạn thấy chết trước mắt rồi cũng ta biến đi, tai qua nạn khỏi, còn nếu là đàn bà thì may mắn về tình duyên, cuộc đời được thỏa mãn vinh hoa phú quý tốt đỉnh giàu sang.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở trên trán mà phía trái, số người ấy phải xa quê hương, tha phương lập nghiệp hoặc cuộc sống nhiều phiêu bạt, vợ chồng dù có cưới hỏi cũng không ở đời với nhau được, tuy có của cải nhưng mà đời sống cứ phải khổ tâm cực trí, tâm tư lúc nào cũng bị xáo động. Tóm lại những người có nốt ruồi nói trên, đời sống không được thông dong.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở trán phía trái đuôi chân mày, thì người đó có số đa cảm đa sầu lo âu nhứt về tình duyên, phần đông thường gặp cảnh bề bàng và ngang trái, cuộc đời gian nan chịu lắm truân chuyên buồn cho số kiếp.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở chính giữa hai cá khúc nối đầu chân mày thì người đó số phải ly hương xa cha cách mẹ, anh em không thuận hòa, cuộc sống hầu như cô độc về tình duyên thì cũng lận đận phải bị một đôi lần tan rã rồi mới hiệp lại, tâm trí lúc nào cũng rối loạn tính toán một đường làm một ngã.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở dưới mi mắt dù là bên phải hay bên trái thì đều là người có số long đong, có cuộc sống đâu khổ âm thầm, tâm sự lúc nào cũng buồn phiền có thể nói là một nỗi buồn mênh mông, thương vay khóc mượn tình duyên dang dở, thân phận đa đoan cuộc sống rày đây mai đó chớ không ở yên được một chỗ.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở phía cằm dưới trái góc miệng thì người đó số đào hoa có duyên ngầm, nói năng duyên dáng, làm cho người đối diện phải say mê đắm đuối, tình cảm lúc nào cũng sôi động vui tươi đời sống lúc nào cũng cảm thấy vui nhiều hơn buồn ít.

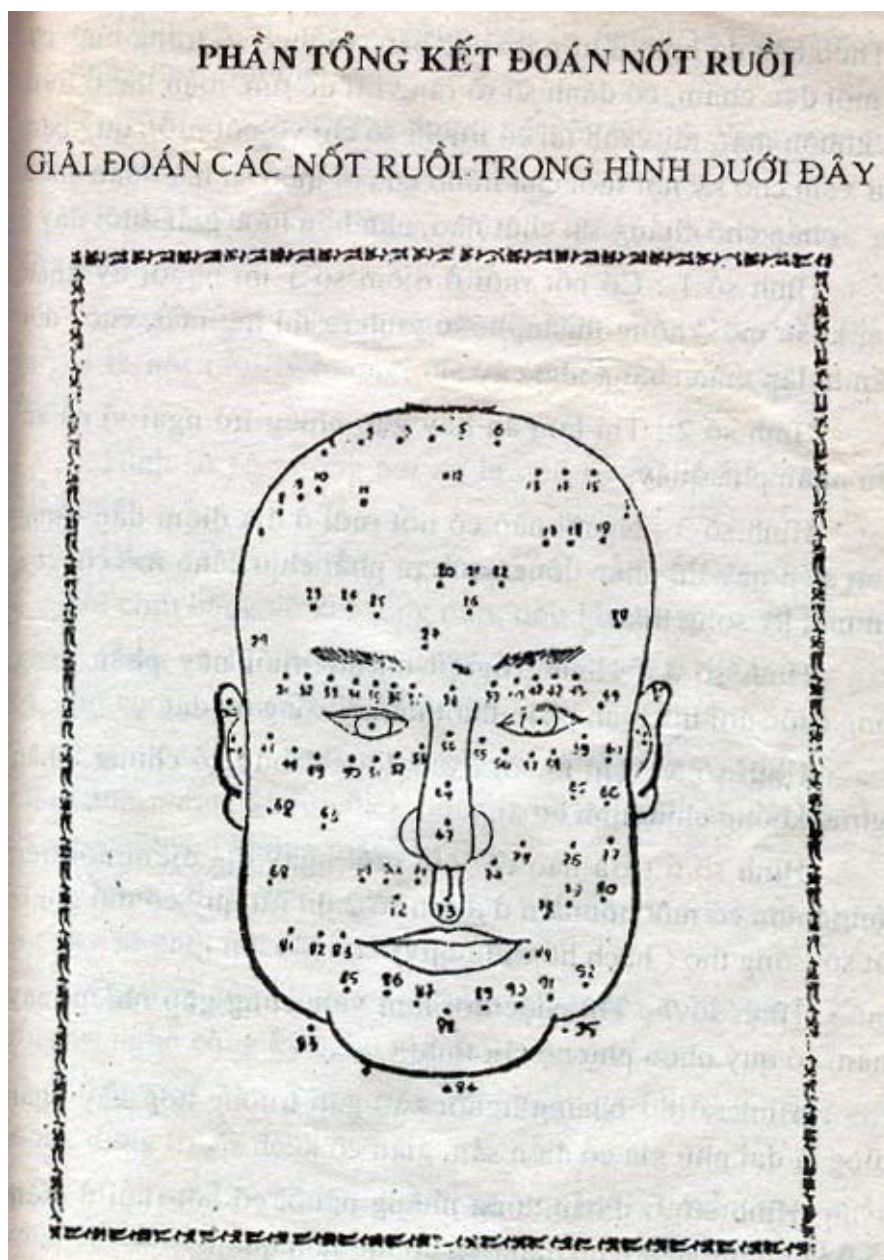
-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở gò má cách khoảng hai phân dù là bên mặt hay bên trái nằm ngang sống mũi thì phần đông số người đó phải bị chết non (yểu tử) hay có thể bị tai nạn mà chết bất đắc kỳ tử. Ngược lại trong gia đình thì những người đó là đứa con ngõ nghịch bất hiếu mẹ cha, ngoài xã hội thì khó gây cảm tình với ai, bị coi như là thiếu cảm tình.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở khóe miệng cách một phân dù là bên mặt hay bên trái là những người có số sát thê hoặc sát phu, duyên nợ vợ chồng hợp tan, tan hợp không mấy lát. Thêm vào đó là người đa mạng trụy lạc đưa đến một cuộc đời hoàn toàn hư hỏng.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở giữa phía trên cách một phân của nhũ hoa (ngực) thì người đó có số tốt về đường con cái, nhưng lại khổ về chồng, tình duyên lúc đầu mặn nồng về sau buồn tủi phiền muộn.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở ngay âm mộ thì là con người ham đường trăng gió mây mưa cần nhu cầu xác thịt, đàn bà phải có ít nhất ba đời chồng.

-- Nếu người nào có nốt ruồi đóng ở phía trên cách một phân ở chỗ rún, số người bần hàn, đời sống chật vật, không mấy no đủ và tình duyên rất tầm thường.



Theo bản đồ hình ở trên thì các bạn coi theo số trung bình cứ mỗi dấu chấm, có đánh số rõ ràng rất dễ tìm, toàn thể ở trên khuôn mặt, tới vành tai có tới 95 số chỉ về nốt ruồi, quý bạn cần xem cho kỹ nốt ruồi của mình cứ coi theo số mà đoán chắc chắn chớ chẳng sai chút nào, như bản lược giải dưới đây.

Hình số 1: Có nốt ruồi ở điểm số 1 thì người ấy khắc cha, khắc mẹ, không thuận, hoặc sanh ra thì mẹ mất, cuộc đời thân tự lập chẳng nhờ cậy ai.

Hình số 2: Thì làm ăn hay gặp trở ngại vì có kẻ tiểu nhân phá quấy.

Hình số 3: Người nào có nốt ruồi ở địa điểm dẫn trung hình số 3 này thì phần đông sanh ra phải chịu cảnh mồ côi cha lẫn mẹ, kỳ song nhân.

Hình số 4: Những người có nốt ruồi này phần đông sống cuộc đời thích an phận thủ thường, sống ẩn dật.

Hình số 5: Thì người ấy ở đời có thủy có chung, nhân nghĩa, không chịu nịch bợ ai.

Hình số 6: Bà nào có nốt ruồi ngay địa điểm nói trên cộng thêm có một nốt ruồi nằm ở điểm số 2 thì rất quý có thể gọi là tốt số, sống thọ (bach hồ triều quý)

Hình số 7: Thì cuộc đời làm việc cũng gặp nhiều may mắn, có quý hơn phù hộ tận tình.

Hình số 8: Những người nào gặp trường hợp này phần cũng là đại phú gia có điền sản, giàu có ketch sù.

Hình số 9: Phần đông những người có nốt ruồi ở điểm số 9 là những người có danh vị, có thể làm quan.

Hình số 10: Những người này sống nhờ vả với các người có thế lực.

Hình số 11: Phần đông hay bị người ta thừa gửi kiện cáo lung tung, lời thôi lảm.

Hình số 12: Những người có nốt ruồi ở điểm này phần đông đều gặp toàn sự may mắn (Đại kiết)

Hình số 13: Những người này thường hay bị khắc phụ cha chết trước.

Hình số 14: Những người có nốt ruồi ở điểm này gọi là nốt ruồi ly hương, đi xứ xa mà lập nghiệp mới nên danh.

Hình số 15: Sống nơi xứ lạ quê người chết bỏ thân nơi đất khách.

Hình số 16: Những người có nốt ruồi ở điểm này phần đông bị chết bằng vũ khí súng đạn, nếu không thì sẽ bị thương.

Hình số 17: Những người có nốt ruồi ở điểm này giàu có, làm chơi ăn thiệt, tính đầu trúng đó.

Hình số 18: Những người có nốt ruồi này phần đông là chịu cảnh phòng khuê chiếc bóng, trai thì mất vợ, gái thì mất chồng, cuộc đời không mấy vui đẹp.

Hình số 19: Cuộc đời cô độc bần hàn vui ít buồn nhiều, sau này sẽ chết nơi đất khách quê người.

Hình số 20: Những người có nốt ruồi này thì phần đông sống về nghề công kỹ nghệ gia, hoặc làm ruộng.

Hình số 21: Sống giàu có bằng mồ hôi lao động chứ không dùng trí.

Hình số 22: Những người có nốt ruồi ở điểm này phần đông thì cử đều được bản hổ đề danh, cung quan lộc và công danh đều được rạng rỡ.

Hình số 23: Số giàu có nhờ của hoanh tài, có thể trúng số hay trúng áp phe.

Hình số 24: Thì rất may mắn về đường công danh hay đường tài lộc đều có quý nhân phò trợ.

Hình số 25: Số người sống gần ở những bậc cao sang quyền quý.

Hình số 26: Làm ăn sống với mọi ngành, ngành nào cũng tốt số đại kiết dễ làm ăn.

Hình số 27: Số này phần đông hay chết bất đắc kỳ tử, chết về vũ khí hay bị tai nạn.

Hình số 28: Những người có nốt ruồi ở điểm này phần đông làm ăn hay gặp thất bại, phải hao tài tổn của, thân mới yên.

Hình số 29: Được của lộc trời ban, gọi là thiên lộc tấn, làm chơi ăn thiệt.

Hình số 30: Những người này sống nhờ cái may của người khác mà đưa đến cái lợi cho mình.

Hình số 31: Thì hay bị phá sản, cờ bạc đánh đầu thua đó làm ăn gặp nhiều trắc trở.

Hình số 32: Cuộc sống thường hay đau yếu luôn luôn, số chết yếu hay gặp tai nạn bất thường.

Hình số 33: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì bị gặp tai ách bất ngờ nhất là hay bị thương tích về vũ khí.

Hình số 34: Làm ăn thường gặp cảnh (tiền kiết hậu hung) trước phát đạt sau bị sụp đổ.

Hình số 35: Thì phần đông gặp may nhiều rủi ít có quý hơn giúp đỡ.

Hình số 36: Là nốt ruồi phú quý gặp nhiều dịp may là giàu mau.

Hình số 37: Phần đông những người này hùng dữ tánh nết không hiền hòa gây rắc rối cho người khác.

Hình số 38: Những người này thường gặp tai nạn, vì bất cẩn như say rượu chẳng hạn.

Hình số 39: Những người này có nốt ruồi ở điểm này thì đường công danh tình ái và sự nghiệp được tốt đẹp.

Hình số 40: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì giàu có lớn, làm ăn trước khó sau dễ.

Hình số 41: Phần đông thì hay gặp rủi ro, cuộc đời may ít rủi nhiều.

Hình số 42: Những người này thường gặp nguy hiểm hay bị thương tích mà phải mang theo hoặc mang tật.

Hình số 43: Những người nào có nốt ruồi này là nốt ruồi ác hại chết bất đắc kỳ tử, hoặc chết về trận mạc.

Hình số 44: Những người nào có nốt ruồi ở điểm này phần đông là những người háo sắc. Nếu nữ ắt là đa tình lãng mạn.

Hình số 45: Làm ăn phần nhiều được kẻ kính người nể, số này đại kiết lợi làm ăn phát đạt ít bị thất bại.

Hình số 46: Số này nguy hại về tính mạng thường hay bị tai nạn về xe cộ mà chết.

Hình số 47: Bạn nào có nốt ruồi ở điểm này nam cũng như nữ đều phải ly hương đi xa lập nghiệp. Nhưng về sau bị hao tài phá sản, trước giàu sau nghèo.

Hình số 48: Số này bị tai ách rủi ro gặp nạn nhỏ hay tai bay vạ gửi chuyện không làm mà bị ảnh hưởng.

Hình số 49: Bạn nào có nốt ruồi ở điểm này thì vợ chồng sanh khắc đến phân ly, nếu không thì kẻ còn người mất.

Hình số 50: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì khắc với con cái, sanh đẻ khó nuôi.

Hình số 51: Đàn ông mà gặp nốt ruồi ở điểm này phần nhiều là bị cảnh khóc vợ sầu bi một mình, số sát thân.

Hình số 52: Nốt ruồi ở điểm này thì người ấy khắc cha, nếu xa cha làm ăn mới khá.

Hình số 53: Những người có số điểm nốt ruồi nói trên thì thường hay gặp những chuyện chẳng lành có tai họa đưa đến liên miên.

Hình số 54: Số này khắc mẹ mà vợ chồng cũng không hoà thuận, chồng vợ phải biệt ly.

Hình số 55: Những người có nốt ruồi ở điểm nói trên thì thường gặp những chuyện hung dữ đưa đến cho cuộc đời.

Hình số 56: Phần đông khắc con cái, nếu đàn bà thì sanh nở khó nuôi, phải cho con người khác thay thế mới được an toàn.

Hình số 57: Những người có nốt ruồi ở điểm nói trên thì có số sát vợ, khắc sát thân cùng.

Hình số 58: Những người có nốt ruồi ở điểm trên thì hay có tật ăn cắp vặt, thấy đâu lấy đó, có tánh tham lam.

Hình số 59: Dù đàn ông hay đàn bà đều có tính dâm dăng háo sắc, đàn bà thì lòng dạ không đoan chính, có chồng cũng lấy trai.

Hình số 60: Những người phần đông thông minh học ít biết nhiều, số người rất khôn ngoan.

Hình số 61: Số này có tai ách thường hay bị nạn chết đuối, hỏa thiêu hoặc té cây mà chết.

Hình số 62: Số này quá tốt dù rằng tiền bạc không nói đến nhưng số thọ ngoài 70 rất thông minh.

Hình số 63: Những người có điểm nốt ruồi nói trên thường hay bị tai nạn về vũ khí hoặc bị người ta chém mang thọ.

Hình số 64: Những người này có số ở tù thường bị oan sự kiện tụng lời thối đến cò bót.

Hình số 65: Những người có nốt ruồi ở điểm này thường hay khắc cha, phải sớm xa cha thì hai người mới sống.

Hình số 66: là người có số thọ đến 75 tuổi có tài học thông minh uyên bác học ít biết nhiều.

Hình số 67: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì phải chịu cảnh ly hương xa xứ độc thân, xa vợ xa nhà mới yên.

Hình số 68: Những người này thường hay bị chết về sông nước hoặc hỏa thiêu, người ta gọi là nốt ruồi chết đuối hay chết thiêu.

Hình số 69: Những người này thường bị tai họa về lời nói mà sanh ra có chuyện, người ta thường nói khẩu xà mà mang họa là những người bần tiện ích kỷ chỉ nghĩ cho mình chớ không cần biết việc của người.

Hình số 70: Là số ăn không ngồi rồi, người ta thường gọi là ngồi lê đôi mách không lo việc gia đình mà chỉ nói chuyện thiên hạ.

Hình số 71: Những người có nốt ruồi ở điểm này là những người có tánh tham lam, nham hiểm, keo kiệt và có tâm tánh xấu.

Hình số 72: Là những người trong gia đình con cái thường bị hoạn nạn vì mụn ruồi khắc sát gia môn.

Hình số 73: Những người có nốt ruồi ở điểm này thường bị tuyệt tự không có con, phải xin con nuôi mà nuôi.

Hình số 74: Những người có nốt ruồi ở điểm này thường bị tai ách, coi chừng té ngã bị tàn tật suốt đời.

Hình số 75: Những người này có nốt ruồi ở điểm này người ta thường gọi là nốt ruồi thủy nạn, phải bị chết đuối.

Hình số 76: Những người nào có nốt ruồi ở điểm này thì số người bần tiện lòng dạ gian xảo, tách tình không ngay thẳng.

Hình số 77: Những người có nốt ruồi ở điểm này thường nhận của hoạch tài, có thể trúng số hay trúng áp phe...

Hình số 78: Những người có nốt ruồi ở điểm này bị mang họa về lời ăn tiếng nói (khẩu thiệt thị phi)

Hình số 79: Số này là số may mắn làm ăn được người giúp đỡ tận tình (số đại kiết)

Hình số 80: Những người có số này phần đông là việc thì cử được kết quả tốt đẹp bằng hổ đề danh thấy xa hiểu rộng.

Hình số 81: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì phần đông đàn bà ngoại tình, đàn ông phản bội.

Hình số 83: Những người có nốt ruồi ở điểm này là những người đại phú nhờ có quới nhân nên được dịp giàu sang.

Hình số 84: Những người có nốt ruồi ở điểm này thì có số bần cùng, cuộc đời khổ sở.

Hình số 85: Những người có điểm số nốt ruồi ở trên thì hay bị hỏa tai thủy ách và nạn binh đao tan nhà nát cửa còn có khi hại đến thân.

Hình số 86: Những người có nốt ruồi ở điểm số nói trên thì rất tốt, có tài lộc danh vì người ta gọi là nốt ruồi phát quan phát tướng.

Hình số 87: Những người có nốt ruồi ở điểm số nói trên thì là người bạo dâm cuồng loạn, nam thì ngoan cường, nữ thì bất kể sĩ tiến vì cuồng dục.

Hình số 88: Những người có nốt ruồi ở điểm này nếu là đàn ông thì bê tha trác táng rượu chè be bét, số tổn thọ.

Hình số 89: Những người có nốt ruồi ở điểm nói trên thì tánh người rộng rãi hào hiệp, không ngoan biết xa hiểu rộng.

Hình số 90: Những người có nốt ruồi ở điểm nói trên thì dù nghèo cũng sung sướng tấm thân, gọi là (đại kiết xương)

Hình số 91: Những người có nốt ruồi ở điểm số nói trên thì là người có phước đức của ông bà để lại cho nên luôn luôn được bình an, sống có hạnh phúc.

Hình số 92: Số những người này thường hay bị người ta giựt đồ, có khi tán tài mà hại mạng.

Hình số 93: Những người có nốt ruồi ở những điểm nói trên thì là những người sang trọng cốt cách phong lưu.

Hình số 94: Những người này là những người đại phú, đa mưu nhờ có thiên lộc tấn cho nên sống cuộc đời lúc nào cũng vui vẻ.

Hình số 95: Là những người có quan lộc cao, có địa vị quan trọng trong xã hội.

PHẦN NGOẠI LỆ: Trên đây ở khuôn diện thì có 95 nốt ruồi mà chúng tôi đã trình bày cùng quý vị những có điều ứng nghiệm, nếu quý vị biết phân biệt và xem cho chính chắn thì có thể chính xác được tám chục phần trăm. Cũng nên phân biệt giữa nốt ruồi và tàn nhang khác nhau.

PHẦN SOI TƯỚNG ĐÀN BÀ ĐỂ BIẾT CÓ SỐ GIÀU SANG THỌ YẾU...

– Phan là người con gái nào vừa lớn lên, mà có cái đầu méo mó tóc lại vàng hoe mà thừa thốt cũng như với gương mặt mang màu sắc hắc hác xanh xao, những người như thế thì họ sẽ có cuộc đời không may mắn, hèn hạ, sanh trong gia đình bần tiện, ngu dốt, tâm trí lúc nào cũng kém hiểu biết, đi học thì học sau quên trước, tóm lại là người có tầm vóc kể trên là người con gái ngu đần.

– Còn những cô gái nào có gương mặt tròn mắt đen, sống mũi thẳng như dọc dừa, môi hồng (môi mọng) răng đều như hạt bắp, là con người có tướng sang trọng.

– Cô gái nào mà có nước da hồng hào, hình thể (tướng vóc) to lớn, đi đứng mạnh dạn như con trai, tiếng nói rõ ràng, ấy là tướng người phá gia bất phục tòng, duyên nợ đa đoan, phải có ít nhất là ba đời chồng, số này là tướng hèn.

– Người con gái nào mà lớn lên có thân hình mảnh mai yếu điệu với gương mặt đẹp lẹp, da thịt khô khan với tướng đi không ngay thẳng, miệng hẹp môi mỏng trắng răng là số bần tiện có chồng cũng là dân già tầm thường.

– Còn cô gái nào có tướng lùn tịt mặt nhỏ mũi thấp, đôi mắt lé xệ, miệng rộng quai xách ngược, răng hô môi thâm, ăn nói cộc lốc là tướng người gian manh khó có đời sống no đủ.

– Còn cô gái nào có lưng dài vai rộng, hai gò má nhô lên cao, môi dày là người ấy khắc hạn vượng phu, số này phải đa truân về bề tình ái, lận đận về chồng con, thay chồng như thay áo, đời sống tâm thường.

- Người nào có tướng đi lắc lư, mũi gãy má đỏ chân mày dựng ngược là người bạo dâm bạo ác thì số phải làm vợ bé mọn cho đàn ông đa tình.
- Cô gái nào có nước da trắng như mỡ, trán hẹp lại lép, mũi tròn, hai mắt thao láo nhìn người trần trối (mắt lơ đờ) thì là người có tính thông gian, không làm đàn điểm công khai thì cũng lén lút đi lấy người khác.
- Người con gái nào mà có bộ mặt hoa da phát thịt nhuyển mịn, lỗ mũi tẹt ra và rộng, chân mày xếch ngược với sống mắt ươn ướt như đầm lệ là người trắc nết lẳng lơ thì có chồng nghèo khổ tánh hay lang chạ, không trung thành với chồng.
- Người nào mà mới trông như nái xề, mặc dù còn con gái, đầu nhỏ, mặt to cầm lẹm là tướng khắc phu phải ít nhất trải qua bảy người chồng rồi cũng chịu cô độc, số này nghèo khổ.
- Còn người nào mà lớn lên gương mặt có nét da chì, mũi hãm, mặt lộ là có tướng người sát phu, không thì cũng phá sản nhà chồng, sống theo đàn điểm có chồng cũng ngoại tình.
- Thiếu nữ nào mà có đôi gò má cao và hai con mắt lớn mà sâu lại thêm lỗ mũi như mũi kết, cầm thì cụt, thì dù cho có lấy chồng ăn ở với nhau trước thuận sau thù.
- Còn người nào có đôi chân mày ngắn, môi lợt lạt, mồm nhọn hoắt và màu tóc lại vàng, hai con mắt láo liên là người đó phải vấn thân nơi chốn giang hồ.
- Còn cô nào có dáng mặt phong lưu cốt cách, mặt tươi cười như trơ trên, mắt sáng như sao băng, trong thấy trai liếc xéo là người có tâm địa bất chính, thích sống cuộc sống đam mê nghĩ đến xác thịt nhiều hơn.
- Cô nào có cái mũi lểu, gò má cao, lông mày xoắn tóc trán quần queo là người có tướng sát chồng.
- Còn người nào mà có cặp mắt trông trắng nhiều hơn trông đen, mũi hở răng lộ, chưa đi đã chạy, chưa nói đã cười là người hèn hạ.

CÁC ƯU VÀ KHUYẾT ĐIỂM CHỖ KÍN CỦA ĐÀN BÀ

Căn cứ theo khoa chiêm tinh lý số đã nghiên cứu và truyền lại Á đông cũng đã xác nhận những ưu và khuyết điểm đối với mỗi hiện trạng ẩn kín trong châu thân người con gái, từ chỗ kín đáo đến chỗ có thể nhìn thấy được, chứng minh cho sự bộc phát ứng nghiệm rõ ràng về cá nhân cũng như thân thể cuộc đời diễn biến ra sao.

- Phàm hễ sanh làm phận gái mà có đầu tròn trịa tóc đen nhánh và nhuyển sợi, dài chỉ ốt và nhiều, trán vừa cao vừa rộng thì người đó sau này cuộc đời sung sướng có chồng giàu sang.
- Cũng như cô nào sanh ra mà mang xương cốt nhỏ nhắn da thịt mịn lại có màu sắc trắng hồng, mắt dài mày phượng ấy là người khôn khéo thông minh số này về sau sẽ hưởng được sự giàu sang phú quý con cái vẹn toàn.
- Hay là người con gái nào có đôi bàn tay đầy đặn ngón lại thon dài như mũi viết, tiếng nói thanh tao và nụ cười tươi thắm thì người đó là con hiếu thảo rất thủy chung, số được chồng tương tưu yêu quý.
- Cũng như cô nào có dáng đi chậm rãi, lúc ngồi cũng như đi đứng nghiêm trang, nói năng nghiêm chỉnh thì số có hạnh phúc vui vẻ bên cạnh chồng con.
- Hai là cô nào có thân hình cân đối với bộ ngực đầy đặn lưng eo đai thắt mặt tròn như trăng rằm, bụng nhỏ, giò thon là người kín đáo, sau này số được giàu sang phú quý.
- Còn cô gái lớn lên mà da thịt thơm mát, âm hộ nhô cao hai bên đều đặn, âm đạo thẳng hạ với hạ mao, mịn và mượt là người ấy có tướng sang sau có chồng thuộc hàng vương giả.

– Trái lại cô nào có gương mặt hẹp mà hai gò má cao (lưỡng huyệt) hơn sống mũi, phát tiếng nói lí nhí khó nghe, hàm răng thì hô, răng hàm dưới thì hãm ấy là tướng sát chồng hại con. Cũng như gái vừa đôi tám mà tóc tai rối bồng, bộ đi như rần, căng xoắn như chuột, hai chân mày giao nhau, mắt hay trừng liếc ấy là người đàn bà dâm loạn.

– Cô nào lớn lên trên đầu mũi có nốt ruồi đen, sườn mũi lại quặp xuống và lỗ mũi hình ngược lên, ấy là người không đứng đắn, tánh hay lang chạ, lấy chồng cũng có thể còn ngoại tình.

– Cũng như cô nào có bộ mặt vuông, mắt lộ mà trắng đục, trán lại có vân ngoằn ngoèo, đi đôi với bộ ngực mà xẹp lép, mà bụng to ấy là tướng người bạc ác, tâm tánh tham lam, mà chồng vợ khó ăn ở với nhau.

– Hay là cô nào có miệng xếch ngược lên và lỗ tai vĩnh, hai con mắt nhiều gân chỉ màu đỏ, bao chẳng chịt quanh con ngươi ấy là con người tà dâm, lòng dạ hung ác, nói năng hàm răng khít rít, môi thâm lại dày là tướng sát phu trù cha hại.

– Còn cô nào chân mày trông như cạo da trắng lại tóc mọc thưa thưa ấy là tướng phả của nhà chồng, số này có chồng thì ăn ở một thời gian rồi chồng cũng bỏ, sống 5, 7 giò con, số khổ.

Nếu là người con gái vị thành niên (còn nhỏ) mà đít to xệ, bụng ngực ưỡn tới phía trước, hai mắt chớp như điên, miệng nói không ngừng ấy là gái đa tình (ấy là duyên nợ sau này bất tường bất hạnh).

– Cũng như cô nào lớn lên mà có đôi chân mày rậm, mắt đen láy và nhiều lông nheo ấy là tướng lăng lơ, dâm đãng, sau này có chồng thay đổi như xiêm thay áo, chỉ nghĩ đến xác thịt, chơ không cần đến tướng lai.

– Hay cô nào có bộ ngực nhỏ, nhũ hoa không đều, đầu vú lại quá lớn, thịt không dày, mặt rộng mà cổ thấp, gò má có nốt ruồi đen, ngang với đầu mũi, cùng lúc ở âm hộ cũng có nốt ruồi đen thì số vướng phu ít con.

ĐÀN ÔNG CON TRAI CÓ DIỆN MẠO HÌNH TƯỚNG KHẮC BẠC VỢ CON

– Phàm trai vị thành niên mà có khuôn mặt đầy thịt, màu da men mét và miệng thì hẹp trán lại vô ắt khi lấy vợ sẽ hà khắc, hóa nên cuộc tình sẽ không bền bỉ mà đời sống cũng chật vật, sanh con trai gái đều không nhờ cậy được, duyên nợ phải hai ba lần đổi thay đến lần cuối mới tạm ổn.

– Người con trai lớn lên mà có đầu to, tóc nhiều mặt lại nhọn như mặt chuột, trán lép mà có vân và lông chân mày mọc nghịch, trong thịt có ẩn nốt ruồi đen, sườn mũi thẳng mà đầu mũi quặp như mũi kéo, là tướng người hèn, có số phá gia và coi thường sự thủy chung trong tình chồng vợ.

– Thanh niên trưởng thành có dáng vóc lùn thấp, lại đầu to thân nhỏ, sườn mũi cao và ngắn là chủ về sự góa bụa sớm, nếu phải lập gia đình trước hai mươi ba tuổi, ria mép mọc đều đặn cầm lại lang bocc, môi mỏng và răng thưa thớt là tướng bần tiện có số cố độc hiểm con.

– Trai lớn lên có sắc mặt như bôi phấn, hai mắt thì thâm quầng với tròng đen ít hơn tròng trắng, gò má bạnh và mũi lạt tẹt, hai lỗ hếch lên là chủ về điểm sát vợ, bề duyên nợ bề bàng bị đá ắt phải chờ qua ngoài tam thập mới hy vọng an bài, nhưng tướng lại khắc khổ cả đời chịu cực.

– Con trai mà có giọng nói như con gái, mũi thon miệng nhỏ môi dày lại có đôi chân mày vòng nguyệt, mắt long lanh ươn ướt là chủ về tướng đa tình vướng thê, trưởng thành lấy vợ thuộc

làng giang hồ tứ chiến, gia đạo xáo trộn tâm lý bất đồng, đưa đến ly hôn, bề con cái ngỗ nghịch hư hỏng.

Thanh niên nào lớn lên có khuôn mặt tròn, đầu nhỏ tóc xoắn mắt lương tâm tánh ương ngạnh và

lòng dạ gian ác, ắt là điểm ứng chỗ kia có lông cứng xoắn dài đen mượt về tướng người dâm loạn, dám lấy vợ bạn và âm mưu phá hoại gia cảnh trong vòng thân thuộc, số khắc bạc thế tử.

– Người con trai nào trưởng thành mà có sơn căn khô hãm, hai mắt không đều (phía trái lé hay nhỏ hơn) trông đen pha sắc vàng trông trắng nổi chỉ đỏ, ở dưới vầng hình lưỡi, hình thập là chủ về sự cô góa mà vợ ắt phải chết vì nghiệp tự ý hủy diệt sanh mạng, số đàn ông này nhiều hệ lụy.

– Thanh niên nào lớn lên mang thân hình mảnh khảnh nhỏ nhắn, hai con mắt sắc như dao lại hay trừng liếc, có tật nhìn xéo ngó xiên và đầu cổ thì lắc lư, tướng đi như rắn là điểm ứng lấy vợ không nghiêm, sanh lòng gian tà tư thông tình ái với kẻ đàn ông xa lạ, số này ân hận đau khổ thối nát cả đời.

– Con trai mà mày rậm mắt lại rồi, mặt dài mũi có hai lỗ rộng và cửa miệng quá hẹp, trán hãm mà thấp, tóc và râu nhiều, đi nghiêng và lưng thì khòm, ắt số lấy vợ trong giới buôn hương bán phấn, với hình tướng diện mạo chủ về sự đa thê lại có số khắc bạc nên trung niên hậu vận cam phận độc hành.

Phần phụ thêm sau đây, coi về tướng người đàn ông, con trai có vóc dáng và diêm mạo san trọng quyền quý, số lấy vợ đẹp và được hưởng thụ đời sống phong lưu, vừa thỏa mãn tinh thần vật chất và cũng vừa may mắn bởi những ước vọng tình yêu đưa đến bất ngờ.

– Phàm người con trai thành nhơn mà có khuôn mặt vuông, ngay thẳng với mắt sáng, mũi cao và miệng vừa rộng màu da lại mang sắc hồng ứng là chủ về hóa khí và thần tịnh, có số phú quý nên thân ắt được cân đối tứ chi, chỗ kín như âm nang và quy đầu nhỏ chắc là tướng thọ và cá vợ thuộc hàng đài các, sanh con thông minh hiếu thảo ít ai bì.

– Thanh niên nào lớn lên có khuôn mặt mang màu sắc nếu phải trắng thì trắng như màu mỡ, nếu đen thì phải đen sậm và hồng ứng, và nếu vàng thì phải vàng như thít nướng, đó là tất cả chủ về sự đại cát ắt trong châu thân ở chỗ kín như lỗ rún mọc lông, và quy đầu cứng là tướng người phong lưu cốt cách, số lấy vợ đẹp nét na con nhà lành.

– Người con trai nào lớn lên mà được khuôn mặt trái xoan thanh tú và da bánh mật hoặc sáng mà trong (không trắng) là chủ tướng quyền cao tước trọng, châu thân nơi chỗ kín như lỗ rún sâu và âm nang đen, chỗ quy đầu thon bằng ắt là có số thực lộc chi thế, bề duyên nợ trọn đời ấm cúng sanh con ngoan và vẹn toàn.

– Thanh niên nào trưởng thành mà có khuôn mặt đều đặn, da thì dày mày sắc lại đậm là chủ về tâm tánh thuần hậu, đối với cha mẹ giữ trọn chữ hiếu, đối với việc nước việc dân thì hết lòng thi hành miễn cán, ắt trong châu thân nơi chỗ kín như cốc đạo mọc lông, số giàu lại ở cùng hai vợ.

– Trai vị thành niên mà có hình thể cao ráo khuôn mặt vừa dài vừa tròn với thần sắc nghiêm trang oai dũng, hai mắt thì sáng nhìn ai có thể người đó sợ là chủ bốn mạng lớn, số quan vị uy quyền ắt trong châu thân nơi chỗ kín như mông đất ta và tròn, khi nhỏ da dún, lúc lớn thì no và da phẳng láng là số thọ.

– Thanh niên lớn lên mà thể xác mảnh dẻ, nhưng khuôn mặt lại gầy và màu sắc sáng sủa là chủ về mạng trường ắt trong châu thân nơi các chỗ kín như lông mọc thưa và mịn nhuyễn, quy đầu

nhỏ lại rắn chắc, số người được vợ duyên dáng thông minh hơn người, đời sống tình cảm thỏa mãn đi đôi với gia đạo thuận thảo êm đẹp.

– Người con trai nào lớn lên mà có khuôn mặt xương và mang màu sắc đen xám, nhưng da mình lại trắng hơn và xương thịt cân xứng là chủ thể về tâm tánh rắc rối, khó khăn đối với gia đình cũng như người ngoài xã hội, số vượng thế và lại có bốn mạng vững, cả đời sang trọng nhờ đàn bà nuôi, nhờ trong châu thân nơi chỗ kín như dương vật dài và tròn, quy đầu có nốt son.

TUỔI VỢ CHỒNG SANH CON TRAI GÁI CÓ SỐ TỐT XẤU

Sau đây Tử Vi nghiên về việc vợ chồng lấy nhau, trong trường hợp sanh con để cái ai nấy cũng đều muốn biết coi con mình ra đời vào những ngày giờ năm tháng tốt hay là xấu. Theo đó, căn mạng của đứa trẻ có số thọ yếu quyền quý hay giàu sang và nhất là bốn thân trường thành phải gặp những hoạn họa gì (?) thì mới yên tâm hơn là cứ để như bất chấp, bất biến đôi khi cũng phải lấy làm hối hận chớ cũng không!

– Nếu người vợ sanh con trong các tháng và giờ mà Tử Vi xác định có sự khắc kỵ, chẳng hạn ở thời kỳ ấu thơ mà phạm hễ trai có không hợp với cha mẹ, anh em họ hàng thân thuộc đời sống lớn tha phương cầu thực cơ cực bần hàn để rồi lúc trung niên hay hậu vận, mang bệnh tật khó tránh như là các thứ nhỏ là kinh niên và bất trị: Ho lao. Bán thân bất toại và nhất về nội thương. Còn về con gái thì lại thọ bệnh máu huyết, đầu tử cung, hoa liễu...

Đại để khai phần Lý – Số lập thành căn bản và cố cựu từ nhiều đời trải qua đã phổ biến sâu xa trong quảng đại quần chúng về căn hệ tiền định được ghi lược và phân tách chính xác để giúp thân chủ theo dõi hiểu biết phần nào:

- Ấu nhi nào sanh vào giờ Thân, tháng Giêng: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Dậu, tháng Hai: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Tuất, tháng Ba: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Hợi, tháng Tư: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Tý, tháng Năm: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Sửu, tháng Sáu: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Dần, tháng Sáu: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Mão, tháng Tám: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Thìn, tháng Chín: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Ty, tháng Mười: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Ngọ, tháng Mười Một: Khắc.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Mùi, tháng Chạp: Khắc.

Số ấu nhi chết non (trên dưới 11, 12 tuổi) và Tử Vi xác định là căn mạng phải chết sống hay chết biến.

- Ấu nhi nào sanh vào giờ Dần, tháng Giêng: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Mão, tháng Hai: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Thìn, tháng Ba: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Ty, tháng Tư: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Ngọ, tháng Năm: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Mùi, tháng Sáu: Xấu.

- Ấu nhi nào sanh vào giờ Thân, tháng Bảy: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Dậu, tháng Tám: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Tuất, tháng Chín: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Hợi, tháng Mười: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Tý, tháng Mười Một: Xấu.
- Ấu nhi nào sanh vào giờ Sửu, tháng Chạp: Xấu.

Coi về bốn mạng hợp ngũ hành bởi các tuổi (thuộc 12 địa chi) được tay vượng sắc khí, tài lộc, sự nghiệp và công danh?

- Nhân vật nào có mạng Kim, bất luận là Kim gì và bất luận trai hay gái, đều có số hưởng thụ phong lưu và nhàn hạ suốt đời được sanh vào các tháng và ngày: Thân, Mùi, Ty, Ngọ.
- Nhân vật nào có mạng Mộc, hay bất luận loại Mộc gì và bất luận là trai hay gái, đều có một tương lai huy hoàng, vẹn toàn hưởng lửa ba sinh và tràn ngập niềm vui vinh hoa phú quý, nếu được sanh vào các tháng ngày: Tý, Sửu, Dần, Mão và Hợi.
- Nhân vật nào có mạng Hỏa, bất luận thuộc loại Hỏa gì và bất luận trai hay gái đều được số lấy chồng hoặc lấy vợ sang cả trọng với đời sống ái tình tha thiết và vật chất sung mãn, nếu được sanh vào các tháng và ngày: Thìn, Ty, Dần, Mão và Ngọ.
- Nhân vật nào có mạng Thủy, bất luận thuộc loại Thủy gì và bất luận trai hay gái đều được số vinh hiển quan vị, tài lộc điều hòa, con cái trưởng thành học hành thông minh đỗ đạt, trung niên và hậu vận nhàn hạ suốt đời, nếu sanh vào các tháng và ngày: Thân, Dậu.
- Nhân vật nào có mạng Thổ, bất luận là loại Thổ gì và bất luận trai hay gái, đều được số nhứt phú quý lại hưởng của phụ ấm với gia tư điền sản quy mô, dâu hiền rể thảo con cháu ngoan hiền một lòng thờ phụng kính mến cha mẹ, nếu sanh vào các tháng và ngày: Tý, Tuất và Hợi.

Về phần “Tam hợp” đối với các lớp tuổi vợ chồng được coi là tương sanh gồm có:

- Trai gái kết hôn gây dựng gia đình sự nghiệp to tát bền bỉ và bề tình ái mặn nồng ấm cúng dài lâu, sanh con đẻ cái toàn vẹn, theo Tử Vi xác định nghiệm ứng thì có các tuổi như: Mão, Mùi, Dần, Ngọ, Tuất, Dậu, Tý, Sửu, Thân, Tý, Thìn...
- Theo đó gồm bốn phần “Tam hợp” được tử vi quy thành bốn Cuộc qua Ngũ hành tương sanh đó là Kim, Mộc, Thủy và Hỏa.

NAM NỮ KẾT HỢP HÔN NHƠN HỆ TÁM CUNG ĐỊNH LÀNH DỮ

Chồng Càn lấy vợ cung Đoài (sanh khí)

Ấm êm gia đạo trong ngoài êm vui.

Nợ duyên gắn bó trọn đời.

Thế vinh tử quý số người giàu sang...

Chồng Càn lấy vợ cung Chấn (ngũ quỷ)

Trước sau bất tường nợ duyên lận đận

Tâm lý vợ chồng không hòa,

Khiến nên sanh kế quanh năm túng quẫn!

Chồng Càn lấy vợ cung Khôn (phước đức)

Được số phước đức trường tồn ấm no
Lộc tài như nước tràn vô,
Cửa nhà đồ sộ quy mô ruộng vườn...

Chồng Càn lấy vợ cung Khảm (lục sát)
Lục sát ắt phu thê buồn thảm!
Kim cải dở dang nửa đời.
Duyên nợ đổi đời tương tư ly tán...

Chồng Càn lấy vợ cung Tốn (họa hại)
Trước hợp sau lìa vô cùng khổ đốn
Con cái trưởng thành cút côi,
Hình ngục oan khiến vợ chồng thương tổn!

Chồng Càn lấy vợ cung Cấn (thiên y)
May mắn cuộc đời vượng tài phấn chấn.
Tình yêu đượm lửa hương nồng...
Rể thảo dâu hiền an nhàn hậu vận...

Chồng Càn lấy vợ cung Ly (tuyệt mạng)
Nợ duyên cầm chắc sầu bi khóc thảm
Ái ân lỡ nhịp sắc cầm
Mối hay căn kiếp có phần hẩm hiu

Chồng Càn lấy vợ cung Ly (phục vì)
Bạc trung được số giàu sang tuổi già
Vợ chồng bạch thủ thành gia,
Trung niên gây dựng cửa nhà yên vui...

Chồng Càn lấy vợ cung Tốn (sinh khí)
Mạng thọ duyên bề sống vui an ổn.
Số không sang nhưng no lành,
Gia đạo thuận hòa và con cái tốt...

Chồng Khảm lấy vợ cung Cấn (ngũ quỷ)
Giàu có mấy lần hồi cũng phá sản!
Duyên nợ ắt phải lỡ làng,
Con cái lớn lên đằm đẫm du đãng...

Chồng Khảm lấy vợ cung Ly (phước đức)
Thủy chung như nhứt ai bì phong lưu!
Vợ chồng có số sang giàu
Hưởng của phụ ấm trước sau an nhàn...

Chồng Khảm lấy vợ cung Càn (lục sát)
Tang thương từ thuở hai đàng hiệp hôn
Buồn cho duyên nợ long đong,
Bất hòa tâm lý vợ chồng đảo điên...

Chồng khảm lấy vợ cung Đoài (họa hại)
Ấm êm bỗng chốc ách tai buộc ràng
Số phần chồng vợ đeo mang,
Suốt đời khổ hận sầu than đêm ngày!

Chồng Khảm lấy vợ cung Chấn (thiên y)
Quan lộc uy quyền đời sống sung mãn
Thê vinh tử quý rõ ràng,
Duyên nợ vợ chồng da mồi tóc bạc...

Chồng Khảm lấy vợ cung Khôn (tuyệt mạng)
Lo âu mắc phải đập dồn ồm đau
Tiền bạc hết biệt ly sầu,
Không chồng thì vợ cũng vào cõi âm!

Chồng Khảm lấy vợ cung Khảm (phục vị)
Bình thường cuộc sống nợ duyên êm thắm
Gia đạo tiền đình an bài,
Một đời keo sơn áo cơm no ấm!

Chồng Cấn lấy vợ cung Khôn (sinh khí)
Sống đời loan phượng phước tồn hậu lai.
Quan lộc có hưởng hoạch tài,
Nhà cao cửa rộng quyền oai vô cùng...

Chồng Cấn lấy vợ cung Khảm (ngũ quỷ)
Duyên nợ nửa đời chuốc nhiều ảm đạm.
Số ắt đời đổi hai lần,
Nếu không thì phải lâm vòng hoạn nạn!

Chồng Cấn lấy vợ cung Đoài (phước đức)
Đẹp duyên cá nước tiền tài vượng hưng.
Số này thời vận đáng mừng,
Hao con hao của bậc trung thành nhân...

Chồng Cấn lấy vợ cung Chấn (lục sát)
Sản nghiệp sẵn sàng lần hồi tấu tán.

Phụ phụ tâm lý nghịch thường,
Sau trước hạnh phúc gia đình hư nát!

Chồng Cấn lấy vợ cung Ly (họa hại)
Bất tường tai ách sâu bi gia đình!
Yêu đương một tấm chân tình,
Cũng chưa được đôi mình sánh đôi...

Chồng Cấn lấy vợ cung Càn (thiên y)
Phụ thê đầu có nghèo nàn không lo.
Trung niên được cửa trời cho,
Hậu vận sung mãn quy mô ruộng vườn.

Chồng Cấn lấy vợ cung Tốn (tuyệt mạng)
Cần phần khó tránh tóc tang thương tổn.
Trong hai chắc mất một người,
Tử biệt đường hồng tìm phương chạy trốn!

Chồng Cấn lấy vợ cung Cấn (phục vị)
Số được hưởng thê hòa phu thuận.
Phong lưu nhàn hạ bậc trung,
Một đời tình ái nợ duyên an phận..

Chồng Chấn lấy vợ cung Ly (sinh khí)
Hiệp hôn cang lệ trọn nghì thủy chung.
Mạng phú quý, cháu con hùng,
Lớn lên số ắt phước hồng quyền uy!

Chồng Chấn lấy vợ Càn (ngũ quỷ)
Gia đình xáo trộn điêu tàn lửa hương.
Nửa chừng xuân mộng thê lương,
Uyên ương bỏ gánh canh thường từ đây...

Chồng Chấn lấy vợ cung Tốn (phước đức)
Trung niên hậu vận sang giàu hưởng trọn.
Cuộc tình bền vững mặn nồng,
Sanh trai đầu lòng trưởng thành quan lớn!

Chồng Chấn lấy vợ cung Cấn (lục sát)
Cố số phu thê âm thầm tử hận.
Gia đạo lục đục bất hòa,
Đời sống cơ hàn, con cái lận đận...

Chồng Chấn lấy vợ cung Khôn (họa hại)
Nợ duyên khốn đốn dập dồn oan khiên.
Trong ngoài thân thể đảo điên,
Tai ương tật bệnh dính liền bên lưng!

Chồng Chấn lấy vợ cung Khảm (thiên y)
Trăm tuổi phu thê nghĩa tình nồng thắm.
Vinh hiển thụ hưởng vững bền,
Rể thảo dâu hiền cả nhà êm ấm...

Chồng Chấn lấy vợ cung Đoài (tuyệt mạng)
Nợ duyên sau trước thiệt thòi lứa đôi.
Vợ chồng không ở trọn đời,
Cháu con bất lợi côi cút lụy phiền!

Chồng Chấn lấy vợ cung Chấn (phục vị)
Trung bình duyên nợ tiền hậu như nhứt.
Có số no ấm cả đời,
Gia đạo yên vui trên hòa dưới thuận.

Chồng Tốn lấy vợ cung Khảm (sinh khí)
Tiền định phu thê hiệp vầy duyên thắm.
Lộc tài phát vượng huy hoàng,
Con cái lớn lên sống đời nhung gấm.

Chồng Tốn lấy vợ cung Khôn (ngũ quỷ)
Sanh cơ khốn đốn bốn chôn cũng hoài!
Nợ duyên vốn đã an bài,
Trung niên ắt phải đổi thay cuộc tình...

Chồng Tốn lấy vợ cung Chấn (phước đức)
Được số phú quý trọn đời an phận
Bạc tiền điền sản thặng dư,
Duyên nợ vợ chồng trăm năm viên mãn!

Chồng Tốn lấy vợ cung Đoài (lục sát)
Hiệp hôn để thấy đem đại khổ phiền.
Cửa nhà sa sút ngửa nghiêng,
Gây điều đổi nợ thay duyên phũ phàng.

Chồng Tốn lấy vợ cung Càn (họa hại)
Yêu đương tác hợp buồn than đêm ngày.
Triền miên tai ách không hay,

Nợ duyên sâu muộn đặng cay cuộc đời...

Chồng Tốn lấy vợ cung Ly (thiên y)
Mạng trường thân thế ai bì được đâu.
Uy quyền tiền bạc bên lâu,
Nợ duyên hạnh hưởng sang giàu trăm năm!

Chồng Tốn lấy vợ cung Cấn (tuyệt mạng)
Chưa chung gối chăn ái tình thỏa mãn.
Số góa lẻ mạng khó toàn,
Duyên nợ đôi đành rã rời ân hận!

Chồng Tốn lấy vợ cung Tốn (phục vị)
Bình thường đời sống thân danh tốt..
Ba sinh duyên đẹp tình nồng,
Sự nghiệp tử tôn tấn tài vượng lộc!

Chồng Ly lấy vợ Chấn (sinh khí)
Ý hợp tâm đầu làm nên gia thất.
Trọn đời nhân hạ phong lưu,
Trung niên hậu vận thành công mọi mặt...

Chồng Ly lấy vợ cung Đoài (ngũ quỷ)
Bạc tiền bạo phát, nhưng hoài công lao.
Nửa đời căn kiếp ba đào,
Cửa nhà điển sản tiêu hao không còn!

Chồng Ly lấy vợ cung Khảm (phước đức)
Được số hiển đạt phu vinh thê ấm.
Tình yêu hương lửa mặn nồng,
Tương lai con cái trưởng thành khoa bảng.

Chồng Ly lấy vợ cung Không (lục sát)
Kiết hung luân chuyển đập dồn lo âu.
Trai sa đọa gái lẳng lơ,
Trước sau rồi cũng hững hờ nợ duyên...

Chồng Ly lấy vợ cung Cấn (họa hại)
Tiền hậu phu thê thủy chung bất nhứt.
Sống đời tật ách đeo mang,
Vợ chồng đa đoan thiệt thòi thân phận!

Chồng Ly lấy vợ cung Tốn (thiên y)

Căn mạng nợ duyên trời cho yên ổn.

Cả đời ấm cúng giàu sang,

Con cái gái trai toàn căn bản...

Chồng Ly lấy vợ cung Càn (tuyệt mạng)

Nợ duyên gãy gánh giữa đường thảm thương!

Cho hay cái số đoạn trường,

Lụy phiền ly tán bất tường phu thê!

Chồng Ly lấy vợ cung Ly (phục vị)

Ái tình hương lửa trọn nghỉ thủy chung.

Bạc tiền giàu có bạc trung,

Thân danh hậu vận lấy lừng tiếng thơm!

Chồng Khôn lấy vợ cung Cấn (sinh khí)

Sanh cơ mọi bề thời hưng phấn chấn.

Gia đạo sau trước thuận hòa,

Thừa thái trong ngoài ruộng vườn điền sản...

Chồng Khôn lấy vợ cung Tốn (ngũ quỷ)

Cuộc đời chật vật cơ cực thiếu thốn.

Duyên nợ lận đận nghịch thường,

Con cái bất hòa lớn lên cùng khốn!

Chồng Khôn lấy vợ cung Càn (phước đức)

May duyên phải nợ liền căn định phần.

Bổn mạng lại có quý nhân,

Được số phú quý vinh thân an nhàn...

Chồng Khôn lấy vợ cung Ly (lục sát)

Nợ duyên ắt phải chịu sầu bi thán ngày.

Đa truân hệ lụy nạn tai,

Gia đình lụn bại tương lai mơ hồ!

Chồng Khôn lấy vợ cung Cấn (họa hại)

Không hình ngục thì cũng bịnh tật.

Duyên nợ lâm bấp khổ buồn.

Đời sống lầm than sinh cơ chật vật.

Chồng Khôn lấy vợ cung Đoài (thiên y)

Mạnh tướng hưởng thọ lộc dài lâu.

Con trai hiển đạt công hầu,

Gái hiền rể thảo trước sau toại lòng.

Chồng Khôn lấy vợ cung Khảm (tuyệt mạng)
Căn phần nợ duyên chuốc lấy sầu thảm.
Số phải dở dang nửa đời,
Chồng vợ hai người đổi đời ly tán!

Chồng Khôn lấy vợ cung Khôn (phục vị)
Keo sơn gắn bó cháu con vẹn toàn.
Trung niên lấy lượt thăng trầm,
Hậu vận phú quý trăm phần phong lưu

Chồng Đoài lấy vợ cung Càn (sinh khí)
Hôn nhân bền vững lộc quan vượng tài.
Sanh cơ vốn một lời hai,
Lầu cao cửa rộng gái trai ngoan hiền...

Chồng Đoài lấy vợ cung Ly (ngũ quỷ)
Cố công cho mấy ra gì kiếp sanh.
Nợ duyên như sợi chỉ mảnh,
Thân danh sự nghiệp bất thành không sai!

Chồng Đoài lấy vợ cung Cấn (phước đức)
Phụ ấm sẵn dành bề tài lợi tấn.
Gia đạo thê tử ấm êm,
Duyên nợ trọn đời lửa hương nồng thắm...

Chồng Đoài lấy vợ cung Tốn (lục sát)
Xáo trộn gia đình sanh cơ khốn đốn.
Con cái lớn nhỏ bất tường,
Tình nghĩa lạt phai lãng hoàn hỗn độn!

Chồng Đoài lấy vợ cung Khôn (thiên y)
Một đàn thê tử vuông tròn giàu sang.
Gia đình sau trước huy hoàng,
Trung niên hậu vận rõ ràng nghiệp danh.

Chồng Đoài lấy vợ cung Chấn (tuyệt mạng)
Chấn gối ái tình khó yên thân phận.
Bổn lụy phiền duyên nợ lìa tan,
Cầm bằng căn kiếp đa truân lận đận!

Chồng Đoài lấy vợ cung Chấn (phục vị)
Bình thường thì cũng tiền tài bậc trung.

Gia đình thân mạng thung dung,
Trưởng thành con cháu đẹp lòng mẹ cha!

Phần phụ thêm sau đây, để giúp độc giả nào (mạn phép) chưa thông qua “Bát Quái Tượng” tức là tám Cung quan hệ hôn nhân và định về việc xây dựng nhà cửa theo Tử Vi Lý số:

- Càn tam liên Tây Bắc Tuất Hợi.
- Khảm trung mãng cánh Bắc ư Tý.
- Chấn phúc bốn đông Bắc Sửu Dần.
- Chấn ngưỡng bốn chánh Đông ư Mẹo.
- Tốn hạ đoạn Đông Nam Thìn Tỵ.
- Ly trung hư chánh Nam đương Ngọ.
- Khôn lục đoạn Tây Nam Mùi Thân.
- Đoài thượng khuyết chánh Tây đương Dậu.

Lược giải: Người ta ai cũng đều có thể nằm lòng “Bát Quái Tượng” hoặc gọi là tám (8) Cung quan hệ cuộc đời. Theo đó Tử Vi xác định rằng:

- Các cung Nam Nữ tác hợp ắt phạm “Bát san tuyệt mạng” gồm có: Càn, Ly, Đoài, Chấn, Cấn, Tốn đều là Âm khắc Dương, không thể toàn vẹn vợ chồng viên mãn.
- Các cung Càn, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Đoài và Ly mà Tử Vi xác nhận là Dương khắc Dương. Âm khắc Âm nên gọi là “Bát san Ngũ quỷ” hay “Bát san Giao chiến” cũng vậy là chủ về hung kỵ bất tường.
- Các cung Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Đoài, Khôn, Ly đều chủ về “lục sát” ắt vợ chồng lấy nhau gặp phải nhiều nỗi lo âu, khốn đốn trong đời.
- Các Cung, Càn, Tốn, Khảm, Đoài, Cấn, Ly, Khôn, Chấn đem so với Ngũ Hành thì thuộc Kim Mộc và Thổ, nếu kết nạp vợ chồng với Nam Nữ mang những tuổi Ngọ Sửu Tỵ và Dậu sẽ không tránh khỏi vòng “họa hại” mà tương lai duyên nợ khó bền, đời sống vợ chồng quanh năm suốt tháng cứ phải lận đận lao đao đồn dập, nếu tranh được tai ách ngục hình thì cũng bị bệnh tật đeo mang dai dẳng, gia cảnh lần hồi suy sụp, tiền bạc tài sản tiêu hao đưa đến nhà tan cửa nát mà vợ chồng cũng sớm hay muộn dời đổi, trong khi con cái trưởng thành ảnh hưởng hưởng chịu cảnh khốn đốn.

SỰ QUAN TRỌNG CỦA TỪNG BỘ PHẬN TRONG CƠ THỂ CON NGƯỜI (NGŨ NHẠC)

- Xem tài lợi thì người ta phải lấy mũi làm sự chúng ta mà xét đoán, kỵ lỗ mũi cong queo, hay quá cao, hay mũi hỉnh, nhìn thấy tận bên trong, hoặc có nốt ruồi trên mũi và có ngăn chắn ngang sống mũi.
- Xem duyên nợ, cần nhất là nơi Ngũ Vĩ và giao môn (tức là từ đuôi mắt đến tóc mai) thì kỵ nhiều đường chỉ nằm ngay (vết nhân) nhất là đại kỵ có vết nhân chữ thập, kỵ nốt ruồi hay dấu thẹo. Nếu là đàn bà thì mũi tốt xấu cũng là quyết định phần nào về việc hôn nhân sau này vậy.
- Xem con cái nhiều hay ít, người ta chú trọng đến Ngọ tân (tức là nơi chỗ quầng bọc mắt dưới, người ta thường gọi là Lụy Đường) người nào có những ngọa tâm thụt sâu vào hoặc có nốt ruồi hay có quầng thâm đen và xấu, còn đường nhờn trung (tức là đường lõm từ dưới mũi xuống môi trên) cũng có phần quan hệ chẳng kém.

- Xem về tai nạn hay bệnh hoạn, thì người ta phải xem nơi hai bên Ấn đường (tức là đường giữa hai chân mày) còn sơn căn là (giữa hai mắt nó nằm ở giữa) kỵ nhất là xẹp đứt ngang, nhỏ hẹp, và có mụn ruồi.
- Xem có di động, di chuyển (gồm có dọn nhà hay thay đổi chức vụ xuất hành xuất ngoại) thì phần đông người ta xem ba bộ phận như Thiên Thương (ở trán bên mặt) Phước Đường và Trạch Mã. Kỵ nhất là trên khoảng đó có nốt ruồi, và tự nhiên có màu sắc u ám đen, ấy là xấu kỵ đi xa có hại.

PHẦN XEM TƯỚNG DIỆN (COI TỔNG QUÁT) ẤN TƯỚNG VÀ ÂM TƯỚNG NHỮNG HIỆN TƯỢNG HUYỀN DIỆU BÍ ẨN TRONG ĐỜI NGƯỜI

Số mạng của mọi người thật là thiên hình vạn trạng, các nhà tướng số chuyên môn có thể xem bằng mọi cách, để quyết đoán số mạng của con người như xem:

Xem sắc khi để biết việc hên xui: Muốn biết việc hên xui, may rủi sắp xảy tới thì người ta có thể xem màu sắc biến đổi ở vẻ mặt mà đoán các việc (hung kiết) sắp xảy ra như:

Màu xanh: Sợ sệt, kinh hãi, mệt nhọc, bị la rầy, sắp bị tai vạ, có nhiều chuyện lo âu.

Màu vàng: là vui vẻ, sắp có việc tốt, có tiền bạc dồi dào, cũng có khi dục tình cũng có ửng màu vàng hơi đỏ (cam)

Màu đỏ: Bị tai nạn, hay bị hỏa hoạn, hay quá nóng giận, hay bị chia ly (phụ bạc) thương tích...

Màu trắng mét: Có việc đau buồn, âu sầu chết chóc, tang thương, đau khổ, bị lụy.

Màu đen: Bị đau nặng, sắp bị việc buồn đưa tới (xui xẻo)

Màu hồng: Vui mừng, hy vọng, có sự vui lây hay nỗi dục tình nổi dậy trong lòng.

Màu đỏ tía: Sắp có việc vui mừng lớn như trúng số hay trúng áp phe, có nhiều người thường hay lầm lẫn Âm tướng và Ấn tướng là một. Thừa quý vị như thế là sai. Thật ra Âm tướng và Ấn tướng khác nhau quá xa.

– *Ấn tướng* là nét tướng có sẵn từ khi lọt lòng mẹ đó là nét tướng vô cùng kín đáo mà người ta phải tìm hiểu qua các sách tướng mà chúng tôi đã khảo cứu, với mắt thường (không phải nghề nghiệp) thì khó mà tìm ra. Chẳng hạn như một cái bớt trên trán, hoặc có năm ba cái nốt ruồi ở trên mặt hoặc những cái tướng đi tướng đứng tiếng nói tiếng cười ấy là ám chỉ về Ấn tướng của con người cho nên trong cơ thể quý bạn mỗi người đều có những Ấn tướng riêng biệt.

– *Âm tướng* riêng về ấn tướng thì khác ở chỗ Âm tướng có thể hiện ra bất ngờ, trong thân thể mà nhất là trên mặt, và cũng có thể biến đi bất ngờ, và cũng có thể biết mất đi lúc nào, nếu không phải là nhà chuyên môn thì khó mà biết được.

– *Âm tướng* báo cho chúng ta biết được chuyện hên xui may rủi, chuyện vui buồn sắp xảy ra không quá ba tháng, thời gian này những Âm tướng xuất hiện trên khuôn mặt, sự báo hiệu này vô cùng quan trọng cũng như gương mặt thay đổi sắc hoặc ửng đỏ trắng trong hay đen, nám xám.

Luận về phần Ấn tượng của bạn:

– Giọng nói tiếng cười. Tục ngữ ca dao ta có câu: “Đàn ông miệng rộng thì sang, đàn bà miệng rộng tan hoang cửa nhà”. Câu này có hai nghĩa, một nghĩa là xem tướng tức là Khẩu tướng, nói một cách khác là xem tướng miệng cho nên người đàn ông miệng rộng là tướng sang, danh vọng, có địa vị. Còn người đàn bà miệng rộng tức là bản tướng (xấu) tướng nghèo hèn, làm ít ăn

hiều không khá. Ngược lại đàn ông mà miệng nhỏ như mồm con chuột cũng là tướng xấu người ta cũng tạm gọi là đàn Thỏ mỏ Dơi.

Riêng về Ấn tướng thì câu ca dao trên rất có giá trị với nghĩa bóng của nó, mà đó chính là chân chân tướng vậy.

Trong nghĩa bóng đó có hai chữ (rộng miệng) không phải ý nói cái miệng rộng mà đó chính là sự phát thanh từ lời nói của người.

Phàm hề người đàn ông, tiếng nói lớn sang sảng. Khi phát âm ra tiếng nói người nghe phải nể nang có khi khiếp sợ. Những người này phần đông là cấp chỉ huy có người thừa kế dạ, khá thành công trên đường đời. Trong quân đội họ là người lãnh đạo có tài, ở thương trường họ là người buôn bán giỏi. Trong gia đình họ là người có chủ quyền vợ con phải kính nể (quý vị nên để ý người đàn ông nào sợ vợ lúc nào tiếng nói cũng nhỏ nhẹ như chính họ là người can đảm anh dũng, họ là kẻ có nhiều nghị lực hơn người khác.

Riêng về phái nữ thì người đàn bà tiếng nói lớn nghe sang sảng thì đúng là người bần tướng, số cơ cực nghèo nàn. Ngoài xã hội họ là người không tạo được uy tín và thường bị bạn bè khinh ra mặt, coi thường. Phần đông những người đàn bà to giọng lại lay nói và nói rất nhiều, tánh nết ngỗ nghịch ít chịu nghe lời dạy bảo của chính mình, vì vậy mà rất nhiều cảnh trong gia đình vợ chồng, con cái không có hạnh phúc, thường hay xào xáo, và nếu gặp phải ông chồng hung dữ thì chẳng mấy chốc nhà cửa tan hoang hoặc vì thế mà chia ly mỗi người mỗi ngã, có khi lâm cảnh cũng giết vợ vì một phút nóng giận mà phải ngồi tù nhiều năm, còn gặp phải ông chồng hiền hậu thì phải bị mang tiếng “sợ vợ” vì vợ cầm quyền quán xuyến gia đình.

Trên đây là nói về Ấn tướng của cái miệng, sự giải đoán này có phần dễ hiểu vì nó cũng thuộc về khoa tâm lý. Trong những trường hợp khác sự giải đoán về Ấn tướng của một kẻ để giả xảo quyết, người đó không bao giờ thật tình. Lại có người trước khi nói mà cắn môi thì đó là con người chính chắn biết đắn đo suy nghĩ, trước khi muốn nói một điều gì, những hạng người ít khi bị lầm lẫn trên đường đời, họ là người có uy tín, được nhiều người nể nang. Nhìn vào lời nói của họ ta có thể đoán biết họ là những người hiểu biết nhiều.

– Còn những người nói tiếng the thé như đế kêu là những hạng người tiểu nhân ưa nói nịnh bợ kẻ khác, những người gọi kẻ thọc gậy bánh xem hay là đồn xóc hay đầu vậy.

– Lại có những người có giọng nói chậm rãi, ấy là những người có nhân từ biết lẽ phải thường không hay khoan dung kẻ có lỗi ít tự ái hay tha thứ hoặc thương người nghèo khó.

– Còn những người nói nhanh như bẻ cành tre lớp lớp thì phần nhiều làm việc hay cầu thả, tâm tánh họ không nghĩ xa, thấy đâu nói đó ăn đại nói đùa không biết suy nghĩ, những chứng và tật nói trên đây là Ấn tướng của mỗi người. Quý bạn cần biết để giao dịch đôi khi biết rõ tâm tánh của họ mà có khi chẳng bị thất bại, vì biết để mà tránh ấy là điều hay.

PHÂN LUẬN VỀ TƯỚNG MẮT

Trong ca dao Việt Nam có câu:

“Những người mắt trắng, môi thâm,

Trai thì xảo quyết gái thì điêu ngoa”

Hai câu ca dao trên đây, mà các nhà đoán số, tướng số vịnh theo đó mà làm về Ấn tướng để ám chỉ kẻ tiểu nhân hoặc những phường buôn hương bán phấn.

Câu trên chỉ về Ấn tướng của mắt, chỉ về con mắt trắng, những người có con mắt mà trông đen nhỏ, trông trắng nhiều, khi nhìn lên mà kẻ đối diện cứ tưởng rằng mắt họ chẳng có trông đen. Những người có cặp mắt như thế thì phần đông họ là người tiểu nhân, đàn ông thì gian xảo đàn bà thì trác nết lăng loàn. Những người như thế nên tránh xa thì phải.

– Còn có những người mà có đôi mắt nhìn chớp lia lịa, thì đó là những người thiếu thành thật, họ có thể nói khác mà đến lúc làm thì lại làm khác.

– Còn những người khi nhìn người, nhìn vật mà theo một con mắt lại, hạng người đó thì lại ưa nghệ thuật có khiếu thẩm mỹ. Trái lại những người có hai con mắt một to một nhỏ thì đó là (lưỡng mục bất đồng, nhân tâm bất chính) trong thâm tâm họ tính toán sự lừa đảo người khác (mắt lé).

Trong ca dao Việt Nam có câu:

“Người nào tí hí mắt lơ, ”

Trai thì trộm cướp gái buôn chồng người”.

Câu này cũng đồng nghĩa gần giống như hai câu trên, có khác là ở đàn bà thì họ có số làm đi, vì đàn ông thì gian manh xảo quyệt, họ không thành thật với ai bao giờ, nếu gặp trường hợp những người có Ấn tướng khuyên quý vị nên xa lánh tốt hơn.

Ấn tướng về mũi:

Những người bình thường mà lúc nói chuyện mũi thường hay khẹt khẹt thì đó những người ưa lý luận, hay làm thầy thiên hạ, tự coi mình là hơn kẻ khác, hoặc thành thạo mũi cứ nở phồng lên phồng xuống thì đó là những người ham muốn địa vị cao sang, tham sống, lúc nào cũng sợ chết, thích lòe loẹt thích ăn uống, chịu hưởng thụ nhiều chỉ nghĩ đến mình, chết ai thay kệ.

Trong ca dao có câu:

“Những người mũi thẳng dâng cao,

Chính nhân quân tử, công hầu có khi”.

Câu này có ý nói người nào mũi cao và thẳng thì đường công danh thật lớn có danh vị quan trọng xã hội. Dù học thức của họ chẳng đến đâu mà những người có mũi này cũng sẽ thành công mai hậu. Nên biết đây là Hiện tướng chứ không phải là Ấn tướng.

-- Còn những người có mũi thấp và nhỏ lông mũi hếch lên lúc thở nghe hơi ra khi khi, thì đó là tướng người nghèo khổ, tay làm hàm nhai chớ chẳng giàu có, số cơ cực.

Trong ca dao tướng pháp có câu:

“Lông mũi cuốn lại bờ quanh,

Đó là Ấn tướng gian manh trong đời,

Tướng này thích lấy vợ người,

Khi mà hữu sự chạy dài có khi”.

Bốn câu này ám chỉ người nào có lông mũi quấn queo xoắn quanh lỗ, thì tâm tánh của người đó bất chính, tà tâm ưa thích sự gian lận, không ngay thẳng, người hèn, tội lỗi, khi làm việc thì biếng nhác. Những người này khó mà trung thành với ai dù với vợ của họ cũng thế, người ta có thể gọi là sâu bọ trong xã hội.

Ấn tướng về tai:

Những người không điếc, không lãng tai, nhưng khi nghe ai nói hoặc nghe bất cứ một tiếng động gì của sự vật mà bất cứ nhỏ hay lớn đều nghiêng tai tỏ vẻ lắng nghe thì đó gọi là Ấn tướng. Ấn tướng đó cho biết hạng người này, ưa sự nghi ngờ cho nên khó mà ghi được lòng tin với người

đó. Ngoài xã hội họ chẳng tin ai, mà trong gia đình ngay chính vợ con của họ, họ cũng đa nghi vậy. Vì thế mà trong gia đình hay bị xào xáo nhất là ghen tuông vì tánh đa nghi.

Cho nên tục ngữ ca dao Việt Nam có câu:

- Nghiêng tai nghe thử tiếng đời,
- Hỏi ai trả giá, hỏi người nào ngay.
- Nghe luồng gió thổi cây lay,
- Tướng quân trộm đạo đang bày trò gian.

Bốn câu thơ trên đây có thấy rõ sự đa nghi quá lố của những người có tật nghiêng tai nghe ngóng. Những người có Ấn tướng này rất khó mà thành công trên đường đời, bởi họ hay đa nghi chẳng tin ai cũng vì thế mà không gây được cảm tình với ai thành ra thất bại vì chung quanh chẳng có người ưa thích.

Ấn tướng về nốt ruồi:

Có những người nốt ruồi mọc ở trên mặt, trên thân thể của mỗi người thì có nhiều cách để xét đoán, hầu hết trong tất cả chúng ta phần đông thì ai cũng có nốt ruồi (xin đừng lộn với tàn nhang) kể nhiều người ít, chớ không ai mà hoàn toàn không có. Tuy nhiên phải tùy theo vị trí của mỗi nốt ruồi mọc ra mà người ta mới có thể định hướng được. Có những nốt ruồi mọc một cách tự nhiên trong thân thể, trên nét mặt, chẳng liên quan gì đến tướng pháp cả. Nhưng có những nốt ruồi tối ư quan trọng.

Có khi những nhà danh sư chỉ cần nhìn vào một nốt ruồi nào đó trên mặt của bạn mà họ có thể biết ngay cả cuộc diện của bạn. Đây là một vài Ấn tướng của nốt ruồi đen mọc ở cách mũi bên trái thì đó là Ấn tướng của người có tha phương lập nghiệp. Nếu cũng nốt ruồi đó mà mọc về phía dưới cánh mũi bên phải thì đó là Ấn tướng của những người có số đào hoa. Đàn ông nhiều vợ còn đàn bà thì lắm nhân tình.

Nếu là một nốt ruồi mọc ngay trên đầu mũi của bạn thì bạn hãy coi chừng đời bạn lắm chông gai, đời hay gặp sự nguy hiểm. Nếu có nốt ruồi mọc ở dưới mắt trái thì lại là nốt ruồi (thương phu chích lộ) đàn bà có tướng sát phu. Còn đàn ông là tướng giang hồ, nay đây mai đó.

Nếu có nốt ruồi mọc ngay chính giữa cằm lệnh về bên dưới thì đó là tướng người kiêu hãnh, ta gan và ưa làm những chuyện mạo hiểm. Đàn bà mà có nốt ruồi đó thì thành công nhiều trên đường thương mại, buôn bán đất, cũng có nốt ruồi mọc ở dưới cằm nhưng chệnh về phía trái thì đó là Ấn tướng của người làm văn nghệ. Còn nếu chệnh về phía trái thì đó là tướng người cô đơn. Còn trên thượng đỉnh (trán) nếu có nốt ruồi mọc ngay chính giữa đó là Ấn tướng của những người con nhà võ nghiệp. Ngược lại nếu nốt ruồi đó màu hồng (soan) thì đúng là con nhà quý tướng (tốt lắm). Những người nào mà có nốt ruồi này, thì công danh lớn sự nghiệp to. Còn nếu trên mép tai trái có mọc nốt ruồi thì đó là Ấn tướng của người có số làm thương mại, nếu cũng có nốt ruồi đó mà mọc bên phải thì đó là Ấn tướng của nhà học giả trí thức, một triết gia, nhà nghiên cứu, nhà sưu tầm.

Nếu đằng sau mép mà có nốt ruồi thì đó là tướng người nhân hạ, tương lai họ đầy hứa hẹn tiền bạc dồi dào.

Trên hai vai có nốt ruồi thì số có nhiều sự lo âu, nặng gánh gia đình, tiền bạc làm ra nhiều nhưng chóng hết.

Nếu cũng trên vai mà thay vì nốt ruồi đen, mà lại có nốt ruồi đỏ, thì người ấy có số giàu sang, người có lộc thừa hưởng.

Cho nên ca dao tướng pháp có câu:

*Nốt ruồi đen mọc trên vai,
Số này thở vắn, than dài năm canh.
Tiền vào chóng hết tiêu nhanh,
Trăm lo nghìn lắng phận mình gian nan.*

*cũng trên vai có nốt ruồi hồng,
số này đại phú vô cùng vinh quan.
Phước lộc chung hưởng một nhà,
Vợ chồng con cái thuận hòa an vui.*

Những người có nốt ruồi mọc ở mép môi trên, đó là Ấn tướng của người có duyên ăn nói, những nhà hùng biện, những thuyết gia thường hay có nốt ruồi này.

Nốt ruồi mọc trên gò má bên trái sát bên mũi là người có số đại quý giàu sang chẳng hạn. Như Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng có nốt ruồi này. Có nhiều người chỉ hiểu sơ qua về tướng mạng nên giải đoán ẩu rằng chỉ vì nốt ruồi đó ông Diệm bị thảm sát là sai, không phải thế đâu. Bàn về cái chết của ông, sách tướng có chỉ rõ là tướng đi tướng số là lãnh tụ như vậy. Vì từ giọng nói, tiếng cười, đều luôn luôn tỏ ra nghiêm trang chừng chặc, đi đứng phải khoan thai, chín chắn. Tuy ông Diệm có nhiều tướng tốt, ngay đến cái giọng nói của ông. Nhưng vì bộ đi của ông quá hấp tấp và hơi nghiêng ngửa, bàn chân thì nhỏ thiếu sự kín đáo. Đó là kiểu đi (chân vịt) cho nên vì vậy mà pháp tướng của ông đã tạo nên cái chết bất đắc kỳ tử.

Ấn tướng như trên đã nói là phần tướng hiện ra bất ngờ để báo hiệu cho ta một sự gì quan trọng sắp xảy ra khác với Ấn tướng.

Nói một cách cụ thể hơn: Ấn tướng là một hiện tượng mới bắt nguồn sự trường phạt hay ban thưởng mà ơn trên đã dành cho ta.

Trong phạm huyên bí của tướng mệnh, Ấn tướng chỉ có tác dụng giá trị trong vòng ba tháng hoặc lâu hơn là năm tháng mà thôi. Người có Ấn tướng không bao giờ biết được mình có, chỉ dưới con mắt của nhà chuyên môn mới khám phá ra được. Điều cần lưu ý là Ấn tướng không phải là hoàn toàn xấu mà cũng có khi Ấn tướng để báo hiệu cho một điểm làm sắp xảy đến.

Ấm tướng thường ẩn hiện ở thượng đỉnh (vầng trán) hai bên thái dương, trên lưỡng quyền (gò má) tinh diệu hơn nữa Ấm tượng hiện ở trong mắt, trong tiếng nói (âm thanh...)

Ấm tướng ở thượng đỉnh (trán) vầng trán là diện tướng số một của con người, bình thường vầng trán tự nhiên, bỗng dưng có một sự khác biệt, chẳng hạn như khoảng tối ẩn hiện dưới làn da trán, nếu khoảng tối đó chênh lệch về bên trái (1) thì đó là báo trước của sự chết, nếu khoảng tối đó chênh lệch về phía phải (2) thì đó là điềm báo trước của sự tù tội hoặc là một tai nạn bất ngờ tuy không đến nỗi bị sự hao thiệt không phải là ít.

Nếu khoảng tối nằm chính giữa sơn căn (3) là nơi khoảng giữa của lông mày, bên trái sống mũi thì đó là điềm tang chế sắp xảy ra, có kẻ thân tộc chết như cha mẹ, anh em chẳng hạn.

Nếu khoảng tối nằm án ngữ (che lấp) cả vầng trán (4) thì chính là điềm tai nạn chung cho gia đình, vợ chồng con cái. Để quý vị có thể ý thức rõ rệt về khoảng tối Ấm tướng đó mời quý vị xem hình vẽ dưới đây:

Qua hình vẽ này một khi có Ấn tướng hiện ra quý vị có thể nhận biết một cách dễ dàng nhưng điều cần thiết là phải nhìn thấu suốt một cách tinh vi để phân biệt, bởi vì khoảng tối đó có khi ẩn

khi hiện mà dù có hiện thực rõ ràng cũng chứa ở dưới làn da. Nên sự phân biệt cũng hơi khó khăn nếu không ý thức được chuyên môn.

Cũng qua hình vẽ này, nếu thay vào những khoảng tối đó là những khoảng sáng, thì ta có thể giải đoán như sau:

Một khoảng sáng hiện rõ dưới làn da chếch về phía trái (1) thì đó là điềm đại phát về tiền bạc, chẳng hạn như trúng số, có cửa bất ngờ. Nếu khoảng sáng đó nằm chính giữa sơn căn (2) bên trong sống mũi, giữa khoảng hai lông mày thì đó là điềm lành trong nhà sắp sanh con quý tử, đứa bé tương lai là một bậc quý nhân? Nếu khoảng sáng đó chếch về phía phải (3) thì đó là điềm thăng quan tiến chức, công danh hiển đạt.

Nếu khoảng sáng bao trùm cả thượng đỉnh (vầng trán) thì niềm vui vô cùng to tát, niềm vui đó không riêng gì đương sự được hưởng mà cũng chính là niềm vui chung của mọi người trong gia đình.

Nếu quý vị tìm thấy thượng đỉnh của quý vị có những quan tướng, khoảng sáng đó thì hãy yên chí và bắt đầu hy vọng trong sự chờ đợi để trọn hưởng điềm lành.

Trên đây là phần giải đoán về Âm tướng của thượng đỉnh (vầng trán).

Bây giờ mời quý vị cùng chúng tôi xem đến phần Âm tướng của trung đỉnh. Trung đỉnh kể từ đôi mắt, giới hạn của sơn căn trở xuống đến nhân trung.

Phần này Âm tướng có thì thường hiện ở trong đôi mắt hoặc ở bên gò má lưỡng quyền. Một đôi mắt bình thường là đôi mắt chẳng có gì khác lạ. Nhưng nếu bỗng dưng đôi mắt có một vết nhỏ nổi lên ở trong trắng thì đó là một báo hiệu mới sắp xảy ra.

Nếu vết đen nhỏ hiện ở trong mắt trái (1) thì đó là điềm báo trước sự mất việc, sự buôn bán lỗ lã. Cũng có thể gọi là điềm tán gia bại sản.

Nếu trên gò má trái (3) tức là chỗ lưỡng quyền có một khoảng tối hiện ra thì đó điềm chiến bại trong tình trạng người yêu của mình sắp mất, (bị mọc sừng) hoặc người vợ lăng loạn. Hoặc người chồng sắp có vợ bé, nói chung đây là những báo hiệu của người ngoại tình và phản tình.

Nếu trên gò má bên phải (4) mà có những khoảng tối hiện ra thì đó là điềm báo trước là có té sông hoặc chết chìm, hoặc té xe hay đụng xe hoặc có tai nạn bị tật nguyền, tuy không chắc nhưng thật là nguy hiểm.

Quý vị để ý được rõ ràng hơn mời quý vị xem qua hình vẽ sau đây sẽ rõ hơn của mỗi Âm tướng.

Phần nhận xét về Âm tướng của hình vẽ này cũng không ngoài sự cần thiết tinh vi một cách tuyệt đối của quý vị. Nghĩa là phải tận nhân lực để phân tích trên nét mặt của kẻ đối diện đâu là tối đâu là sáng để giải đoán.

Cũng qua hình vẽ sau đây nếu thay vào sự xấu của đôi mắt là sự tốt, là điềm lành thì ta có thể đoán như sau:

Đôi mắt một người tự nhiên, bỗng dưng long lanh như ướt át, nhìn vào ta có cảm tưởng ở trong đôi mắt họ là cả một vùng ánh sáng trong suốt. Ấy là điềm vui có quà tặng.

Nếu gò má trái, (3) mà hiện ra một khoảng sáng (quan tướng) thì đó là điềm thì cử đỗ đạt, việc làm sắp đến, khỏi sợ thất bại, điềm vui về hôn nhân, sắp gặp người yêu.

Nếu trên gò má bên phải (4) mà có nốt ruồi khoảng vùng ấy thì điềm sắp có quý nhân đến nhà, đem tài lộc vào nhà, có người mời mình cộng tác làm ăn có lợi, được nhiều người kính trọng.

Nếu cả một vùng trung đỉnh đều sáng sủa ấy là điềm đại lợi, trong gia đình có nhiều kẻ thành danh.

Nếu quý vị tìm thấy ở nơi trung đỉnh của mình có những khoảng sáng thì cuộc đời của quý vị sắp tạo được nhiều hạnh phúc, bạn có cơ hội làm nên sự nghiệp không xa lắm.

Sau đây mời quý vị xem quan phần Âm tướng của Hạ đỉnh.

Hạ đỉnh thì bắt đầu kể từ nhơn trung (dưới mũi xuống miệng) trở xuống đến cằm.

Phần Hạ đỉnh, Âm tướng nếu có thường hiện ra ở phía hai bên cửa mép môi dưới và phía chính giữa cằm.

Nếu bình thường mép và môi dưới của quý vị chẳng có gì lạ nhưng bỗng dưng mép môi đó hiện ra nếu là bên trái (1) thì có điềm xui xẻo trong gia đình có con hoặc em chết.

Nếu mép môi bên phải hiện ra một khoảng tối thì đó là có tin buồn từ xa đưa lại. Nếu chính giữa cằm (3) có hiện ra một khoảng tối ấy là điềm báo cho biết sắp có việc gây gổ với kẻ khác. Sự gây gổ này có thể đổ máu chớ chẳng phải vừa đâu. Trong trường hợp này nên coi chừng cánh tay bên trái, coi chừng bị thương tích mang tật. Nếu biết trước Âm tướng này bạn nên đến chỗ đông người tránh sự đôi co, cãi vã.

Sau đây mời quý vị xem phần Hạ đỉnh của Âm tướng để biết rõ hơn.

Sau phần hình vẽ sau đây, nếu thay vào những khoảng tối của Âm tướng mà đó là những khoảng sáng thì quý vị có thể giải đoán như sau:

Nếu khoảng sáng hiện ra dưới mép môi trái (1) thì là điềm báo trước bạn sẽ được xuất ngoại đi xa có lợi. Hay là một chuyến đi du lịch xa.

Nếu khoảng sáng đó được hiện ra ở dưới mép môi phải (2) thì đó là điềm bạn sắp có con trai như ý muốn của bạn cầu mong.

Nếu khoảng sáng đó hiện ra ở dưới cằm (3) thì là tương lai sáng sủa đang chờ bạn đấy, cứ xúc tiến mạnh mẽ sẽ thành công to.

Trên đây là phần Âm tướng mặt, phần này có một vài điều thiếu sót nhưng cũng có thể tạm gọi là đủ, tạm giúp cho quý vị có thể tự xem tướng lấy cho mình hoặc những người khác chỉ cần tập cho cặp mắt của mình quen với sự việc là bạn sẽ thành công.

Bây giờ chúng tôi bàn về Âm tướng của giọng nói:

-- Thường ngày giọng nói của bạn rất tự nhiên, nhưng rồi bỗng dưng một hôm nào đó tiếng nói một bạn khác đi, chẳng hạn như tiếng nói trầm xuống, không thể bình thường, bạn tưởng mình sắp cảm sắp đau ốm gì cả. Đó chính là Âm tướng hiện ra trong giọng nói.

Gặp trường hợp đó ta có thể giải đoán như sau. Bạn sắp gặp một sự trở ngại lớn lao trên công việc bạn đang làm của bạn và có lẽ bạn phải đi xa để giải quyết công việc đó, dù sao thì việc cũng đã hỏng, nếu bạn có trực tiếp nhúng tay vào để cứu gỡ cũng chẳng xong. Đó chính là Âm tướng buồn hiện ra trong tiếng nói âm thanh của bạn.

Nếu tiếng nói của bạn đặc biệt cao hẳn thì bạn nên phòng bị trộm đạo mất cắp, vì đó là sự báo hiệu mất mát của cải.

Nếu bỗng dưng bạn thấy giọng nói của mình có vẻ ngượng ngập phát âm một cách khó khăn thì sắp tới bạn được của hoạch tài, sự làm ăn có nhiều lợi lộc khá lớn.

Sau đây tôi xin thuật lại một Âm tướng có thực đã xảy ra mà tôi đã có lần nhìn thấy, cách đây không lâu, đó là một Âm tướng báo hiệu sự xấu.

Một hôm có người đàn bà (xin giấu tên) bạn của tệ phú đến nhà chơi, bà ta có chồng con đang hoàng, tuổi vào khoảng 27, 28 gì đó. Vì lẽ bạn quen của tệ phú nên tôi cũng có ngồi tiếp chuyện bà ta trong chốc lát, khoảng thời gian đó với một người như tôi thích quan tâm đến mệnh số, tôi đã khám phá ra dưới cằm (địa các) của bà ta là một khoảng tối mập mờ mà tôi biết chắc mới hiện ra lâu lắm cũng mười ngày, biết được tức là không dừng được, tôi liền nói ngay cho bà ta biết rằng: “sắp tới bà có một sự xô xát lớn rất nguy hại”. Bà tôi nghe tôi nói vậy rất lấy làm lạ và cho tôi biết rằng điều đó khó có thể xảy ra, vì từ xưa tới nay ba ta chưa bao giờ thù oán với ai. Lại nữa tánh bà ta rất nhút nhát hiền lành thì làm sao có thể gây sự với ai được, để có thể đi đến chỗ xô xát nguy hiểm? Hơn thế nữa bà ta tự đặt mình trong tư thế một kẻ nhẫn nhịn dù phải hay trái cũng chẳng muốn hơn thua cùng ai, thì tất nhiên chuyện đó không thể có được! Ấy thế nhưng chỉ cách năm hôm sau báo chí Sào gòn đăng một tin giật gân kỳ lạ, đó là tin một vụ đánh ghen lầm lẩn. Mà người bị đánh ghen lầm chính là khách quen của tệ phú.

Số là sau khi đi chợ Sài gòn, trên đường về bỗng nhiên bà ta bị một nhóm người hung dữ, nhảy xổ đến nắm đầu đánh bà cào cấu tới bời, mặc dầu bà ta đã cố la lên và vùng vẫy để thoát khỏi tay những người lạ đang áp đảo bà ta, nhưng vì sức yếu vô hiệu quả và cuối cùng bà ta bị họ đánh đến ngất đi.

Giữa lúc đó thành linh có một người đàn bà lạ mặt la lên thất thanh là “đánh nhầm rồi, không phải nó đâu”. Và bà lạ mặt đó xông vào lôi kéo các người đàn bà hung dữ kia ra, miệng vẫn la lớn lên: “Trời ơi! Đánh nhầm rồi, chạy nhanh lên kéo chết”!

Thế là sau đó những người đàn bà kia vụt chạy trước sự ngỡ ngàng của những người qua đường.

Những kẻ hành hung đó đã tẩu thoát còn là bà ta với mình đầy thương tích, được đồng bào qua đường kêu xe chở vào bệnh viện cứu chữa. Thực là oan ơi ông địa! Sau trận đòn oan đó, bà ta phải nằm bệnh viện gần một tháng mới bình phục.

Trong những ngày bà ta nằm bệnh viện, tôi và tệ phú có ghé thăm và đến lúc đó bà ta mới nói rằng: “Tôi tưởng là ông anh nói đùa chớ ngờ đâu cái Ám tướng tai hại đó mà lại có thực, bây giờ ông anh nhìn kỹ lại xem coi cái Ám tướng báo hai đó có còn không?”. chiều ý bà ta, tôi xem kỹ lại thì quả nhiên Ám tướng đó đã biến mất không còn nữa, tôi nói cho bà biết, bà ta rất mừng...

Trên đây là câu chuyện điển hình có thực của Ám tướng mà chắc quý vị có đọc báo cũng có lần đọc qua tin đánh ghen lầm tai hại đó. Thực ra ở đời việc xảy ra đều có số, nhưng nếu mình biết trước được cái số xui của mình mà tìm cách chạy chữa né tránh thì ít ra cũng tránh được phần nào trong sự xấu...

Có nhiều người đã dùng bùa huyệt ngải để mà cầu may và tránh những sự xấu có thể xảy ra trong đời mình. Tuy việc làm này cũng có phần kết quả trong sự cầu tài, giải mệnh nhưng theo thiện ý của tôi thì muốn tránh qua tai nạn, vận hạn xấu cũng như muốn gặp nhiều sự tốt thì trước tiên nên cầu tâm cho tĩnh và cố gắng tu nhơn tích đức làm nhiều việc thiện phước thì chính mình cũng có thể giải cho mình và đem lại điều lợi cho mình mà khỏi cần nhờ đến ngoại cảnh như bùa ngải chẳng hạn.

(Trong số tới chúng tôi sẽ đề cập và giải thích đến tác dụng của bùa ngải). Người phật giáo thường tin ở thuyết nhân quả là luân hồi, người công giáo tin ở thiên mệnh (ý Chúa) và nếu đó là ý Chúa thì không mấy ai thoát ra khỏi điều Chúa muốn. Tất cả đều hưởng con người hành thiện và điều thiện tạo được nhiều hạnh phúc cho số mệnh.

PHẦN PHỤ

1. Xưa kia ở bên nước Tào vào thuở Tào Đường, nguyên soái Quách Ngoạn Oai có một Âm tướng mọc ở trên lưng. Âm tướng đó là hai cái bướu nhỏ giống như hai con chim “tước nhi”. Có một nhà danh sư nhìn thấy hai cái bướu đó liền nói với Quách Ngoạn Oai rằng “ngày nào hai con chim nhỏ của nguyên soái chính nó đậu lại gần nhau, ngày đó ngài sẽ nắm được thiên hạ”. Quả nhiên hai cái bướu đó càng ngày càng lớn. Vì nhớ lời của vị danh sư đó nên nói nguyên soái họ Quách luôn luôn để ý đến hai cái bướu của mình. Ông cũng tìm cách để làm cho hai cái bướu đó xê dịch lại gần nhau may ra mình có thể soán đoạt cơ đồ thiên hạ để lên ngôi cửu ngũ! Cũng vì ám ảnh đó mà ông đã sai một người cháu vợ là Sài Vinh ngày đêm bất cứ lúc nào rồi rảnh là xoa nắn hai cái bướu đó và ấn cho nó giao lại gần nhau. (Chính thực Sài Vinh có chân mạng đế vương), việc làm của Sài Vinh rất có kết quả, một hôm sau khi nắn hai cái bướu đó, bỗng Sài Vinh mừng rỡ reo lên rằng “Ồi! Hai con chim đã đậu lại gần nhau rồi. Thúc hạ còn chờ gì nữa mà không cứ đồ đại sự để giành lấy thiên hạ?”

Nghe Sài Vinh tuyên bố như vậy nguyên soái họ quách rất mừng rỡ, hôm sau ra lệnh tiến binh làm phản nhà vua và sáng lập ra nhà đại châu xưng danh là châu thái tổ.

Vì không có con trai nên châu thái tổ lập Sài Vinh lên làm thái tử.

Đúng như lời vị danh sư đạo họ bảo số quách ngoạn oai làm vua nhờ âm tướng là hai cái bướu hình chim ở trên lưng. Nhưng chỉ vì họ quách quá gấp làm vua nên mới tạo hoàn cảnh cho hai cái bướu gần nhau bằng cách xoa nắn và chính cũng vì vậy mà chính ông đã tự phá tướng của mình. Thay vì ông được làm vua lâu dài hơn thì chỉ không đầy ba năm ông bị triệu khuôn dẫn bắt bị thương rồi lâm trọng bệnh mà chết, truyền ngôi lại cho thái tử Sài Vinh.

Chuyện lịch sử trung hoa chúng tôi không cần bàn đến mà chỉ bàn đến những gì liên quan đến số mạng.

Ta thử nghĩ xem một sự thông thường, nếu một bào thai chưa đủ ngày, đủ tháng mà người mẹ sanh nó ra ắt là nó phải chết.

Trường hợp của quách ngoạn oai cũng chẳng khác gì đứa nhỏ trong bào thai bị sanh thiếu tháng, tuy nó cũng là người nhưng phải yếu mệnh. Tuy số họ quách làm vua nhưng đi trước số của mình nên họ quách đã không thừa hưởng được lâu bền trên ngôi vị mà phải thọ một cái chết bất đắc kỳ tử là vậy.

Ấn tướng hay phá tướng:

Xưa tại vùng hàng châu bên tàu có một nàng ca nhi nổi tiếng tài sắc vẹn toàn. Các phong lưu công tử hầu hết xa gần đều biết tiếng nên nhiều lần tìm đến làm quen để cùng nàng liếc mắt đưa tình, cợt má đùa môi cho thỏa thích.

Tiếng ca giọng hát của nàng thật ra là có một sức mê ly hấp dẫn lạ kỳ, bất cứ ai đã một lần nghe qua không thể nào quên được.

Nàng ta tên là triệu thủy hoa. Một cái tên cũng không kém phần hấp dẫn.

Ngày nọ có một vị danh sư đã qua hàng châu vì nghe tiếng nàng triệu và nghe tiếng nói nên ghé chơi, lúc ngồi đối diện với nàng triệu và nghe tiếng nói của nàng, vị danh sư bỗng giật mình lấy làm lạ và quan sát kỹ nàng. Càng quan sát kỹ ông ta càng thắc mắc lạ lùng nhiều hơn...

Bởi vì dưới con mắt của một nhà chuyên môn thần bí học, vị danh sư đã tìm thấy “đệ nhất quý tướng” trên khuôn mặt của nàng triệu cùng với giọng nói tương đi, tất cả đều hoàn toàn. Với

những hiện tượng và ẩn tượng đó nếu nàng triệu không trở thành một bậc vương phi thì cũng trở thành “nhất phẩm phu nhân” thọ tước của triều đình dưới tay của vô số kẻ phục dịch, hầu hạ mới phải. Có lý đâu một dọai quý tướng như vậy mà lại đem thân làm kiếp sống nhi bán vui cho thiên hạ.

Suốt đời vị danh sư đo, qua tướng mệnh ông ta chưa bao giờ lầm lẫn trong sự quyết đoán, nhưng hôm nay qua tướng diện của nàng triệu đầu óc ông như muốn vỡ tung ra vì bao nhiêu suy luận và thắc mắc mà không sao giải đáp được.

Trước đây ông ta định ghé lại hàng châu lâu lắm là hai ngày rồi lại rời đi nơi khác, nhưng khi gặp được nàng triệu rồi ông ta quyết định ở lại hàng châu lâu hơn với mục đích cố tìm ra ẩn tượng của nàng triệu, dù phải mất nhiều tháng nhiều năm cũng chẳng sao.

Ý định và mục đích của nhà danh sư nọ, nàng triệu thủy hoa cũng biết rõ nên vì vậy mà mỗi lần ông ta đến gặp nàng dù đang bận bất cứ việc gì nàng triệu cũng sẵn sàng tiếp đón ông ta.

Có nhiều khi danh sư cùng nàng triệu ngồi đối diện nhau hằng giờ, nàng triệu nhờ vị danh sư giải thích cho nàng nghe những bí ẩn trong đời người, những huyền bí của tướng mệnh. Ông còn chỉ cho nàng triệu cả những cách thức xem tướng người...

Tuy là họ nói chuyện với nhau nhưng trong khi nói chuyện, vị danh sư không bỏ sót một cử chỉ nhỏ nhặt nào của nàng triệu từ cái liếc mắt, nụ cười, từ cái đưa tay, giở chân, ngẩng đầu lên hay cúi xuống ông ta đều quan sát kỹ hơn. Và cứ sau mỗi lần gặp nàng triệu trở về, vị danh sư lại vô cùng thất vọng chán nản, vì không tìm thấy được gì khác lạ trong nét tướng của nàng triệu. Ông ta bắt đầu nghi ngờ sự hiểu biết của mình, tuy nhiên ông ta là một người chín chắn, dù biết mình đang gặp khó khăn về nghề nghiệp nhưng ông không vì thế mà bỏ cuộc.

Thấm thoát mà vị danh sư đã ở lại hàng châu gần hai tháng. Một hôm ông chợt chú ý đến nàng triệu có một điểm khác lạ mà điều này từ lâu nay không nghĩ đến.

Điểm khác lạ trong khi ngồi nói chuyện, thỉnh thoảng nàng triệu đứng lên đi ra nhà sau. Việc đó chỉ là sự thông thường nên từ trước tới nay ông ta không chú ý. Một khi đã chú ý đến thì vị danh sư đã khám phá ra nhiều điểm lạ, nghĩa là không quá mười phút, nàng triệu lại đứng lên đi ra nhà sau. Và ngày nào cũng như ngày ấy nàng triệu cũng làm như thế.

Biết chắc chắn rồi vị danh sư không ngần ngại hỏi ngay nàng triệu một câu:

- xin nàng vui lòng cho ta biết, đừng giấu diếm gì cả. Vì sao trong lúc nói chuyện với ta nàng thường đứng lên đi ra nhà sau nhiều lần, có mục đích gì vậy?

Nghe danh sư hỏi, nàng đỏ mặt và ấp úng trong sự xấu hổ e thẹn, lát sau nàng ngượng ngập đáp:

- Tiện thiếp từ tấm bé đã bị một bệnh bất trị. Khi lớn lên thiếp đã có chạy nhiều thầy thuốc nhưng vẫn không trị lành được, đó là bệnh tiểu tiện.

Nghe nàng triệu nói vậy, ông ta đứng bật lên vỗ bàn và nói lớn:

- Đúng rồi ta đã tìm ra ẩn tượng mà cũng là phá tướng của nàng. Ôi một nét tướng quá dễ tìm ra mà ta phải mất nhiều ngày mới biết được, quả thật là một sự vụng về đáng chê trách.

Thì ra ẩn tượng mà cũng là phá tướng của nàng triệu chính là sự liên tiểu của nàng. Bởi vậy cho nên tướng mạo là nhất phẩm phu nhân mà vì phá tướng nên phải sống kiếp ca nhi lạc loài thân phận, đúng số kiếp hồng nhan đa truân vậy.

Phá tướng có thể chữa trị được không?

Ngay từ thể ấu thời, nếu quả thật con người có phá tướng và nếu được một vị danh sư khám phá ra thì phá tướng đã có thể chữa trị được không?

Đặt ra câu hỏi này ta tự thấy thực là khó trả lời được, bởi vì phá tướng tùy theo từng trường hợp cũng có thể chữa trị được mà cũng có thể không. Đây chính là một vấn đề vô cùng tế nhị, phá tướng có hai phần.

Phần thứ nhất thiên về mệnh tướng, phần thứ hai thiên về bản tánh. Nếu quý bạn có một phá tướng thuộc về mệnh số thì phá tướng đó chỉ có thể hy vọng vào căn cứ phúc đức mà may ra hóa giải được, nếu là phá tướng xấu. Còn nếu là phá tướng thuộc về bản tánh thì có thể chữa trị được.

Thí dụ: Một đứa trẻ sơ sinh có nhiều tính tốt, tương lai, sự nghiệp, công danh rực rỡ nhưng có một phá tướng, bao nhiêu sự hung dữ, bản tính nóng nảy thì ngay từ thuở nhỏ, bậc làm cha mẹ nên tạo cho con mình thuần tính, dạy con cho khéo léo tìm đủ mọi cách để khiêu gợi kích thích thiện lương, đứa trẻ sau này gặt hái được nhiều sự thành công vĩ đại hơn.

Hoặc là đứa trẻ có nhiều tánh tốt nhưng bị một phá tướng nào đó làm cho bản tánh nó hèn nhát, ta nên tập cho nó có một ý chí mạnh mẽ, cho nó chường kiến những cảnh hào hùng, những gương can đảm, chọn cho nó những sách ca ngợi anh hùng để chính nó biến đổi tánh dần dần.

Trên đây là sự chữa trị phá tướng theo khoa tâm lý học.

Cũng còn có một cách chữa trị khác theo khoa học thôi miên học. Nhưng đúng theo khoa thôi miên để chữa trị thì con người sẽ bị giảm bớt nhiều sự thông minh của mình.

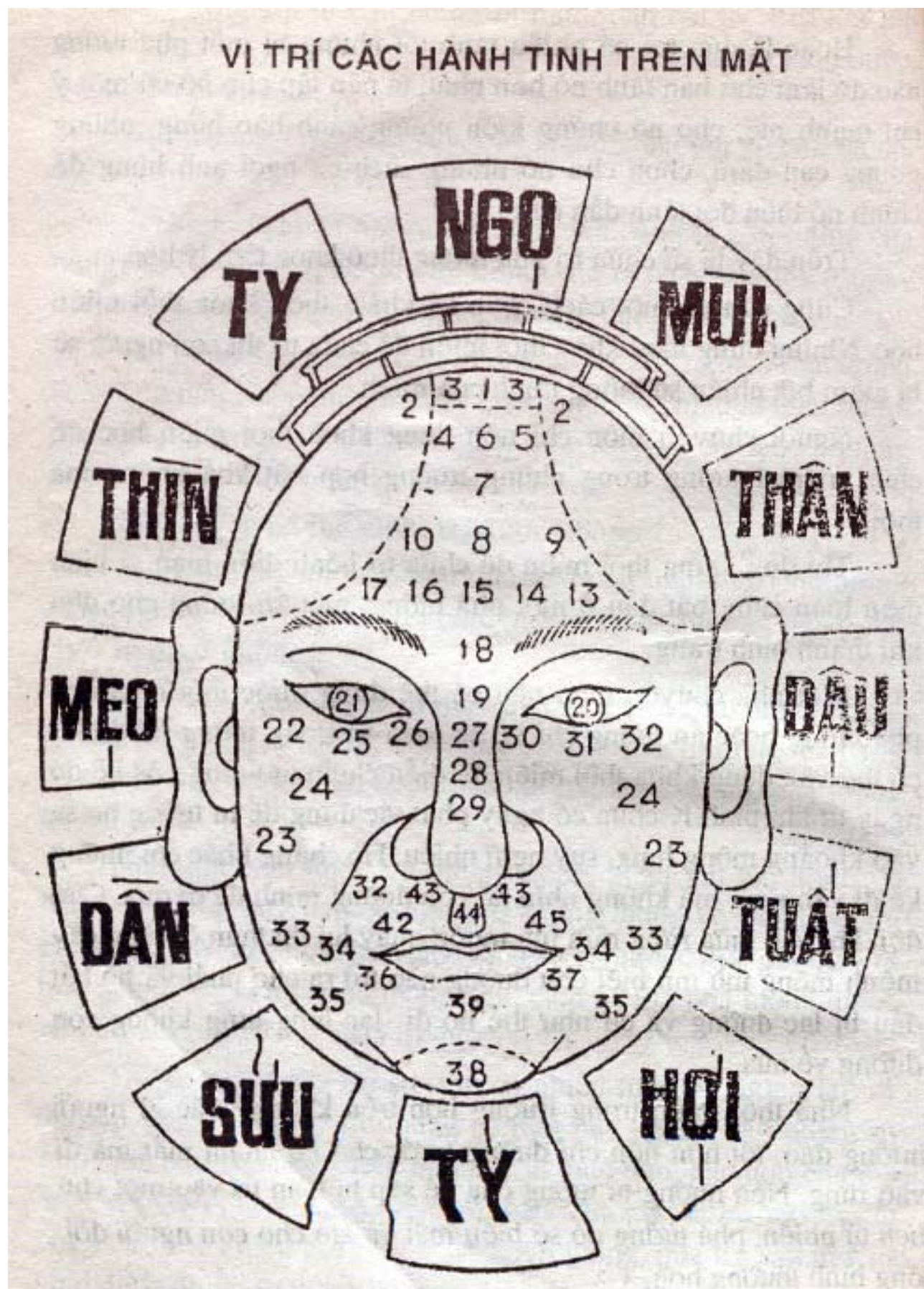
Người chuyên môn chỉ nên dùng khoa thôi miên học để chữa trị phá tướng trong những trường hợp bất khả kháng mà thôi.

Thí dụ: Dùng thôi miên để chữa trị bệnh điên loạn vì bệnh điên loạn cũng bắt đầu ở một phá tướng, một ẩn tướng cho đến khi thành bệnh trạng.

Một nhà chuyên môn nếu có thể đứng trước một người có phá tướng hoặc ẩn tướng chỉ về sự loạn trí trong tương lai thì họ có thể vận dụng khoa thôi miên để điều chỉnh tư tưởng của kẻ đó ngay từ khi bệnh lý chưa có ngày phát tác đường để tư tưởng họ sa vào khoảng mộng lung, suy nghĩ nhiều. Họ chẳng khác chi những kẻ đi vào rừng mà không nhìn lại con đường mình đã đi qua. Cho đến khi vào giữa rừng rậm mà muốn quay lui thì than ôi rừng cây mênh mông mù mịt biết con đường nào trở ra cho phải và họ bắt đầu đi lạc đường và cứ như thế họ đi lạc lung tung không còn đường về nữa.

Nhà thôi miên trong trường hợp trên không khác gì người hướng đạo, tốt hơn nên chỉ đường trước cho kẻ nhắm mắt mà đi vào rừng. Nên hướng tư tưởng của kẻ sắp bị loạn trí vào một chủ đích tự nhiên, phá tướng đó sẽ biến mất và tạo cho con người đời sống bình thường hơn.





HÀNH NIÊN VỊ TRÍ ĐỒ*(Vị trí các hành tinh trên nét mặt)*

Trán : 1) Thiên trung. 2) Sơn lâm. 3) Biên thành. 4) Nguyệt giác. 5) Nhật giác. 6) Phát giác. 7) Thiên đình. 8) Tư không. 9) Phủ. 10) Phụ. 11) Phần mô. 12) Khu lăng. 13) Thi hà. 14) Lăng vân. 15) Trung chánh. 16) Tử khí. 17) Phần hà.

Mũi : 18) Ấn đường. 19) Sơn căn.

Mắt : 20) Trung dương. 21) Trung âm.

Gò má : 22) Thiếu âm. 23) Phụ nhĩ. 24) Quyền. 25) quan điện. 26) Thái âm.

Sống mũi : 27) Niên thượng. 28) Thọ thượng. 29) Chuẩn đầu.

Gò má : 30) Gián đài. 31) Đỉnh úy. 32) Pháp lệnh.

Miệng : 33) Quy lai. 34) Kim lả. 35) Tai. 36) Ba bì. 37) Nga áp.

Cằm : 38) Địa các. 39) Trung đường.

Môi : 40) Thủy tinh. 41) Thừa tương. 42) Lộc tương. 43) Tiên phủ. 44) Nhân xung. 45) Thực thương.

**HỮU TRẮC ĐIỆN ĐỒ (HÌNH VẼ)**

- 1) Sơn Lâm. 2) Biên Thành. 3) Nguyệt Giác. 4) Phụ Giác. 5) Phụ Bậc. 6) Tử Khí. 7) Phúc Đường. 8) Trủng Mộ. 9) Phúc Đường. 10) Quý Huyện. 11) Mạng Môn. 12) Phụ Nhĩ. 13) Tai. 14) Nô Bộc. 15) Ba Trì Nga Áp. 16) Ấn Đường. 17) Sơn Căn. 18) Pháp Lệnh. 19) Thọ Thượng. 20) Chuẩn. 21) Đỉnh Uy. 22) Pháp Lệnh. 23) Nhân Xung. 24) Thừa Tương. 25) Địa Các. 26) Quang Điện. 27) Ngọa Long Gia. 28) Tam Cung Vận. 29) Quyền. 30) Gia Môn. 31) Thiên Thương.

**THẬP NHỊ CUNG SẮC TƯỚNG**

Cũng như khoa tử vi, khoa tướng diện của Trung Hoa cũng chia gương mặt ra làm 12 cung để định sang hèn, quý của tiện con người. Trên mặt người nào cũng đều biểu tượng của 12 cung. Cung nào tốt ắt có phát đạt. Cung nào xấu lẹp bẹp chẳng hạn thì cung đó bị ảnh hưởng xấu. 12 cung chia ra như sau :

Cung mạng : là đường sống mũi.

Cung bào : là hai chân mày.

Cung điền : là hai con mắt.

Cung tử hay Nam Nữ : dưới lối hai con mắt, là lệ đường.

Cung Nô Bộc : là hải hãm nơi địa các.

Cung thê thiếp hay phu quân : là ngự vĩ (hai màng tai).

Cung tật ách : ở sơn căn giữa sống mũi.

Cung Thiên Đô : nơi thiên thượng, nơi má chân mày.

Cung Quan Lộc : nơi trung chánh (chính giữa trán).

Cung Phúc Đức : liên quan thiên thượng và địa các.

Cung tướng diện : cung toàn diện trước mặt.

Cung mạng ứng về vận mạng

Cung mạng ở trên sơn căn, nằm giữa đôi lông mày, tức là ấn đường. Ấn đường mà sáng sủa đầy đặn thì học hành thông minh. Phẳng đầy ở sơn căn là phúc thọ. Có đôi mày giao tiếp nhau là số hèn hạ. Mũi đứng vững hỗ trợ cho ấn đường ắt phú quý vinh hoa. Ấn đường nổi gân rối loạn thì truân chuyên, lưu lạc phong trần, khắc vợ, ít con. Nếu trán hẹp, lông mày khô ắt gặp vận long đong khó hèn.

Cung tài bạch ứng về tiền bạc

Mũi thuộc tài, linh ứng về của cải. Đầu mũi như cái mặt heo, sống mũi thẳng tắp, không gãy, thì giàu có vô cùng. Ngay thẳng, chon von, người ắt gặp một đời sung túc, hanh thông, nếu được trung tránh chảnh lệch thì thật hoàn toàn tốt đẹp mới được phú quý lâu bền. Tướng bản hàn, cay đắng thì lỗ mũi nhọn cao như chim ưng. Mũi hếch lên trống lỗ, nghèo hèn có khi không gạo nấu. Lỗ mũi bóng, sáng ửng đỏ đến huê vượng tài lộc.

Cung huynh đệ hoặc cung bào: ứng vào anh em

Cung này ngồi ở hai lông mày. Nếu dài hơn mắt thì anh em đông, năm sáu người mà lại hòa thuận, không sát nhau. Lông mày thưa thì anh em đoan chính. Lông mày như vòng cung kiến vách của địa cầm lý thấp nghiêng là tướng làm ơn mắc oán.

Cung thuê thiếp, hay phu quân: ứng về vợ chồng.

Ngôi ở ngư vĩ, nhàm vị gian môn là đuôi mắt. Nếu bằng phẳng đầy đặn, không vắn thì vợ chồng tài đức gồm đủ (vợ có tài tề gia nội trợ) vợ chồng có của. Nếu gian môn sâu hãm là tướng lấy vợ chồng liền tay. Ngư vĩ nhiều vắn phòng vợ chồng coi chừng bệnh. Gian môn thâm xám vợ chồng ly tan, có nốt ruồi đen hay có vắn xé vợ dâm dăng ngoại tình.

Cung tật ách: ứng về tật bệnh.

Ngôi ở sơn căn dưới ấn đường cao đầy sáng bóng, tức lộc gồm hai tướng sống lâu, không bệnh tật. Sơn căn cao bằng niên thượng và thọ thượng. Nếu sơn căn ngắn và thấp là tướng yếu hay bệnh tật. Chỉ có xương mà không thịt là tướng suốt đời thọ khổ. Sắc sơn căn mù mịt, ám tối cần nên đề phòng tai ách vây quanh.

Cung thiên di: ứng về sự xê dịch ra ngoài.

Ngôi ở góc trên chân mày, tức thiên thương. Nếu cao đầy phẳng, thì ra ngoài mười phần lợi ích, quý nhân giúp đỡ tài lộc phong đình. Sáng xây lên đến vị dịch mã là tướng làm quan đi khắp bốn phương, thiên thương hãm là tướng vô sở vô tông cho đến già. Lông mày liền giao nhau là tướng phá thống tở nghiệp.

Cung phúc đức: ứng phúc âm tổ tiên để lại.

Ngôi ở thiên thương là địa các: trán, mũi, mắt và hai tai, tức năm tinh nếu được triển cũng toàn vẹn thì phúc nhân đầy đặn, thiên đình địa các chấn hầu thì đức hạnh đầy đủ. Cực khổ long đong từ thuở thiếu thời thì có tran.

Cằm tròn gian truân tuổi lão niên, thì có trán rộng cằm nhọn tướng thì có mày cao mắt xếch.

Cung quan lộc: ứng về công danh và sự nghiệp.

Ngôi ở trung chánh giữa trán, trộn hợp với ly cung, phục tây. Thấu đỉnh thì suốt đời thanh thân, chẳng đến cửa công. Khi sáng sửa, bóng bảy, bằng phẳng là tướng vinh hiển trong đời. Có trán cao, có góc, cạnh thì trong đời thường bị thua gởi. Tráng có vắn, xấu bĩ nát trong đời luôn gặp chuyện trái ngang. Trung chánh xấu, thêm mắt đỏ như cá chép ắt bị tội tình chẳng sai.

Cung tướng mạo.

Cung tướng mạo là cung toàn diện của tướng mặt ứng chung vào vận mạng của toàn thể.

Người vinh hoa phú quý thì ngũ nhạc đầy đủ, đều đặn. Người hiển đạt trong đời tam đình đều nhạc ngũ nhạc triển cao, thù quan lộc hạn. Trông người người tôn trọng thì có dáng điệu đi đứng oai nghiêm.

MUỐN BIẾT NGƯỜI GIÀU NGHÈO RA SAO?

Tráng là nơi tụ tập trí tuệ, cần cao, đẹp thì trí óc mới thông minh. Gò má tượng trưng cho oai quyền phải cao đầy, nếu lép thì cũng chẳng có quyền, mà cũng chẳng có oai gì cả. Mũi biểu tượng cho sự giàu sang khỏa phải cao. Phải thẳng thì mới tốt. Cằm là chỉ sự vinh hoa, phú quý, an lạc phải vuông, phải rộng mới đẹp.

Tất cả năm nhạc đều phải cân xứng thì con người mới phú quý song toàn. Còn kém khuyết đi, hay không tương xứng ắt con người khó mà làm nên danh phận, hoặc giàu sang vinh hiển. Sách có câu: “ ngũ nhạc triều cống , phúc tự nhiên lai” nghĩa là năm nhạc mà tương xứng thì phúc trời cho được hưởng.

Tứ Độc: tức là tượng trưng cho 4 con sông và biểu thị cho 4 cơ quan trên bộ mặt. Đó là sông lớn, sông nhỏ, sông Hoài và sông tế.

Tai là sông lớn, (giang). Mắt là sông nhỏ (hà).

Miệng là sông hoài. Mũi là sông tế.

Tai phải đẹp sâu và rộng, vành trong, vành ngoài phân minh thì gia nghiệp được bền vững, khỏi lo sụp đổ tổn hao.

Mắt phải sáng đẹp, tròn đen, tròn trắng phân minh thì ắt người thông minh, sang quý.

Miệng rộng và vuông là nhứt. Mũi như cá lúi là sáu. Hai môi trên dưới đều nhau, hai môi không khép hết, miệng môi mỏng, môi dày, thì người khó hưởng phúc lộc trời. Đã không giàu sang mà còn kém thọ nữa.

Mũi cần cao lớn đầy thẳng, tròn và sáng, không lộ không hình lên, không khuyết thì được phú quý, gia đình hạnh phúc ấm êm.

Tam đình :

Bộ mặt chia làm tam đình : Thượng, Trung biết Hạ Đình.

Tam Đình cân phân, đồng đều, sáng sửa thì trọn đời sung túc giàu sang và hạnh phúc gia đình. Về già còn được hưởng lộc, không vất vả.

Thượng đình : từ chân tóc đến chân mày, ứng với trời. Kể quý sang, có trán cao và rộng. Thành vách rõ ràng sáng sửa. Kể hèn thì trán thấp hẹp hay méo mó, khuyết

hãm, có thể bị khắc cha hay mẹ, còn bị tù đầy nữa là khác. Thượng đình hắc hãm không bị tù đầy cũng bị đau ốm, hoạn nạn.

Trung đình : Từ chân mày đến mũi, ứng với người. Mũi mà ngay thẳng, cao đầy là người thông minh thọ và sang. Sống mũi xẹp, gãy cụt là kẻ bất nhân bất nghĩa, cô cút không ai đỡ đầu, giúp đỡ. Tuổi thọ cũng bị giảm thiểu, trung niên lận đận, phong ba hao tài tổn của, thiếu thốn tiền bạc.

Hạ đình : từ nhơn trung xuống đến địa các là cảm ứng với đất. Phần hạ đình mà rộng, dày có da thịt nở nang, tề chỉnh thì ắt được giàu sang. Nếu phần hạ đình nhỏ hẹp lẹm nhọn, xiên lệch đó là kẻ nghèo khó, tiền bạc, nhà cửa cũng không, về già vất vả truân chuyên, thiếu thốn cơ cực đủ điều.

Thượng trung và hạ đình là thiên, địa, nhân nếu tốt đẹp, ngay thẳng, cân phân thì thật là hoàn mỹ. Cuộc đời sung túc, vinh hiển, hạnh phúc ấm êm. Nếu xiên lệch hay kém khuyết một phần khó mà làm nên.

Xem tam đình, ta cũng biết người tốt, xấu, sang hèn, nên tam đình là điểm quan trọng ở bộ mặt. Ngũ quan tức là tai, mày, mắt, mũi, miệng. Năm quan này mà tốt đẹp, tất được vinh quý khôn cùng. Tai tức là thính quan. Mày là bảo thọ quan (chủ sự sống lâu). Mắt là quan sát quan. Mũi là thẩm hiện quan (phán xét mùi vị). Miệng là xuất nạp quan (thu chi tiếng nói).

Sách nhân luân đại thống có câu : “ Người được một trong ngũ quan tốt đẹp thì vinh hiển 10 năm. Nếu được một phủ tốt đẹp (hai địa khổ) hai thiên thương và hai gò má thì phong phú 10 năm”.

Và theo sách thần tướng toàn biên thì người ngũ quan tốt đẹp cả, thì cuộc đời sang trọng vô cùng, tốt không thể nói.

NGŨ TINH :

Ngũ tinh gồm có trán là hỏa tinh, mũi thổ tinh, tai phải là mộc tinh, tai trái là kim tinh, miệng là thủy tinh.

Cũng như ngũ quan, nếu ngũ tinh mà tốt đẹp thì cũng tốt không thể nói phú quý, vinh hoa tột bực. Được tốt trong hai ngũ tinh cũng khá tốt đẹp rồi.

Trán là hỏa tinh : trán mà thấp, hẹp, bị chéch một bên thì ắt khắc cha mẹ, công danh khó thành đạt, như vậy thổ tinh đã bị hại. Trán nhọn, thô, xấu, có nhiều vết nhăn cũng xấu, khó làm nên việc lớn. Người sớm có tài nghệ, đặc lộc tai quan thì trán rộng, đầy đặn, chân tóc lại cao kiểu thổ tinh đó là tốt nhất. Người thông minh chí khí hơn người mới có chiếc trán này.

Mũi là thổ tinh : Chuẩn đầu (chót mũi) cần phải mập, má đầy, hai lỗ mũi không hếch lên Niên thượng (lỗ mũi hếch thì hèn hạ, đa dâm) thọ thương ngay thẳng đầy đặn, được phước, lộc, thọ hoàn toàn. Nếu cong hay nhọn không thịt và lỗ lộ ra ắt nghèo khó hèn hạ, tánh tình gian trá.

Tai phải là mộc tinh – tai trái là kim tinh : Luân (là thành tai, vành tai). Quách tai (vành trong) mà phân minh đều đặn, mà trắng hồng, trong sáng dưới trên cân xứng vừa phải không mỏng mà cũng không nhô lên nhọn hay nhỏ và cao hơn chân

mày, như vậy mới là tướng đại quý. Trái lại nếu nhọn và nhỏ đó là tướng hèn, vô học mất tiền của, cuộc đời thì long đong rày đây mai đó.

Miệng là thủy tinh : miệng đàn ông phải rộng và vuông (miệng đàn bà rộng thì không tốt) răng đều, môi đỏ nhân trung sâu là tướng sang phú quý. Nếu trái lại răng xấu môi vêu, khóe miệng trệ xuống đó là bần tiện, cả đời thiếu ăn thiếu mặc.

Lục diện :

Mắt trái là thái dương, nếu sáng thì phước lộc có dư, trọn đời ăn sung mặc sướng, phúc đức được hưởng giàu sang.

Mắt phải là thái âm, tròn đen đầy đủ, đẹp đẽ trong suốt, trai ắt có danh phận, quan quyền, gái được quý hiển, lấy chồng hiền, đáng ngôi mệnh phụ.

Sơn căn là Mộc Đức ngay thẳng thì ăn mặc đầy đủ.

Ấn đường là tí khí tròn trịa thì ắt có công danh, quyền tước.

Mày là trái La Hầu, dài đẹp suông không rời ắt hưởng lộc niên trường.

Mày phải là Kế Đô : dài bằng con mắt, thì vợ con đầy đàn.

Lục phủ :

Lục phủ là hai thiên thương tức là nơi hai mái tóc trên chân mày, lưỡng quyền (hai gò má) và hai địa khố hai bên ở cằm phía miệng tượng trưng cho ba giai đoạn trong một đời người từ tuổi hoa niên đến lão niên giàu nghèo như thế nào?

Lục phủ là kho chứa tiền bạc, xem kỹ mấy nơi đó là biết được sự giàu nghèo của bạn ra sao. Trong ba giai đoạn đó thiên thương là lớp khuyết ở hai bên thì lúc tuổi hoa niên gặp nhiều cay đắng về tiền bạc. Lưỡng quyền thấp hẹp thì trung niên lận đận lao đao về kế sinh nhai. Địa khố không đầy, không rộng thì lão niên khổ cực đến lúc tuổi già vẫn còn long đong.

Lục phủ được hoàn toàn, nở đầy đặn không khuyết không hãm thì tài lộc vượng. Thiên hương nổi lên là giàu sang, y lộc phong túc. Địa các vuông đầy thì ruộng rất nhiều, lão niên xung sướng an nhàn.

Hai kho trên là thiên thương hai kho giữa là Địa Khố. Nếu có kho trên là thiên thương mà không có kho dưới là Địa Khố thì trước giàu sau nghèo. Nếu có kho giữa là lưỡng quyền và hai kho trên, dưới không có thì cuộc đời chẳng ra gì, chỉ được khá ở khoảng trung niên, lúc còn trẻ và trở về già thì nghèo khó cô độc long đong.

Do đó, khi ta muốn biết người nào giàu nghèo ra sao ta chỉ xem lục phủ là biết ngay. Đó là yếu quyết xem tướng bất chợt của người vậy.



XÉT ĐOÁN TỔNG QUÁT VỀ KHOA CHIÊM TINH, LÝ SỐ, CĂN MẠNG CỦA MỖI NGƯỜI : CÔNG DANH, SỰ NGHIỆP, TÌNH DUYÊN

Phàm con người hể sinh ra, trước hết người ta đã tìm ra nguyên thủ của sự cấu tạo thành gồm có Thiên can và Địa chi để người đó số mạng của họ ra sao, sanh vào ngày nào, tháng mấy, năm gì, rồi sau đó người ta mới lập nên lý số để giải đoán căn mạng. Cũng do theo đó mà đời vua Phục Hy (nước Tàu) soạn thành năm lịch phân định lấy quả đất làm 12 hướng về trời và làm 10 phương cho nên mới gọi là Thập – Nhị – Địa – Chi và thập Thiên Can. Vì vậy mà có Can tức là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Cứ đi vòng 10 năm thì trở lại và Can ấy người ta ghép với 12 địa chi như sau : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi và cũng vì vậy mà người ta gọi như năm 1973 là Quý Sửu, 1974 là Giáp Dần, 1975 là Ất Mão, 1976 là Bính Thìn, 1977 là Đinh Tỵ, 1978 là Mậu Ngọ, 1979 Là Kỷ Mùi, 1980 là Canh Thân, 1981 là Tân Dậu, 1982 là Nhâm Tuất, 1983 là Quý Hợi, song rồi cũng tính trở lại 1984 là Giáp Tý, và Kế Tiếp là Ất Sửu...

Và sau đó phân định ra một năm 12 tháng và soạn thành lịch và cũng căn cứ theo bắc đẩu mà chuyển lần đi cứ một phía là một tháng và khởi đầu tính từ tháng Giêng và tháng Hai, Ba rồi kế tiếp đến tháng 12 (chạp) rồi sau đó cũng trở lại là tháng Ba cũ sắp theo tháng và đối chiếu như sau :

Tháng Giêng	tức là	Tháng Dần
Tháng Hai	--	Tháng Mão
Tháng Ba	--	Tháng Thìn
Tháng Tư	--	Tháng Tỵ
Tháng Năm	--	Tháng Ngọ
Tháng Sáu	--	Tháng Mùi
Tháng Bảy	--	Tháng Thân
Tháng Tám	--	Tháng Dậu
Tháng Chín	--	Tháng Tuất
Tháng Mười	--	Tháng Hợi
Tháng Mười Một	--	Tháng Tý
Tháng Chạp	--	Tháng Sửu

Rồi thì sau đó cũng tính trở lại, thế là 12 địa chi. Bây giờ người ta phối hợp với 10 thiên can và 12 địa chi và khởi đầu từ giáp đi cùng với dần, vì vậy gọi là giáp dần (từ năm 1974) và sắp theo bảng phân định như sau :

Tháng Giêng	tức là	Giáp Dần
Tháng Hai	--	Ất Mão
Tháng Ba	--	Bính Thìn
Tháng Tư	--	Đinh Tỵ
Tháng Năm	--	Mậu Ngọ
Tháng Sáu	--	Kỷ Mùi
Tháng Bảy	--	Canh Thân
Tháng Tám	--	Tân Dậu
Tháng Chín	--	Nhâm Tuất

Tháng Mười	--	Quý Hợi
Tháng Mười Một	--	Giáp Tý
Tháng Chạp	--	Ất Sửu

Và cứ như thế mà tiếp tục cho nên can bính gáp với chi dần và bắt đầu từ tháng giêng và tính theo năm mà từng tự người ta lấy can và chi mà song hành ấn định niên lịch và khởi đầu từ năm giáp tý rồi từng tự mà luân chuyển đi, cũng do đó là sau 10 năm là hết một giáp, nghĩa là thời gian qua phải là 10 năm tức là 10 can.

Và đây là phương thức tính ra thời tiết của ngày, năm sanh theo âm lịch.

Theo sách cổ truyền, thì cứ hàng năm đều có 24 tiết khí để chia cho 12 tháng, cứ mỗi tiết khí của trời đất được chia làm 15 ngày. Và cũng do đó mà người ta phân định như sau :

Tháng Giêng	nhằm tiết	Lập Xuân	tiết Vũ Thủy
Tháng Hai	--	Kinh Trập	-- Xuân Phân
Tháng Ba	--	Thanh Minh	-- Cốc Vũ
Tháng Tư	--	Lập Hạ	-- Tiểu Mão
Tháng Năm	--	Mão Chưởng	-- Hạ Trí
Tháng Sáu	--	Tiểu Thử	-- Đại Thử
Tháng Bảy	--	Lập Thu	-- Xử Thử
Tháng Tám	--	Bạch Lộ	-- Thu Phân
Tháng Chín	--	Hàn Lộ	-- sương Giáng
Tháng Mười	--	Lập Đông	-- Tiểu Tuyết
Tháng Mười Một	--	Đài Tuyết	-- Đông Chí
Tháng Mười Hai	--	Tiểu Hàn	-- Đại Hàn

như thế người ta đã biết qua sự với cách sử dụng niên lịch và nghiên cứu từ lúc đầu, để lấy tiết khí của đất trời dùng cho 12 tháng mà không bao giờ thay đổi được. Nhưng về sau thời gian biến cải do những tháng thiếu, tháng nhuận nên dời đổi trạng thái lần hồi đưa đến có năm tiết lập xuân lại ở vào tháng 10, tháng 11... Rồi thì các tiết khác cũng sẽ dịch hẳn đi. Nhưng tuần tự thời gian luân chuyển sau 4 năm thì tiết trời khí đất hồi cố nghĩa là lập xuân lại trở về ngự trị cuối tháng chạp (tức là đầu tháng giêng ở vào năm tháng năm).

Về phương pháp tính theo năm sanh của nhân vật chủ ở can chi, dựa theo thời tiết được chia ba phần định số phân biệt nhau đây. Điều chú ý là nhằm lấy can chi của năm sanh ra người đó làm chủ và ghi nhận thời tiết, để biết kết hung vận số phú quý hay bần tiện.

Thí dụ. :

- 1.—Phàm như người sanh sau tiết lập đông , trong tháng 10 năm đó, điều lấy can chi của năm chào đời làm chủ mạng.
- 2.—phàm như người sanh trước tiết lập đông, trong tháng 9 năm đó, điều lấy can chi của năm chào đời làm chủ mạng.
- 3.—phàm như người sanh giữa tiết lập đông trong tháng 11 năm đó, đều lấy can chi của năm chào đời làm chủ mạng.

Về phương pháp tính theo tháng sanh của nhân vật chủ ở cung mạng, ta cũng có ba cách xác định như sau :

1.—phàm như người sanh đúng thời tiết của tháng đó phải lấy can chi của tháng chào đời làm chủ mạng.

2.—Phàm như người sanh sau thời tiết của tháng đó phải lấy can chi của tháng chào đời làm chủ mạng.

3.—Phàm như người sanh trước thời tiết của tháng đó phải lấy can chi của tháng chào đời làm chủ mạng.

Về phương pháp tính theo ngày sinh của nhân vật chủ ở cung mạng, tức là căn cứ theo năm để mà biết can chi. Người ta có thể xem qua niên lịch có ghi nhận.

Ví dụ :

Nhân vật đó sanh ngày mùng năm tháng sáu thuộc can chi gì thì dĩ nhiên căn cứ vào việc bấm đốt ngón tay người ta biết ngay. Vì lẽ can chi của mọi ngày trong mỗi tháng đều có định luật mà công thức tìm thấy để giải đoán lý số. Không mấy khó khăn trở ngại chi hết. Giả sử có nhân vật sanh nhằm ngày mùng một vào giờ tý mà là vừa bước sang tháng giêng năm đinh mẹo người ta biết ngay là ngày bính thìn, tháng nhâm dần năm đinh mẹo, rồi theo đó mà tri ra can chi chủ mạng an tại cung gì, mạng gì.

Về phương pháp tính theo giờ sanh của nhân vật chủ ở can chi mạng ở năm tháng chào đời làm chuẩn trước đã. Nhiên hậu mới xác định tử vi lý số qua các khoa chiêm tinh thần đoán đông phương.

Ví dụ điển hình : Một nhân vật sinh vào ngày bính thìn, tháng nhâm dần năm đinh mẹo, mà căn cứ cổ lịch giải rằng ngày bính và tân khởi từ giờ mậu tức là theo đó, giờ tý ngày bính do mậu đẩy lên và như vậy là giờ mậu tý.

Về phương pháp tính theo 24 giờ so với thập nhị địa chi (12 con giáp) áp dụng cho ban ngày và ban đêm sắp theo thứ tự sau đây :

Ngày

6 giờ sáng	gọi là	giữa giờ Mẹo
7 giờ sáng	--	cuối giờ Mẹo đầu Thìn
8 giờ sáng	--	giữa giờ Thìn
9 giờ sáng	--	cuối giờ Thìn đầu Ty
10 giờ sáng	--	giữa giờ Ty
11 giờ sáng	--	cuối giờ Ty đầu Ngọ
12 giờ trưa	--	giữa giờ Ngọ



1 giờ chiều	--	cuối giờ Ngọ đầu Mùi
2 giờ chiều	--	giữa giờ Mùi
3 giờ chiều	--	cuối giờ Mùi đầu Thân
4 giờ chiều	--	giữa giờ Thân
5 giờ chiều	--	cuối giờ Thân đầu Dậu

Đêm

6 giờ tối	--	giữa giờ Dậu
-----------	----	--------------

7 giờ tối	--	cuối giờ Dậu đầu Tuất
8 giờ tối	--	giữa giờ Tuất
9 giờ tối	--	cuối giờ Tuất đầu Hợi
10 giờ tối	--	giữa giờ Hợi
11 giờ tối	--	cuối giờ Hợi đầu Tý
12 giờ tối	--	giữa giờ Tý



1 giờ sáng	--	cuối giờ Tý đầu Sửu
2 giờ sáng	--	giữa giờ Sửu
3 giờ sáng	--	cuối giờ Sửu đầu Dần
4 giờ sáng	--	giữa giờ Dần
5 giờ sáng	--	cuối giờ Dần đầu Mão

Về tướng tính thì sách cao ly đầu hình có ghi là, Phàm hễ người sanh

năm nào tính theo địa chi (tức 12 con giáp) thí dụ kể từ năm tý mang tướng tính con chuột, sừ là trâu, dần là cọp, mão là mèo, thìn là rồng, tỵ là rắn, ngọ là ngựa, mùi là dê, thân là khỉ, dậu là gà, tuất là chó, hợi là heo.

Theo đó người ta phối hợp với thiên can, tìm ra cung mạng để áp dụng cho phương pháp “ cân xương tính số ” xác định căn mạng dựa trên căn bản thần học chiêm tinh. đối với phép này, nguyên tắc là lấy năm, tháng, ngày, giờ sanh của nhân vật hiện hữu làm chuẩn nghĩa là sau khi phối hợp can chi cung mạng. Người ta cộng lại thành số ước lượng (nặng bao nhiêu và nhẹ bao nhiêu) rồi lập thành giải đoán lý số trọn đời với sự kiện xảy ra tới hên xui may rủi, gia đạo, tình duyên công danh và sự nghiệp.

Bảng lập thành năm, tháng, ngày sanh cộng lại thành lượng, chỉ định luật của phép “cân xương tính số”

NĂM SANH VÀ SỐ LƯỢNG NẶNG NHẸ

Giáp tý	--	1 lượng 2 chỉ
Bính tý	--	1 lượng 6 chỉ
Mậu tý	--	1 lượng 5 chỉ
Canh tý	--	0 lượng 7 chỉ
Nhâm tý	--	0 lượng 5 chỉ



Ất Sửu	--	0 lượng 8 chỉ
Đinh Sửu	--	0 lượng 8 chỉ
Kỷ Sửu	--	0 lượng 8 chỉ
Tân Sửu	--	0 lượng 7 chỉ
Quý Sửu	--	0 lượng 5 chỉ



Bính Dần	--	0 lượng 6 chỉ
Mậu Dần	--	0 lượng 8 chỉ
Canh Dần	--	0 lượng 9 chỉ

	Nhâm Dần	--	0 lượng 9 chỉ
★	Giáp Dần	--	1 lượng 2 chỉ
	Đinh Mão	--	0 lượng 7 chỉ
	Kỷ Mão	--	1 lượng 9 chỉ
	Tân Mão	--	1 lượng 2 chỉ
	Quý Mão	--	1 lượng 2 chỉ
★	Ất Mão	--	0 lượng 8 chỉ
	Mậu Thìn	--	1 lượng 2 chỉ
	Nhâm Thìn	--	1 lượng 0 chỉ
	Giáp Thìn	--	0 lượng 8 chỉ
	Canh Thìn	--	1 lượng 2 chỉ
★	Bính Thìn	--	0 lượng 8 chỉ
	Kỷ Ty	--	0 lượng 5 chỉ
	Tân Ty	--	0 lượng 6 chỉ
	Quý Ty	--	0 lượng 7 chỉ
	Ất Ty	--	0 lượng 7 chỉ
★	Đinh Ty	--	0 lượng 6 chỉ
	Canh Ngọ	--	0 lượng 9 chỉ
	Nhâm Ngọ	--	0 lượng 8 chỉ
	Giáp Ngọ	--	1 lượng 5 chỉ
★	Mậu Ngọ	--	1 lượng 9 chỉ
	Tân Mùi	--	0 lượng 8 chỉ
	Quý Mùi	--	0 lượng 7 chỉ
	Ất Mùi	--	0 lượng 6 chỉ
	Đinh Mùi	--	0 lượng 5 chỉ
★	Kỷ Mùi	--	0 lượng 6 chỉ
	Nhâm Thân	--	0 lượng 7 chỉ
	Giáp Thân	--	0 lượng 5 chỉ
	Bính Thân	--	0 lượng 5 chỉ
	Mậu Thân	--	0 lượng 4 chỉ
★	Canh Thân	--	0 lượng 8 chỉ
	Quý Dậu	--	0 lượng 8 chỉ
	Ất Dậu	--	1 lượng 5 chỉ
	Đinh Dậu	--	1 lượng 4 chỉ

	Kỷ Dậu	--	0 lượng 5 chỉ
	Tân Dậu	--	1 lượng 6 chỉ
★	Giáp Tuất	--	1 lượng 5 chỉ
	Bính Tuất	--	0 lượng 6 chỉ
	Mậu Tuất	--	1 lượng 4 chỉ
	Canh Tuất	--	0 lượng 5 chỉ
	Nhâm Tuất	--	1 lượng 0 chỉ
★	Ất Hợi	--	0 lượng 9 chỉ
	Đinh Hợi	--	1 lượng 6 chỉ
	Kỷ Hợi	--	1 lượng 9 chỉ
	Tân Hợi	--	1 lượng 7 chỉ
	Quý Hợi	--	0 lượng 7 chỉ

★

Tháng sanh và số lượng nặng nhẹ

Tháng Giêng	--	6 chỉ
Tháng Hai	--	7 chỉ
Tháng Ba	--	1 lượng 8 chỉ
Tháng Tư	--	0 lượng 9 chỉ
Tháng Năm	--	0 lượng 5 chỉ
Tháng Sáu	--	1 lượng 6 chỉ Tháng Bảy -- 0
lượng 9 chỉ Tháng Tám	--	1 lượng 5 chỉ Tháng Chín -- 1
lượng 8 chỉ Tháng Mười	--	0 lượng 8 chỉ Tháng Mười Một
	--	0 lượng 9 chỉ
Tháng Mười Hai	--	0 lượng 5 chỉ

Ngày sanh và số lượng nặng nhẹ

Mùng Một	--	0 lượng 5 chỉ	
Mùng Hai	--	1 lượng 0 chỉ	Mùng Ba --
	0 lượng 8 chỉ		
Mùng Bốn	--	1 lượng 5 chỉ	
Mùng Năm	--	1 lượng 6 chỉ	
Mùng Sáu	--	1 lượng 5 chỉ	
Mùng Bảy	--	0 lượng 8 chỉ	
Mùng Tám	--	1 lượng 6 chỉ	
Mùng Chín	--	0 lượng 8 chỉ	
Mùng Mười	--	1 lượng 6 chỉ	
Mười Một	--	0 lượng 9 chỉ	

Mười Hai	--	1 lượng 7 chỉ
Mười Ba	--	0 lượng 8 chỉ
Mười Bốn	--	1 lượng 7 chỉ
Mười Lăm	--	1 lượng 7 chỉ
Mười Sáu	--	0 lượng 8 chỉ
Mười Bảy	--	0 lượng 9 chỉ
Mười Tám	--	1 lượng 8 chỉ
Mười Chín	--	0 lượng 5 chỉ
Hai Mười	--	1 lượng 5 chỉ
Hai Mười Mốt	--	1 lượng 0 chỉ
Hai Mười Hai	--	0 lượng 9 chỉ
Hai Mười Ba	--	0 lượng 8 chỉ
Hai Mười Bốn	--	0 lượng 9 chỉ
Hai Mười Lăm	--	1 lượng 5 chỉ
Hai Mười Sáu	--	1 lượng 8 chỉ
Hai Mười Bảy	--	0 lượng 7 chỉ
Hai Mười Tám	--	0 lượng 8 chỉ
Hai Mười Chín	--	1 lượng 6 chỉ
Ba Mười	--	0 lượng 6 chỉ

Giờ sinh và số lượng nặng nhẹ

Giờ Tý	--	1 lượng 6 chỉ
Giờ Sửu	--	0 lượng 6 chỉ
Giờ Dần	--	0 lượng 7 chỉ
Giờ Mão	--	1 lượng 0 chỉ
Giờ Thìn	--	0 lượng 9 chỉ
Giờ Tỵ	--	1 lượng 6 chỉ
Giờ Ngọ	--	1 lượng 0 chỉ
Giờ Mùi	--	0 lượng 8 chỉ
Giờ Thân	--	0 lượng 8 chỉ
Giờ Dậu	--	0 lượng 9 chỉ
Giờ Tuất	--	0 lượng 6 chỉ
Giờ Hợi	--	0 lượng 6 chỉ

LÔI CHÆ DAÃN THEÂM

Phép “ Cân Xương định số “ qua định hệ tiền chế và công thức cố hữu, như đã lược soạn, tỷ dụ biết rõ ngày giờ, tháng, năm sinh của nhân vật đó, người ta lấy số chỉ lượng theo phương pháp lập thành cộng tất cả lại đại như :

Sanh vào giờ Tý : được 1 lượng 6 chỉ

Sanh vào ngày mùng một : được 0 lượng 5 chỉ

Sanh vào tháng giêng : được 0 lượng 6 chỉ

Sanh vào năm giáp tý : được 1 lượng 2 chỉ Tổng cộng gồm có : 3 lượng 9 chỉ

Căn cứ theo đó, người ta xem bản lý số giải đoán cho mọi lứa tuổi, khi đã làm tìm biết bốn nhân trong ngày, giờ, tháng, năm sanh bởi số chỉ lượng tiền định do khoa chiêm tinh huyền bí cấu tạo nên mạng hệ chính mình, trên yếu pháp thiên cơ linh diệu.

Phân đoán tổng quát về chỉ lượng

2 chỉ 2 lượng : Người có con số chỉ và lượng này căn kiếp cơ cực bản hàn, thân thể bơ vơ đối khổ tha phương cầu thực, trôi nổi lênh đênh không định hướng, vô gia đình, vô nghề nghiệp.

2 lượng 3 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này khó được hanh thông, lúc trẻ lận đận, khi thăng lúc trầm, danh nghiệp không được vững chắc, không gần gũi cha mẹ, anh em, xa quê hương từ thuở nhỏ.

2 lượng 4 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này gia đình nghèo khó, họ hàng cách xa, tha phương cầu thực. Cuộc đời từ trẻ đến già cũng chưa được sung sướng.

2 lượng 5 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì tay làm hàm nhai, tự mình tháo vát lo lấy thân phận, tổ phụ thiếu tu nhân tích đức, khiến con cháu về sau phải chịu lận đận vất vả.

2 lượng 6 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này sớm chịu mồ côi, cuộc đời hoàn toàn không được hạnh phúc, vợ chồng vất vả. Nếu lúc trẻ có đạo tâm thì trở về già được ấm no.

2 lượng 7 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì việc làm ăn thường gặp thất bại. Cuộc đời may ít rủi nhiều, con đường sinh kế chật vật. Tình cảm khô cạn vì thân phận cô đơn. Khả năng kiến thức không có, nên thiếu người đồng chí hướng.

2 lượng 8 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này tâm trí rối loạn. Công việc làm ăn tính toán đều bỏ dở, đời sống tạm bợ, không mừng không lo. Có của phụ ẩm mà không được hưởng. Duyên nợ đôi lần dang dở sau mới bền.

2 lượng 9 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này trưởng thành trong một gia đình không được khá giả. Nhưng có mạng lớn, đến đâu cũng có quý nhân giúp đỡ. Nhờ đó mà cuộc sống có phần phong lưu. Đến 40 tuổi mới được an hưởng phú quý.

3 lượng 0 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này tâm trí thường hay suy nghĩ. Làm ăn thường gặp sự thất bại nhiều hơn thành công, sự nghiệp đôi ba lần sụp đổ. Đến 50 tuổi thì mới an hưởng tuổi già, trở về già se nhờ con cái.

3 lượng 1 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này phần đông lúc thiếu thời phải chịu vất vả, ba chìm bảy nổi tha phương lập nghiệp. Vợ chồng gặp nhau nơi xứ lạ, lúc 38 tuổi mới tạo nên sự nghiệp.

3 lượng 2 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này lúc nhỏ được sung sướng tạo dựng nhà cửa. Vợ chồng sống rất hạnh phúc, sanh con cái rất thông minh. Sau nhờ con gái nhiều hơn. Sống xa cha mẹ hay anh em.

3 lượng 2 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì việc làm ăn lúc đầu thường hay gặp trở ngại, sau mới có kết quả. Vợ chồng sống không được hòa thuận. Đến năm 45 tuổi mới tốt, làm ăn mới trôi chảy, hạnh phúc gia đình mới được yên ấm.

3 lượng 4 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì có số tu hành. Sớm muôn cung xuất gia nương nhờ cửa phật, duyên nợ lỡ làng, ngang trái. Đàn ông thì làm ăn thất bại long đong lận đận, nghèo khổ.

3 lượng 5 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì cuộc đời giàu sang phú quý, làm ăn phát đạt, con cái đầy đủ. Tuy vậy hạnh phúc gia đình không được yên ấm.

3 lượng 6 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì làm chơi ăn thiệt, số có quý nhơn phò trì nên dù việc gì rắc rối sau cũng được thành công. Số này tướng trường thọ. Sau con cháu thi đỗ đạt.

3 lượng 7 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này phần đông xuất thân trong gia đình khá giả, được hưởng phần hưởng hỏa. Có chí lớn tha phương lập nghiệp, tánh can cường không muốn nhờ cậy vào ai dù là cha mẹ. Muốn tự tay mình lập nghiệp mà do mồ hôi nước mắt mình tạo ra...

3 lượng 8 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thì thân đơn độc mã, bỏ nhà xa quê hương từ tấm bé, tìm xứ khác lập nghiệp. Của tiền tạo ra đó rồi mất đó. Tình duyên trắc trở buổi đầu sau mới hợp. Tuổi già cũng như trẻ, tâm trí thường hay suy nghĩ.

3 lượng 9 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này cốt cách phong nhã, hào hoa, tuổi nhỏ học hành giỏi, trí óc thông minh, không ngoan tốt bụng. Đến 36 tuổi thì đường quan lộc công danh rực rỡ. Vợ đẹp con cái sau này hiển đạt.

4 lượng 0 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này lúc nhỏ có phần gian truân, nhưng thời gian ngắn thôi. Cuộc sống từ 25 tuổi trở lên mới được phát đạt. Công danh sự nghiệp được hanh thông. Về sau được hưởng của hoạch tài. Chẳng qua đó là chỗ tích đức phùng đức.

4 lượng 1 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này đúng là nhân vật phi thường, tài ba tốt bụng. Sau này nên danh phận với đời. Có diệp xuất ngoại. Tới 54 tuổi thì thành thoi, con cái đầy đủ.

4 lượng 2 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này lúc nhỏ làm ăn phát đạt tiền bạc dồi dào thì chớ vội mừng. Nếu ngược lại số phải vất vả long đong thì chớ vội trách.

Bởi vì mạng số an bài, trung niên mới phát đạt. Nhưng cần nên tu tâm tích đức thì mới được vững bền.

4 lượng 3 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thông minh hoạt bát, số được kẻ yêu người mến. Có quý nhân giúp đỡ. Đến năm 46 tuổi thì mới được giàu sang sung sướng. Số có con đông.

4 lượng 4 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này phần đông sống cuộc đời cơ cực rày đây mai đó, không gần gũi cha mẹ hay anh em. Sống một cuộc đời tự lập. Đến năm 37 tuổi thì việc làm ăn mới được hanh thông phát đạt.

4 lượng 5 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này bốn ba cho lắm cũng không có kết quả nào, phải đợi đến 40 tuổi thì mới tốt. Đường con cái thì quá hiếm hoi, vợ chồng thì rất hạnh phúc. Gia cảnh trong ấm ngoài êm, tiền bạc đầy đủ, con cái học hành đỗ đạt.

4 lượng 6 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này được quan lộc, số giàu sang vinh hiển. Trong tay lắm kẻ hầu người hạ. Đường hôn nhân có đến hai vợ. Con cái học hành đến phát. Sau nhờ đứa con đầu lòng.

4 lượng 7 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này ắt phải có chức vụ to, giàu sang trọng vọng ít ai bì kịp. Dòng họ đều thuộc vào hàng trưởng giả. Anh em hòa thuận.

4 lượng 8 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này số xa cha mẹ, huynh đệ không hòa thuận. Cuộc sống đời đời đổi. Công danh sự nghiệp chưa thành đạt. Mãi đến ngũ tuần mới có cơ thịnh vượng. Cần nên tu tâm trở về già mới được hưởng phúc lộc.

4 lượng 9 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thường được quý nhân phò trợ. Trắng tay tạo nên sự nghiệp. Nhưng đời sống cũng không được bền vững, khi thịnh khi suy. Ấu đó chẳng qua là sự thử thách. Tuổi trung niên được nhiều người thương kẻ mến.

5 lượng 0 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thường hay suy nghĩ, làm ăn không được thịnh vượng. Cuộc đời ngoài 30 tuổi mới thấy phấn chấn phát đạt. Hào con hào của được tương vượng và bền lâu. Số này được hưởng phần hưởng quả.

5 lượng 1 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này từ nhỏ đến lớn không làm gì động móng tay mà vẫn có để hưởng thụ. Căn kiếp an bài, cha mẹ giàu sang, số có quan quyền nên học ít hiểu nhiều. Sau này có chức phận với đời.

5 lượng 2 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này chắc chắn quyền cao chức trọng, cuộc sống giàu sang. Anh em hòa thuận. Họ hàng nhờ cậy. Con cái sau này làm nên danh phận.

5 lượng 3 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này tâm địa chơn chất hiền hòa. Căn mạng có quý nhân phò trợ nên cho dù gặp việc dữ đến mấy cũng tai qua nạn khỏi. Công danh được thỏa mãn. Vợ chồng sống rất hạnh phúc. Con cái đầy đủ.

5 lượng 4 chỉ Người có con số chỉ và lượng này tánh tình liêm khiết, không ham đổi đời. Tài lộc vượng và được vững bền. Con cái sau này làm nên danh phận.

5 lượng 5 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này phần đông sống một cuộc đời tự lập anh em không nhờ cậy được nên phải lận đận. Đến năm 30 tuổi thì mới có cơ hội vùng vẫy làm ăn phát đạt, cuộc đời sự nghiệp cũng được vững bền.

5 lượng 6 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này tánh tình hiền hòa, anh em hòa thuận. Thường được của hoạch tài. Có quý nhân giúp đỡ. Sau này làm nên danh phận. Con cái đầy đàn.

5 lượng 7 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này có phần không phải lo cũng có cơn no, áo ấm. Vật chất tiền bạc đầy đủ. Mạng phước lộc thọ nên sự nghiệp vững bền, được kẻ trên người dưới mến chuộng.

5 lượng 8 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này thường là người có danh vọng, có chí lớn, một tay làm nên sự nghiệp, anh em không được hòa thuận. Đến năm 40 tuổi mới được thanh thoi. Con cái sau này đỗ đạt làm nên danh phận.

5 lượng 9 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này làm việc gì cũng tốt cả, làm chơi ăn thiệt, có quý nhân giúp đỡ tận tình nên việc làm ăn mới được trôi chảy. Đến năm 34 tuổi thì tài lộc vượng. Con cái đầy đủ.

6 lượng 0 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này tánh tình hay nóng nảy, việc làm ăn không được thịnh vượng phải đợi đến 42 tuổi thì mới tốt đẹp làm chơi ăn thật và có quý nhân giúp đỡ. Con cái trong gia đình được hòa thuận. Số này nhờ con gái hơn con trai. Số trường thọ.

6 lượng 1 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này không thọ quyền chức cũng được giàu sang. Trí óc mở mang học một biết mười. Số ăn trên ngồi trước. Được kẻ đưa người đón, bạn bè thương mến, con cái sau này có đưa lam nên sự nghiệp.

6 lượng 2 chỉ : Người có con số chỉ và lượng này từ nhỏ đến lớn sống cuộc đời vất vả rày đây mai đó mà chưa tạo dựng được sự nghiệp gì. Số này long đong cho đến tuổi 45 mới tạo dựng được sự nghiệp. Số không ngờ cậy được con.

6 lượng 3 chỉ : và tính đến 6 lượng 4 chỉ, sáu lượng 5 chỉ, sáu lượng 6 chỉ, 6 lượng 7 chỉ, 6 lượng 8 chỉ, 6 lượng 9 chỉ, 7 lượng, 7 lượng 1 chỉ, đều tung ra đại cát. Người có con số lượng và chỉ này phần đông đều làm quan to chức lớn, tiền bạc dồi dào. Có quý nhân giúp đỡ. Về sau con cái học hành đỗ đạt.



CÁC SAO BỐN MẠNG CỦA MÌNH

Tất cả mọi sự vật đều sống trên vũ trụ này kể cả con người đều do tạo hóa sanh ra theo thuyết truyền tức là con người sống trên vũ trụ phải có Âm Dương Ngũ Hành. Ngũ hành là : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. còn âm dương tức là trời cho nên con người được cấu tạo ở vũ trụ là mỗi hành tinh và đủ biến chất trong huyết quản, qua xương thịt và trí óc cho nên ta gọi là Âm và Dương. Vì thế con người sống thiếu một phần linh hồn hay thể xác thì không được.

Cho nên con người sinh ra đều có số mạng cả. Nếu bạn đọc và nghiên cứu kỹ thì sẽ thấy ở mỗi người đều có số. Kể gian, người nghèo, kẻ sang, người hèn, ấy là do tạo hóa sắp đặt ra, cho nên bạn đọc thấy sao và hạn của mình trong năm qua, nếu ta biết ngừa hay làm những điều tốt như lễ sao, cúng hạn, làm lành, lánh dữ thì cũng có thể được tốt một phần nào của sự rủi trong năm.

Nói một cách khác là con người sống ở vũ trụ này, ở cõi mà chúng ta không biết mà cũng chẳng thấy ấy là Đại Càn Khôn nằm trong cương tức là Bát Quái, để chỉ sự bao la của vũ trụ, còn cuộc sống ở trần thế chúng ta đang sống này gọi là Tiểu Càn Khôn cũng nằm trong bát Quái.

Xem hình trên thì các bạn đã thấy chín hành tinh mà mặt trời là vị chỉ huy làm chủ sự việc còn các hành tinh là thụ động. Nói tóm lại là theo sự ảnh hưởng của Đại Càn Khôn mà ta chịu theo tức là Tiểu Càn Khôn cho nên ta làm việc gì mà thiếu một trong sự cấu tạo của tạo hóa thì khó mà thành công. Chẳng hạn như người có tài mà thiếu đức cũng không được hay. Nói một cách khác có Âm mà thiếu Dương thì cũng bất thành.

Trở lại việc Tiểu Càn Khôn tức thể xác con người cho nên có chín sao hạn :

- 1, Thổ Tú
- 2, Thủy Diệu
- 3, Thái Bạch
- 4, Thái Dương
- 5, Văn Hồn
- 6, Kế Đô
- 7, Thái Âm
- 8, Mộc Đức
- 9, La Hầu

Vì vậy mới có kiết và hung của sao hạn :

Ngôi sao hạn ấy của con người và so với mặt trời, tức là Thái Dương Thổ Tinh hay (Thổ Tú) mặt trăng hay (Thái Âm) và các biến thể như sau thì không riêng gì khoa học huyền bí của ta và các nước Đông Âu cũng bị ảnh hưởng.

Cứ mỗi vòng của mặt trời là 9 năm, còn trái đất quay quanh mặt trời là một năm tức 365 ngày, còn mặt trăng là 28 ngày quanh quả đất. Tính theo âm lịch thì sự đi lại của Thái Dương Hệ có ảnh hưởng cho con người mỗi năm ứng vào một ngôi sao cứ thế mà tuần tự, tức là cứ tính theo sao Thổ Tú rồi La Hầu, đến sao Kế Đô, là điểm xấu hao tài tốn của. Khi gặp phải năm hạn ấy ta nên cúng tế sao cho đúng phương hướng bài vị.

Ở đây không phải chúng tôi chỉ cách cúng vái mà hết sự rủi ro. Nếu có thì thiết tưởng chẳng phải là điều vô ích vậy.

Nếu các bạn để ý thì vẫn thấy cứ 9 năm trở lại một lần cũng đều giống nhau cả, có điều vì lam lũ làm ăn các bạn không để ý đấy thôi.

Sao và hạn trong sách tử vi mà bạn đọc qua thì lúc nào cũng phải có đi đôi với nhau. Vì vậy mới có chữ Cửu Cung (9 cung) Bát Quái (8 hạn) như sau :

- 1, Tam Kheo
- 2, Ngũ Mộ
- 3, Thiên Tinh
- 4, Toán Tật
- 5, Thiên La
- 6, Địa Võng
- 7, Diêm Vương
- 8, Huỳnh Tiền

Đây phần chỉ cách lễ sao :

Sao La Hầu : Ảnh hưởng của sao này thuộc phân Hành Thủy. Khởi xuất hiện tại tướng Chánh Bắc hồi giờ Hợi (tức 22 giờ đến 24 giờ). Mỗi tháng vào ngày mùng 8, với lá bài vị màu hồng viết chữ đen, đặt bàn tay về hướng chỉ trên. Lễ vật tinh khiết bông, hoa, trà, quả với 9 ngọn đèn.

Thơ đoán hung kiết của sao la hầu

Hành niên mà gặp la hầu
 Chắc là trăm việc lo rầu không an
 Trai thì tại vạ đến quan
 Gái thì nhiều nỗi gian nan buồn phiền



Trai phòng khẩu thiệt bình khiên
 So e con mắt nhiễm truyền bệnh đau
 Gái lo bệnh huyết đầu đau
 Thai sanh dễ quở, xiết bao hiểm nghèo
 “ Thiên cung Thần Nữ, La Hầu, Tinh Quân ”

Đây là bài thơ nói về ảnh hưởng của các ngôi sao :

Đoán về kiết hung của sao mạng, sách lịch Tam Tông Miếu cũng có một bài thơ giải đoán rất đầy đủ như sau :

La Hầu tháng bảy, tháng giêng
 Coi chừng kẻ gặp tai khiên đến mình
 Thổ Tú, Thủy Diệu giữ gìn
 Tháng tư, tháng tám động tình bi ai
 Nhắm sao Thái Bạch ra chi
 Tháng năm trúng kỵ, gắng công đề phòng
 Thái Dương chứa tể Nhựt Cung
 Tháng mười, tháng sáu vận thông đắc tài
 Gặp năm Vân Hớn tháng hai
 Cũng là tháng tám xảy ra loài thị phi

Kế Đô sao đó đến kỳ
Tháng ba, tháng chín sầu bi khóc thảm
Nguyệt Cung Hoàng Hậu Thái Âm
Chín thì kiết, mười một lâm khổ nạn
Tới sao Mộc Đức bình an

Nội trong tháng chạp đặng ban phước lành

Xem bài thơ để đoán kiết hung của sao và hạn như trên, ta thấy rõ, mỗi năm sao hạn có khác nhau, có năm sao tốt, hạn xấu, có năm hạn tốt sao xấu, có năm cả sao lẫn hạn cùng xấu, ngược lại cả sao lẫn hạn tốt.

Đây là bài thơ nói về ảnh hưởng của các hạn :

Sách lịch Tam Tông Miếu có kê một bài thơ đoán hạn kiết hung như sau:

Huỳnh Tiền, bịnh nặng nguy vong
Tam kheo đau mắt đề phòng chân tay
Ngũ Mộ hạn xấu tổn tài
Thiên Tinh mặc phải vạ tai ngục hình
Toán Tận Nạn đến thành linh
Đàn ông rất kỵ bỏ mình lắm khi
Thiên La bịnh thấy quái kỳ
Quỷ ma khuấy phá tâm thì chẳng an
Địa Võng nhiều nỗi buồn than
Lời ăn tiếng nói sanh đoan rầy rà
Diêm vương rất kỵ đàn bà
Rủi lâm sản nặng, chắc là mạng vong
Khuyên ai khẩn nguyện hết lòng
Giải nhượng mới đặng thoát vòng tai ương
Trai thì phước lộc đến kỳ
Gái e khẩu thiệt, có khi phạm nhảm



Đại Nhon thấy mặt vui thầm
Muốn cho có lợi phải tầm phương xa
Năm này thêm số người nhà
Đàn bà chẳng lợi như là đàn ông
Tuy vô tai nạn mặc lòng
Cũng phòng chớ khá qua đông đợi dò
“ Bắc Phương, Nhâm Quý, Thủy Đức, Tinh Quân ”

Sao thái bạch tế sao : Ảnh hưởng của sao này thuộc hành kim, mỗi tháng xuất hiện tại hướng Chánh Tây (mặt trời lặn) vào ngày 15 âm lịch, hồi giờ Dậu (từ 18 đến 20 giờ). Bài vị biên bằng giấy trắng, đặt bàn lễ, lạy về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả và tám ngọn đèn.

Thơ đoán Hung Kiết về sao Thái Bạch :

Hành niên mà gặp Kim Tinh
Muôn điều chẳng đáng thỏa tình việc chi
Trai sầu muộn chết có khi
Gái thì rất ky, tai nghi không ngần.



Quý nhơn thấy mặt vui mừng
Trong nhà lại đặt miệng ăn thêm người
Hôn nhân chớ khá dễ người
Sợ e bụng dạ vướng thì bệnh nguy
Ra vào phòng việc bất kỳ
Tiểu nhơn mưu hại, ưu bi khá phòng.

Sao Thổ Tú cách lễ sao : Ảnh hưởng của sao này thuộc về Hành Thổ mỗi tháng xuất hiện tại hướng Chánh Tây (mặt trời lặn) vào ngày 15 âm lịch, hồi giờ Dậu (từ 18 đến 20 giờ). Bài vị biên bằng giấy trắng, đặt bàn lễ, lạy về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả và tám ngọn đèn.

Thơ đoán hung kiết về sao Thổ – Tú

Hành niên mà gặp Thổ – Tinh
Việc quan sẽ có đến mình chẳng sai
Ra vô chẳng đáng hài hòa
Đề phòng kéo mắc những loài tiểu nhơn
Nam này tai họa nhiều cơn
Trong nhà xào xáo thua hơn bất hòa
Đêm nằm mộng mị thấy ma
Súc loài chẳng lột ra xa bất thường
“ Trung – Ương Mộ Kỵ Thổ Đức Tinh Quân”.

Sao thủy diệu cách lễ sao : Ảnh hưởng sao này thuộc về hành thủy, mỗi xuất hiện tại hướng bắc, vào ngày 21 âm lịch, hồi giờ Hợi (từ 22 giờ đến 24 giờ) bài vị biên bằng giấy màu xanh, đặt bàn lễ lạy về hướng nói trên, lễ vật còn có hương đăng, trà quả với 12 ngọn đèn.

Thơ đoán Hung Kiết về Thái Dương

Hành niên mà gặp Thái Dương
Đầu năm ắt đặt an khang tới cùng
Trai thời hoan hỷ trùng trùng
Gái e mắc phải nạn hung không chừng
Thái Dương ánh gọi trùng trùng
Không nơi nào chẳng sáng chứng rõ ràng

Đi xa tài lộc muôn vàng
 Đại nhơn thấy mặt hân hoan vô ngần
 Trong nhà thêm đặn miệng ăn
 Hiệp hòa mọi sự trở ngăn đứt rồi
 Duy lo phận gái mà thôi
 Chẳng như nam tử gặp hồi yên vui
 Cúng sao khấn vái kiến thiển
 Ổn trời xuống phước khỏi phiên , khỏi lo

“ Nhựt cung Thái Dương Thiên Tử Tinh Quân ”

Sao vân hôn cách lễ sao : Ảnh hưởng sao này thuộc về hành hỏa, mỗi tháng xuất hiện tại hướng chánh nam vào ngày mùng 29 âm lịch, hồi giờ tuất (từ 20 đến 22 giờ). Bài vị biên bằng giấy màu đỏ, đặt bàn lễ lạy về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả , với 15 ngọn đèn.

Thơ đoán hung kiết về sao vân hôn :

Đầu năm mày gặp hỏa tinh
 Giữ theo lối cũ lành mình mới xong
 Gái nhiều tai nạn bận lòng
 Trai lo hình vạ khổ mong thoát vòng



Hỏa – Tinh nhiều nổi long đong
 Sợ e thương tích phạm trong thân mình
 Đàn bà giữ lúc thai sinh
 Sợ e mắc phải tái tinh chẳng hiền
 Đàn ông vạ phạt hình khiên
 Nhiều điều bất lợi, bạc tiền tiêu tan
 Trong nhà gia quyến chẳng an
 Có nuôi lục súc phó toan vẹn toàn.

“ Nam Phương Bính Dinh Hỏa Đức Tinh Quân ”

Sao kế đô cách lễ sao : Ảnh hưởng sao này thuộc hành – Kim, khởi xuất tại hướng Chánh Tây (trời lặn) hồi giờ Dậu (từ 18 đến 20 giờ). Biên bài vị bằng giấy trắng, đặt bàn lễ lạy về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả với 20 ngọn đèn .

Thơ đoán Hung Kiết về sao Kế Đô

Hành Niên mà gặp Kế Đô
 Liên miên tai nạn chẳng giờ nào không
 Đàn bà khẩu thiệt khá phòng
 Đàn ông may đặn thoát vòng tai ương



Đại nhơn thấy mặt chẳng thương
 Ai nuôi mục đức thẳng thường hay hao

Đàn bà khẩu thiệt thấp cao
 Làm ăn xứ lạ, biết bao lỗi tài
 Bằng mà cứ ở nhà hoài
 Nhiều đêm ám muội khó rày biện phân.

“ Thiên Vĩ Cùng Phân, Kế Đô Tinh Quân”.

Sao Thái Âm cách lễ sao : Ảnh hưởng sao này được gọi là Hành Kim. Nam nữ chịu ảnh hưởng tín ngưỡng lễ bái nên biết. Lúc khởi xuất hiện tại hướng mặt trời lặn (chánh tây) hồi giờ Hợi (từ 22 đến 24 giờ). mỗi tháng vào ngày 26 âm lịch. Bài vị bằng giấy bạc, đặt bàn lễ lay về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả với 7 ngọn đèn.

Thơ đoán Hung Kiết về sao thái âm

Hành niên mà gặp Thái Âm
 Sự gì cũng đáng toại tâm xứng tình
 Cầu danh cầu lợi cho mình
 Đi xa mới đáng tiếng tình vẻ vang



Dầu mà kiện cáo tới quan
 Chết là đáng lý, mọi đảng vẹn xong
 Đàn ông hành động khởi công
 Việc gì cũng đáng trong lòng hân hoan
 Đàn bà tật ách chẳng mang
 Nhứt là sanh sản bệnh nan ngặt nghèo

“ Nguyệt Cung Thái Âm, Hoàng Hậu Tinh Quân”

Sao Mộc Đức cách lễ sao: Ảnh hưởng sao này thuộc về Hành – Mộc. Mỗi tháng xuất hiện tại hướng chánh đông (trời mộc) vào ngày 25 âm lịch hồi giờ tý (từ 24 giờ đến 2 giờ). Bài vị biên bằng giấy màu xanh lục, đặt bàn lễ lay về hướng nói trên, lễ vật gồm có hương đăng, trà quả với 20 ngọn đèn.

Thơ đoán hung kiết về sao Mộc Đức.

Hành niên mà gặp mộc tinh
 Đàn bà chẳng lợi giữ gìn tổn hao
 Tuy là chút đỉnh đờn đau
 Năm này tháng nọ việc nào cũng xuôi



Đàn ông con mắt đau rồi
 Đàn bà bệnh máu lôi thôi có gì
 Hôn nhân hòa hiệp tương nghi
 Trong nhà già trẻ đều thì bình an
 “ Đông Phương Giáp Mộc Đức Tinh Quân”



BẢN TÌM NĂM TUỔI SAO HẠN

Dưới đây là bảng tìm năm tuổi sao hạn, quý bạn sắp thử tự như dưới đây cho nam và nữ
(PHƯƠNG PHÁP BỬU SƠN)

SỐ TT	NAM	NỮ
01	La Hầu	Kế Đô
02	Thổ tú	Vân hôn
03	Thủy diệu	Mộc đức
04	Thái bạch	Thái âm
05	Thái dương	Thổ tú
06	Vân hôn	La hầu
07	Kế đô	Thái dương
08	Thái âm	Thái bạch
09	Mộc đức	Thủy diệu

Cách tìm sao hạn

Muốn tìm biết mình sao hạn nào, quý vị hãy lấy tuổi mình xem là bao nhiêu, ví dụ 18, 27, 35, 61, 72... Chẳng hạn. Số tuổi của mình cứ đem ra trừ cho chín, trừ mãi cho đến lúc nào không trừ được nữa, lấy số còn lại là bao nhiêu là con 0, 0 là số 9 tức là mộc đức. Tuổi 33 trừ 3 lần 9 là 27 còn lại là 6 tức là vân hôn. Tuổi bạn là 41 trừ 4 lần 9 là 36 còn lại 5 tức là thái dương. Tuổi bạn là 55 trừ 6 lần 9 là 54 còn 1 tức là la hầu.

Về bên nữ với các tuổi trên trừ 9 còn 0 tức là thủy diệu. Còn 6 là la hầu, còn 5 là thổ tú, còn 1 là kế đô...

Chú ý xin nhớ con số 0 tức là 9.

Bản này là phương pháp riêng của bửu sơn tìm ra và quý bạn có thể xem sao hạn bất cứ năm nào, tuổi nào đều được cả.

NHỮNG NGÀY TỐT NÊN KẾT HÔN

Những ngày tốt để kết hôn nơi phần trên là những ngày rất chọn lọc, hợp cho duyên số. Tuy nhiên gặp trường hợp nào không tiện, quý bạn có thể chọn một ngày trong những ngày cực tốt như sau :

Ngày Bính Dần	--	Ngày Đinh Mão
Ngày Mậu Dần	--	Ngày Kỷ Mão
Ngày Bính Tý	--	Ngày Bính Tuất
Ngày Mậu Tý	--	Ngày Canh Dần
Ngày Nhâm Dần	--	Ngày Quý Mão

NHỮNG NGÀY NGHINH HÔN CỰC TỐT

Ngày giáp dần, ất mão là ngày thiên địa hợp

Ngày bính dần, đinh mão là ngày nhật nguyệt hợp

Ngày mậu dần, kỷ mão là ngày nhân dân hợp

Ngày canh dần, tân mão là ngày kim thạch hợp

Ngày nhâm dần, quý mọo là ngày gian hà hợp.

CÁCH TÌM TUỔI NGŨ HÀNH VÀ NGŨ ĐẾ TỬ CỦA MÌNH

(Từ 1 đến 73 tuổi)

Tuổi	Năm tuổi	Ngũ hành	Ngũ sắc	Tuổi	Năm tuổi	Ngũ hành	Ngũ sắc
47	Giáp tý	Kim	Bạch	17	Giáp ngọ	Kim	Bạch
46	Ất sửu	--	--	16	Ất mùi	--	--
45	Bính dần	Hỏa	Xích	15	Bính thân	Hỏa	Xích
44	Đinh mọo	--	--	14	Đinh dậu	--	--
43	Mậu thìn	Mộc	Thanh	13 – 73	Mậu tuất	Mộc	Thanh
42	Kỷ tỵ	--	--	12 – 72	Kỷ hợi	--	--
41	Canh ngọ	Thổ	Hoàng	11 – 71	Canh tý	Thổ	Hoàng
40	Tân mùi	--	--	10 – 70	Tân sửu	--	--
39	Nhâm thân	Kim	Bạch	9 – 69	Nhâm dần	Kim	Bạch
38	Quý dậu	--	--	8 – 68	Quý mọo	--	--
37	Giáp tuất	Hỏa	Xích	7 – 67	Giáp thìn	Hỏa	Xích
36	Ất hợi	--	--	6 – 66	Ất tỵ	--	--
35	Bính tý	Thủy	Hắc	5 – 65	Bính ngọ	Thủy	Hắc
34	Đinh sửu	--	--	4 – 64	Đinh mùi	--	--
33	Mậu dần	Thổ	hoàn	3 – 63	Mậu thân	Thổ	hoàn
32	Kỷ mọo	--	--	2 – 62	Kỷ dậu	--	--
31	Canh thìn	Kim	Bạch	1 – 61	Canh tuất	--	--
30	Tân tỵ	--	--	60	Tân hợi	--	--
29	Nhâm ngọ	Mộc	Thanh	59	Nhâm tý	Mộc	Thanh
28	Quý mùi	--	--	58	Quý sửu	--	--
27	Giáp thân	Thủy	Hắc	57	Giáp dần	Thủy	Hắc
26	Ất dậu	--	--	56	Ất mọo	--	--
25	Bính tuất	Thổ	Hoàn	55	Bính thìn	Thổ	Hoàn
24	Đinh hợi	--	--	54	Đinh tỵ	--	--
23	Mậu tý	Hỏa	Xích	53	Mậu ngọ	Hỏa	Xích
22	Kỷ sửu	--	--	52	Kỷ mùi	--	--
21	Canh dần	Mộc	Thanh	51	Canh thân	Mộc	Thanh
20	Tân mọo	--	--	50	Tân dậu	--	--
19	Nhâm thìn	Thủy	Hắc	49	Nhâm tuất	Thủy	Hắc
18	Quý tỵ	--	--	48	Quý hợi	--	--

MƯỜI THIÊN CAN HIỆP NHAU

(Thuộc về ngũ hành)

Giáp	hiệp với	Ất	thuộc về	Mộc
Bính	--	Đinh	--	Hỏa

Mậu	--	Canh	--	Thổ
Canh	--	Tân	--	Kim
Nhâm	--	Quý	--	Thủy

MƯỜI HAI ĐỊA CHI XUNG NHAU

(thuộc về ngũ hành)

Dần—Mẹo	thuộc về	Mộc
Ty—Ngọ	--	Hỏa
Thân—Dậu	--	Kim
Tý, Hợi, Tuất, Sửu, Mùi	--	Thổ

Theo luật của trời, của năm thể giao nhau mà gọi là ngũ hành từ thái âm đến thái dương cho nên người ta gọi tắt là âm dương.

Âm dương sanh ra loài vật gồm có cây cỏ và loài người, trong thân thể người ta được gọi là ngũ hành, tức là kim, mộc, thủy, hỏa và thổ. Nếu thiếu một nhân vật nào người ta không tồn tại.

CAN, CHI THUỘC ÂM DƯƠNG

Thiên Can : Giáp, Bính, Mậu, Canh thuộc Dương

Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý thuộc Âm

Địa chi : Tý, Dần, Thìn, Ngọ, Thân, Tuất thuộc Dương

Sửu, Mẹo, Mùi, Ty, Dậu, Hợi thuộc Âm.

CAN, CHI THUỘC NĂM HÀNH VÀ**BỐN PHƯƠNG, BỐN MÙA**

Thiên can: Giáp, Ất, thuộc hành mộc là phương đông. Bính, Đinh, thuộc hành Hỏa, là Phương Nam. Mậu, Kỷ thuộc hành Thổ là Trung Ương (tuồng giữa). Canh, Tân thuộc Hành Kim, là phương tây, Nhâm, Quý thuộc hành thủy là phương bắc.

Địa chi : dần, mẹo, thìn thuộc hành mộc, giữa mùa xuân là phương đông, ty, ngọ, mùi thuộc hành hỏa giữa mùa hạ là phương nam, thân, dậu thuộc hành kim, giữa mùa thu là phương tây, hợi, tý, sửu thuộc hành thủy, giữa mùa đông là phương bắc.

Bốn chi: thìn, mùi, tuất, sửu nói về đơn thuộc hành thổ là bốn tháng quý (bốn tháng cuối mùa thu là tháng hợi, tháng 6, tháng 9, tháng 12), bốn tháng duy (bốn tháng giáp đông bắc, tây bắc, đông nam, tây nam).

**PHẦN COI NGÀY GẢ TỐT XẤU**

(Những ngày tốt mọi việc đều nên dùng)

Tháng Giêng -- Ngày Tý, Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi.

Tháng Hai -- Ngày Sửu, Thân, Tuất, Hợi.

Tháng Ba -- Ngày Tý, Dần, Ty, Ngọ, Thân, Dậu.

Tháng Tư -- Ngày Tý, Sửu, Ngọ, Mùi, Mẹo, Dậu.

Tháng Năm -- Ngày Sửu, Dần, Thìn, Mùi, Tuất.

Tháng Sáu -- Ngày Tý, Dần, Mẹo, Dậu, Thân.

Tháng Bảy -- Ngày Tý, Mẹo, Thìn, Thân, Dậu, Ngọ.

Tháng Tám -- Ngày Sửu, Dần, Thìn, Ty, Ngọ, Tuất, Hợi.

Tháng Chín -- Ngày Tý, Mẹo, Tỵ, Mùi, Hợi.
 Tháng Mười -- Ngày Tý, Mẹo, Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Dậu.
 Tháng Mười Một -- Ngày Sửu, Dần, Thìn, Tỵ, Tuất, Hợi .

NHỮNG NGÀY TỐT, GÁI VỀ NHÀ CHỒNG

Tuổi gái	tháng tốt
Tuổi tý và tuổi ngọ	tháng sáu và tháng chạp
Tuổi Sửu và tuổi mùi	tháng năm và tháng mười
Tuổi dần và tuổi thân	tháng hai và tháng tám
Tuổi mẹo và tuổi dậu	tháng giêng và tháng bảy
Tuổi thìn và tuổi tuất	tháng tư và tháng mười
Tuổi tỵ và tuổi hợi	tháng ba và tháng chín

NĂM CUNG NIÊN KỶ CƯỚI GÁI

Trai tuổi tý kỷ năm mùi
 Trai tuổi Sửu kỷ năm thân
 Trai tuổi dần kỷ năm dậu
 Trai tuổi mẹo kỷ năm tuất
 Trai tuổi thìn kỷ năm hợi
 Trai tuổi tỵ kỷ năm tý
 Trai tuổi ngọ kỷ năm Sửu
 Trai tuổi mùi kỷ năm dần
 Trai tuổi thân kỷ năm mẹo
 Trai tuổi dậu kỷ năm thìn
 Trai tuổi tuất kỷ năm tỵ
 Trai tuổi hợi kỷ năm ngọ



Gái tuổi tý kỷ năm mẹo
 Gái tuổi Sửu kỷ năm dần
 Gái tuổi Dần kỷ năm Sửu
 Gái tuổi Mẹo kỷ năm tý
 Gái tuổi thìn kỷ năm hợi
 Gái tuổi tỵ kỷ năm tuất
 Gái tuổi tuổi ngọ kỷ năm dậu
 Gái tuổi mùi kỷ năm thân
 Gái tuổi thân kỷ năm mùi
 Gái tuổi dậu kỷ năm ngọ
 Gái tuổi tuất kỷ năm tỵ
 Gái tuổi hợi kỷ năm thìn

*Phàm trai hay gái đều không nên kết hôn nhằm những năm hung niên vì rất khắc kỷ.
 Quý vi xem bản lập thành sẵn trên đây thật đúng chẳng sai.*

SÁU TUỔI KỶ NHAU VỀ CƯỚI GÁI

(Lục lại)

Tuổi Tý kỵ tuổi Mùi

Tuổi Dần kỵ tuổi Tỵ

Tuổi Thân kỵ tuổi Hợi

Tuổi Sửu kỵ tuổi Ngọ

Tuổi Mẹo kỵ tuổi Thìn

Tuổi Dậu kỵ tuổi Tuất

BỐN TUỔI KỶ NHAU VỀ CƯỚI GẢ

(**Tứ tuyệt**)

Tuổi tý Kỵ tuổi Tỵ

Tuổi dậu Kỵ tuổi Hợi

Tuổi ngọ Kỵ tuổi Hợi

Tuổi mẹo Kỵ tuổi Thân.

Những tuổi ghi rõ trên đây chặn những kỵ nhau về cưới gả, mà anh em thân quyến cũng vẫn khắc kỵ nhau như thường.

NGÀY TỐT NÊN DỪNG XÂY ĐÁP NỀN NHÀ

Ngày Bính—Dần, Tân—Tỵ, Mậu—Thân, Kỷ—Hợi

NGÀY TỐT NÊN DỪNG CÁT NHÀ

Ngày Giáp Tuất, Canh Tý, Quý Tỵ, Ất Mẹo, Canh Thìn, Đinh Tỵ, Giáp Ngọ, Kỷ Mùi, Nhâm Thân, Bính Thân, Mậu Tuất, Kỷ Dậu, Nhâm Dần, Quý Hợi.

NGÀY TỐT NÊN DỪNG LỢP NHÀ

Ngày Giáp Tuất, Nhâm Tý, Tân Sửu, Canh Dần, Quý Mẹo, Quý Tỵ, Ất Mùi, Giáp Ngọ, Kỷ Dậu, Tân Dậu.

NGÀY TỐT NÊN DỪNG XÂY BẾP, XÂY LÒ

Tháng Giêng

Tháng Hai

Tháng Ba

Tháng Tư

Tháng Năm

Tháng Sáu

Tháng Bảy

Tháng Tám

Tháng Chín

Tháng Mười

Tháng Mười Một

Tháng Mười Hai

Ngày Tuất

Ngày Sửu

Ngày Tý

Ngày Mẹo

Ngày Dần

Ngày Tỵ

Ngày Thìn

Ngày Mùi

Ngày Ngọ

Ngày Dậu

Ngày Thân

Ngày Hợi



NHỮNG VÌ SAO TỐT TRONG 28 VÌ SAO LÀ :

Sao phòng, vĩ, cơ. Đẩu, thất, bích, khuê, trượng, chấn (xin quý vị dò các sao tốt này trong những quyển lịch tàu và lịch việt ngữ đều có ghi rõ)

GIỜ CON SÁT (XẤU)

Trẻ con sanh nhằm những giờ dưới đây thì thường hay đau ốm bệnh tật.

Sanh tháng giêng	nhằm giờ tỵ
Sanh tháng hai	nhằm giờ ngọ
Sanh tháng ba	nhằm giờ mùi
Sanh tháng tư	nhằm giờ thân
Sanh tháng năm	nhằm giờ dậu
Sanh tháng sáu	nhằm giờ Tuất
Sanh tháng bảy	nhằm giờ Hợi
Sanh tháng tám	nhằm giờ Tý
Sanh tháng chín	nhằm giờ Sửu
Sanh tháng mười	nhằm giờ Dần
Sanh tháng mười một	nhằm giờ Mão
Sanh tháng mười hai	nhằm giờ Thìn

GIỜ ĐIỂM VƯƠNG (XẤU)

Trẻ con sanh nhằm những giờ sau đây thì hay sợ sệt giạt mình

Sanh mùa xuân nhằm giờ Sửu và giờ Mùi

Sanh mùa hạ nhằm giờ Thìn và giờ Tuất

Sanh mùa thu nhằm giờ Tý và giờ Ngọ

Sanh mùa nhằm giờ Mão và giờ Dậu

GIỜ XẤU

Trẻ con sanh nhằm những giờ sau đây thì hay khóc vào những giờ ban đêm (gọi là khóc dạ đề).

Sanh mùa xuân nhằm giờ Ngọ

Sanh mùa hạ nhằm giờ Dậu

Sanh mùa thu nhằm giờ Tý

Sanh mùa đông nhằm giờ Mão.

Còn những kẻ nào không sanh nhằm vào những giờ trên đây thì rất dễ nuôi, trai hay gái cũng vậy.

CÁCH TÍNH GIỜ THEO THẬP NHỊ ĐỊA CHI

Giờ Tý từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng

Giờ Sửu từ 1 giờ sáng đến 3 giờ sáng

Giờ Dần từ 3 giờ sáng đến 5 giờ sáng

Giờ Mão từ 5 giờ sáng đến 7 giờ sáng

Giờ Thìn từ 7 giờ sáng đến 9 giờ mai

Giờ Tỵ từ 9 giờ mai đến 11 giờ mai

Giờ Ngọ từ 11 giờ mai đến 1 giờ trưa

Giờ Mùi từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều

Giờ Thân từ 3 giờ chiều đến 5 giờ chiều

Giờ Dậu từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối

Giờ Tuất từ 7 giờ tối đến 9 giờ đêm

Giờ Hợi từ 9 giờ đêm đến 11 giờ đêm.

Cứ như thế thì 1 giờ địa chi, thì có 2 tiếng đồng hồ 24 giờ so với 12 giờ địa chi.

Ban ngày : 6 giờ sáng là giữa giờ mẹo

7 giờ sáng là giữa giờ thìn

9 giờ sáng là cuối giờ thìn (đầu giờ tỵ)

10 giờ sáng là giữa giờ tỵ

11 giờ sáng là giữa giờ tỵ (đầu giờ ngọ)

12 giờ trưa là giữa giờ ngọ

1 giờ trưa là cuối giờ ngọ (đầu giờ mùi)

2 giờ trưa là giữa giờ mùi

3 giờ trưa là cuối giờ mùi (đầu giờ thân)

4 giờ chiều là giữa giờ thân

5 giờ chiều là cuối giờ thân (đầu giờ dậu)

6 giờ chiều là giữa giờ dậu

7 giờ tối là cuối giờ dậu (đầu giờ Tuất)

8 giờ tối là giữa giờ Tuất

9 giờ tối là cuối giờ Tuất (đầu giờ Hợi)

10 giờ tối là giữa giờ Hợi

11 giờ tối là cuối giờ Hợi (đầu giờ Tý)

12 giờ tối đêm là giữa giờ Tý

1 giờ đêm là cuối giờ Tý (đầu giờ Sửu)

2 giờ đêm là giữa giờ Sửu

3 giờ đêm là cuối giờ Sửu (đầu giờ Dần)

4 giờ khuya là giữa giờ Dần

5 giờ khuya là cuối giờ Dần (đầu giờ Mão)



XEM GIỜ SANH ĐỂ BIẾT SANG HÈN CỦA MỖI NGƯỜI

(Nam nữ xem chung)

Bạn nào sanh đầu giờ tỵ:

Sanh ra tính nóng vội vàng

Còn cha khắc mẹ cùng là khắc thê

Con cái chẳng hạn nam nhi

Họ hàng xung khắc nổi trôi xứ người

Bạn nào sanh cuối giờ tỵ:

Cha mẹ không thể an toàn

Anh em cũng ít sống nhờ người dưng

Long đong số kiếp tại trời

Tình duyên cũng phải hai lần mới nên

Bạn nào sanh đầu giờ Sửu:

Đầu giờ cha mẹ đủ đôi

Anh em cùng với họ hàng cũng đông

Thành nhân khi tuổi hai mươi
Song toàn văn võ tài ba hơn người
Bạn nào sanh giữa giờ Sửu:
Sanh ra có mẹ có cha
Tuổi thơ cực khổ lao đao nhiều bề
Anh em nào có được nhờ
Gắng công ra sức một mình lập nên
Bạn nào sanh cuối giờ Sửu:
Sanh ra còn mẹ, thiếu cha
Tuổi thơ cực khổ, trăm chiều đắng cay
Bốn mươi có lộc mới là
Tuổi già mới được thanh thoi an nhàn
Bạn nào sanh đầu giờ Dần:
Sanh ra cha đã mất rồi
Tiền vận vất vả hãy chờ vận sau
Ngoài ba mươi tuổi sắp lên
Tuổi già được hưởng mười phần hiển vinh
Bạn nào sanh giữa giờ Dần:
Sanh ra có số giàu sang
Ba mươi tuổi đã vẻ vang hơn người
Anh em vui vẻ thuận hòa
Gia môn yên ổn, cháu con sum vầy
Bạn nào sanh cuối giờ Dần:
Sanh ra thiếu mẹ còn cha
Tuổi thơ gặp cảnh gian nan trăm bề
Ba mươi sáu tuổi lập thân
Vợ con sớm có mà rồi như không
Bạn nào sanh đầu giờ Mão:
Sanh ra đầy đủ mẹ cha
Tính tình ngay thẳng lại người hiền lương
Số này được hưởng giàu sang
Ba mươi hai tuổi công danh vang lừng
Bạn nào sanh giữa giờ Mão:
Sanh ra chỉ còn có cha
Tánh tình nông nổi khó nên việc gì
Anh em lạnh nhạt bất hòa
Tình duyên trắc trở nhiều lần mới nên
Bạn nào sanh cuối giờ Mão:
Sanh ra vắng cả mẹ cha
Ngược xuôi vất vả gian nan cung nhiều
Có tài có lộc về sau
Vợ con sum hiệp tuổi già thanh thoi

Bạn nào sanh đầu giờ thìn:

Sanh ra còn cả mẹ cha
Tánh tình nóng nảy việc nhà chẳng xong
Anh em chẳng khác người dưng
Tuổi thơ đau khổ sau này mới nên

Bạn nào sanh giữa giờ thìn:

Sanh ra còn mẹ khắc cha
Có nhiều bạn quý gia đình tạo nên
Tuổi thơ lưu lạc nhiều phen
Về già mới được hưởng phần thanh thoi

Bạn nào sanh cuối giờ thìn:

Sanh ra có mẹ lẫn cha
Thông minh mọi việc làm đều thành công
Bạn bè người tốt cũng đông
Gia đình êm ấm, bạc tiền cũng dư

Bạn nào sanh đầu giờ tỵ:

Sanh ra thiếu còn cha
Tuổi thơ vất vả không người giúp cho
Hậu vận gặp sự tốt lành
Vợ chồng con cái yên vui sang giàu

Bạn nào sanh giữa giờ tỵ:

sanh ra còn mẹ khắc cha
tiền bạc dư dả cửa nhà giàu sang
họ hàng thân thuộc cũng đông
một nhà sum họp, cháu con sum vầy

bạn nào sanh cuối giờ tỵ:

sanh ra còn mẹ thiếu cha
tuổi xanh gian khổ, biết nhờ cậy ai
anh em thân thuộc dửng dưng
về già mới được hanh thông anh em nhân

Bạn nào sanh đầu giờ ngọ:

Sanh ra mất mẹ lẫn cha
Anh em thân thuộc thuận hòa đôi bên
Gia đình phú quý hanh đông
Đông con nhiều cháu yên vui xum vầy

Bạn nào sanh giữa giờ ngọ :

Sanh ra cha mẹ đủ đôi
Tiền bạc túng thiếu nhục nhằn tuổi thơ
Ngòai ba mươi tuổi mới nên
Vợ chồng hòa hiệp đến khi bạc đầu

Bạn nào sanh cuối giờ ngọ:

Sanh ra còn mẹ thiếu cha

Hôn nhân chậm trễ mới là điều hay
Sanh con đầu lòng chưa yên
Về sau mới được gia đình hòa vui
Bạn nào sanh đầu giờ mùi:
Sanh ra còn đủ mẹ cha
Có thanh danh lại thêm phần giàu sang
Anh em hòa thuận giúp nhau
Gặp may hưởng phước trời cho suốt đời
Bạn nào sanh giữa giờ mùi:
Sanh ra thiếu mẹ còn cha
Tánh tình rộng lượng được người mến thương
Hôn nhân con muộn mới hay
Tuổi già được hưởng thanh nhàn thảnh thơi
Bạn nào sanh cuối giờ mùi:
Sanh ra mất mẹ lẫn cha
Anh em lạnh nhạt khác gì người dưng
Tuổi thơ vất vả gian lao
Vận sau thành đạt cửa nhà yên vui
Bạn nào sanh đầu giờ thân:
Sanh ra cha mẹ song toàn
Thông minh sánh suốt tính tình hiền lương
Anh em đều được giàu sang
Được hưởng phước trời của chất đầy kho
Bạn nào sanh giữa giờ thân
Sanh ra còn mẹ thiếu cha
Bà con thân thích ững là người dưng
Con cái phá hại gia cang
Ngược xuôi buôn bán kiếp này gian nan
Bạn nào sanh đầu giờ dậu:
Sanh ra còn cả mẹ cha
Thông minh lại gặp bạn bè hiền lương
Anh em thân thích cây trồng
Giàu sang hạnh phúc, cháu con sum vầy
Bạn nào sanh giữa giờ dậu:
Giữa giờ thuận mẹ khắc cha
Tánh tình nóng nảy cũng hay giận hờn
Trước thì khắc cả mẹ con
Sau này cũng đặng có ngày dựng nên
Bạn nào sanh cuối giờ dậu:
Sổ sanh khắc mẹ lẫn cha
Tha phương lập nghiệp mới nên cửa nhà
Tiền vận vất vả gian truân

Hậu vận buôn bán giàu sang ai bằng

Bạn nào sanh đầu giờ Tuất

Số này cha mẹ chẳng lo
 Một tay lập nghiệp sau này mới nên
 Có danh có tướng giàu sang
 Tiền vận khó nhọc hậu lại thanh nhàn
Bạn nào sanh giữa giờ tuất
 Số này thuận mẹ khắc cha
 Anh em chẳng đặng sống cùng người dưng
 Vợ chồng khắc đứa con đầu
 Ngoài ba mươi tuổi trở nên làm giàu
Bạn nào sanh cuối giờ tuất
 Bạn nào sanh cuối giờ này
 Tính tình nóng nảy nhưng hay thương người
 Anh em chỉ có ba người
 Gia đình sum hợp yên vui cửa nhà
Bạn nào sanh đầu giờ hợi
 Số này mẹ sớm lìa đời
 Gian nan vất vả cũng gò anh em
 Tiền vận chẳng được an vui
 Đến hồi vận cuối mới là thanh thoi
Bạn nào sanh giữa giờ hợi
 Số này có tánh hiền ngang
 Thông minh tài giỏi nghiệp nhà làm nên
 Anh em hòa thuận vui tươi
 Gia đình sum hợp phước trời ban cho
Bạn nào sanh cuối giờ hợi
 Số này khắc mẹ thuận cha
 Tính tình quảng đại cũng hai giúp người
 Nhỏ thời vất vả lên đèn
 Tuổi già mới được vinh hoa cả đời



MẠNG KIM

TÁNH CHẤT MẠNG KIM TRONG MÙA XUÂN NẾU GẶP

Kim_Tỷ kiếp: dùng tỷ kiếp để trợ giúp thân hình nếu không có hỏa dù kim có nhiều cũng không uy lực

Từ lệnh :

Mộc_tài :Xuân mộc vượng tức là tài nhiều mà thân phải nhược .mộc nhiều thì tổn đến kim,có tiền tài nhiều thì tổn đến thân thể

Nhật chúa kim kiến:

Thủy thực thương:Thủy thạch,kim phải hàn và phải tiết khí chất của kim – sức kim – càng kém thì hai vật thủy và mộc không thể dùng được.

Thế Nước Tánh Nhu :

Hỏa: Quan sát: xuân còn tàn dư của hơi lạnh nó thích có lửa đến sưởi ấm, và cũng là vật trọng yếu để sưởi ấm cho bản thân nhưng sau thanh minh kỳ có hỏa nhiều.

Thổ: ấn: thân suy nhược cần phải cóThổ trợ giúp, cần có thể đến trợ khí của tài, chế ngự nguồn nước và dưỡng cái chất của kim tức là ẩm tỵ dụng.

MẠNG MỘC

MANG MỘC MÀ SANH VÀO MÙA XUÂN NẾU GẶP

Mộc—quan sát: Gặp kim mà lại thấy hỏa nữa thì vô hại. Mộc nhiều hay ít bao nhiêu, thì cần phải có kim bấy nhiêu. Ít thì tuyệt diệu hơn. Nếu có kim nhiều thì chỉ có làm tổn thương cho thân thể. Suốt đời phải lao khổ.

Vượng – lệnh:

Mộc – tỵ kiếp: mộc cường. Nếu tỵ kiếp trùng gặp kim vẫn phát đạt.

Nhật Chúa Mộc Kiến:

Thủy – ấn: không có hỏa mà có thủy, tức là có sự lo lắng về sức lạnh. Nhưng đến cuối mùa xuân cần phải có nước đến tưới. Nhưng kỳ quá nhiều.

Tính Chúa Kiên Cố

Hỏa – thủy thương: đầu mùa xuân cần phải có hỏa đến sưởi ấm cho mộc, đến tháng hai, tháng ba không có thủy, thì lại kỳ hỏa nhiều.

Thổ – tài ; cậ thổ đến bồi đắp cho mộc. Thổ nhiều thân nhược, thì bị tổn rất nhiều. Thổ mỏng thì tiền tài phong phú, nhưng đến tháng hai tháng ba lại thích tái trình, mùa xuân không có tỵ kiếp. Thích có kim đến sanh ra thủy.

MẠNG THỦY

MẠNG THỦY SANH VÀO MÙA XUÂN NẾU GẶP

Kim – Ấn :thủy nhiều là gặp kim, thì lại càng thêm sức cho nước có một sức mạnh vô đề điều, không nên có kim nhiều vào đấy.

Mộc – thực thương; nước nhiều mà gặp mộc tức phải có cuộc phiêu lưu. Tốt hơn nên ít gặp mộc.

Hưu Lệnh

Thủy – Tỵ Kiếp: Thủy có nhiều mối sầu vô đề. Có khó khăn về sắc tình cần phải có thể đến chế ngự.

Nhật Chúa Thủy Kiến Vẫn còn Trong Thế Nước Lũ:

Hỏa – tài; cần phải có hỏa vượng để đẩy kim, để đốt mộc để sanh thổ, sau giữa mùa không nên có hỏa quá nhiều.

Thổ – quan sát: phải để thổ chế ngự, không cho chảy lan tràn bờ bãi. Nếu không có thổ đến ngăn thì chảy lan bậy.

MẠNG HỎA

MẠNG HỎA MÀ SANH VÀO MÙA XUÂN NẾU GẶP

Kim – Tài : gặp kim thì có thể gia công mà được tiền tài . kim nhiều tổn đến ấn, nhưng sau tháng hai lại thích kim đến trộm khí. Giám thế của hỏa và đến trợ quan sát.

Tướng Lệnh:

Mộc – ấn : mộc hỏa trùng trùng không khỏi bừa bộn thái quá e sẽ tổn thân hại vật, phải vừa tiết chế, sau tháng hai kỵ mộc nhiều.

Nhật Chúa Hỏa Kiến Tướng Mộc Vương Hỏa:

Thủy – quan sát: sau tháng hai thích thủy dẫn đến điều hành chế ngự.

Hỏa – tỷ kiếp: hỏa gặp hỏa trùng trùng quá lễ, cần phải điều hành chế ngự, không nên nhiều. Cuối xuân không thích gặp tỷ ấn, hỏa nhiều tánh nóng nhiều tai ương.

Thổ – thực thượng: không nên tiết kiệm thổ nhưng không nên quá nhiều. Sau thanh minh hỏa thổ chuyển lên vượng, cho nên không kỵ kim và thủy. Nhưng không nên gặp nhiều.

MẠNG THỔ

MẠNG THỔ MÀ SANH VÀO MÙA XUÂN NẾU GẶP

Kim – thực thượng: cần có vàng đến chế ngự mộc nhưng kim lại cướp khí của thổ nó sẽ tăng sức hàn lạnh. Sau 2 tháng gặp kim và thủy không kỵ, duy không nên nhiều.

Từ Lệnh :

Mộc – tài; kỵ nước nổi ba đào, tràn ngập cho thêm lạnh, lại trợ quan khắc bản thân, sau thanh minh hỏa thổ trùng trùng, mà có kim, mộc cản nước lại điều hành thổ và tẩy hỏa đi.

Hỏa – ấn : thích hỏa đến hộ sanh, tốt nhất là lấy hỏa hóa sát cho thân sống dậy, cho thổ ấm áp, có thể làm vạn vật chi màu đấy.

Thổ – tỷ kiếp: thích tỷ kiếp đến trợ lực. Muốn cho tỷ kiếp đến phân đoạn tài thân và để trên sát gốc rễ quan sát.

Sau cốc vũ dương khí trùng trùng. Hỏa thổ được thế, mộc không nên nhiều dùng kim thủy bài tiết nước giúp mộc, kim thủy mộc lại trùng tỷ ấn.

CÁCH TÌM HIỂU SAO HẠN

Bảng số dưới đây, nam nữ xem chung, chỉ cần biết bạn năm nay bao nhiêu tuổi, khi tìm biết tuổi mình năm nay trúng vào hàng sao gì, rồi tìm đoán lý các sao. Ngoài ra bạn có thể xem cho tất cả những người trong gia đình.

Nhìn vào bản số tuổi, từ trên đổ xuống có chín hàng số, ghi từ 10 đến 99 tuổi. Bên phải ghi tên các vì sao cho phái nữ. Bên trái ghi tên các vì sao cho phái nam. Chẳng hạn như nữ từ 91 đến 10 tuổi. Năm nay chịu ảnh hưởng của sao Kế Đô.

Nam từ 11 đến 92 tuổi năm nay chịu ảnh hưởng của sao La Hầu. Cứ thế mà tìm ra cho các tuổi khác.

BẢNG SỐ CÁC TUỔI

(và mang tên các vì sao nam nữ)

NAM	CÁC TUỔI										NỮ
La Hầu	10	19	28	37	46	55	64	73	82	91	Kế Đô

Thổ Tú	11	20	29	38	47	56	65	74	83	92	Vân Hồn
Thủy Diệu	12	21	30	39	48	57	66	75	84	93	Mộc Đức
Thái Bạch	13	22	31	40	49	58	67	76	85	94	Thái Âm
Thái Dương	14	23	32	41	50	59	68	77	86	95	Thổ Tú
Vân Hồn	15	24	33	42	51	60	69	78	87	96	La Hầu
Kế Đô	16	25	34	43	52	61	70	79	88	97	Thái Dương
Thái Âm	17	26	35	44	53	62	71	80	89	98	Thái Bạch
Mộc Đức	18	27	36	45	54	63	72	81	90	99	Thủy Diệu

CÁCH TÌM HẠN

Năm khởi một mươi (10 tuổi) tại Huỳnh Tiền, 20 tuổi nhằm Tam Keo, 24 tuổi hay 30 tuổi nhằm Ngũ Mộ, 31 tuổi hay 40 tuổi nhằm Thiên Tinh, cứ theo chiều thuận kim đồng hồ và theo lời chỉ dẫn trên mà tìm các tuổi khác.

Nữ thì khởi ngược lại.

Khởi một mươi (10 tuổi) tại Tân Tận, 20 tuổi nhằm Thiên Tinh, 21 tuổi hay 30 tuổi nhằm Ngũ Mộ, 31 tuổi hay 40 tuổi nhằm Tam Kheo.

Tóm lại, Nam khởi Huỳnh Tiền, Nữ khởi Tân Tận. Khởi hết số chục rồi liên tục số lẻ. Ví như nữ : năm nay 39 tuổi thì trúng nhằm hạn Ngũ Mộ.

Nam 39 tuổi thì nhằm hạn Thiên Tinh. lần lượt bạn tự tìm hạn cho các tuổi khác.

Nam đường xuôi bắt đầu từ : Huỳnh Tiền, Tam Kheo, Ngũ Mộ, Thiên Tinh Thiên La, Địa Võng, Diêm Vương.

Nữ đi ngược bắt đầu từ : Tân Tận, Thiên Tinh, Ngũ Mộ, Tam Kheo, Huỳnh Tiền, Diêm Vương, Địa Võng, Thiên La.

Các bạn cứ theo các ví dụ trên mà tính.

Hung Niên và Tam Tai

Phàm từ xưa đến nay cứ năm tuổi là người ta tránh sự cưới hỏi trong năm này, tránh dựng vợ gả chồng vì cho là bị ở lứa tuổi “Hung Niên”. đúng ra thì người con trai năm 20 tuổi không có gì đáng gọi là xung kỵ cả, có điều theo sự xét đoán thì năm 20 tuổi cưới vợ thì sớm lắm.

Vì thế người ta mới bày ra để kéo dài ở lứa tuổi đó qua năm 20 tuổi trở lên mới là thuận tiện ngoài trừ tam tai đại hạn mà sách đã chứng minh những ngày đó điều là đúng.

Tráng tam tai: (kỵ cất nhà hoặc cưới gả).

Tuổi Thân, tuổi Tý, tuổi Thìn, thì tam tai nên tráng các năm Dần, năm Mẹo, năm Thìn.

Tuổi Dần, tuổi Ngọ, tuổi Tuất thì tráng tam tai các năm Thân, năm Dậu, năm Tuất.

Tuổi Sửu, tuổi Tỵ, tuổi Dậu thì tráng tam tai các năm Tý, năm Ngọ, năm Mùi.

Tuổi Hợi, tuổi Mẹo, tuổi Mùi thì tráng tam tai các năm Tý, năm Ngọ, năm Mùi.

Theo lịch sách cổ truyền để chứng minh là đúng hễ tuổi nào gặp năm tam tai không những cất nhà không tốt mà cưới vợ cũng rất là xấu. Cho nên quý bạn hễ tin tưởng về khoa huyền bí này thì nên đề đặt tráng những năm hung niên nói trên dù muốn dù không thì cũng để đi được phần nào.

Nên tránh những ngày tháng gọi là sát chủ.

(đại kỵ cất nhà cưới gả chôn cất) những tháng sát chủ dưới đây:

tháng Tý, tháng Sửu, tháng Tuất, tháng Mùi, tháng Thìn là đại kỵ.

còn ngày sát chủ là:

Tháng Giêng	sát chủ	Ngày Tý
Tháng Hai		Ngày Tý
Tháng Ba		Ngày Mùi
Tháng Tư		Ngày Mẹo
Tháng Năm		Ngày Thân
Tháng Sáu		Ngày Tuất
Tháng Bảy		Ngày Hợi
Tháng Tám		Ngày Sửu
Tháng Chín		Ngày Ngọ
Tháng Mười		Ngày Dậu
Tháng Mười Một		Ngày Dần
Tháng Mười Hai		Ngày Thìn

Giờ sát chủ:

Tháng giêng và tháng bảy sát chủ tại giờ Dần và Tý.

Tháng Hai và tháng Tám sát chủ vào giờ ty.

Tháng Ba và tháng Chín sát chủ vào giờ Thân.

Tháng Tư và tháng Mười sát chủ vào giờ Thìn.

Tháng Năm và tháng Mười sát chủ vào giờ Dậu.

Tháng sáu và tháng Mười Hai sát chủ vào giờ Mẹo.

Ngày nguyệt kỵ: làm việc gì cũng phải tránh, theo sách cổ truyền của ta, thì trong một năm 12 tháng trong mỗi tháng có 3 ngày mùng năm (5) mười bốn (14) và hai mươi ba (23) không nên khởi đầu làm việc gì hoặc ra đi xuất hành điều bị coi như là xui xẻo bởi vậy mới có câu :

mùng năm mười bốn hai ba

làm ăn chẵn khá, nhả ra việc gì.

Ngày tam nương: nên tránh ngày mùng 3 và mùng 7 mỗi tháng hoặc ngày 13 và 22 các việc như mở cửa hàng khai trương cũng chẳng tốt .

Thánh tháng đại bại, kỵ cưới hỏi xây nhà

Những ngày khắc kỵ coi hàng can của mỗi năm theo bản lập thành dưới đây:

Năm Giáp, năm Kỷ, thì tháng 3 đại bại ở ngày Mậu Tuất.

Năm Giáp, năm Kỷ, thì tháng 7 đại bại ở ngày Quý Hợi.

Năm Giáp, năm Kỷ, thì tháng 10 đại bại ở ngày Bính Thân.

Năm Giáp, năm Kỷ, thì tháng 11 đại bại ở ngày Đinh Hợi.

Năm Ất, năm Canh thì tháng 4 đại bại ở ngày Nhâm Thân.

Năm Ất, năm Canh thì tháng 9 đại bại ở ngày Ất Ty.

Năm Bính, năm Tân thì tháng 9 đại bại ở ngày canh Thìn.

Năm Bính, năm Tân thì tháng 6 đại bại ở ngày kỷ Sửu.

Chỉ trừ có hai năm Đinh và Nhâm thì không có ngày Đại bại.

Cách tìm can của ngày:

Biết giờ gia nhập can và thiên can loại thần tốt xấu, mà không biết tìm can của ngày, thì cũng như chẵn biết giờ hết. vậy quý bạn phải biết tìm can để xem giờ. một công thức đặc biệt sau đây để ghi nhớ:

Ngày Giáp	Kỷ	can đầu của giờ tỵ là Giáp		
Ngày Ất	Canh	--	--	Bính
Ngày Bính	Tân	--	--	Mậu
Ngày Đinh	Nhâm	--	--	Canh
Ngày Dậu	Quý	--	--	Nhâm

Công thức trên cho ta biết rõ: những ngày có can Giáp, kỷ đứng đầu thì can của giờ Tý là Giáp tức là Giáp Tý.

Những ngày có can Bính, Tân đứng đầu thì can của giờ Tý là Mậu tức là Mậu Tý.

Những ngày thuộc can Đinh Nhâm ở đầu giờ Tý là can Canh đứng đầu là Canh Tý và sau cùng những ngày thuộc can Mậu, Quý đứng đầu thì can Nhâm đứng đầu ở giờ tỵ tức là Nhâm Tý.

Một khi đã biết can đứng đầu của giờ tỵ là can gì, thì cứ thế mà tính, ví dụ: ngày Giáp Tý, Kỷ Dậu thì giờ Tý là Giáp kế đó là Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu và tiếp theo là Giáp Tuất, Ất Hợi, Bính Tý, như ngày Ất Canh thì can giờ Đầu Tý là Bính tức giờ Bính Tý như ngày Ất Canh thì can giờ đầu Tý là Bính Tý.

Tính kế theo là Đinh Sửu, Mậu Dần, Kỷ Mão, Canh Thìn, Tân Tỵ, Nhâm Ngọ.....

Các ngày lúc cũng y theo phương thức trên mà tính, ắt là biết ngay được can của giờ trong ngày cần nhớ kỹ, thuộc lòng. Kẻo lầm lên.

Đối chiếu giờ khắc hiện nay (1 giờ ta là 2 giờ tây)

Từ 12 giờ khuya đến 2 giờ sáng Giờ Tý

Từ 2 giờ sáng đến 4 giờ sáng Giờ Sửu

Từ 4 giờ sáng đến 6 giờ sáng Giờ Dần

Từ 6 giờ sáng đến 8 giờ sáng Giờ Mão

Từ 8 giờ sáng đến 10 giờ sáng Giờ Thìn

Từ 10 giờ sáng đến 12 giờ sáng Giờ Tỵ

Từ 12 giờ sáng đến 2 giờ trưa Giờ Ngọ

Từ 2 giờ trưa đến 4 giờ chiều Giờ Mùi

Từ 4 giờ chiều đến 6 giờ chiều Giờ Thân

Từ 6 giờ chiều đến 8 giờ tối Giờ Dậu

Từ 8 giờ tối đến 10 giờ tối Giờ Tuất

Từ 10 giờ tối đến 12 giờ tối Giờ Hợi

ĐỊA CHI VÀ LOẠI THÂN

Tý Thân : Sự mà gặp các thần, thì ắt thông minh. Gặp hung thần là dâm dật. Gặp huyền vũ là đạo tặc.

Sửu Thân : Sự mà gặp các thần ắt có văn tự, tài lộc, tin cứu. Gặp hung thần thì khẩu thiệt, thất tài, bệnh tật, quan sự, thị phi.

Mão Thân : Sự mà gặp các thần ắt được yên lành. Gặp hung thần thì có quan sự, phân ly, khẩu thiệt. Gặp châu Tước là người đi.

Thìn thân : Gặp hung thần thì cạnh tranh nhau.

Ty Thần : Sự gặp thì có họa.

Ngọ thần : Gặp các thần thì có tin tức văn chương. Gặp hung thần thì kinh sợ nghi hoặc, khẩu thiệt. Gặp long là quan viên. Gặp xá thần là phụ nữ, gặp sao cát trần là võ quan.

Mùi Thần : Gặp cát thần ắt có rượu chè, ăn uống, rượu tiệc vui vẻ, đẹp đẽ. Gặp hung thần có quan sự, có tang, cạnh tranh, bệnh tật.

Thân Thần : Gặp hung thần thì có khẩu thiệt, tật bệnh, tổn thất. Gặp cát thần thì hành trình bon tẩu.

Dậu Thần : Gặp cát thần thì thanh tịnh, đẹp đẽ, hòa hợp. Nếu gặp kỳ môn ở phương này thì có thể tàng hành, độn tích ẩn náo.

Tuất Thần : Gặp hung thần ắt có sự hư trá, cạnh tranh, tai họa hoặc lao ngục không tốt.

Hợi Thần : Gặp cát thần thì có sự cưới gả, yêu sách. Gặp hung thần ắt có sự cạnh tranh nhau. Nếu gặp châu Tước, Bạch Hổ, Đãng Hà, ắt có khóc than, buồn rầu.

Thập Nhị thần của Vòng Quý Nhân

Thiên Ất Quý Nhân : Vương tướng thì khánh cát, có chiếu thư, ăn uống. Hữu tù thì khóc than sầu muộn.

Đẳng xà : là thần hư hao, hư nguy, xảo trá.

Thái Âm : Thần giúp về âm, chuyên hộ trì và chính trực. Hữu tù thì khóc than.

Lục Hợp : Thần mưa, thần hộ trợ. Vương tướng thì có tài lộc.

Hữu Tù : Bị khẩu thiệt.

Câu trần : (có Bạch Hổ) : Thần cường mạnh. Chủ tật bệnh, trì thương.

Châu Tước : (dưới có huyền vũ) : là hình tội, là gian thần. Sự có thể cầu vong, yết kiến. là yêu ma, quỷ quái. Bi ham là ly tán, khóc than, khẩu thiệt, kinh khủng, ly thất.

Thanh Long : Hỷ Khánh, tốt đẹp. Tài lộc.

Thiên không : sạch bách, tiêu ma, rất dỡ.

Thượng Thần : Thần cát cách.

Huyền Thần : Tần hộ trì.

Thần Hậu : Thần lửa, cạnh tranh, nóng nảy.

Ba thần đóng ở đầu đó là Địa tư Môn dùng vào việc ắt tốt : Đó là Thái Âm Thần, Hợp Thần và Thường Thần.

CÁCH TÌM VÒNG

Tràng Sinh --Quý Nhân

Lộc Tồn --Địa Hổ

Thanh long

VÒNG TRÀNG SINH

Tìm vòng tràng sinh không khó gì cả, ta chỉ biết ngày đó thuộc hành gì là ta có thể tính ra ngay, ví dụ ngày kỷ mùi thuộc hành hỏa tức cục thuộc hỏa và sinh tại dần, vượng tại ngọ, tuyệt tại hợi thủy, vì bị chế khắc có 4 tràng sinh đóng tại 4 cung. Riêng cục thủy thổ đóng chung thành một cung.

Thủy thổ (Đóng cung) và sinh tại thân.

Mộc -- sinh tại hợi

Hỏa -- sinh tại dần

Kim -- sinh tại ty

Và vòng tràng sinh là: Tràng sinh mộc dục, quang đái, lâm quang, đế vượng, suy, bệnh tử, mô, tuyệt thai, dưỡng. Yết cả đều là cái lý của ngũ hành và cái lý sinh trưởng mà ra cả. Sinh ra, rồi trưởng thành (tức vượng) hết trưởng thành rồi ắt về già thật phải bị suy yếu, rồi bệnh, rồi chết và diệt đi (tức tuyệt). Nhưng hết tuyệt lại trở thành thai, rồi dưỡng đến sinh rồi trưởng, cứ thế mà xoay vần đúng theo cái thiên lý của đất trời vậy.

Và vòng tràng sinh chỉ tốt nơi có tràng sinh đế vượng lâm quan và dưỡng và tốt. Mấy sao kia đều dở, không nên chọn để dùng.

Nếu dùng ắt dở và nguy, cần để ý.

VÒNG TỒN LỘC

Muốn tìm vòng tồn lộc, ta cần biết an sao lộc ở đâu vào ngày nào, thì lộc tồn đến cung nào. Theo bốc phê chính tông thì ta phải an sao lộc tồn theo can và ngày như sau:

Ngày giáp thì an sao lộc tồn tại cung dần

Ất	Mẹo
Bính Mậu	Tỵ
Đinh, Kỷ	Ngọ
Canh	Thân
Nhâm	Hợi
Quý	Tý

sau khi san bầu xong sao lộc tồn ta chiếu theo đó mà an 12 sao sau đây chạy theo vòng thuận.

Bác sĩ (an theo với sao lộc tồn) lực sĩ, thanh long, tiểu hao, tướng quân, tấu thư, phi liêm, hỷ thần, trực phủ, đại hao, phục linh, quan phù...

Các sao tốt: bác sĩ, lực sĩ, thanh long, tướng quân, tấu thư, hỷ thần, còn các sao kia đều xấu cả, đừng nên gặp nó.

Bây giờ tìm sao thanh long

VÒNG SAO THANH LONG

Vòng sao thanh long không an theo can của ngày, mà an theo chi của ngày mà thôi.

Ngày Tý, Ngọ Thanh Long bắt đầu từ nơi cung thân

Sửu Mùi --	--	--	Tuất
Dần Thân --	--	--	Tý
Mẹo Dậu --	--	--	Dần
Thìn Tuất --	--	--	Thìn
Tỵ Hợi --	--	--	Ngọ

khi an xong sao thanh long, ta căn cứ theo thứ tự mà an theo nó 12 sao sau đây:

- | | |
|---------------|---------------|
| 1. Thanh long | 7. Bạch hổ |
| 2. Minh đường | 8. Ngọc đường |
| 3. Thiên hình | 9. Thiên lao |
| 4. Châu tước | 10. Huyền vũ |
| 5. Kim quỷ | 11. Tư mệnh |
| 6. Thiên đức | 12. Câu trăn |

CÁC TÁNH CHẤT 12 SAO

1. thanh long phát động định cầu tài, thì tốt.
2. sao minh đường thì xem về cha mẹ
3. thiên đường thì thuộc về quan sự, kiện tụng (cho dùng)
4. châu tước ắt có tin người (mà cũng là sao xấu)
5. kim quỷ ắt có sự giao thiệp với nhau
6. có sao thiên đức ắt có quan lộc và sự phong thưởng đến
7. sao ngọc đường chủ về công danh, tài năng
8. sao thiên lao là xem về hào đây tớ, súc vật (cho dùng)
9. huyền vũ chỉ sự về trộm cướp, tai tiếng (không nên dùng có thể xem về thê thiếp)
10. xem cho con cháu, phúc đức thì xem sao tư mệnh
11. câu trần đến ắt có bệnh tật không sai

VÒNG QUÝ NHÂN

muốn tìm vòng quý nhân, trước hết ta phải biết 4 câu thơ này mới biết được.

Giáp, mậu, canh, ất, kỷ thi, ngưu, dương.

Nhâm, quý thổ, xà tan

Bạch hổ, đinh trư, kê vị

Lục tân phùng mã, hổ

Nghĩa là ngày giáp mậu, (canh và ất, kỷ ta phải an quý nhân ở cung Sửu là ngưu thuộc âm quý) và cung Mùi (tức là dương thuộc dương quý).

Ngày bính, đinh thì an quý nhân ở cung Hợi tức trư lâm âm quý và ở cung Dậu (tức kê là dương quý). Ngày tân thì riêng biệt chỉ đứng một mình an quý nhân ở cung Ngọ (tức mã là âm quý) và ở cung Dần (là hổ ở dương quý). Muốn cho ứng nghiệm và đúng đắn. Ta phải nhớ kỹ dương quý vì nó rất quan trọng.

Dùng quý nhân để hỗ trợ sự tốt đẹp cho giờ, do đó hễ gặp giờ dương, thì ta phải dùng dương quý để hỗ trợ vậy. Từ giờ dần đến giờ mùi, thuộc giờ dương, phải dùng âm quý.

Từ giờ mùi đến giờ Sửu thuộc giờ âm phải dùng dương quý.

Ví dụ ta dùng đang trong lúc đó là giờ Thìn mà ngày bính tất nhiên ta phải dùng âm quý là Hợi để hỗ trợ cho nó vậy. Và nếu qua đến giờ Mùi, ta lại dùng dương quý là Dậu để hỗ trợ.

Vấn đề này có hơi rắc rối, ta cần nhớ và chiêm nghiệm cho kỹ thì tính mới đúng. Khi biết quý nhân ở đâu rồi, ta tính các sao mà vòng quý nhân (đã giải thích tính chất các sao ở phía trước). Theo ví dụ trước, lúc đó là ngày bính Thìn.

- | | |
|---------------|----------------|
| 1. Quý nhân | 7. Thiên không |
| 2. Đẳng sa | 8. Bạch hổ |
| 3. Châu tước | 9. Thái thường |
| 4. Lục hợp | 10. Thái huyên |
| 5. Câu trần | 11. Thái âm |
| 6. Thanh long | 12. Thần hậu |

quý ở dậu, xá ở tuất, tước ở hợi, hợp ở tý (là địa tứ môn) can ở sửu, long ở dần, thiên không ở mẹo, hổ ở thìn, thường ở tỵ (tức địa tứ môn) huyền ở ngọ, âm ở mùi (địa tứ môn) hậu ở lại thân, vậy là đủ các sao ở vòng quý nhân. Và địa tứ môn đang ở ba cung tỵ, tỵ, mùi chọn ba giờ đó mà đi tính công việc thì ắt có sự hay đến. Và lục hợp, thái thường, thái âm là địa tứ môn vậy.

VÒNG ĐỊA HỘ

Vòng địa hộ thì dễ dàng tìm hơn nhiều. Người ta gọi mỗi tháng lên nguyệt kiến, tức kiến đầu bình, tháng ấy thì chuôi sao bắt đầu chỉ về hướng đó . vì sao bắt đầu về hướng bắc chuôi sao xoay quanh chỉ ngày tháng, giờ khắc và cầm vận mạng sinh hóa của muôn loài. Do đó cũng gọi là huy đầu bình.

Thế nên, lúc ta muốn dùng, thì đặt nguyệt kiến tháng nào ngày ta đang dùng. Ví dụ: tháng đó, ngày đó là tháng năm tức kiến ngọ ra vào ngày ta dùng ngày thìn chẳng hạn, rồi bắt đầu từ thìn gọi kiến, tiếng theo chiều xuôi. Trừ ở tý (là địa hộ) mẹo ở ngọ, bính ở mùi, đinh ở thân, (là cứu địa hộ) chấp ở dậu, phá ở tuất, nguy ở hợi (tức địa hộ) thành ở tỵ, thu ở sửu, khai ở dần (tức địa hộ) bế ở mẹo.

Ta đã tìm ra cung của địa hộ là ở tỵ, thân, hợi, dần, cứ chọn mấy giờ đó mà đi tính chuyện thì tốt. Và trừ, nguy, định, khai là chỗ ở của địa hộ.

Biết rõ được các vòng tràng sinh, lộc tồn, thanh long, quý nhân, địa hộ, ta mới tìm được một giờ tốt để tính chuyện hoặc xuất hành mới tốt đẹp vậy. Đó cũng là yếu huyết để dùng trong phương pháp chọn giờ tốt xấu.

Phương thức chọn giờ

Phải hợp đủ những điều ở ba chương trước.

Thật ra, muốn tìm một giờ tốt, xấu nào đó, ta chỉ nên tìm được cách “ bảo hòa nghĩa chế phục “ để biết ngày hợp can. Chỉ ra sao và tìm được giờ tốt, còn các điều kia chỉ để biết thêm mà thôi. Như vậy tránh được rờn rã rối trí vậy. Đó là điều cốt yếu mà ta tìm một giờ tốt xấu để hành động, hoặc xuất hành. Bây giờ ta hãy tính xem sao: ta đang ở vào tháng 6, ngày bính thìn, muốn một giờ nào đó, để làm việc và việc chọn giờ như sau: ví dụ ta chọn giờ giáp ngọ.

Bảo hòa nghĩa: ngày bính thìn giờ giáp ngọ đều được cách bảo hòa nghĩa, ta được bảo vì can bính hỏa sinh chi thìn thổ và can giáp mộc sinh chi ngọ hỏa. Tốt được một cách (nên chớ ngày) bính thì giờ đầu là mậu tỵ, tính tới lúc ra giờ giáp ngọ(xem chương trước cách tìm can của ngày và giờ).

Vòng tràng sinh: ngày bính thìn thuộc thổ, thì tràng sinh đóng tại thân, tính tới thì giờ ngọ thuộc sao thái coa kèm chút ít, không tốt lắm.

Vòng lộc tồn : ngày bính thì lộc tồn ở tỵ tính theo vòng của nó, thì giờ ngọ có lộc sĩ đóng với sao kinh dương và sau nó là sao đà la đóng. Lộc sĩ ngọ kinh dương , thì làm việc không công khó khăn và cản trở.

Vòng thanh long: ngày thìn thì thăng long đóng ở thìn, tính theo vòng của nó thì sao thiên hình đóng ở giờ ngọ, thiên hình chủ về quan sự, kiện tụng, giờ ngọ ắt có gặp cãi cọ, đôi co chớ chẳng không.

Vòng quý nhân: ngày bính thì âm quý nhân ở hợi mà giờ ngọ thuộc giờ dương, ta phải dùng âm quý hổ trợ cho dương, thời ta lấy nguyệt tướng ngọ, vì là tháng 6 , giờ và ngày thìn ta đang dùng để tìm xem thiên bàng của quý nhân đóng ở đâu. Tính ngọ tại thìn và tính là quý , rồi xà, tước, hợp ... thì

giờ ngọ có thái huyền, không phải địa tư môn ở đây. Tại giờ tỵ mới được thái thường địa tư môn. Như vậy giờ ngọ không đắc địa tư môn để dùng, có kèm vậy

Vòng địa hộ: lấy dụng nhật ngày thìn gia nguyệt kiến tính tới giờ ngọ thì được mãn, chớ không được trừ, là địa hộ trừ tại tỵ rồi. Như vậy ta cũng không được địa hộ để dùng tại giờ ngọ, có kèm đi vậy. Nếu ta dùng giờ tỵ thì trái lại ta được cả địa tư môn, địa tư hộ để dùng.

Bây giờ ta hãy xem lại cho kỹ dụng thờ xem giờ về lục can, thiên can và địa chi loại thần tốt xấu thế nào.

Giờ gia lục giáp : thì trên dưới mở ra giao tiếp với nhau tốt.

Thiên can loại thần: thì ngọ bị gặp thêm hung thần là lục sĩ, thiên hình ất có kính sợ, khẩu thiệt.

Bây giờ ta hãy tóm lại xem giờ giáp ngọ, ngày bính thìn ấy tốt xấu ra sao, tính việc gì được.

Trong giờ giáp ngọ, ngày bính thìn đó, ta chỉ được cách bảo hòa nghĩa can sinh chi là tốt. Được giáp dân thần và giờ gia lục can tốt, ất có thể cầu an, thì hợp. Nhưng cần nhẫn nhịn khiêm nhường, trannhs nóng kéo bị khẩu thiệt đó. Cần khéo nói mới thành. Ngoài ra mưu vọng, cầu tiến đi xa và tính toán làm ăn thì không tốt lắm, vì chưa tính đã có dấu khẩu rồi, thì tính sao nữa?

Nếu trường hợp, giờ mà được địa tư môn, địa tư hộ, và các sao tốt trong các vòng tràng sinh, lộc tồn, thanh long thì hay vô cùng tính gì cũng được cả, chỉ tiếc trái lại không được sao tốt trong các vòng này.

Ví dụ ấy rất rõ ràng, chắc các bạn có thể thực hành ngay được vậy

Chỉ cần nhớ và quan một chút . là bạn đọc thấy dễ dàng, thực hành được mà không thấy khó khăn gì cả.

NGUYỆT TƯỚNG LÀ GÌ?

Trong cách lấy quý nhân có nói tới nguyệt tướng, vậy nguyệt tướng là gì ? làm sao biết được nguyệt tướng ?

Nguyệt tướng là tướng mà là cung (mai son zcdiaque) trái đất quay quanh mặt trời, thì đối với mặt trời quả đất, ở cung nào, mặt trời lại xoay quanh trái đất, quả đất ở phía ấy , thì sự gặp giữa mặt trăng và mặt trời.vẫn ở chỗ đó. Và nguyệt tướng là như thế. Đó là thế đứng của mặt trăng,để lấy một định luật cuối cùng của các ảnh hưởng vũ trụ ấy.

Quả đất chạy, mặt trời ngừng hay trời chạy, đất ngừng luôn luôn có

Định luật tương đối. Do sự tương đối ấy trở nên mỗi tháng quả đất ở mỗi khác nhau, đối với mặt trời. Do đó luồng từ điện củamặt trời không đồng một nhịp thể vì thế mới có 12 tháng, nên có cung (mai son zcdia que) và nguyệt tướng là tên của 12 cung đó. Dùng nguyệt tướng để tìm magnétisme của mặt trăng lúc mình xem. Mặt trăng ở chỗ nào mà hòa ánh sángvới mặt trời chiếu xuống trái đất, như vậy gọi là nhật nguyệt giao hòa.

Tính nguyệt tướng không phải lấy tháng giêng là nguyệt tướng. Hợi dù trước mồng một, hay sau một ngày mồng một tháng giêng. Ta cứ giữ lịch tàu ra xem ngày nào thái dương lập hợi cung là lúc phải tính tướng hợi thái dương qua cung nào, thì gọi là tướng. Muốn tính nguyệt tướng ta phải tính ngược lại tháng giêng là tướng hợi , tháng hai là tướng tuất, tháng ba là tướng hợi, tháng tư là tướng thân, tháng năm là tướng mùi, tháng sáu là tướng ngọ... tính cho đến tháng chạp là tướng tỵ. Rồi trở lại tháng giêng tháng hợi như cũ.

CÁCH HIỆP QUAN, HIỆP TÀI CÁC

Các cách này sẽ giúp ta không nhỏ về xem ngày giờ để buôn bán, làm ăn, cất nhà chôn cất. Đó là các cách dưới đây, chỉ cần lấy thiên can hoặc địa chi để luận mà thôi.

Các cách này rất dễ thực hành, ta chỉ cần nhớ kỹ sinh hạp, hay khắc là được.

Hiệp quan.

Hiệp tài.

Tỷ kiến.

Ấn thọ.

Tướng trường sinh.

Tạ lộc.

Đắc mã.

Nếu xem chữ không có xung khắc... bốn mạng là thượng kiết.

Hiệp quan cách : Thuở xưa ông Dương chuẩn Tòng coi ngày làm cho Du thị Ngự, tuổi Ất hợi ông dùng:

Năm canh dần.

Tháng canh thìn.

Ngày canh dần.

Giờ canh thìn.

Tại sao ? vì tuổi Ất hạp vùi can canh mà năm tháng ngày giờ, dùng đây đều thuộc canh. Lại Ất hiệp với canh là chánh quan, nên gọi là hiệp quan cách.

Nếu quan mà hiệp như thế có đủ bốn chữ càng hay.

Bằng quan chẳng tương hiệp, nư giáp với Tân, Bính với Quý... thì chẳng nên có nhiều, nhiều thì khắc thân. Chỉ dùng một hái chữ là vừa.

Còn thất sát, như Giáp gặp Canh, Bính gặp Nhâm... thì khắc mạng, thì quyết không nên dùng.

Một mặt khác, lộc của Ất ở tại Mẹo, mà Mẹo đứng giữa Dần, Thìn, hai đầu ủng hộ, nên cũng gọi là cung lộc cách.

Đó là những cách Thượng kiết cả.

Hiệp tài cách : Ông Tăng Văn Xán chọn ngày cho người tuổi Ngâm Ngọ sửa nhà và ông Dương Chuẩn Tòng cũng chọn ngày để chôn một ngày mất tuổi Nhâm Ngọ dùng năm, tháng, ngày, giờ đều là Đinh Mùi và Đinh với Nhâm (tuổi) hạp hiệp thành các chánh tài nên gọi là hiệp tài cách.

Tỷ kiến cách : Như người chết tuổi Kỷ Tỵ, Dương chuẩn Tòng hiệp bốn chữ Kỷ Tỵ làm Kỷ kiến cách.

Người nay ký ngày mình dùng trùng với năm tuổi là tại sao?

Phải biết Kỷ kiến cách là Thượng kiết.

Tỷ như trên đã nói : Mạng kỷ gặp ba bốn chữ kỷ trong bốn cột vậy. Còn kiếp tài là hung. Tỷ như mạng kỷ nhiều chữ mô vậy.

Ấn thọ cách : phải đặt chánh ấn, ký kiểu ấn (cũng gọi là Thiên Ấn).

Nhưng mạng giáp đặt phải bốn chữ Quý. Còn mạng Ất phải thiên đặt bốn chữ Nhâm.

Kiểu Ấn cũng có thể sinh ta, nhưng nhiều thì ký dùng một hai chữ thì không có hại.

Còn trong bốn cột, thấy có nhiều thượng quan, Thực Phần (là chữ mà mạng mà mình sanh) như Giáp gặp Bính, Đinh, Bính gặp Mậu Kỷ... là tiết khí (hao hơi mất sức) cũng ký.

Trường sanh cách : tỷ như người tuổi nhâm thuộc thủy, dùng bốn chữ thân sanh thủy, hay là người tuổi bính, thuộc hỏa dùng bốn chữ dần sanh hỏa...

Tu lộc cách: tỷ như người tuổi dần mà dùng bốn cột đều là giáp hoặc người giáp mà dùng bốn cột đều là dần thì đều gọi là tu lộc cách. Nếu mạng giáp thấy nhiều chữ dần, thì trong nhà tự hiện ra nhiều tài lộc. Bằng tuổi dần mà gặp nhiều tuổi giáp, thì tài lộc từ ngoài tiềm đến mình.

Còn Ất lộc ở Mẹo, Bính, Mậu lộc ở tỵ, Đinh Kỷ Lộc ở Ngọ, Canh Lộc ở Thân, Tân Lộc ở Dậu, Nhâm Lộc ở Hợi, Quý lộc ở Tý.

Ngày Ất Mẹo: phạm hỷ lương trường thành bị bại xuất hành các việc chẳng tốt, giờ Ngọ Mùi không vong, kỵ.

Ngày Bính Thìn, sở vương về giờ Ngọ Mùi xuất hành đặng tốt, giờ Thìn kỵ không vong, kỵ.

Ngày Đinh Tỵ : Triệu Lương Văn Đế chơi xuân giờ Tý sữ xuất hành đi tốt, giờ Dần Mẹo không vong, kỵ.

Ngày Mậu Ngọ : Cửu hương tình chiếm ngôi , xuất hành bất lợi xấu, giờ tỵ sữ không vong, kỵ.

Ngày Kỷ Mùi : Diện tướng công đồ xuất hành tốt , giờ Thân Dậu không vong, kỵ.

Ngày Canh Thân : Đường Minh Hoàng du nguyệt điện giờ Tỵ. Xuất hành chữ hữu tài tốt giờ Ngọ Mùi không vong, kỵ.

Ngày Tân Dậu : Dương Vân Quảng thọ sắc giờ Dần Mẹo . xuất hành đặng tốt giờ thìn không vong, kỵ.

Ngày Nhâm Tuất : Đỗ Công kết xuất thân , xuất hành đại kết giờ Dần Mẹo không vong, kỵ.

Ngày Quý Hợi : Hàn Vương xuất hôn , xuất hành tốt . Giờ Tý Sửu không vong, kỵ.

TRÁNH BẢY ĐIỀU KỴ

Cần nhứt tránh 2 giờ không vong, kỵ. Còn mỗi tháng tránh 6 điều dưới đây:

Ngày vãng vong , Thiên Địa tranh hùng . Du họa thiên cách ,Ngũ quỷ, tài ly ,Ngũ bất ngộ, mỗi tháng môtì hai ngày , sáu mươi ngày nói trên gặp được ngày tốt mà làm vô 6điều kỵ mỗi tháng trùng vôngày đó phải bỏ .

Ngày vãng vong ; Tháng giêng ngày Dần , 2 ngày Tỵ , 3 ngày Thân, 4 ngày Hợi, 5 ngày Mẹo, 6 ngày Ngọ , 7 ngày Dậu, 8 ngày Tý, 9 ngày Thìn 10 ngày Mùi , 11 ngày Tuất, 12 ngày Hợi .

Ngày Thiên Địa tranh hùng : Tháng Giêng ngày Tý Ngọ , 2 ngày Hợi Tý, 3 ngày Ngọ Mùi, 4 ngày Tý Sửu, 5 ngày Mùi , 6 Sửu Dần , 7 ngày Thân Dậu , 8 ngày Dần Mẹo, 9 ngày Dậu Tuất , 10 ngày Mẹo Thìn, 11 ngày Tuất Hợi, 12 ngày Thìn Kỵ Tỵ.

Ngày Du Họa : Tháng Giêng ngày Tỵ , 2 ngày Dần , 3 ngày Hợi, 4 ngày Thân, 5 ngày Tỵ , 6 ngày D ần, 7 ngày Hợi , 8 ngày Thân.

Ngày Bính Thân vô thường nhật đại bại , xuất hành các việc chẳng lợi giờ Thìn Tỵ không vong, kỵ.

Ngày Mậu Tuất : Hồ diên tán thối binh giờ Mẹo , xuất ngoại hữu tài, giờ Tý Sửu không vong, kỵ.

Ngày kỷ Hợi: Hớn Vương bất quý, xuất hành quan sự chủ hung giờ Thân Dậu không vong, kỵ.

Ngày Canh Tý : Dương Công Thâu lục sứ giờ Dần Mẹo xuất hành hữu tài – giờ Ngọ Mùi không vong, kỵ.

Ngày Tân Sửu : Mạnh Khương Nữ tằm phu bất quý : xuất hành chủ hung bất lợi – giờ Thìn Tỵ không vong, kỵ.

Ngày Nhâm Dần : Triệu tướng quân thọ xà bất nghi. xuất hành bất lợi – giờ Dần Mẹo không vong, kỵ.

Ngày Quý Mẹo: Thái Dương Lão Quân ra xe giờ Ngọ Mùi xuất hành hữu tài , tốt – giờ Tý không vong, kỵ.

Ngày Giáp Thìn : các việc điều tốt giờ Mẹo Thìn. Xuất hành đại kiết – giờ Dậu Thân không vong,kỵ.

Ngày Ất Tỵ: Thập át đại bại bất nghi.xuất hành xấu – giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Bính Ngọ : Đại Khan Long tài bất nghi xuất hành chủ hung giờ Thìn Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Đinh Mùi: Đường Tam Tạng thâm kinh giờ Ngọ Mùi xuất hành đại kết – giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Mậu Thân: Khổng Tử Thuyết Nhan hồi giờ Thìn ,xuất hành đặng tốt – giờ Tý không vong,kỵ.

Ngày kỷ Dậu : Hạng Vương Thân trần bất nghi.xuất hành xấu -- giờ Thân Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Canh Tuất : Lý vương thị xá cầu mưu bất toại. Xuất hành quan sự chủ hung – giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Tân Hợi: Tần Cối Thọ tội bất nghi. Xuất hành chủ hung giờ Thân Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Nhâm Tý: Diệp Tướng Công xuất thân . xuất hành đại kết giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Quý Sửu : TRương Cửu Lang tướng công đắc quả xuất hành đại kết -- giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Giáp Dần: Hớn Vương Đáo Trận giờ Thìn Tỵ xuất hành đại lợi tốt – giờ Thân Dậu không vong,kỵ.

Ngày Bính Tý : Văn Vương Tọa Điện khứ cửu không chẳng nên xuất hãnhaus,giờ Thìn Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Đinh Sửu : Lý Đậu đà tham thiên bất nghi, xuất hành chủ khẩu thiệt, giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Mậu Dần: Tống Vương thọ sắc giờ Ngọ , xuất hành hữu tài đặng ttót ,giờ Tý không vong kỵ

Ngày Kỷ Mẹo: Dương Lục Sứ chiến thắng giờ Tý Sửu , xuất hành tốt giờ Thân Dậu không vong,kỵ.

Ngày Canh Thìn: Bá Vương sanh thiện thọ khổ. Xuất hành cầu mưu bất lợi,xấ giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Tân Tỵ: Địa Á Ngũ thông diễn pháp ,giờ Mẹo. Xuất hành gặp quới nhân tốt , giờ Thìn Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Nhâm Ngọ: Triệu Lục hồi thôi ,giờ Tỵ xuất hành đặng tốt giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Quý Mùi: Hàn Tín chiến thắng giờ Tỵ Ngọ,xuất hành đặng tốt giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Giáp Thân: Văn Vương âm thân thọ tội ,xuất hành đặng tốt giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Ất Dậu: Văn phù phổ hiề số châu.xuất hành chủ khẩu thiệt,giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Bính Tuất : Thái Công Quy Văn Vương giờ Dần Mẹo xuất hành hữu tài thật tốt , giờ Thìn Tỵ không vong,kỵ.

Ngày Đinh Tỵ: Hồn Vương thọ âm giờ Tý Sửu xuất hành tốt , giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Mậu Tý: Lý Quân Thiết môn Vương Lâm sự, chi tiền hung hậu kiếp. Giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Kỷ Sửu : Trương thiên sư giám ma.xuất hành chủ đại hung,giờ thân Dậu không vong,kỵ.

Ngày Canh Dần :Châu Văn Vương hướng thiên xuất hànhhữu tài kiến,giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Nhâm Thìn:Hạc thần phá quân. Xuất hành chủ hung,giờ Dần Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Quý Tỵ: Chẳng nên xuất hành . Giờ Thìn đi đặng , giờ Tý không vong,kỵ.

Ngày Giáp Ngọ: Vương Lục Sứ đắc thắng hồi trào. Xuất hành giờ Tý tốt giờ Thân Dậu không vong,kỵ.

Ngày Ất Mùi: Dương lịch công thọ phong , xuất hành giờ Dần Mẹo tốt,giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Đắc mã mà quý nhơn: Cũng theo phong cách trên đó mà chọn .muốn biết mã của mỗi mạng ở đâu , xem bài sau này:

Hợi Mẹo Mùi thì mã ở tại Ty.

Ất Ngọ Tuất thì mã ở tại Thân.

Ty Sửu Dậu thì mã ở tại Hợi.

Thân Tý Thìn thì mã ở tại Dần.

Mạng Lộc và mạng Quý Nhơn rất quý .còn mạng Mã tất không bằng, vì nó là ngôi bình (theo vòng tương sanh) cũng có khi không nên dùng Mã.Tỷ như mạng Dần dùng thân làm Mã .nếu trong bốn cột mà đùn chữ thân thì nó xung bốn mạng là hunh.

Các bàu định năm,tháng,ngày, giờ vừa nói trên, theo thành cách, thành cuộc nên rất tốt,nhưng không phải dễ gặp được.

NGÀY XUẤT HÀNH RA ĐI TỐT XẤU

Ngày Giáp Tý,xuất hành tới nhànười cầu tài thì dặng ăn uống đại kiết giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Ất Sửu : Triệu tướng công thế phụng , giờ Dần Mẹo đã hướng bắc tốt, giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Bính Dần: Bá Vương đại bại hữu khản, thuộc trước xấu sau tốt,giờ Thìn Ty không vong,kỵ.

Ngày Đinh Mẹo: Triệu thần giờ Ngị xuất hành vủ hữu tài , giờ Dần không vong,kỵ.

Ngày Mậu Thìn: Tướng quân xuất hành gặp thấy Hồ ly. Hồ đầu là xấu, giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Kỷ Ty : chàng khoác thân chinh về triều.xuất hành đại kiết giờ Thân Dậu không vong,kỵ.

Ngày Canh Ngọ : Hớn Vương dặng diện xuất hành chữ hữu tài tốt, giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

Ngày Tân Mùi : Vua Nghiêu Thuấn triều thiedn.xuất hành tặc kiết, giờ Thìn Ty không vong,kỵ.

Ngày Nhâm Thân: Thập Ats đại bại bất thực.

Xuất hành tặc kiết,giờ Dầ Mẹo không vong,kỵ.

Ngày Quý Dậu: ngũ thông thiết nhứt xuất hành. nhân gia hữu tửu thực tốt, giờ Tý Sửu không vong,kỵ.

Ngày Giáp Tuất: Tể công hào tượng thăng thiên,giờ Dần Mẹo hướng đông nam tốt, giờ Dậu Thân không vong,kỵ.

Ngày Ất Hợi: Nhị Lang thân chinh chiến giờ Dần Mẹo. Xuất hành tốt,giờ Ngọ Mùi không vong,kỵ.

9 ngày Ty,10 ngày Dần,11 ngày Hợi,12 thân ,kỵ.

Ngày thiên cách : Tháng Giêng ngày Dần , 2 ngày Tý, 3 ngày Tuất, 4 ngày Thân, 5 ngày Ngọ, 6 ngày Thìn, 7 ngày Dần, 8 ngày Ty, 9 ngày Tuất, 10 ngày Thân, 11 ngày Mùi , chạp ngày Thìn Kỵ.

Ngũ Quỷ: Tháng Giêng ngày Ngọ, 2 ngày Dần, 3 ngày Thìn, 4 ngày Dậu, 5 ngày Mẹo , 6 ngày Thân, 7 ngày Sửu, 8 ngày Ty, 9 ngày Tý, 10 ngày Hợi,11 ngày Mùi,chạp ngày Tuất Kỵ.

Ngày Tài Ly: Tháng Giêng ngày Thìn, 2 ngày Sửu, 3 ngày Tuất, 4 ngày Mùi, 5 ngày Dần, 6 ngày Tý, 7 ngày Dậu, 8 ngày Hợi, 9 ngày Tý, 10 ngày Mẹo, 11 ngày Thân, chạp ngày Kỷ Tỵ

Ngày Ngũ Bất Ngộ: Tháng Giêng ngày Tuất, 2 ngày Tý, 3 ngày Ngọ, 4 ngày Mùi, 5 ngày Dã, 6 ngày Mẹo, 7 ngày Thìn, 8 ngày Hợi, 9 ngày Tý, 10 ngày Sửu, 11 ngày Thìn, chạp ngày Dậu Kỷ.

BẢNG CHIẾT TÍNH NGÀY DƯƠNG LỊCH RA ÂM LỊCH

Để quý vị và các bạn muốn biết năm dương lịch mà không biết năm Âm lịch là năm nào. Muốn truy nguyên ra để tìm hiểu chúng tôi xin làm ra đây một bản lập thành để hiểu hầu giúp quý vị sau đây: Phàm là sách hiền bí thì các nhà tiên tri đã chiếu theo thiên văn âm dương, ngũ hành mà lập thành Thập Can tức là 10 Can được gọi là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Tân, Nhâm, Quý, mà ở đoạn trước chúng tôi đã trình bày, nay nhắc lại quý vị rõ hơn, còn có Thập Nhị Địa Chi tức là 12 chi hay là 12 con Giáp, thì được gọi là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. cũng do theo đó mà người ta thính ra ngày tháng năm để lập thành Âm và Dương (tức là thiên can và Địa chi ghép lại) vì thế, được gọi là Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu và cứ Thế trở lại Giáp

Tuất, Ất Dậu, Bính Tuất, Đinh Hợi...

Cho nên lập thành bản chiết tính này để chứng minh Âm và Dương song hành nhau của năm qua và những năm sắp tới cũng áp dụng can chi nêu trên và theo định luật áp dụng phương thức đó, người ta đề lấy con số 60 tức là qua 60 năm thì trở lại một lần cho nên lấy số 60 mà làm chuẩn.

Có điều cần nhớ là phải chia chẵn chớ không thể chia lẻ. Rồi đến con số còn lại của bài toán chia tức là con số mà quý vị xem qua ở bảng lập thành, thì biết ngay là năm gì. Và khi đó soạn số dự lại đứng vào hàng Can nào tức ra chi ấy nghĩa là dương lịch qua âm lịch. Rồi thì cứ ghép Can và Chi lại thì đúng ra năm âm lịch.

Để chứng minh và quý vị có thể thực hành được là năm nào. Thí dụ bạn sinh vào năm 1940 nhưng chẳng biết được mình tuổi gì và Can Chi nào thì quý vị lấy năm sinh là 1940 chia cho con số chẵn là 60 (1940 : 60) như thế còn dư 2, thì bạn đem con số 2 xuống cộng với con số 0 nghĩa là 20, sau đó đem con số 20 này để dò lại bảng chiết tính dưới đây thì sẽ ra hàng Can là Canh và hàng Chi là Thìn tức là bạn sinh năm Canh Thìn vậy.

Và thí dụ khác nếu bạn sinh 1926 thì cũng lấy công thức trên nghĩa là lấy 1926 : 60 = 32 thì số còn dư lại là 6 như thế bạn dò lại bảng chiết tính dưới đây thì thấy rõ bạn tuổi Bính Dần vậy.

Để chứng minh thêm, thí dụ con bạn sinh năm 1974 thì cũng lấy công thức trên mà tính 1974 : 60 = 32 còn con số còn lại tức là 54 bạn cứ dò bản chiết tính thì thấy số 54 nằm ở hàng Địa Chi là Dần còn hàng thập Thiên Can là Giáp, tức con bạn là Giáp Dần còn hàng Thập Thiên Can là Giáp Dần như thế là đúng ngay phóc trăm phần trăm.

ĐÂY BẢNG CHIẾT TÍNH LẬP THÀNH BIẾT DƯƠNG LỊCH TÌM RA ÂM LỊCH

Thiên can	Tý	Sử	Dân	Mẹo	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
1 Giáp	4	-	54	-	44	-	34	-	24	-	14	-
2 Ất	-	5	-	55	-	45	-	35	-	25	-	15
3 Bính	16	-	6	-	56	-	46	-	36	-	26	-
4 Đinh	-	17	-	7	-	57	-	47	-	37	-	27
5 Mậu	28	-	18	-	8	-	58	-	48	-	38	-

6 Kỷ	-	29	-	19	-	9	-	59	-	49	-	39
7 Canh	40	-	30	-	20	-	10	-	60	-	50	-
8 Tân	-	44	-	31	-	21	-	11	-	1	-	51
9 Nhâm	52	-	42	-	32	-	22	-	12	-	2	-
10 Quý	-	53	-	43	-	33	-	23	-	13	-	3
Thiên can	Tý	Sử	Dần	Mẹo	Thìn	Ty	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi

Đây bảng công thức này cứ thế mà sai trọn đời không thay đổi. Nếu có thể quý bạn cắt để dành học thuộc lòng cần tốt.

Bảng lập thành 10 Thiên Can

Trai gái kỵ và hợp về lương duyên

Đây là bảng chiết tính lập thành để chỉ rõ cho trai gái đến tuổi thành hôn coi theo đây mà chọn vợ chọn chồng theo Thập Thiên Can dưới đây :

Thập Thiên Can (NAM)	Chọn vợ (NỮ)	Khắc kỵ (NỮ)
Giáp	Kỷ	Canh
Ất	Canh	Tân
Bính	Tân	Nhâm
Đinh	Nhâm	Quý
Mậu	Quý	Giáp
Kỷ	Giáp	Ất
Canh	Ất	Bính
Tan	Bính	Đinh
Nhâm	Đinh	Mậu
Quý	Mậu	Kỷ

Lưu ý : bảng chiết tính trên chỉ rõ là : Nếu bạn là Giáp khởi đầu nên chọn vợ có chữ Kỷ khởi đầu chớ nên kết hôn với người có chữ canh thì không hợp.

Bảng lập thành “ năm bất tường ”

Tính trong sự cưới gả

Gái không thể lấy chồng trong những năm này.

Trai cũng chớ nên kết hôn ở năm này

Chiết theo bảng chiết tính lập thành sau đây để các bạn trai cũng như gái nên theo dõi để tự mình tránh những năm gọi là (hung niên) năm Bất Tường, ấy là tối kỵ cho việc kết hôn hay cưới gả cũng thế.

Tuổi Nam	Hung Niên	Tuổi Nữ	Hung Niên
Tý	Mùi	Tý	Mẹo
Sử	Thân	Sử	Dần
Dần	Dậu	Dần	Sửu
Mẹo	Tuất	Mẹo	Tý
Thìn	Hợi	Thìn	Hợi
Tỵ	Tý	Tỵ	Tuất
Ngọ	Sửu	Ngọ	Dậu
Mùi	Dần	Mùi	Thân
Thân	Mẹo	Thân	Mùi
Dậu	Thìn	Dậu	Ngọ
Tuất	Tỵ	Tuất	Tỵ
Hợi	Ngọ	Hợi	Thìn

Chú giải : Năm Bất Tường tức là năm Hung Niên nên kiêng kỵ sự cưới gả. Cho nên nam nữ muốn dựng vợ đều phải coi theo đây hầu tránh sự chẳng may về sau. Tránh sự đại bại căn cứ theo bảng chiết tính trên khởi đầu từ Tý thì năm kiêng kỵ là năm mùi đối với bạn trai, còn bạn gái thì tuổi Tý kỵ năm Mẹo cứ thế mà tính thì chẳng sai bao giờ.

Phụ giải về ngũ hành khắc hạp trong hôn nhân :

Phàm là con người do trời đất sinh ra có âm có dương cấu tạo mới thành nên. Do đó mà luật tự nhiên hễ có con trai thì phải có con gái đến lúc lớn lên phối hợp thành vợ chồng tức là Âm Dương. Người đàn ông thuộc về Dương còn người đàn bà thuộc về Âm. Vì vậy vợ chồng ăn ở mà chẳng hợp nhau thì sanh ra mỗi người mỗi ngã. Nhưng vợ chồng mà ăn ở hạp nhau bền bỉ thì sanh con đẻ cháu đông đúc tức hạp lẽ Âm Dương tức là đúng số căn duyên gọi là duyên tiền định. Vì vậy trước khi làm lễ cưới hỏi người ta phải theo phong tục xem ngày lành tháng tốt và điều cần nhất là xem mạng hệ mà lựa chọn đôi bạn trăm năm. Người ta cũng căn cứ theo tử vi yếu pháp mà dùng, để xem tuổi tác cung mạng trai gái tương sanh tương hạp ra sao mà làm phép phối ngẫu cho nhau.

Vì vậy nơi đây với sự lý giải đại cương về ngũ hành sinh khắc trong hôn nhân, nó mang tính chất xác định rõ ràng là trình bày cái định luật cho các bạn trai gái như sau : thí dụ mạng kim thì trong 6 loại kim thuộc loại kim gì? Mạng Mộc cũng thuộc về mộc gì ? mạng thủy cũng có 6 loại thuộc về thủy gì ? mạng hỏa cũng có 6 loại gọi là hỏa gì ? mạng thổ thì cũng trong 6 loại thuộc về thổ gì ? Cần nhất là hiểu biết để khỏi lầm lẫn.

Thứ nhất : nếu người mạng kim thì có : 1. Sa trung Kim, 2. Kiếm phong Kim, 3. Bạch Lạp Kim, 4. Kim bá Kim, 5. Hải trung Kim, 6. Thoa xuyên Kim, 7 ; về điều này thì chỉ có Sa trung Kim và Kiếm phong Kim thì hạp, cho nên người ta gọi (lưỡng kim thành khí).

Thứ hai : Nếu hai người cùng mạng Mộc thì có : 1. Đại lâm Mộc, 2. Bình địa Mộc, 3. Dương liễu Mộc, 4. Tòng bá Mộc, 5. Tạng đồ Mộc, 6. Thạch lựu Mộc.

Về loại này chỉ có Bình địa Mộc và Đại lâm Mộc thì tác hợp nhau được vì (lưỡng mộc thành viên)

Thứ ba : Nếu hai người cùng mạng thủy thì có : 1. Thiên hà Thủy, 2. Đại hải Thủy, 3. Giáng hạ Thủy, 4. Trường lưu Thủy, 5. Tuyền trung Thủy, 6. Đại Khê Thủy, về loại này chỉ có Thiên hà Thủy và Đại hải Thủy nếu kết hợp nhau sẽ thành Lưỡng Thủy Thành Giang tốt.

Thứ tư : nếu hai người cùng Mạng Hỏa thì có : 1. Lư trung Hỏa, 2. Phước đăng Hỏa, 3. Sơn đầu Hỏa, 4. Thiên thượng Hỏa, 5. Sơn hạ Hỏa, 6. Thích lịch Hỏa. Về loại này thì chỉ có Lư trung Hỏa và Phước đăng Hỏa kết hợp sẽ thành Lưỡng Hỏa thành viên.

Thứ năm : nếu 2 người cùng mạng Thổ thì có : 1. Bích thượng Thổ, 2. Đại trạch Thổ, 3. Sa trung Thổ, 4. Lộ bàng Thổ, 5. Thành đầu Thổ, 6. Ốc thượng Thổ, về loại này thì chỉ có Bích thượng Thổ và Đại trạch Thổ nếu kết hợp thì thành Lưỡng Thổ thành Sơn còn ngoài ra đều sát kỵ nhau.

Ngoài ra trên đây nếu kết hợp nhau mà không đúng chẳng hạn như đồng mạng tương sanh, nhưng lại có một Thuyết khác cho là đồng mạng tương khắc. Do đó có những chứng minh như sau :

Hai người cùng mạng Kim (gọi là Lưỡng kim Thành khuyết) hai người mất hết một.

Hai người cùng mạng Mộc (gọi là lưỡng Mộc, hệ Chiết) hai gãy một.

Nếu hai người cùng mạng Thủy (gọi là lưỡng Thủy hệ kiệt) cạn khô hết nửa.

Nếu hai người cùng mạng Hỏa (gọi là lưỡng Hỏa hệ Diệt) lửa tắt hết ráo.

Hai người cùng mạng Thổ (gọi là lưỡng Thổ hệ Diệt) đất cằn cỗi.

Tuy vậy mà khoa chiêm tinh cứ dựa trên căn bản lý số mà kết nạp, coi việc đồng mạng tương sanh, tương khắc không mấy quan trọng bằng sự kiện chi phối cả giờ, ngày, tháng, năm sanh ra nhân vật mà tìm Can Chi Cung làm đối tượng với mạng rồi dùng hai tuổi để giải đoán nên hư và tốt xấu.

GIẢI LÝ VỀ LỤC HẠI, TỬ TUYỆT, BÁT SAN, THIÊN CAN KHẮC HẠP CHO VỢ CHỒNG

Tử vi đã xác định rằng hôn nhân nên tránh Tử Tuyệt và Lục Hại bởi phạm vào là mạng hệ không lưỡng. Đường tử tuyệt hiểm muộn bất thường và duyên nợ cũng như nghiệp danh nửa chừng lỡ dở. Theo đó chúng ta nên biết để giữ cho chính bản thân và anh em, con cái trưởng thành để sau này khi cần tác hợp lứa đôi.

Về tử tuyệt : người tuổi Tý kỵ tuổi Tỵ, tuổi Dậu kỵ tuổi Dần, tuổi Ngọ kỵ tuổi Hợi và tuổi Mẹo kỵ tuổi Thân. Hơn thế nữa phép gả cưới còn tránh 4 tuổi bất lợi (gọi là tứ hành xung) gồm có : Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu – Thìn, Tuất, Sửu, Mùi – Thân, Dần, Tỵ, Hợi – Nhục bằng phạm phải vợ chồng ắt gian truân, gia đạo tắc biến và như thế khổ buồn năm tháng biết thuở nào khuây.

Về lục hại : hai người tuổi Tý hại tuổi Mùi, tuổi Sửu hại tuổi Ngọ, tuổi Dần hại tuổi Tỵ, tuổi Mẹo hại tuổi Thìn, tuổi Thân hại tuổi Hợi...

Vợ chồng mà bị Lục Hại không khác gì đương không mang của nợ vào nhà. Rồi thì bệnh hoạn đau ốm tự nó làm cho hai người mất hết sinh lực, chán chê tình ái, phiền muộn căn duyên đưa đến mỗi người một nẻo, chẳng gì tốt hơn hết lúc sơ giao trai gái nên đề phòng hậu quả đó.

Về Thiên Can khắc hạp : Thiên Can có 10 (gọi là thập Thiên Can). Đó là Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

Thí dụ : người chồng mang tuổi Giáp Tý, khắc với tuổi người vợ mang tuổi Canh Tuất và Ất Sửu khắc với tuổi Tân Mẹo chẳng hạn.

Dưới đây là Thiên Can được tử vi xác định rằng Kỷ nhưng khắc Canh, Ất hạp Canh khắc Tân, Bính hay Tân khắc Nhâm, Đinh hạp Nhâm khắc Quý, Mậu hạp Quý khắc Giáp, Nhâm Đinh hạp Nhâm khắc Quý, Mậu hạp Quý khắc Giáp, Kỷ hạp Giáp khắc Ất, Canh hạp Ất khắc Bính, Tân hạp Bính khắc Đinh, Nhâm hạp Đinh khắc Mậu, Quý hạp Mậu khắc Kỷ.

Về hệ bát san : Bát San hệ gồm tám cung, được gọi là Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Vợ chồng phối ngẫu nên tránh tuyệt mạng bởi người Cung Càn kỵ Ly, Khảm kỵ Khôn, Cấn kỵ Tốn, Đoài kỵ Chấn và ngược lại.

Tránh giao chiến bởi người cung Càn kỵ Tốn, Khôn kỵ Cấn, Ly kỵ Đoài, Chấn kỵ Tốn, Khảm kỵ Ly, Khôn kỵ Ly, Khôn kỵ Chấn, Càn kỵ Khôn, nếu vì bất cứ một lẽ gì mà trai gái không tránh được ắt là sớm muộn rồi cũng khó khăn ở bền vững. Trong trường hợp kết nạp lứa đôi hoặc vô tình cố ý đều bị hệ lụy.

BẢNG LẬP THÀNH CUNG MẠNG

NAM NỮ KẾT HỢP HÔN NHÂN

Khoa tử vi lý số là phép cấu tạo các yếu tố căn bản chính xác để giải đoán hiện tại, cũng như tương lai của mỗi người, nhằm trên định thức cố hữu là tuổi tác, ngày, giờ, tháng, năm sinh để tìm ra hiện tượng tốt xấu chung quanh tình duyên gia đạo sự nghiệp và công danh. Riêng phần đặc biệt giành cho nam nữ đưa đến kết hợp hôn nhân, theo đó còn có Cung Mạng, mà chiêm tinh học gọi là “Bát san tuyệt mạng” hoặc “Bát san giao chiến” chẳng hạn.

Muốn các bạn nhận định rõ ràng, hiểu biết tường tận qua lối trình bày sau đây, nếu không nói là công phu tỷ mỉ, thì cũng chẳng nông nổi thiếu sót đối với các bạn cần được thỏa mãn phần nào nhu cầu thích đáng trong đời sống, nhất là vấn đề hạnh phúc lứa đôi.

NAM CUNG		NỮ CUNG	TỐT XẤU	SỐNG CHUNG THỂ NÀO
Càn	Lấy vợ	Càn	Không mấy tốt	Vợ chồng thiếu may mắn
-	-	Cấn	Thật tốt	Trăm năm thỏa nguyện
-	-	Đoài	Sanh khí	Tương hợp giai ngẫu
-	-	Chấn	Mắc ngũ quỷ	Bất lợi xào xáo
-	-	Khôn	Duyên niên	Thuận hòa phát đạt
-	-	Khảm	Lục sát	Tang tóc phiền lụy
-	-	Tốn	Hỏa tai	Bất tường bệnh tật
-	-	Ly	Tuyệt mệnh	Gãy cánh nửa đường
Khảm	Lấy vợ	Khảm	Không mấy tốt	Gặp nhiều trắc trở
-	-	Cấn	Ngũ quỷ	Xáo trộn bất hòa
-	-	Đoài	Họa tai	Tật bịnh gian khổ
-	-	Chấn	Thiên y	Duyên nợ lâu dài
-	-	Khôn	Tuyệt mạng	Chết chóc không ngờ
-	-	Càn	Lục sát	Tai bay họa gởi
-	-	Ly	Phúc đức	An bài duyên nợ
-	-	Tốn	Sanh khí	Tài lộc hòa hợp

Cấn	Lấy vợ	Cấn	Phục vị	Xấu nhưng không lo
-	-	Cần	Thiên y	Trong ấm ngoài êm
-	-	Khôn	Sanh khí	Gia đạo thuận thảo
-	-	Đoài	Phúc đức	Mặng nông no ấm
-	-	Khảm	Mắc ngũ quỷ	Cửa nhà bại hoại
-	-	Chấn	Lục sát	Danh nghiệp sa sút
-	-	Tốn	Tuyệt mạng	Bất đắc kỳ tử
-	-	Ly	Họa tai	Khốn nạn tạt nguyên
Chấn	Lấy vợ	Chấn	Không mấy tốt	Vợ chồng sanh ly
-	-	Khảm	Thiên y	Như ý sở cầu
-	-	Tốn	Duyên niên	Gia đình đầm ấm
-	-	Ly	Sanh khí	Phúc đức tổ phụ giàu
-	-	Cần	Lục sát	Thất bại ngay từ đầu
-	-	Cấn	Ngũ quỷ	Lộc xộn nội gia
-	-	Khôn	Họa tai	Duyên kiếp phũ phàng
-	-	Đoài	Tuyệt mạng	Chết chóc bất ngờ
Tốn	Lấy vợ	Tốn	Không mấy tốt	Tạm coi an bài số phận
-	-	Khảm	Sanh khí	Hào con hào tài tốt
-	-	Tốn	Phúc đức	May mắn uy quyền
-	-	Ly	Thiên y	Bách niên giai lão
-	-	Cần	Họa tai	Hoạn nạn bất thường
-	-	Cấn	Tuyệt mạng	Bất đắc kỳ tử
-	-	Khôn	Ngũ quỷ	Gia cảnh hục hặc
-	-	Đoài	Lục sát	Sự nghiệp khó giữ
Ly	Lấy vợ	Ly	Không mấy tốt	Sống vợ chồng nghèo nàn
-	-	Khảm	Phúc đức	Vĩnh viễn một bề
-	-	Chấn	Sanh khí	Phát đạt trường cửu
-	-	Tốn	Thiên y	Thịnh vượng uy thế lớn
-	-	Cần	Tuyệt mạng	Tử biệt sanh ly
-	-	Cấn	Tai họa	Gian truân khốn khổ
-	-	Khôn	Lục sát	Thân bại danh liệt
-	-	Đoài	Ngũ quỷ	Vợ chồng bất đồng luôn
Khôn	Lấy vợ	Khôn	Không mấy tốt	Cuộc đời tạm được bình dị
-	-	Cần	Duyên niên	Tương đối êm đẹp
-	-	Cấn	Sanh khí	Hòa hợp tâm tình
-	-	Đoài	Thiên y	Thỏa mãn tinh thần vật chất
-	-	Chấn	Tai họa	Nguy khốn nghèo hèn

-	-	Khảm	Tuyệt mạng	Hoạn nạn chết chóc
-	-	Tốn	Mắc ngủ quỷ	Gia đình hay bất hòa
-	-	Ly	Lục sát	Chật vật lận đận lao đao
Đoài	Lấy vợ	Đoài	Không mấy tốt	Số oan khiên tiền định
-	-	Càn	Phúc đức	Trước sau êm ấm phát đạt
-	-	Khôn	Sanh khí	Vững bền mạng tài lộc
-	-	Chấn	Tuyệt mạng	Tiêu hao tang tóc
-	-	Khảm	Họa tai	Hoạn nạn bệnh tật
-	-	Tốn	Lục sát	Khốn khổ nghèo khó
-	-	Ly	Ngũ quỷ	Phiền não rắc rối

Giải thích : cách theo dõi để tìm hiểu Cung Mạng Nam Nữ có được kết hợp hôn nhân hay không, tốt hoặc xấu, các bạn chỉ cần liếc mắt qua hàng ngang bởi những “khung kẻ” bắt đầu từ phía trái sang phải : Nam cung gì ? Nữ cung gì ? Tốt xấu, sống chung.. và bắt đầu bằng chữ Càn trong số 8 cung là : Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

BẢNG LẬP THÀNH NGŨ HÀNH HÒA HỢP HÔN NHÂN NAM NỮ TƯƠNG SANH VÀ XUNG KHẮC.

Phàm hệ thông thường định lý của tử vi thì có “bốn thứ kỳ” là gồm các tuổi : Dân, Thân, Tỵ, Hợi, - và Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, - Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, - tổng số tất cả 12 con giáp được chia là bốn phần bao trùm “tứ kiểu kỳ” mà khoa chiêm tinh học gọi là “tứ hành xung” cũng vậy.

Các tuổi này, nếu bất cứ vì lý do nào hoặc vô tình hay cố ý đưa đến cho nam nữ kết hợp hôn nhân, tức là sự chung sống không sớm thì muộn thế nào cũng có xảy ra : gia đạo bất hòa, kinh doanh thất bại, khốn khổ gian lao và cuối cùng là sanh ly tử biệt.

Theo đó trước hết là vấn đề dựng vợ gả chồng ăn đời ở kiếp với nhau. Trong tâm của hôn nhân là Hòa Hợp là phải tìm tuổi tương sanh nam nữ gồm có “tam hợp” là : Thân, Tý, Thìn – Dân, Ngọ, Tuất – Dậu, Tý, Sửu – Mùi, Mẹo, Hợi – ba tuổi này được coi như cố hữu định thức của số mạng sum vầy, thuận thảo, phát đạt, bền vững.

Ngoài ra còn có các tuổi “đại lợi đại hại” như Tý Sửu – Mẹo Tuất – Dân Hợi – Thìn Dậu – Ngọ Mùi – Tỵ Thân – Nó trái với tuổi “đại khắc đại kỳ” như Dân Tỵ – Sửu Ngọ – Tý Mùi – Mẹo Thìn – Dậu Tuất – Thân Hợi – Cứ hai tuổi này (2) gặp nhau và chung sống giữa nam nữ là phải gây phiền lụy, khốn đốn bệnh tật, tiêu hao tù tội và có khi chết chóc nữa là đằng khác.

Càng quan hệ hơn nữa đối với nam và nữ trong vấn đề hôn nhân gây dựng hạnh phúc, khoa chiêm tinh học đã dành cho các bạn sự tự chọn lựa “ý trung nhân” của mình bằng cách tìm hiểu về định lý tương đồng, tương sanh trong phép ngũ hành hòa hợp để trai gái có thể theo bảng lập thành như sau đây qua Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Đại loại :

Thí dụ mạng nam Kim thì nữ mạng gì ?

MẠNG NAM MẠNG NỮ	Tốt xấu	TƯỚNG LAI RA SAO
Kim lấy vợ Kim(ngoại lệ nếu thiên can và địa chi thuận)	Bất lợi, lưỡng Kim thành khí	Gây cấn, khống chế nhau, sanh sự bất hòa tư tưởng thù nghịch

- Mộc (vì là kim khắc mộc)	Xung kỵ, hiềm khích	Đưa đến khốn khổ chật vật, vất vả có thể
- Hỏa	Hắc sát thâm căn	Vợ chồng hục hặc rầy rà, cãi vã nhau luôn và bản cùng cực.
- Thổ Kim hợp với Thổ	Đại lợi, đại lộc	Gia đình xung mãn, tâm đầu ý hợp giàu sang sung sướng
- Thủy Kim hợp với Thủy	Lương duyên tiền định	Căn kiếp tự trời an bài, phát đạt. Sự nghiệp con cái đầy nhà
- Mộc Lấy Vợ Mộc (Mộc hợp Mộc)	Quan lộc quý số	Trọn đời phong lưu, công danh sự nghiệp bền bỉ, vợ chồng sanh con để cái trưởng thành thi cử đỗ đạt...
- Thủy Mộc hợp Thủy	Tương sanh phúc đức	Chẳng những vợ chồng ăn ở đến tuổi già mà còn trưởng giả phú hộ
- Thổ Mộc hợp Thổ. Đại lâm Mộc	Đại phú tương hợp	Giàu có bạc triệu vợ chồng thuận thảo giai lão ba niên
- Hỏa Mộc hợp Hỏa	Thịnh vượng sanh khí	Của tiền trời cho dư ăn dư để, ruộng vườn cò bay thẳng cánh.
- Kim	Khắc kỵ bất tướng	Vợ chồng ăn ở không bền lâu, trước hợp sau lìa
- Thủy lấy vợ Thủy (hai mạng đồng nhứt)	Song Thủy bình dị	Tuy rằng không mấy tốt nhưng cặp vợ chồng này tương đối yên ổn, đời sống tầm thường...
- Mộc	Nhân duyên tiền kiếp	Gia đình trên thuận dưới hòa, con cái đông đủ, sống bên nhau tới già.
- Kim (mạng tương thân)	Sanh tai tự nhiên	Sung sướng phát đạt yên vui trọn đời.
- Hỏa	Thiên định tác thành	Oan khiên tiền kiếp nhưng vợ chồng tạm sống bình dị an vui.
- Thổ (khắc kỵ thâm căn)	Bất lợi dị đồng	Gia đình này vợ chồng chung sống không mấy no cơm ấm áo, nhưng được hào con.
- Hỏa lấy vợ Hỏa (tương sanh tương hợp)	Hưng vượng tùy thời	Nếu biết phát cờ tới tay được cơ hội làm nên sự nghiệp lớn, vợ chồng bền vững.
- Kim (ngoại trừ Kiếm phong Kim)	Khắc kỵ sanh họa	Vợ chồng ăn ở với nhau lâu e đưa đến kiện cáo có thể ly dị.
- Mộc Hai mạng hòa hợp nếu Đại lâm Mộc	Sở đắc tài lộc	Vợ chồng được phúc đức và cả tài lộc thọ vượng
- Thổ	Thiên định	Gia đình phú túc sung mãn, trường

(tương đồngtương sanh)	phần số	thọ, con cháu vinh hiển.
- Thủy (kỵ xung bất thường)	Đại khắc đại nạn	Cặp hôn nhân này gặp nhiều tai bay họa gửi hơn là may mắn...
- Thổ lấy vợ Thổ (song mạng đồng nhứt)	Tương sanh lưỡng thổ	Tiền duyên khó, hậu duyên dễ, vợ chồng ăn nên làm ra.
- Kim (Thổ sanh Kim hợp)	Sanh lộc đắc vận	Vợ chồng tương đắc giàu sang danh vọng uy thế lớn.
- Mộc Khắc ngoại trừ Đại	Bất lợi bi đát	Nếu người vợ không phải Đại lâm Mộc thì khó được.
- Thủy (hai mạng tương khắc)	Tối kỵ, thất tình, sanh ly	Vợ chồng lúc nhỏ hợp sau tan, của tiền như bọt nước đưa đến cách biệt...
- Hỏa (hai mạng tương hợp)	Quan vị đắc vận	Làm ăn phát tài danh nghiệp lớn, uy thế to, con cháu đỗ đạt.

Phụ giải : Phàm hễ học giỏi, tìm hiểu thì phải chủ tâm cho cận kề, tường tận để được minh bạch, thấu đáo, rành mạch về các khoa chiêm tinh tử vi lý số, theo đó đại để qua bản lập thành hôn nhân ngũ hành hòa hợp, bạn đọc cũng nên lưu ý bởi các điểm ghi nhận dưới đây :

A – Mạng Mộc (nam hay nữ cũng như nhau) thì chỉ khắc kỵ với mạng Thổ. Nhưng nếu mạng Mộc hoặc Thổ ở vào ngôi Đại lâm Mộc hay Đại thổ Trạch, cố nhiên là vượt qua khỏi thâm canh thiên sanh, tức hóa giải, hòa hợp mà song mạng vợ chồng được tài lộc, quan vị, có uy thế là khác.

B – Mạng Mộc (hai mạng nam hay nữ cùng là Mộc) hoặc gọi là lưỡng Mộc tức biến thành Lâm (rừng) cũng như lưỡng Thổ (hai mạng cùng là Thổ), tức biến thành Sơn (núi). Được vậy mới tương hợp tương sanh, nam nữ kết hợp trường tồn hạnh phúc.

NGŨ HÀNH NẠP ÂM

Trong “Lục thập hoa giáp” mỗi ngôi do một can và một chi, thuộc về chánh ngũ hành, hiệp lại thành. Như ngôi : Giáp Tý, can là Giáp thuộc Mộc, chi là Tý thuộc Thủy.

Nếu can và chi hiệp với nhau, theo nhật luật thì hóa thành một thứ ngũ hành khác, không giống chánh ngũ hành nói trên. Như Giáp và Tý hiệp với nhau hóa thành Hải trung Kim gọi là ngũ hành nạp âm.



lục Thập Hoa Giáp có 60 ngôi phân phối cho năm âm (cung, thương, giác, thủy, vũ). Một luật nạp (gồm thân) năm âm, thành ra 12 luật phải nạp 60 âm.

Khí phát ở phương đông và hữu hành (đi về hướng tay mặt) còn âm (tức là năm âm) khởi ở phương tây và tả hành (đi về hướng tay trái). Khí và âm đi ngược chiều nhau mới có sanh biến hóa.

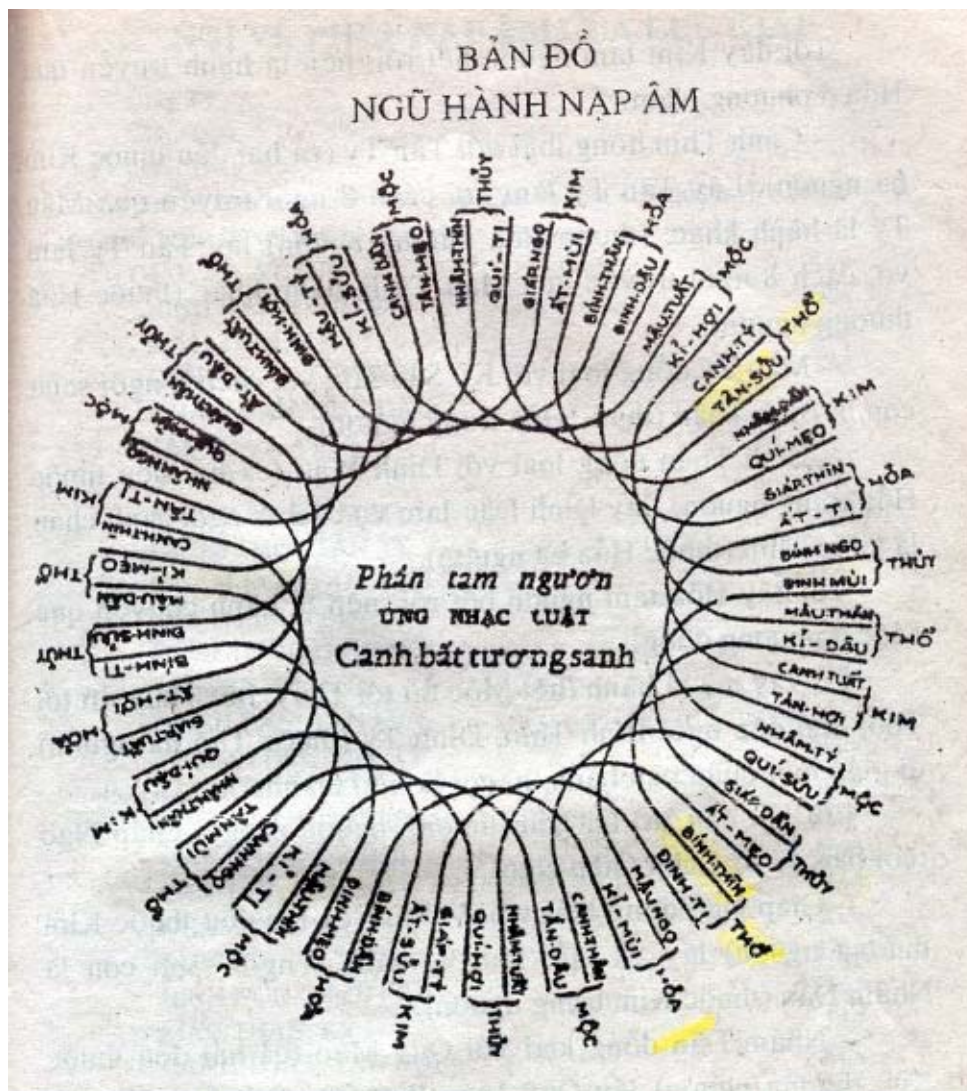
Đây nói : “ khí phát ở phương đông ” có nghĩa là : bốn mùa phát từ đông và hữu hành.

Mộc truyền qua Hỏa, hỏa truyền qua Thổ, Thổ truyền qua Kim, Kim truyền qua Thủy.

Còn nói (âm khởi ở phương tây) có nghĩa là : năm âm khởi tại kim và tả hành : Kim truyền qua hỏa, Hỏa truyền qua Mộc, Mộc truyền qua Thủy, Thủy truyền qua Thổ.

Theo phép nạp âm, ứng theo nhạc luật, can chi đồng loại chủ thể, cách bát sanh tử, có nghĩa là : Mỗi can chi lấy vợ đồng loại với mình mà sanh con cách tám ngôi. Phải khởi tính ở ngôi Giáp Tý (coi bản đồ số một chữ Giáp Tý).

Giáp Tý đồng loại với Ất Sửu (cả hai đều thuộc Kim thượng Nguyên). Lấy Ất Sửu làm vợ, cách 8 ngôi sanh con là Nhâm Thân (thuộc Kim trung Nguyên).



Nhâm Thân đồng loại với Quý Dậu (cả hai thuộc Kim trung Nguyên) lấy Quý Dậu làm vợ, cách 8 ngôi sanh cháu là Canh Thân (thuộc Kim hạ Nguyên).

Tới đây Kim tam Nguyên hết rồi, nên tả hành truyền qua Hỏa ở phương Nam.

Canh Thìn đồng loại với Tân Tỵ (cả hai đều thuộc Kim hạ Nguyên). Lấy Tân Tỵ làm vợ, cách 8 ngôi truyền qua Mậu Tý là hành khác (thuộc Hỏa thượng Nguyên) lấy Tân tỵ làm vợ, cách 8 ngôi truyền qua Mậu Tý là hành khác (thuộc Hỏa thượng nguyên).

Mậu Tý đồng loại với Kỷ Sửu làm vợ, cách 8 ngôi sanh con là Bính Thân (thuộc Hỏa trung Ngươn).

Bính Thân đồng loại với Đinh Mậu (cả hai đều thuộc Hỏa trung ngươn), lấy Đinh mậu làm vợ cách 8 ngôi sanh cháu là Giáp Thìn (thuộc Hỏa hạ Ngươn).

Tới đây Hỏa tam Ngươn hết rồi, nên tả hành truyền qua Mộc ở phương đông.

Cứ vậy mà tả hành (hết Mộc rồi tới Thủy, hết Thủy thì đến Thổ) cho đến ngôi Bính Thìn, Đinh Tỵ (thuộc Thổ hạ Ngươn) đi giáp một quận ngũ hành thì gọi là tiểu thành.

Rồi bắt đầu trở lại Kim thượng ngươn ở ngôi Giáp Ngọ (coi bản đồ số 1 chữ Giáp Ngọ).

Giáp Ngọ đồng loại với Ất Mùi (cả hai đều thuộc Kim thượng ngươn) lấy Ất Mùi làm vợ cách 8 ngôi sanh con là Nhâm Dần (thuộc Kim trung ngươn).

Nhâm dần đồng loại với Quý Mẹo (cả hai đều thuộc Kim thượng ngươn) lấy quý mẹo làm vợ, cách 8 ngôi sanh cháu là Canh Tuất (thuộc Kim hạ ngươn). Tới đây Kim tam ngươn hết rồi, nên tả hành truyền qua Hỏa, (hết Hỏa rồi tới Mộc, hết Mộc thì tới Thủy, hết Thủy thì tới Thổ) như nói trên.

Cứ tính như vậy, cho tới ngôi Bính Tuất, Đinh Hợi (thuộc Thổ hạ ngươn) đi giáp một quận ngũ hành nữa gọi là đại thành.

NÓI VỀ PHÉP NẠP ÂM CỦA LỤC GIÁP

1- Giáp Tý

2- Giáp Tuất

3- Giáp Thân

Nạp âm là đem một chữ thuộc về Can và một chữ thuộc về Chi gộp lại với nhau, để hợp vào với ngũ hành như là :

1 – GIÁP TÝ, ẤT SỬU	thuộc	Kim
BÍNH DẦN, ĐINH MẸO	-	Hỏa
MẬU THÌN, KỶ TỶ	-	Thổ
CANH NGỌ, TÂN MÙI	-	Thổ
NHÂM DẦN, QUÝ DẬU	-	Kim
2 – GIÁP TUẤT, ẤT HỢI	-	Hỏa
BÍNH TÝ, ĐINH SỬU	-	Thủy
MẬU DẦN, KỶ MÃO	-	Thổ
CANH THÌN, TÂN TỶ	-	Kim
NHÂM NGỌ, QUÝ MÙI	-	Mộc
3 – GIÁP THÂN, ẤT DẬU	-	Thủy
BÍNH TUẤT, ĐINH HỢI	-	Thổ
MẬU TÝ, KỶ SỬU	-	Hỏa
CANH DẦN, TÂN MẸO	-	Mộc
NHÂM THÌN, QUÝ TỶ	-	Thủy
4 – GIÁP NGỌ, ẤT MÙI	-	Kim
BÍNH THÂN, ĐINH MẬU	-	Hỏa
MẬU TUẤT, KỶ HỢI	-	Mộc

CANH TÝ, TÂN SỬU	-	Thổ
NHÂM DẦN, QUÝ MỆO	-	Kim
5 – GIÁP THÌN, ẤT TỶ	-	Hỏa
BÍNH NGỌ, ĐINH MÙI	-	Thủy
MẬU THÂN, KỶ DẬU	-	Thổ
CANH TUẤT, TÂN HỢI	-	Kim
NHÂM TÝ, QUÝ SỬU	-	Mộc
6 – GIÁP DẦN, ẤT MỆO	-	Thủy
BÍNH THÌN, ĐINH THÌN	-	Thổ
MẬU NGỌ, KỶ MÙI	-	Hỏa
CANH THÂN, TÂN DẬU	-	Hỏa
NHÂM TUẤT, QUÝ HỢI	-	Thủy

Trong 60 năm chia làm 6 phần, mỗi phần 10 năm, bắt đầu từ chữ Giáp đến chữ Quý cho nên gọi là Lục Giáp như :

4 – Giáp Ngọ

5 – Giáp Thìn

6 – Giáp Dần

NGŨ HÀNH NẠP ÂM TƯƠNG SANH

Bảng số 2 TIỂU THÀNH

Giáp Tý Ất Sửu	Hải trung kim	Sanh	Nhâm thân quý dậu	Kiểm phong kim
Nhâm Thân Quý Dậu	Kiểm phong kim	Sanh	Canh thìn tân ty	Bạch lập kim
Canh Thìn Tân Ty	Bạch lập kim	Truyền	Mậu tý kỷ sửu	Thích lịch hỏa
Mậu Tý Kỷ Sửu	Thích lịch hỏa	Sanh	Bính thân đinh mậu	Sơn hạ hỏa
Bính Thân Đinh Dậu	Sơn hạ hỏa	Sanh	Giáp thìn ất tý	Phúc đăng hỏa
Giáp Thìn Ất Tý	Phúc đăng hỏa	Truyền	Nhâm tý quý sửu	Tang đổ mộc
Nhâm Tý Tân Dậu	Tang đổ mộc	Sanh	Canh thân tân dậu	Thạch lưu mộc
Mậu Thìn Kỷ Ty	Đại lâm mộc	Truyền	Bính tý đinh sửu	Giang hạ thủy
Bính Tý Đinh Sửu	Giang hạ thủy	Sanh	Giáp tý ất dậu	Tuyền trung thủy
Giáp Thân Ất Dậu	Tuyền trung thủy	Sanh	Nhâm thìn quý ty	Trường lưu thủy

NGŨ HÀNH NẠP ÂM TƯỚNG SANH

Nhâm Thìn Quý Tý	Trường lưu Thủy	Truyền	Canh Tý Tân Sửu	Bích thượng Thổ
Canh Tý Tân Sửu	Bích thượng Thổ	Sanh	Mậu Thân Kỷ Dậu	Đại dịch Thổ
Mậu Thân Kỷ Dậu	Đại Dịch Thổ	Sanh	Bính Thìn Đinh Tỵ	Sa Trung Thổ
Bính Thìn Đinh Tỵ	Sa trung Thổ	Truyền	Giáp Tỵ Ất Sửu	Hải trung Kim

Bình địa Mộc
Tòng bá Mộc
Dương liễu Mộc
Sơn đầu Hỏa
Lưu trung Hỏa
Thiên thượng Hỏa
Xoa xuyên Kim
Kim bạch Kim

Giáp Ngọ Ất Mùi	Sa trung Kim	Sanh	Nhâm Quý Mão	Dần
Nhâm Quý Mão	Kim bạch Kim	Sanh	Canh Tuất Tân Hợi	Tân
Canh Tân Hợi	Xoa xuyên Kim	Truyền	Mậu Ngọ Mùi	Kỷ
Mậu Ngọ Kỷ Mùi	Thiên thượng Hỏa	Sanh	Bính Dần Đinh Mẹo	Đinh
Bính Đinh Mẹo	Lưu trung Hỏa	Sanh	Giáp Tuất Ất Hợi	Ất
Giáp Tuất Ất Hợi	Sơn đầu Hỏa	Truyền	Nhâm Quý Mùi	Ngọ
Nhâm Quý Mùi	Dương liễu Mộc	Sanh	Canh Dần Tân Mẹo	Tân
Canh Dần Tân Mẹo	Tông bá Mộc	Sanh	Mậu Tuất Kỷ Hợi	Kỷ

Bính Ngọ Đinh Mùi	Thiên hà Thủy
Giáp Dần Ất Mẹo	Đại khê Thủy
Nhâm Quý Hợi	Đại hải Thủy
Canh Ngọ Tân Mùi	Lộ bàng Thổ
Mậu Dần Kỷ Mẹo	Thành đầu Thổ
Bính Tuất Đinh Hợi	Ốc thượng Thổ
Giáp Ngọ Ất Mùi	Sa trung Thổ

Truyền	Bình địa Mộc	Mậu Tuất Kỷ Hợi
Sanh	Thiên hà thủy	Bính Ngọ Đinh Mùi
Sanh	Đại khê Thủy	Giáp Dần Ất Mão
Truyền	Đại hải Thủy	Nhâm Tuất Quý Hợi
Sanh	Lộ bàng Thổ	Canh Ngọ Tân Mùi
Sanh	Thành đầu Thổ	Mậu Dần Kỷ Mão
Truyền	Ốc thượng Thổ	Bính Tuất Đinh Hợi

Ở trong mỗi quân (tiểu thành và đại thành nói trên) hai bên cách 8 ngôi sanh con là tốt. Trong đó chúng ta còn thấy: theo chánh ngũ hành thiên cương tương sanh, địa chi tam hợp lại càng gia tăng sự tốt hơn nữa.

Thí dụ: giáp tý, ất Sửu, sanh nhâm thân, quý Dậu, nhâm thân, quý Dậu sanh canh thìn, thân tỵ ...

Giáp tý, ất Sửu, kim thượng ngươn sanh nhâm thân, quý Dậu: kim trung ngươn sanh canh thìn, tân tỵ, kim hạ ngươn. Trong đó theo chánh ngũ hành, nói về thiên can thì giáp và nhâm, nhâm và canh tương sanh. Luận về địa chi thì thân tỵ thìn là tam hợp thủy cuộc thế thì ngũ hành nạp âm tương sanh. Vậy là không khá.

Vào những trường hợp nói trên đó, cả hai bên xét về ngũ hành, can chi đẳng tương sanh tương hợp. Còn về ngũ hành nạp âm thì đồng một loại. Cho nên gọi là đại kết.

Về cách 8 ngôi sao cháu, vì có can tương khắc thì sự tổn kém hơn. Nhưng nếu bốn mạng khắc ngay dùng thì cũng không đáng lo ngại.

Thí dụ : giáp tý sanh con là nhâm thân thì tốt, mà sanh cháu canh thìn thì sự tốt không bằng, vì có giáp và canh khác nhau.

Nhưng nếu canh thìn bốn mạng, giáp tý ngay dùng thì ngày không khắc mạng, cũng không mấy hại. Đó gọi là bang xung (xung một bên) chứ không phải là chánh xung (xung ngay tấy).

Ta hãy nhận rõ hai bản tiểu thành và đại thành ghi trên mỗi đoạn có ba hàng:

Hàng thứ nhất sanh con , cách 8 ngôi, là đại kết như trên đã nói:

Hàng thứ nhì sanh cháu, cách 8 ngôi nữa là thứ kết, cũng đã nói như trên.

Hàng thứ ba: loại ngũ hành này truyền qua loại ngũ hành khác.

Nếu gặp nạp âm tương sanh đều là đại kết. Còn gặp nạp âm tương khắc có khi xấu, cũng có khi tốt. (coi bài C sau này).

C. NGŨ HÀNH NẠP ÂM TƯƠNG KHẮC

Theo chánh ngũ hành, kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, mỗi lần thấy khắc là luôn luôn có hại hại.

Theo ngũ hành nạp âm, có khi hình này khắc hình kia, không phải là xấu, lại nhờ khắc đó mà ra tốt. Chớ không phải mỗi lần khắc là xấu cả.

XEM 5 BÀI THƠ SAU ĐÂY, MỖI BÀI THUỘC VỀ MỘT HÀNH KIM

Sa trung kim, kiêm phong kim, lưỡng bán cầm nhược cử chấn địa tiên tương xâm.

Ngoại hữu tứ kim tu kỵ hỏa .

Kiểm, sa vô hỏa, bất thành hình.

Nghĩa là: hai thứ ngũ hành nạp âm là: sa trung kim và kiêm phong kim nếu gặp mộc thì nó khắc ngay. Ngoài ra còn bốn thứ khác là: hải trung kim, bạch lập kim, xoa xuyên kim, đều là kỵ hỏa.

Còn kiểm phong kim và sa trung kim chẳng những không kỵ hỏa mà trái lại còn phải nhờ hỏa mới nên hình (thành môn khí cụ) giữa nếu như can chi gặp thiên khắc địa xung (ví dụ nhâm thân, quý dậu là kiểm phong kim gặp bính dần, đinh mẹo là lư trung hỏa) thì phải tránh là tốt hơn.

HÀNH HỎA

Phúc đăng lư hỏa kỷ sơn đầu.

Tam gia nhuyển lai phạ thủy lưu. sợ thủy.

Ngoại hữu tam ban bất phạ thủy.

Nhứt sanh y lộc, cận vương hầu.

Nghĩa là: ba thứ hỏa là: phúc đăng hỏa, lưu trung hỏa, sơn đầu hỏa đều sợ thủy khắc.

Ngoài ra có ba thứ khác là: thiên thượng hỏa, thích lịch hỏa, sơn hạ hỏa lại không sợ thủy.

Trái lại nếu có thủy khắc thì các mạng đó sẽ đăng một đời y lộc đầy đủ, gần bậc vương hầu.

HÀNH MỘC

Tòng bá, dương liễu, tang đố mộc

Thạch lựu đại lâm kỵ kim đao

Duy hữu thảo nhiên bình địa mộc

Vô kim, bất đặng thượng thanh vân.

Nghĩa là : 5 thứ mộc là : tòng bá mộc, dương liễu mộc, tang đố mộc, thạch lựu mộc, đại lâm mộc đều bị kim khắc.

Chỉ có một thứ bình địa mộc (gỗ) chẳng những không sợ kim khắc mà trái lại, nếu không có nhờ kim khắc, thì khó cầu công danh phú quý.

HÀNH THỦY

Thủy kiến: Thiên hà, đại hải lưu

Nhị giả bất phạ thổ vì cừu

Ngoại hữu số ban tu kỵ thổ

Nhứt sanh y lộc tất nan cầu

Nghĩa là : 2 thứ thủy là thiên hà thủy và đại hà thủy không khi nào sợ thổ khắc. Nhưng nếu gặp can chi thiên khắc địa xung (ví dụ: bính ngọ, đinh mùi là thiên hà thủy gặp canh tỵ, tân sửu là bích thượng thổ) thì phải tránh là tốt hơn.

Ngoài ra các thứ thủy khác là giang hà thủy, tuyến trung thủy, trường lưu thủy, đại khê thủy, đều bị thổ khắc. Nếu bị thổ khắc, tất nhiên một đời khó cầu y lộc.

HÀNH THỔ

Thành đầu, ốc thượng dữ bích thượng

Tam Thổ nguyên lai pha mộc xung

Ngoại hữu tam ban bất phạt Mộc

Nhứt sanh thanh quý bộ thiềm cung

Nghĩa là : Ba thứ Thổ là Thành đầu Thổ, Ốc thượng Thổ, và Bích thượng Thổ vốn sợ Mộc xuyên khắc.

Ngoài ra có ba thứ Thổ các là : Lộ bàng Thổ, Đại dịch Thổ và sa trung Thổ đều không sợ Mộc. Trái lại nếu có Mộc khắc càng hay, đôi người sẽ đăng thanh khiết, cao sang vào trường thi là đậu (đăng khoa).

NGŨ HÀNH NẠP ÂM TÌ HÒA

Tì Hòa có nghĩa là: Hai bên ngũ hành thì cùng chung một loại, không khác nào anh em ngang vai cùng nhau. Tỉ như Mộc với Mộc, Hỏa với Hỏa, vv...

Tì Hòa có tốt mà cũng có xấu: Như nạp Âm (coi bài phía trước) trùng tương sanh nói trên là tốt, thì người ta nói :

Lưỡng Hỏa thành viêm (lửa nóng)

Lưỡng Mộc thành lâm (rừng)

Lưỡng Thổ thành sơn (núi)

Lưỡng Kim thành khí (món đồ dùng)

Đây nói hai bên cùng đồng một loại ngũ hành cùng hiệp với nhau mà can chi sanh hạp, giúp thêm sức mạnh là tốt.

Tỷ như giáp thìn, Ất Tỵ, phúc đăng Hỏa (lửa đèn) và Bính Thân Đinh Dậu là sơn hạ Hỏa

Tỷ như giáp thìn, Ất Tỵ, Phúc đăng Hỏa (lửa đèn) và Bính Thân Đinh Dậu là Sơn hạ Hỏa (lửa dưới núi) hai bên sanh hạp lẫn nhau, mới thêm sức nóng, sức đánh gọi là :

Lưỡng Hỏa thành viêm.

Còn như sáu thì người ta nói:

Lưỡng Mộc Mộc chiết.

Lưỡng Kim Kim khuyết.

Lưỡng Hỏa Hỏa diệt .

Lưỡng Thổ Thổ kiệt.

Như hai bên cùng đồng thuộc về một ngũ hành nạp âm như nhau mà có can khắc hay chi xung. Nếu bốn mạng bị xung khắc thì không nên dùng. Vào trường hợp này, khi nào có một lượt vừa can vừa khắc, vừa chi xung.

Tỷ như mậu tý, Kỷ Sửu là Thích lịch Hỏa (lửa sấm sét) và Mậu Ngọ. Kỷ Mùi là Thiên thượng Hỏa (lửa trên trời) hai bên thiên can đồng một loại mà địa chi lại tương xung. Nếu hai bên gặp nhau thì bốn mạng bị xung hay khắc thì gọi là: Lưỡng Hỏa Hỏa diệt.

Cũng có sách nói: Hai bên đồng một thứ ngũ hành, cả hai bên đều yếu sức mà gặp nhau thì tốt. Như lửa đèn và lửa dưới núi gặp nhau thì gọi là Lưỡng Hỏa thành viêm. Còn hai bên đồng một

thứ ngũ hành cả hai đều mạnh sức mà gặp nhau thì xấu. Như hiệp lửa sấm sét và lửa trên trời nói trên thì đó là: *Luồng Hỏa Hỏa diệt*.

Thuyết này chưa chắc đúng, không nên quá tin theo. vì dù yếu hay mạnh sức mà can chi tương sinh tương hợp hay là can chi tuy xung khắc bổn mạng thì cũng ít hại. Ngũ hành nạp âm tương khắc còn có khi tốt thay hướng hồ là hai bên tỵ hòa cùng nhau, phần tốt lấn hơn phần xấu là dùng được rồi.

Cần nên lưu ý: Chánh ngũ hành là phần căn bản, còn ngũ hành nạp âm là phụ thuộc mà thôi.

Cách tìm tuổi và mạng để biết thuộc hành nào?

Muốn biết tuổi mình thuộc về hành hỏa hay hành nào khác thì phải học thuộc lòngba câu chữ rất thông dụng xưa nay như sau :

- 1.- Về con Giáp Tý, Giáp Ngọ :Ngân(kim) đặng (Hỏa) già (Mộc) Bích (Thổ) câu (Kim).
- 2.-Về con Giáp Tuất ,Giáp Thìn:yên (Hỏa) Mãn(Thủy) Tư (Thổ) Chung (Kim) Lâu (Mộc).
- 3.-Về con Giáp Dần , Giáp Thân : Hán (Thủy) Địa (Thổ) Siêu (Hỏa) Sài (Mộc) Thấp(Thủy).

Rồi đem nó vào bàn tay mà đón. Mỗi một chữ gồm luôn luôn hai chi. Cho nên đọc chutặng thì bắmluôn Dần Mẹo hoặc Thân Dậu v.v... tùy theo con Giáp Tý hay là Giáp Ngọ.

Xem bản đồ 4-5-6 sau này thì rõ.

BẢN ĐỒ SỐ 4
1. – GIÁP TÝ, GIÁP NGỌ : NGÂN, ĐẶNG, GIÁ, BÍCH, CÂU

Ngũ hành nạp âm	Chữ riêng	Can chi	Ngũ hành nạp âm
Hải trung Kim	NGÂN	Giáp Ngọ Ất Mùi	Sa trung Kim
Lư trung Hỏa	ĐẶNG	Bính Thân Đinh Dậu	Sơn hạ Hỏa
Đại lâm Mộc	GIÁ	Mậu Tuất Kỷ Hợi	Bình địa Mộc
Lộ bàng Thổ	BÍCH	Canh Tý Tân Sửu	Bích thượng Thổ
Kiểm phong kim	CÂU	Nhâm Dần Quý Mẹo	Kim bạc Kim

BẢNG ĐỒ SỐ 5
2. – GIÁP TUẤT, GIÁP THÌN : YÊN, MÃN, TỰ, CHUNG,

Can chi	Ngũ hành nạp âm	Chữ riêng	Can chi	Ngũ hành nạp âm
Giáp Tý Ất Sửu	Sơn đầu Hỏa	YÊN	Giáp Thìn Ất Tý	Phúc đăng Hỏa
Bính Dần Đinh Mão	Giang hạ Thủy	MÃN	Bính Ngọ Đinh Mùi	Thiên hà Thủy
Mậu Thìn Kỷ Tý	Thành đầu Thổ	TỰ	Mậu Thân Kỷ Dậu	Đại dịch Thổ
Canh Ngọ Tân Mùi	Bạch lập Kim	CHUNG	Canh Tuất Tân Hợi	Xoa xuyên Kim
Nhâm Thân Quý Dậu	Dương liễu Mộc	LÁU	Nhâm Tý Quý Sửu	Tang đố Mộc

Can chi	Giáp Tý Ất Sửu	Bính Dần Đinh Mão	Mậu Thìn Kỷ Tý	Canh Ngọ Tân Mùi	Nhâm Thân Quý Dậu
---------	----------------	-------------------	----------------	------------------	-------------------

BẢN ĐỒ SỐ 6
3. – GIÁP THÂN, GIÁP DẦN : HÁN, ĐỊA, THIÊU, SÀI,

Can chi	Ngũ hành nạp âm	Chữ riêng	Can chi	Ngũ hành nạp âm
Giáp Thân Ất Dậu	Tuyền chung Thủy	HÁN	Giáp Dần Ất Mão	Đại Khê Thủy
Bính Tuất Đinh Hợi	Ốc thượng Thổ	ĐỊA	Bính Thìn Đinh Tỵ	Sa trung Thổ
Mậu Tý Kỷ Sửu	Thích lịch Hỏa	THIÊU	Mậu Ngọ Kỷ Mùi	Thiên thượng Hỏa
Canh Dần Tân Mão	Tồng bá Mộc	SÀI	Canh Thân Tân Dậu	Thạch lưu Mộc
Nhâm Thìn Quý Tỵ	Trường lưu Thủy	THÁP	Nhâm Tuất Quý Hợi	Đại hải Thủy

Mỗi việc gì cần nên coi người vai chánh.

Như về việc cưới gả, thì coi tuổi của đôi vợ chồng dựng sanh hạ là tốt, bị xung khắc là xấu, coi ngày chọn dùng làm lễ hỏi hay lễ cưới có xung khắc với hai tuổi đó không. Mặc dầu lịch ghi ngày và mạng xung khắc với nhau, thì ngày ấy cũng hóa ra xấu.

Về việc dựng các việc khác thuộc dương, thì nên coi tuổi của người chủ trương việc làm.

Còn về việc chôn cất hay các việc khác thuộc âm thì coi tuổi của hóa mạng (người chết) và người chủ tế là đủ. Chẳng cần phải coi động đến các con cháu khác nữa.



Tự tay lập nghiệp chẳng trông cậy nhờ

Lương duyên trắc trở buổi đầu
Phải quen nhau trước mới hầu lập gia

*

* **Phụ giải tổng quát :** Phần đông đàn bà tuổi Giáp Tý thì có tánh hay khinh người thờ ơ lãnh đạm, nhưng sống cuộc đời thanh bạch phải xa xứ là quê có chồng phải khác tỉnh khác làng mới nên. Nếu bà nào sanh nhằm ban ngày thì thường gặp nhiều may mắn, có chồng giàu sang, còn nếu sanh nhằm ban đêm thì bởi số phải hai lần thay đổi vợ chồng mới mong lập nên gia nghiệp. Số người là số (vượng phi ích tử). Cho nên cho dù có tiền bạc thì cũng cực thân lo cho chồng cho con.

Nếu bà nào sanh nhằm mùa thu là thuận tháng 7, 8 và 9 thì có cuộc sống khá cao an nhàn tấm thân. Còn bà nào sanh nhằm mùa Xuân thì phần đông duyên tình đầu hay bị vỡ lở, trước có của làm có của bao nhiêu cũng tan, số có chết hụt hai lần nhưng nhờ âm đức của ông cha nên thoát qua tai nạn. Số này ăn ở cho có âm đức thì mới tạo được sự nghiệp lâu dài. Khuyến nên cứ kiên thịn : Mèo, Chó, Rùa, Ngựa vì số tuổi có căn tu số thọ đến 85 yếu 34.

* **Đoán vận mạng chotuổi BÍNH TÝ (NỮ MẠNG)**

Sanh năm 1876 đến 1936 – 1966 đến 2056

Cung CHẤN Mạng GIÁNG HẠ THỦY (Nước mù sương)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON RẮN

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Bính Tý Cung Càn sanh ra
Mạng Thủy là nước mà ta nhớ nguồn
Đàn bà sanh thuận Thu Đông
Kể đưa người rước người mong chuyện tình
Tuổi này lúc nhỏ khó nuôi
Hai lần chết hụt nổi trôi nhiều lần
Cũng nhờ ân đức cha ông
Nhĩ đâu có đó khó mong ai lường
Bính tý người nữ thì sang
Nhưng mà lỡ dở chẳng an một đời
Đầu tiên trắc trở lời thôi
Duyên sau mới hợp mới thôi lỡ làng

Số này cách trở mẹ cha
Ly hương tổ quán cửa nhà làm nên.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi Bính Tý nếu thuận sanh thì phải là mùa Đông thì giàu sang phú quý. Còn nếu sanh vào mùa Hạ và Xuân thì Tử Vi xác định là lỗi số, nhưng tuổi Bính Tý dù giàu hay nghèo thì cũng là con người có tánh tình hiền hậu nhưng số phải gian nan từ lúc thiếu thời tuổi ngoài 30 mới tạm an cư lạc nghiệp, có chồng cũng chẳng chịu nhờ vả bên chồng. Tuổi này nếu kết hôn trễ thì một đời không dang dở bằng lấy chồng sớm tuổi 20 thì ắt có sự thay đổi hay tan rã.

*** Đoán vận mạng cho tuổi : MẬU TÝ (Nữ mạng)**

Sanh năm 1948 đến 2008 và 2068

Cung CÀN, Mạng THÍCH LỊCH HỎA (lửa sấm chớp)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON CHÓ SÓI.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Mậu Tý mạng Hỏa cung Càn
Lửa trời chớp nhoáng có lần sáng trưng
Nếu cô sanh đặng Hạ Xuân
Ấy là thuận số nên mừng cho thân
Thu Đông bị khắc hao mòn
Mẹ cha chạy thuốc sanh con lỗi mùa
Số phải tu niệm ăn chay
Ở ăn thiếu đức bị ngay ngục hình
Buồn thay cho chuyện duyên tình
Đầu tiên lỡ dở bất bình nhiều phen
Mậu Tý sung sướng hơn người
Nếu mà bởi số người thời linh đình
Số cô lận đận lo phiền
Chờ khi vận giữa tài nguyên tới lần
Bụng người cũng có tánh linh
Nghĩ đâu trúng đó thật tình chẳng sai
Cho hay Mậu Tý có tài
Trao rềm âm đức có ngày hiển vinh.

*

* **Phụ giải tổng quát :** Số cô nào sanh được ban ngày thì có chồng giàu sang phú quý, có quan trọng trong xã hội. Phần đông cùng một tuổi Mậu Tý nhưng nếu sanh nhằm ban đêm là lỗi số phải chịu vất vả gian nan. Nhưng tánh người trung thực ít nói hiền hậu chẳng chịu nịnh bợ kẻ có thế lực. Tiền vận không khá, làm có cũng tiêu tan, trung vận trở đi mới trụ tài. Số thọ đến 76 tuổi, nếu ăn ở ác đức thì sống đến 31 tuổi là cùng.

* **Đoán vận mạng chotuổi : CANH TÝ (Nữ mạng)**

Sanh năm : 1900 đến 1960 và 2020.

Cung CÀN Mạng BÍCH THƯỢNG THỔ (đất trên vách)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON RẮN.

*

Bà Chúa Tiên độ mệnh

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Canh Tý mạng Thổ cung Càn

Đất ở đầu vách thế mà cứng ghê

Canh tý sanh thuận tháng này

Thìn Tuất Sửu Mùi số này tài cao

Gái sanh Xuân Mộc khắc chồng

Cho hay lỗi số không đồng mùa sanh

Số cô y lộc đủ dùng

Không dư chẳng thiếu đủ dùng mà thôi

Gái mà Canh Tý quyền hành

Gặp chồng mạng nhỏ phải đành nhịn ngay

Tánh người vui vẻ dễ thương

Thấy mệnh hiệp yếu thì thương nhảy vào

Tiền vận làm có của kho

Bởi không biết giữ trời cho không còn

Bạc tiền như thể chiêm bao

Buổi đầu làm khá sớm vào tối ra

Cho hay số ở thiên đình

Tu nhơn tích đức giữ gìn mai sau

*

* **Phụ giải tổng quát :** Canh Tý là người có số giàu sang, nhưng không giữ được tiền của lâu. Có thể nói là giàu đầu hôm khi sớm mai, cô nào sanh nhằm mùa đông thì phú quý. Có nghề nghiệp như là cô giáo hay chủ nhà thuốc tây có chồng cũng

là người có địa vị trong xã hội. Nhưng có chồng phải là người xa xứ về già được yên cửa yên nhà nhờ đứa con lớn làm nên sự nghiệp. Nếu cô nào có âm đức thì chỉ có một đời chồng mà thôi.

*** Đoán vận mạng chotuổi : NHÂM TÝ (Nữ mạnh)**

Sanh năm 1912 đến 1972 và 2032.

Cung CHẤN Mạng TANG ĐỐ MỘC (cây dâu).

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON BEO.

*

Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm Tý cung Chấn số này

Tang đố mạng Mộc cây tầm trồng dâu

Sanh ra lỗi số mùa thu

Mùa Hạ cũng chẳng có mưu chước gì

Bởi sanh lỗi số cực thân

Sáng lo chạy gạo bước chân không ngừng

Đông Xuân thì đặn thuận mùa

Làm ăn có của chẳng thua bạn bè

Nhưng mà duyên lỡ buổi đầu

Nhiều chỗ đi nói khẩn cầu không nghe

Bởi số Nhâm tý cứng đầu

Ai mà nói khích chẳng cầu chẳng ưa

Chịu người ngọt diệu đầu môi

Bởi thế phải khổ lời thôi nhiều lần

Nhưng người sáng trí thông minh

Ai tính mưu kế thì nàng biết ngay

Số cô nhờ có quới nhơn

Tu nhân tích đức thánh thần đỡ cho.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi Nhâm Tý nếu cô nào sanh thuận vào mùa Đông và Xuân thì giàu sang phú quý nhưng phải là ban ngày, còn cô nào sanh ban đêm là nghịch lỗi số nên phải chịu gian lao khổ cực. Tuổi này phần đông cứng cổ chẳng chịu khuất phục ai, vì thế có cãi vã với anh em cha mẹ khắc khẩu với chồng. Ít ra cũng hai lần thay đổi nhơn duyên về sau mới giai lão.

* **Đoán vận mạng chotuổi : TÂN SỬU (Nữ mạng)**.

Sanh năm : 1961 đến 2021 và 2081

Cung ĐOÀI Mạng BÍCH THƯỢNG THỔ (đất trên vách).

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON ĐUÔI ƯƠI.

*

BÀ Chúa Tiên độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Tân Sửu mạng Thổ cung Đoài

Đất ở đầu vách ít ai cuốc đào

Tháng giêng lỗi số biết bao

Thu Đông cùng cực số sao hãm phận

Số này khắc mẹ khắc cha

Gần nhau xích mích xa nhau lai buồn

Tánh người nổi dữ nổi hung

Khẩu xà tâm Phật nói rồi bỏ qua

Gái thì lập nghiệp phương xa

Tình đầu luống chịu vui chiều buồn mai

Cho hay trời đã an bày

Tu nhân tích đức để rày mai sau

Trời Phật tin tưởng phụng thờ

Cho nên hậu vận mới nhờ tấm thân

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tân Sửu nếu có cô nào sanh thuận mùa Hạ thì được giàu sang phú quý làm ăn việc gì trong đời cũng được thông suốt có địa vị trong xã hội, dù là đàn bà nhưng thích làm việc xã hội , lên xe xuống ngựa, có kẻ hầu người hạ, còn cô nào sanh ban ngày thì ví như trâu kéo cày, cực khổ gian nan, số phải phiêu bạt đi nơi xa xứ là quê người thì làm ăn mới khá. Người có tánh hay giúp đỡ người nghèo khó. Lấy tình cảm làm thú vui. Nên tu thân tích đức để ngày sau được thanh nhàn. Số này phần đông có căn tu nên kiên cữ thịt Chó, Mèo, Ngựa, Trâu.

* **Đoán vận mạng chotuổi : KỶ SỬU (Nữ mạng)**

Sanh năm : 1949 đến 2009 và 2069

Cung ĐOÀI Mạng THÍCH LỊCH HỎA (Lửa sấm chớp)

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CHIM CÚ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Kỷ Sửu số mạng như vậy
 Lửa trời sấm chớp sáng đầy ngoài mưa
 Nếu sanh mùa Hạ thì sang
 Gái mà kỷ Sửu số nàng như trai
 Lòng dạ cứng cỏi như trai
 Thấy mạnh hiếp yếu ra tay binh liên
 Số này chẳng chịu ở yên
 Có tay buôn bán lại chuyên nhiều nghề
 Bạc tiền như giấc chiêm bao
 Có rồi lại hết sớm vào tối ra
 Số cô phải chịu phong ba
 Ba mươi sáu tuổi mới là yên thân
 Số cô tuổi nhỏ bôn ba
 Nhưng mà cô số chẳng qua ông trời
 Làm giàu phải tự tay ta
 Chẳng cần cha mẹ cùng là phu quân
 Kỷ Sửu lập nghiệp nên nhà
 Công danh sẵn có chính nhờ căn tu.

*

*** Phụ giải tổng quát :** đàn bà Kỷ Sửu tánh tình cứng trực không chịu sống cuộc đời nhờ vả ai, cũng chẳng nịnh bợ kẻ có thế lực, lại ghét ai nịnh bợ mình. Thấy việc trái ý ỷ mạnh hiếp yếu là hay can thiệp. Cô lại là người có giác quan thứ sáu thường hay nghi đầu trúng đó, nhiều khi có tai nạn cũng được thoát hiểm, làm ăn thường có quý nhân giúp đỡ. Số này có cơ nghiệp lớn cũng nhờ ơn trên hộ độ nhưng người nào lỗi số thì phải chịu trắc trở lương duyên. Nên tu nhân tích đức.

*** Đoán vận mạng chotuổi : ĐINH SỬU (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1937 đến 1997 và 2057.
 Cung LY. Mạng GIÁNG HẠ THỦY (Nước mù sương)
 Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON TRÙN.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đinh Sửu mạng thủy cung Ly

Giang hà nước chảy từ từ đi qua
 Gái mà sanh thuận Thu Đông
 Có chồng sung sướng ở không ăn hoài
 Sanh nhằm Xuân Hạ lỗi thay
 Đầu đội tay sách tay mang gánh gồng
 Đinh Sửu số cũng thông dong
 Âm đức phải giữ mới mong thanh nhàn
 Số đặt nên cửa nên nhà
 Tự tay lo lắng đàn bà mấy ai
 Bôn ba nào có ích gì
 Số trời đã định nghĩ gì xa xôi
 Khuyên ai phận ấy thôi mà
 Đông tây vùng vẫy cũng là uống công
 Miễn sao ăn ở hiền lành
 Về sau cũng có đôi phần ấm no
 *

* **Phụ giải tổng quát :** Số này như lượn sóng ba đào, cuộc đời ba chìm bảy nổi nếu cô nào sanh nhằm ban đêm thì thuận mà phải muộn màng về lương duyên thì mới tốt. Người có tánh hiền hậu nhưng hay bị hoạn nạn. Trí sáng, có hiếu với cha mẹ. Tuổi nhỏ có cơ nghiệp nhưng phải tiêu tan, từ trung vận 40 trở đi mới tụ tài. Số phải tha phương lập nghiệp nơi xứ khác thì mới khá. Sau có con gái làm nên sự nghiệp.

* **Đoán vận mạng cho tuổi :** ẤT SỬU (Nữ mạng)
 Sanh năm : 1925 đến 1985 và 2045
 Cung TỐN. Mạng HẢI TRUNG KIM (Vàng dưới biển)
 Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON CHÓ.

*
 Bà cữu Huyền Thiên Nữ độ mạng
 *

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Ất Sửu cũng là số cao
 Đời cô lắm nổi sóng ba đào
 Phong trần mưa nắng đầy gian khổ
 Duyên nợ cay chua lắm ngọt ngào
 Thân thế từng phen sầu lận đận
 Hồng nhan nhiều lúc bận lao đao

Bốn mươi mới được hưởng huy hoàng
 Vườn hồng có lúc nhạt tình xuân
 Phong sương nào quăng đời gian khổ
 Mưa nắng trải qua bao chuyện nợ nần
 Tài sắc đa mang sầu khổ lụy
 Huy hoàn trung vận... bỏ phong trần.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Ất Sửu nếu cô nào sinh mùa Thu và Đông thì thuận số sau này có chồng giàu sang có địa vị quan trọng trong xã hội. Còn số cô nào sinh nhằm mùa Xuân và Hạ thì số phải gian truân chịu cuộc đời ba chìm bảy nổi phải đau khổ vì đường lương duyên. Cuộc đời gặp nhiều éo le ngang trái. Tuổi nhỏ cực nhọc lao động qua 40 tuổi mới được tự tài. Số cô lại không thuận hòa anh em ai làm nấy ăn chẳng ai giúp đỡ ai. Tuy vậy về sau được sung sướng an nhàn tẩm thân.

*** Đoán vận mạng cho tuổi :** QUÍ SỬU (Nữ mạng)
 Sinh năm : 1913 đến 1973 và 2003
 Cung TỐN. Mạng TANG ĐỐ MỘC (Cây dâu)
 Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON CUA BIỂN.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Quý Sửu số cô như là
 Tang độ mạng Mộc cuộc đời ít lo
 Mùa thu sinh lỗi khó khăn
 Cuộc đời gian khổ phải lo tháng ngày
 Mùa xuân sẽ mới vui tươi
 Thanh nhàn sung sướng cuộc đời len hương
 Số cô thuở nhỏ gian nan
 Tưởng đâu đã chết ngày nay đâu còn
 Nhưng mà nhờ đức ông cha
 Ngày nay an hưởng cuộc đời ấm no
 Số này tự lập một mình
 Tha hương cầu thực gia môn an hòa
 Họ hàng thân thích chẳng trông
 Cũng như giá lạnh đêm đông điêu tàn

Lúc nhỏ chẳng dặng an nhàn
 Trở về hậu vận gia đình vui tươi
 *

*** Phụ giải tổng quát :** Số này phần đông giàu hay nghèo cũng ít khi lo lắng trừ khi cô nào sanh nhằm ban đêm thì không tốt mà thôi. Tánh người lòng dạ thẳng ngay ít chịu nịnh bợ kẻ có thế lực, chịu đựng mọi nỗi khó khăn, thân tự lập thân. Số có quới nhân giúp đỡ dù gặp tai nạn rồi cũng nhờ ơn trên che chở cũng được thoát nạn. Số người có căn tu nên làm việc nghĩa sống lâu.

*** Đoán vận mạng cho tuổi : GIÁP DẦN (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1914 đến 1974 và 2034.
 Cung CẤN. Mạng ĐẠI KHÊ THỦY (Nước khe lớn)
 Xương CON CỌP. Tướng tinh CON TRÂU

*
 Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng
 *

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Giáp Dần số gái khôn ngoan
 Đại Khê mạng Thủy nước khe chảy dài
 Đàn bà sanh thuận Thu Đông
 Thanh nhàn sung sướng có chồng giàu sang
 Xuân Hạ sanh ra lỗi mùa
 Đêm ngày lo lắng muôn phần chẳng an
 Nhưng số vận mạng gian nan
 Tưởng đâu âm phủ đòi sang đã rồi
 Số gái lập nghiệp phương xa
 Duyên tình trắc trở nhiều lần mới nên
 Anh em cha mẹ chẳng gần
 Ở gần xung khắc đi xa nhớ buồn
 Tiền vận có của như không
 Hậu vận tụ của gia đình ấm no.
 *

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi Giáp Dần con gái nếu sanh nhằm vào mùa thu và mùa Đông, nếu sanh nhằm ban ngày thì là người đàn bà quý tướng ít khi đau ốm bệnh tật, nếu sanh ban đêm là lỗi số thường gặp chuyện chẳng may số tình duyên trắc trở không thể sống một đời chồng. Lúc thiếu thời làm ăn giàu có nhưng cần của chưa được trở về sau mới được tụ tài, đi xa lập nghiệp mới nên, số này phải lo tu

tâm tích đức thì mới thọ, còn nếu thiếu âm đức thì khó sống, đến 31 tuổi là cùng. Khuyến ăn ở có đức thì mới trường thọ.

*** Đoán vận mạng cho tuổi : NHÂM DẦN (Nữ mạng)**
 Sinh năm : 1962 đến 2022 và 2082
 Cung CẤN. Mạng BẠCH LẠP KIM (Chân đèn bằng vàng)
 Xương CON CỌP. Tướng tinh CON NGỰA.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm Dần cung Cấn mạng Kim
 Là vàng tây trắng dễ gì tìm ra
 Nếu người sinh nhằm mùa thu
 Là người tốt số được phần giàu sang
 Đông xuân ở mức trung bình
 Nếu mà mùa hạ là mùa lỗi sanh
 Số này tuổi nhỏ khó nuôi
 Ốm đau bệnh tật triền miên nhiều ngày
 Lớn lên y lộc đủ dùng
 Không dư chẳng thiếu ung dung thanh nhàn
 Nữ nhân sau số chơn người
 Gặp chồng hiền đức phải thời nhịn ngay
 Làm ơn cho bạn chẳng nài
 Bạc tiền trợ giúp có ngày hại ta
 Anh em cũng chẳng thuận hòa
 Tuổi nhỏ tự lập tuổi già hiển vinh

*

*** Phụ giải tổng quát :** Con gái tuổi nhâm Dần, phần đông có ở đời một đời chồng phải cách trở nợ duyên rồi sau đó mới tái hợp, tánh người nóng nảy như tánh đàn ông, nhưng cũng hay nói những điều giữ mà lòng hiền hậu không ích kỷ chẳng hại ai (khẩu xà tâm phật). Tánh hay đa nghi, nhưng nếu đã chịu lập gia đình thì khó ai ngăn cản được. Nếu người nào sinh nhằm mùa thu và đông thì được giàu sang phú quý số tuổi và mạng có khắc nên lúc nhỏ thường hay bệnh hoạn, gian nan. Nhưng số này trường thọ, hậu vận mới an cư.

***Đoán vận mạng cho tuổi : MẬU DẦN (Nữ mạng)**
 Sinh năm : 1938 đến 1998 và 2058

Cung KHẨM. Mạng THÀNH ĐẦU THỔ (Đất trên vách)
Xương CON CỌP. Tướng tinh CON THUỒNG LUỒNG.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG *

Số này sau gần trước dài
Anh em thân thích lạc ngoài phương xa
Nếu mà sanh thuận mùa hè
Ấy là sung sướng khác là lỗi ngay
Mùa xuân lỗi số chẳng mong
Vợ chồng chẳng hợp duyên đầu phải xa
Anh em xung khắc chẳng hòa
Nói ra gây gổ tự nhiên rầy rà
Số tuổi tự lập gia đình
Một mình toan tính trăm đường tự lo
Tuổi già y lộc hưng long
Cây già kết trái những chồng phước dư

*

*** Phụ giải tổng quát :** Con gái sanh nhằm số tuổi mậu dần này thì có cuộc đời lận đận lắm. Chỉ có cô nào sanh được thuận là mùa hạ thì mới được an nhàn sung sướng cho thân, có chồng giàu sang phú quý. Con phần đông thì phải chịu cảnh gian truân, số thân tự lập thân chớ anh em họ hàng không ai giúp đỡ, số có tay tạo ra tiền của nhưng không giữ được. Tình duyên cũng lận đận , trắc trở, số phải quen nhau trước rồi lấy nhau sau thì mới ở đời được nếu cưới hỏi thì sẽ gây đổ. Con cái đông, số có căn tu hành biết ơn trời phật, nên kiên cữ thịn chó, mèo, rùa, ngựa, trâu là tốt.

*** Đoán vận mạng cho tuổi : BÍNH DẦN (Nữ mạng)**
Sanh năm : 1962 đến 1986 và 2046
Cung KHẨM. Mạng LỬ TRUNG HỎA (Lửa trong lư).
Xương CON CỌP. Tướng tinh CON CHIM TRĨ.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

*** THƠ ĐOÀN VẬN MẠNG ***

Canh Dần cung Cấn số này

Mạng Mộc, Tòng, Bá ấy là quý thay
 Đông xuân thuận số lo chi
 Tuổi gặp sung sướng ít khi khổ nhiều
 Hạ thu là lỗi số sanh
 Kẻ giàu mệt trí người nghèo khổ thân
 Thuận sanh sang trọng vô cùng
 Có người sai khiến có chồng vinh thân
 Lỗi sinh như thể nhện giăng
 Miệng thì đôi chỏ tay phăng cẳng đũa
 Số này cũng lắm ly kỳ
 Có khi hưng thịnh có khi điêu tàn
 Ra ngoài kẻ đoán người đưa
 Quới nhân giúp đỡ phước dư có thừa.

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi canh Dần nếu sanh thuận vào mùa thu và đông nhằm ban ngày thì đăng vinh hoa phú quý, có chồng giàu sang có địa vị quan trọng trong xã hội, còn cô nào sanh nhằm vào mùa xuân và mùa hạ mà nhằm ban đêm thì số phải chịu gian truân cực nhọc vất vả, số anh em đông nhưng ai làm nấy ăn chẳng ai giúp đỡ ai, tự tay lập nghiệp chẳng nhờ chồng con. Số có tiền của nhưng chưa giữ được tuổi ngoài 40 mới tụ tài.

* **Đoán vận mạng cho tuổi : QUÝ MỆO (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1903 đến 1963 và 2033
 cung LY. Mạng KIM BẠCH KIM (Vàng trắng)
 Xương CON MÈO. Tướng tinh CON HƯỞU.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*	THỜI	ĐOÁN	VÂN	MẠNG	*
Quý	Mẹo	mạng	Kim	cung	Ly

Là vàng tây trắng đăng thì giàu sang
 Nếu sanh thuận số mùa thu
 Như là nước chảy bon bon chẳng ngừng
 Mùa hạ nóng bức chẳng hay
 Như cây mọc ở đầu làng gió bay
 Gái mà sanh đăng số này
 Hiền lành nhiều kẻ sang giàu lắm thay

An noi ngọt diêu mỗng mềm
 Ít ai ghen ghét kẻ trên thương mình
 Bụng người cũng có tánh linh
 Nghi ai thì có thiệt tình chẳng sai
 Số này cũng lắm nghề hay
 Tánh tình ngay thẳng chẳng ưa làm phiền

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi quý Mão phần đông sang trọng. Sách có câu : Nam Nhâm, Nữ Quý là đúng vậy, hơn thế nữa nếu năm này cô nào sanh thuận ban đêm mà thuộc về mùa thu thì cuộc đời sung sướng ít ai sánh bằng, còn trái lại sanh nhằm mùa hạ thì cuộc đời cùng một tuổi mà phải chịu gian truân thay chồng ít lắm là hai lần sau mới bền duyên cầm sắc. Nếu tu hơn tích đức thì phước lại tăng, người có tài có duyên nói có người nghe tánh tình ngay thẳng.

* **Đoán vận mạng cho tuổi : ẤT MẸO (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1915 đến 1975 và 2035.
 Cung LY. Mạng ĐẠI KHÊ THỦY (Nước khe lớn)
 Xương CON MÈO. Tướng tinh CON DỐI.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Ất mẻo mạng thủy cung Ly
 nước trong khe lớn tự nhiên chảy hoài
 Thu đông sanh đặng hạp thời
 Có phần sung sướng, hưởng đời giàu sang
 Xuân Hạ lỗi số gian nan
 Phần đông vất vả tấm thân lạc loài
 Con người lòng dạ thông minh
 Bụng nghi thì có thật tình chẳng sai
 Làm ăn tiền bạc có hoài
 Ba chìm bảy nổi đổi thay gia đình
 Nhưng mà trong đạo vợ chồng
 Hoa thơm hương hướm nhụy trắng vòng gương
 Chẳng qua đức gánh giữa đàn
 Duyên sau chấp nối mới yên gia đình

*

* **Phụ giải tổng quát** : tuổi Ất mỵ là con người thông minh sáng suốt học ít biết nhiều, người có giác quan thứ sáu nghi đầu có đó tính lại hiền hòa, cho nên có thần linh phụ trợ, gặp tai nạn thấy chết trước mặt nhưng nhờ trời phạt độ rồi cũng tai qua nạn khỏi. Số sanh được ban đêm thì quý tướng có duyên lại tài hoa, còn người nào lỗi số phải chịu hai đời chồng hoặc phải chịu nuôi em của chồng. Số này con cháu rất đông, từ trung vận trở lên mới được an cư lạc nghiệp. Số cao thọ đến 81 tuổi.

* **Đoán vận mạng cho tuổi : ĐINH MỆO (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1927 đến 1987 và 2047.
 Cung CÀN. Mạng LỬ TRUNG HỎA (Lửa trong lư)
 Xương CON MÈO. Tướng tinh CON GÀ.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đinh Mỵ mạng Hỏa cung Càn
 Lư nhan đỏ lửa mau tàn mau nguôi
 Giận ai nóng nảy không day
 Người tới năng nỉ nắm tay chịu liền
 Xin lỗi bạn chớ có phiền
 Ít bữa diêu ngọt có tiền cũng đưa
 Gái mà sanh đặng số này
 Phần đông giàu có số cao có thừa
 Con nhà cốt cách thu phong
 Cửa nhà tổ nghiệp tự mình làm nên
 Hậu vận nhờ đặng cháu con
 Tiền vận lao khổ vẫn còn sầu bi
 Tai nạn nhiều lúc hiểm nghi
 Cũng đều qua khỏi nhờ thì ơn trên

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi Đinh Mỵ lúc nhỏ thì vất vả cực nhọc, nhưng lớn lên sung sướng hơn người. Nếu cô nào sanh nhằm mùa thu hay mùa đông là thuận, con người giỏi dẫn giàu có nhưng phúc hậu. Tóm lại phần đông cái tuổi Đinh Mỵ là sung sướng chỉ trừ có người nào lỗi số nên cùng một tuổi mà cực nhọc vì sanh lỗi mùa, hạ và xuân thì cực khổ cho nên khuyên cô nào sanh lỗi số nên rán giữ âm đức

hậu được câu : Đức năng thắng số. Số này thọ đến 69 tuổi nếu kém phúc đức thì sống đến 33 là cùng.

* **Đoán vận mạng cho tuổi : KỶ MỆO (Nữ mạng)**
 Sinh năm : 1939 đến 1999 và 2059.
 Cung KHÔN. Mạng THÀNH ĐẦU THỔ (Đất trên vách)
 Xương CON MÈO. Tướng tinh CON RỒNG.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*	THƠ	ĐOÁN	VẬN	MẠNG	*
	Kỷ	Mẹo	mạng	Thổ	số này

Đất ở trên vách thế mà chẳng khô
 mùa hạ sanh gái an nhàn
 có danh có vị giàu sang muôn đời
 đặng sinh tiếp đãi dạ thừa
 hiển vinh một cách có thừa chẳng sai
 mùa xuân lỗi số đắng cay
 mồ hôi nước mắt chảy ngay ròng ròng
 Tuổi Mẹo tài trí có thừa
 Không học cũng biết ít người giỏi hơn
 Anh em cha mẹ hai dòng
 Không thì chồng vợ lòng dòng đôi ba
 Tiền vận có cửa có nhà
 Nhưng mà tuổi nhỏ khó an phải tàn
 Hậu vận mới đặng vinh quang
 Lập nên nhà cửa vững vàng hậu lai

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi Kỷ Mẹo người tài trí thông minh học ít biết nhiều, anh em khác dòng nếu không thì cũng lỡ vỡ duyên phận. Số làm có tiền nhưng khó giữ được. Nếu người nào sanh nhằm ban đêm là thuận số. Tuổi nhỏ khó nuôi hậu vận trở về sau mới được vinh hiển. Số này nên lập gia đình từ năm 24 đến 26 thì thuận vợ chồng bền duyên cầm sắt hoặc trễ càng tốt. Số có cùn tu nên cứ ăn thịt chó, mèo, ngựa. Số ít con, thọ đến 79 tuổi.

* **Đoán vận mạng cho tuổi : TÂN MỆO (Nữ mạng)**
 Sinh năm : 1951 đến 2011 và 2071.

Cung LY. Mạng TÔNG BÁ MỘC (cây tông cây bá)
Xương CON MÈO. Tướng tinh CON RẮN.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*	THƠ	ĐOÁN	VÂN	MẠNG	*
Tân	Mão	mạng	mộc	cung	Ly

Cây tông cây bá ai bì mạng ta
Đông Xuân sanh thuận hai mùa
Giàu sang cũng có quới nhân cũng nhiều
Nhưng mà thu hạ chẳng an
Cũng vì xung khắc sanh ra lỗi mùa
Đặng sanh như ở nhà lâu
Nghịch sanh như thể cây cầu gãy ngang
Gái mà tuổi mọo rất hiền
Thấy ai diêu ngọt có tiền cũng đưa
Vợ chồng lỡ được ở duyên xưa
Nhiều chỗ nói cưới chẳng vừa ý ta
Anh em xung khắc chẳng hòa
Ở gần gây gổ đi xa nhờ rày.

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi Tân Mẹo nếu cô nào thuận sanh hai mùa Xuân và Đông thì giàu sang phú quý, mà phải là ban ngày thì mới trọn tốt. Còn cô nào sanh nhằm ban đêm mà nhằm mùa Hạ thì số phải cực khổ có thay chồng thì ít lắm là hai lần sau thì mới thành. Số này từ năm 31 – 33 gặp nhiều gian lao khổ sở cần phải tu tâm tích đức mới mong thoát qua tai nạn.

***Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM THÌN (Nữ mạng)**

Sanh năm 1952 đến 2012 và 2072

Cung KHẨM.mạng TRƯỜNG LƯU THỦY (nước chảy dài)

Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON CHÓ SÓI.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ Độ Mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm thìn cung Khảm số này

Mạng thủy nước chảy chẳng hề ngưng tuôn
 Lỗi sanh xuân hạ phải buồn
 Giào có một trí thức luôn đêm này
 Thu đông sanh đặng thời may
 Nữ nhơn là gái chẳng chịu lụy ai
 Tới đâu thân kẻ bề trên
 Anh em xung khắc chẳng nên ở gần
 Vợ chồng không phải một lần
 Đôi dòng ba thứ tại phần số ta
 Ly hương tổ quán ông bà
 Xứ xa lập nghiệp cửa nhà đặng an
 *

* **Phụ giải tổng quát:** tuổi Nhâm Thìn số người phải cực về thể xác dù giàu có cũng thế, chỉ trừ người nào sanh thuận vào mùa thu và mùa đông thì mới sung sướng, có chồng giàu có quý trọng, nhưng phải sanh vào ban ngày thì mới trọn tốt, tánh người khẳng khái cương trực, chẳng chịu bưng bọ kẻ có thế lực. Tuổi này từ 44 tuổi trở đi thì mới chắc tụ tài. Số tay trắng làm nên sự nghiệp(bạch thủ thành gia) anh em chẳng thuận hòa. Chỉ nhờ người đỡ mà tạo nên sự nghiệp. Số có căn tu thọ đến 79 tuổi.

* Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP THÌN (nữ mạng)

Sanh năm 1904 đến 1964 và 2024

Cung TỐN. Mạng PHÚC ĐĂNG HỎA (lửa đèn nhỏ) xương CON RỒNG
 .Tướng Tinh CON RẮN.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ Độ Mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

đoán xem số mạng giáp thìn
 Mạng hỏa lò lửa ở quanh ngọn đèn
 Thu đông sanh đặng khổ hèn
 xuân hạ sanh thuận như đèn sáng trưng
 thuận sanh con gái là nàng
 gặp chồng mạng nhỏ chịu hàng đầu ngay
 Giáp thìn mạng hỏa như vậy
 Tuổi cùng với mạng hợp hòa tương sanh
 Có duyên vui vẻ hiền lành
 Tánh người điềm tĩnh không hay gian tà
 Số người duyên nợ bền lâu
 vợ chồng con cái an hòa gia môn
 số có tu niệm thì hay

sống lâu hưởng phước triền miên tuổi già.

*

* **Phụ giải tổng quát:** số tuổi giáp Thìn nếu sinh thuận vào mùa thu và mùa đông thì được phú quý có chồng giàu sang. Tuổi và mạng được tương hợp, đàn bà con gái tuổi giáp Thìn không giàu thì cũng có tướng sang. Sống trường thọ, con người có số đào hoa, cho nên được nhiều ông buồn ve vãn. Số có tài lộc từ trung vận đã làm nên sự nghiệp lớn, trở về hậu vận tiền bạc dư dả con cháu đông đủ con người phúc hậu được ơn trên che chở. Có tai nạn thấy chết trước mặt rồi cũng qua. Số vợ chồng hòa thuận sống đầy đủ hạnh phúc.

* **Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH THÌN (nữ mạng)**

Sanh năm 1916 đến 1976 và 2036

Cung KHẨM. Mạng SA TRUNG THỔ (đất pha cát)

Xương CON RỒNG . Tướng Tinh CON CHUỘT

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

bính thìn cung khảm sinh ra
mạng thổ cát trắng thật là chẳng sai
Mùa hạ sinh đặng thời may
Giàu nghèo cũng xướng guốc giày nhón nhan
Mùa xuân sinh sai khổ nằng
Rất là cực nhọc chẳng màng tấm thân
Anh em cũng chẳng được gần
Tình đầu trắc trở bởi sâu lương duyên
Về sau nhờ phước lộc trời
Cửa nhà yên ổn gia môn phát tài
Trung vận còn phải bôn ba
Trở về cuối vận mới là hiển vinh
Nếu nằng tích đức tu thân
Về sau con cháu muôn phần nhẹ lo.

*

* **Phụ giải tổng quát:** Số tuổi gái sinh nhằm mùa Hạ thì được thuận số dù giàu hay nghèo cũng được ăn trên ngồi trước. Nếu sinh nhằm ban ngày thì càng hợp hơn. Tánh người hiền hậu trí tuệ thông minh, không bao giờ phản bội ai dù ai có quấy cũng sẵn sàng tha thứ. Tuổi nhỏ thường gặp cảnh gian truân khổ cực từ trung vận mới tụ tài, gia đạo an hòa số có quới nhơn phù trợ diệp may thường đưa đến, có cửa hoạnh tài. Thọ đến 79 tuổi.

* Đoán vận mạng cho tuổi CANH THÌN (Nữ mạng)
 Sinh năm : 1940 đến 2000 và 2060
 Cung CHẤN. Mạng BẠCH LẠP KIM (Chân đền bằng vàng)
 Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON LẠC ĐÀ.

*

Bà Chúa Tiên độ mạng

*

* <i>THƠ</i>	<i>ĐOÁN</i>	<i>VẬN</i>	<i>MẠNG</i>	*
<i>Canh thìn</i>	<i>cung</i>	<i>Chấn</i>	<i>mạng</i>	<i>Kim</i>

Vàng trong sấp trắng đi tìm khó ra
 Mùa thu sanh đặng mới là
 Số sanh tháng sáu tháng ba được mùa
 Đông Xuân cũng chẳng ăn thua
 Ty, Ngọ, Hỏa khắc như cua gãy càng
 Tuổi nàng lập nghiệp xứ xa
 Cô bác có của thì ta chẳng nhờ
 Chữ Canh chữ Mậu số cơ (cơ bản)
 Ấy là lỗi số nên nàng khổ thân
 Có người sung sướng an nhàn
 Vì là thuận số sanh nhằm ban đêm
 Ba mươi có của có tiền
 Thế mà chẳng giữ được bền rã tan
 Tuổi gần bốn chục mới sang
 Giàu sang đến lúc mới là hanh thông.

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi Canh Thìn nếu thuận sanh vào ban đêm thì số người được sang quý, sanh vào mùa Thu và mùa Đông thì mới trọn tốt. Còn nếu sanh nhằm mùa Xuân, mùa Hạ thì lại là lỗi số phải chịu vất vả gian nan. Số này tuổi 30 cầm của chưa được, khoảng từ 38 trở đi thì giàu có lớn, số thọ và cao số sau này vinh hiển tột đỉnh.

* Đoán vận mạng cho tuổi MẬU THÌN (Nữ mạng)
 Sinh năm 1928 đến 1988 và 2048
 Cung DOÀI. Mạng ĐẠI LÂM MỘC (cây ở rừng lớn)
 Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON QUẠ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*	THƠ	ĐOÁN	VÂN	MANG	*
Đoán	xem	số	mạng	Mậu	Thìn
Lâm mộc cây lớn có tàng mái to Đông Xuân sanh đặng thời sang Mùa Xuân vượng mộc chẳng an được mùa Mùa Hạ như tù chẳng an Dầu làm có của muôn ngàn cực thân Anh em cô bác chẳng gần Người đưng giúp của ân cần độ ta Tuổi này vô số đàn bà Gặp chồng mạng lớn phải là nhịn ngay Buổi đầu chồng vợ đổi thay Nhiều chỗ đi nói ngai nàng chẳng ứng Tuổi sanh biết đặng nhiều nghề Phiêu lưu xứ khác xa quê ông bà.					
*					

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi Mậu Thìn sanh vào mùa Đông hay mùa Xuân thì có quý tướng người có số giàu sang, có chồng sau này cũng có địa vị quan trọng trong xã hội. Nhưng về phần lương duyên thì có trở ngại buổi đầu, về sau phải chịu cảnh nuôi con cho chồng. Số người (vượng phu ích tử) hoặc phải có hai dòng con. Người có trí sáng thông minh. Giỏi trước tuổi tính toán nhiều, vận trước sau khá sau mới hanh thông, không hưởng được của phụ âm, số cao thọ đến 79 tuổi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ẤT TỶ (Nữ mạng)**
 Sanh năm : 1905 đến 1965 và 2025
 Cung ĐOÀI. Mạng PHÚC ĐĂNG HỎA. (lửa đèn nhỏ)
 Xương CON RẮN. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*	THƠ	ĐOÁN	VÂN	MANG	*
Ất Tỵ mạng Hỏa cung Đoài Ấy là lửa cháy ở đèn tọa đặng Thu Đông lỗi số khó khăn Xuân Hạ sanh đặng làm ăn phát tài Hiền lành ăn ở thẳng ngay Chớ nên gian xảo mà mang tội tù Thân tộc giàu có không ham Nghèo thì phải chịu ại làm nấy ăn Anh em cũng chẳng đặng gần					

Khó khăn nghịch ý nói năng chẳng hòa
 Đầu tiên nhiều lớp cửa nhà
 Nhưng mà chẳng giữ sau này mới nên
 Số này trắc trở lương duyên
 Vợ chồng lỡ được ở chẳng yên một đời
 *

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Ất Tỵ nếu cô nào sanh vào ban đêm thì hạp và thuận mùa. Sanh mùa Hạ và mùa Xuân thì lại càng phát đạt hơn. Nhưng số nhỏ thường hay đau yếu. Tuổi nhỏ phải chịu phiêu bạt nơi xa xứ. Lớn lên lập gia đình cũng tự chọn lấy chỗ cha mẹ không ép buộc. Tuổi này phần đông phải chịu cảnh nuôi con cho chồng (làm vợ thứ) hoặc lấy người chết vợ hay lỡ dở chỗ khó một vợ một chồng, số trở về già cực, trung vận giàu sang, tiền vận vất vả. Số cao, thọ đến 81 tuổi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH TỶ (nữ mạng)**
 Sanh năm : 1917 đến 1977 và 2037
 Cung KHÔN. Mạng SA TRUNG THỔ (đất pha cát)
 Xương CON RẮN. Tướng tinh CON CHIM CÚ.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

*	<i>THƠ</i>	<i>DOÁN</i>	<i>VẬN</i>	<i>MẠNG</i>	*
<i>Đinh</i>	<i>tỵ</i>	<i>mạng</i>	<i>Thổ</i>	<i>cung</i>	<i>Khôn</i>
<i>Đất</i>	<i>mà</i>	<i>pha</i>	<i>số</i>	<i>này</i>	<i>như</i>
		<i>cát</i>			<i>sau</i>

*Nếu sanh mùa hạ thời sang
 Như cá gặp nước như rồng lên mây
 Thu đông cũng chẳng đặng an
 Mùa Xuân khắc Mộc nên nàng cực thân
 Lỗi sanh cha mẹ chẳng gần
 Ly hương tổ quán tại phần số ta
 Vợ chồng phải gặp số xa
 Tánh tình ăn nói ai mà chẳng thương
 Nhiều khi lắm phải tai ương
 Cũng nhờ phật độ qua tuông khỏi nạn
 Tiền vận số phải lao đao
 Hậu vận tọa hưởng giàu sang mấy hồi.*

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số này lúc nhỏ phần đông phải chịu cảnh gian truân, cha mẹ anh em chẳng gần nhau, số khắc cha. Nếu cô nào sanh vào mùa Thu hay

mùa Hạ thì được phú quý sang giàu. Nếu sanh nhằm ban đêm là thuận số, còn sanh nhằm ban ngày là lỗi số có cuộc sống cơ cực, phải tay gồng vai gánh, có chồng cũng chẳng được nhờ. Số lại đông con nhưng mà tay trắng làm nên chứ chẳng nhờ được ai. Số có chân tu nên có tai nạn cũng có quới nhơn giúp đỡ.

* **Đoán vận mạng cho tuổi KỶ TỶ (nữ mạng)**
 Sanh năm 1929 đến 1989 và 2049
 Cung CẤN. Mạng ĐẠI LÂM MỘC (cây ở rừng lớn)
 Xương CON RẮN. Tướng tinh CON KHỈ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Kỷ ty cung cấn tuổi này
 Mạng mộc cây lớn mộc ngay giữa rừng
 Nếu mà sanh đặng thu đông
 Như cây gặp nước như rồng gặp mưa
 Sanh nhằm lỗi số hạ thu
 Số phần cực nhọc nắng mưa phũ phàng
 Số nàng chết huyệt mấy lần
 Quới nhân độ mạng có phần khỏi lo
 Tuổi này sáng lạng thông minh
 Thấy thì làm đặng thiệt tình chẳng sai
 Tiền vận chưa biết nên hư
 Hậu vận có khá của dư có sài
 Lòng ở ngay thẳng mới hay
 Phật trời hộ độ có ngày cũng nên

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi này nếu sanh thuận mùa Đông và mùa Xuân là thuận số, nhưng sanh nhằm ban ngày là trọn tốt, sau này có chồng giàu sang phú quý số có tay làm nên sự nghiệp (bạch thủ thành gia) số chẳng nhờ cha mẹ. Lúc nhỏ có chết huyệt hai lần nhưng nhờ có quới nhơn phù trợ cho nên tai qua nạn khỏi. Tiền vận ba chìm bảy nổi giàu như nước lớn rồi lại rỗng cầm của chưa được, tuổi này từ năm 38 trở đi thì mới tụ tài sau này giàu có, nhờ con cái nhất là con gái.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN TỶ (nữ mạng)**
 Sanh năm : 1941 đến 2021 và 2061
 Cung TỐN. Mạng BẠCH LẠP KIM (chân đèn bằng vàng)
 Xương CON RẮN. Tướng tinh CON KHỈ.

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Tân Tỵ cung Tốn mạng Kim
 Vàng ở trong sáp khó tìm lắm thay
 Mùa Thu thuận số là may
 Thổ vượng tứ quý ít ai dám bì
 Lâm nạn có người giải nguy
 Giàu nghèo cũng sướng sau thì an thân
 Nếu sanh mùa hạ khổ bần
 Đông xuân cũng lỗi chịu phần gian nan
 Đặng sanh trúng tuổi là nàng
 Hiền lương quân tử là nàng tiểu thơ
 Tuổi sanh sai số sai giờ
 Vết mương phát cỏ đắp bờ nám da
 Duyên tình lỡ dở đôi ba
 Tiền vận có của cũng là lời thôi
 Hậu vận đặng khá an nơi
 Phật trời độ mạng thanh thoi an nhàn.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi Tân Tỵ nên sanh lúc ban đêm mà vào mùa Thu là thuận làm ăn phát đạt người có số mạng lớn cho nên gặp tai nạn thì có quới như che đỡ. Có người giải nguy còn nếu sanh ban ngày mà nhằm mùa Hạ thì khổ sở vô cùng. Tình duyên trắc trở nhiều lần sống cuộc đời tự lập không nhờ anh em họ hàng gì cả. Tiền vận ba chìm bảy nổi hậu vận mới được an tâm.

*** Đoán vận mạng cho tuổi QUÍ TỶ (nữ mạng)**
 Sanh năm : 1953 đến 2013 và 2073
 Cung KHÔN. Mạng TRƯỜNG LƯU THỦY (nước chảy dài)
 Xương CON RẮN. Tướng tinh CON CHÓ SÓI.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Cung Khôn mạng Thủy nước đầy chảy ra
 Nếu nàng sanh thuận mùa Đông
 Giàu nghèo cũng sướng tấm thân an nhàn
 Xuân Hạ sanh ra khổ bần
 Chịu phần khổ sở lắm phần gian nan
 Số này có chết một lần
 Nhưng nhờ âm đức thánh thần chở che

Lỗi số vận mạng đời đời

Ly hương tổ quán ở thời mới an

Anh em có kẻ giàu sang

Ta nghèo phải chịu khó toan cấy nhờ

Ngày mai mọi sự thành công

Thanh nhân giàu có hưởng phần ấm no.

*

* **Phụ giải tổng quát :** Phần đông tuổi này là người cao số khi gặp tai nạn trong đời có chết hụt một lần, nhờ âm đức của mẹ cha cho nên thoát nạn. Cô nào thuận sinh vào mùa Thu thì được hưởng giàu sang phú quý sống có phú quý sống có hạnh phúc, chồng là người có địa vị trong xã hội. Còn lỗi sinh nhằm vào mùa Hạ và mùa Xuân số phải chịu duyên nợ đa đoan, khổ cực trăm đường. Nhưng nếu sinh vào hai mùa này mà được ban ngày thì không đến nỗi sầu. Số có lưu lạc nhiều nơi nếm đủ phong trần sau mới thành đạt nhờ có chí lớn mới thành công. Số thọ đến 81 tuổi.

* **Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH NGỌ (nữ mạng)**

Sanh năm : 1906 đến 1966 và 2026

Cung CÀN. Mạng THIÊN HÀ THỦY (nước sông thiên hà)

Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON THUÔNG LUÔNG.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* ***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG*** *

Bính Ngọ mạng Thủy cung Càn

Mạng Thủy là nước ở sông Gian Hà

Thu Đông sinh đáng tuyền nữ

Đặng mùa vượng tướng số ta thanh nhân

Xuân Hạ sinh thiếp lỗi mùa

Lỗi sinh cực nhọc nên nàng gian nan

Cho nên thân gái dậm trùng

Duyên tình lỡ dở đôi đành chia ly

Anh em xung khắc bất hòa

Đi xa thương nhớ về nhà chẳng yên

Tuổi này lại có tính linh

Nghi đâu trúng đó thiệt tình chẳng sai

Gặp kẻ ăn nói bất bình

Giận người lỡ mắng thiệt tình khó dung

Tiền vận số phải lao đao

Hậu vận vinh hiển giàu sang có thừa.

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi Bính Ngọ nếu sinh nhằm mùa Thu và mùa Đông nếu là ban đêm là trọn tốt. Còn cô nào sinh nhằm mùa Hạ và mùa Xuân thì phải chịu lỗi số gian nan. Phần đông nếu sinh thuận thì giàu sang, phú quý đa số đều ăn ở giữ gìn đạo đức, số không thuận hòa anh em, số này ít khi ăn ở nhau một đời chồng phải có thay đổi lương duyên ít nhất là ba lần thì mới thành gia thất.

* **Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP NGỌ (nữ mạng)**
 Sinh năm : 1954 đến 2014 và 2074
 Cung LY. Mạng SA TRUNG KIM (vàng trong cát)
 Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON CHIM TRĨ.

*

Bà Cửu Huyền Thiên nữ độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Giáp ngọ cung Ly mạng Kim
 Vàng trong bãi cát nếu tìm giàu ngay
 Nếu sinh thuận Thìn Tuất Sửu
 Thân Dậu sáu tháng ít ai dám bì
 Hạ Xuân lỗi số gian nan
 Ty ngọ hai tháng chẳng sang chút nào
 Lỗi sanh cực nhọc biết bao
 Tiền bạc chẳng có thân rày đó đây
 Nhưng người tính nóng hay gây
 Ấy là giáp Ngọ số nàng chẳng sai
 Tánh người chẳng chịu hiếp ai
 Gặp mạnh đuổi ra tay binh liên
 Nhưng mà phải lỡ đồ duyên
 Nhiều khi đau khổ đứng ngồi chẳng nên
 Đàn bà Giáp Ngọ chẳng hiền
 Gặp chồng mạng lớn phải nhường nhịn ngay.

*

* **Phụ giải tổng quát :** tuổi này nếu sinh thuận vào mùa Thu và Đông thì được giàu sang phú quý, còn nếu lỗi số sinh nhằm mùa Xuân và mùa Hạ cho nên cùng một tuổi Giáp Ngọ mà có kẻ sang người hèn là như thế. Nhưng số đàn bà dù có cực nhưng trong đời thường gặp những dịp may mắn, nhưng tánh người bất phục những kẻ có thế lực, tiền bạc cho nên cũng vì thế phải thất bại trong cuộc đời nhất là chồng. Tuổi Giáp Ngọ cũng chẳng nuôn chiều ai dù là chồng cũng thế cho nên có khi phải chịu lỡ dở duyên tình. Số hậu vận mới có sự nghiệp nhưng trường thọ. Nếu cô nào thiếu âm thì yếu số sống đến 33 tuổi là cùng mạng.

* **Đoán vận mạng cho tuổi MẬU NGỌ (nữ mạng)**
 Sinh năm : 1918 đến 1978 và 2038
 Cung CHẤN. Mạng THIÊN THƯỢNG HỎA (lửa trên trời)
 Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON HEO.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Mậu Ngọ mạng Hỏa số này
 Lửa trời soi sáng chiếu cùng khắp nơi
 Xuân Hạ sinh gái là nàng
 Thanh nhân sung sướng có chồng giàu sang
 Thụy Đông lỗi số cực thân
 Cuộc đời chẳngặng thong dong an nhàn
 Số nàng khác mẹ thương cha
 Anh em chẳng thuận phải xa chớ gần
 Mậu Ngọ quý tướng gái này
 Ban ngày mà hạp ấy là số ta
 Lỗi sanh duyên số lỡ làng
 Không thì chồng vợ lòng dòng đôi ba
 Thấy ai nghèo khổ xót xa
 Tiền bạc giúp đỡ thế mà phản ngay
 Số này tiền vận lao đao
 Hậu vận có cửa có nhà mới yên.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Mậu Ngọ dù sinh vào mùa nào mà nếu sinh ban ngày là sung sướng chẳng khổ cực tướng người sang quý. Nhưng tính tình nóng nảy, mau giận cũng mau nguôi, lòng dạ thông minh, tuổi nhỏ vất vả, gian nan, giàu có nhưng không sung sướng chẳng cầm của được. Tuổi này ngoài 40 mới tụ tài, nhưn duyên trắc trở, đời sau mới thành giai lão. Số này phải lận đận vì chồng vì con, lại còn lắm người phải nuôi con cho chồng (số vượng phu ích tử) cần phải tu tâm đặng thoát giải oan nghiệp. Cữ ăn thịt Chó, Mèo, Rùa, Ngựa, Trâu. Nên dùng trai lạc thì mới trường thọ.

* **Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM NGỌ (nữ mạng)**
 Sinh năm : 1942 đến 2002 và 2062
 Cung LY. Mạng DƯƠNG LIỄU MỘC (cây dương liễu)
 Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON CÁO.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm Ngọ mạng Mộc cung Ly
 Là cây dương liễu số này làm nên
 Nếu là sanh thuận Đông Xuân
 Gái thì hữu phước gia môn yên hòa
 Mùa thu bị khắc bơ vơ
 Mùa Hạ cũng lỗi trật giờ khổ thân
 Anh em xung khắc chẳng gần
 Đi xa thương nhớ lại gần chẳng an
 Tuổi sanh thuở nhỏ gian nan
 Tưởng đâu chết huyệt chết oan đã rồi
 Tuổi nàng lạnh lợi khôn ngoan
 Ít kẻ ngu dốt cơ hàn linh đình
 Tuổi nhỏ làm có đủ sai
 Nhiều lần đặng khá khiến rày rã tan
 Tuổi muộn có cửa mới an
 Lập nên sự nghiệp thanh nhàn ấm no

*

*** Phụ giải tổng quát :** Nhâm Ngọ số này phần đông nếu sanh vào mùa Xuân hay mùa Đông thì con người cao sang phú quý có kẻ hầu người hạ, có chồng giàu sang có địa vị quan trọng trong xã hội, nhưng số phải sanh ban ngày thì mới trọn tốt. Còn sanh ban đêm thì vất vả khổ cực duyên nợ đa đoan. Tuổi từ 44 trở đi thì giàu sang phú quý có căn tu hành. Nhiều người tuổi này có tâm tu hành hay xuất giá đầu phật.

*** Đoán vận mạng cho tuổi CANH NGỌ (nữ mạng)**
 Sanh năm : 1930 đến 1990 và 2050
 Cung LY. Mạng LỘ BÀN THỔ (đất đường đi)
 Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON VƯỢN.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Cung Ly mạng Thổ là đất đường đi
 Mùa Hạ sanh đặng lo chi
 Thuận sanh tháng chín tháng ba thanh nhàn
 Thu Đông phải chịu lao đao

Mùa Xuân Dân Mẹo biết bao khổ sầu
 Sanh ky tháng giêng tháng hai
 Nặng hơn tháng khác khổ rày cực thân
 Có điều nhờ được phước trời
 Không thì bỏ xác rồi đời cũng xong
 Sanh ra thuở nhỏ long đong
 Thay tên đổi họ hai dòng mới an
 Ai nói thiết yếu thở than
 Lòng cầm không được có tiền cũng trao
 Số gái canh ngộ mà hiền
 Lỗi sanh khổ não như thuyền linh đình

*

* **Phụ giải tổng quát** : Cang Ngọ số người hạp vào mùa Xuân và mùa Hạ, quý cô lớn lên khi làm ăn việc gì thì nên lựa hỏi mùa này mà tính toán, làm ăn khó mà thất bại, quý tướng mà lại giàu sang chồng có địa vị ấy là số Canh Ngọ. Tuổi này lúc nhỏ khó nuôi có chết hụt nhiều lần, nhưng nhờ có âm đức của mẹ cha và trời phật nếu không che chở cho thì không sống đến ngày nay. Số phải dùng trai lạt mỗi tháng 6 hoặc 10 ngày thì tốt. Hậu vận không bằng trung vận số có căn tu nên ăn ở hiền lành thì được trường thọ

* Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH MÙI (nữ mạng)
 Sanh năm : 1907 đến 1967 và 2027
 Cung ĐOÀI. Mạng THIÊN HÀ THỦY (nước sông thiên hà)
 Xương CON DÊ. Tướng tinh CON

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đinh mùi mạng thủy số này
 Thiên hà nước chảy nhỏ hoài như mưa
 Thu Đông sanh đặng thuận mùa
 Xuân Hạ lỗi số gái mà chẳng nên
 Không phần làm bạn với ai
 An rồi quệt mở rõ loài phản ta
 Số này thân gái âu lo
 Chồng con lo lắng một tay dựng nhà
 Tiền bạc như thể chiêm bao
 Buổi đầu giàu có sau rồi cũng tan
 Nhiều khi trách phận buồn than

Cũng thời một tuổi họ cầm bạc muôn
 Có tay thương mãi bán buôn
 Thế mà chẳng được tình thương đậm đà
 Vợ chồng cách trở đôi ba
 Nếu là có phước mới hòa thuận nhau

*

* **Phụ giải tổng quát :** Đàn bà tuổi Đinh Mùi phát hiện phần đông là giỏi dẫn, có tay thương mãi buôn bán giàu có nhưng chẳng còn, số giàu khi đầu hôm sớm mai. Nếu sanh thuận vào mùa Thu và mùa Đông nhằm ban đêm thì trọn tốt gia môn yên ổn chồng con hạnh phúc. Còn sanh ban ngày thì lúc nhỏ khổ cực khó nuôi, gặp tai nạn có tiểu tật. Số tiền vận lao đao ba chìm bảy nổi nhiều phen giàu có rồi cũng sụp đổ. Từ trung niên 40 trở đi mới tụ tài. Tuổi này cao số thọ đến 85 tuổi.

* **Đoán vận mạng cho tuổi KỶ MÙI (nữ mạng)**
 Sanh năm 1919 đến 1979 và 2039
 Cung TỐN. Mạng THIÊN THƯỢNG HỎA (lửa trên trời)
 Xương CON DÊ. Tướng tinh CON RÁI.

*

Phật bà quan âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng Kỷ Mùi
 Cung Tốn mạng Hỏa ấy là số ta
 Xuân hạ sanh đặng thuận mùa
 Thu Đông lỗi số cực thân lắm lần
 Số gái hiếu thảo mẹ cha
 Khổ vì duyên nợ lao đao lắm bề
 Một đời chẳng đặng buồn lâu
 Phải duyên chấp nối mới mong sắt cầm
 Số gái nếu thuận giàu sang
 Chồng thì thương mến họ hàng tương lân
 Tuổi muộn mới được an thân
 Trung niên lo tảo chạy tần chưa yên
 Số này thân kẻ bề trên
 Chơi cùng bạn hữu chẳng bền phản ta
 Làm ăn tiền bạc có hoài
 Nhiều nghề biết đặng đàn bà ít ai.

*

* **Phụ giải tổng quát :** Tuổi đàn bà Kỷ Mùi có nhiều người làm nên danh nghiệp, số có phần chơi thân với người có quyền cao chức lớn, tuy là đàn bà nhưng

thích làm việc xã hội, nếu cô náo sanh ban ngày mà thuận vào mùa Xuân hay mùa Hạ thì lại càng quý hơn, còn ai sanh nhằm ban đêm là nghịch số không tốt. Số Kỷ Mùi đàn bà nhưng tánh tình khảng khái không chịu nịnh bợ kẻ có quyền cao, giàu có, nhưng lại số được nhiều người thương mến, ăn nói có duyên, tiền bạc lúc tiền vận như nước thủy triều khi vào buổi sáng lúc chiều tuông ra. Tuổi muộn mới được an nhàn, số được chồng thương yêu.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN MÙI (nữ mạng)**
 Sanh năm 1931 đến 1991 và 2051
 Cung KHẨM. Mạng LỘ BÀNG THỔ (đất đường đi)
 Xương CON DÊ. Tướng tinh CON GẤU.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đoán xem số mạng tân mùi
 Cung khảm mạng thổ đất ngoài đường đi
 Sanh đặng mùa hạ lo chi
 Tháng chạp thành chín không thì tháng ba
 Thổ vương tứ quý bốn mùa
 Sanh đặng sáu tháng ai mà dám đương
 Tân Mùi tâm tánh hiền lương
 Giận ai nói dữ mà lòng sót thương
 Tháng giêng tháng hai lỗi thời
 Bị mộc khắc thổ cực đời số ta
 Anh em chẳng đặng thuận hòa
 Ở gần gây gỗ đi xa nhớ hoài
 Vợ chồng chẳng hợp âm dương
 Sánh đôi tuổi nhỏ xót thương đáo đầu
 Tuổi này bốn chục về sau
 Vinh hoa phú quý hưởng giầu sanh ngay

*

* **Phụ giải tổng quát** : số tuổi Tân mùi nếu người nào sanh vào mùa Thu và mùa Hạ thì tốt số giàu sang phú quý, nhưng sanh nhằm ban ngày thì lại cần quý tướng hơn, số gái cũng gặp nhiều may. Có chồng là người có địa vị quan trọng trong xã hội. Tánh tình hiền hậu ăn nói có duyên, chậm chạp, không đua đòi, dạ thẳng ngay chung tình. Nhưng phần đông phải lập nghiệp phương xa, phải lấy chồng xa xứ thì tốt. Còn lấy nhau ở cùng làng cùng xóm thì gây đổ, số thân tự lập thân (bạch thủ thành gia) vận trước không khá, trung vận giàu sang tốt đỉnh.

* **Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ MÙI (nữ mạng)**
 Sinh năm : 1943 đến 2003 và 2063
 Cung CẤN. Mạng DƯƠNG LIỄU MỘC (cây dương liễu)
 Xương CON DÊ. Tướng tinh CON CỌP.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Cung Cấn mạng Mộc số này như sau
 Sinh đăng thán hai thán giêng
 Mua Đông cũng tốt tự nhiên thanh nhàn
 Hạ thu sinh gái là nàng
 Lỗi sinh vất vả số nàng đủ lo
 Sinh ra xung khắc mẹ cha
 Anh em chẳng thuận sống nhờ người đứng
 Ly hương tổ quán số này
 Xứ xa lập nghiệp cửa nhà làm nên
 Trung niên có cửa chẳng bền
 Có rồi chết đó như điều đứt dây
 Số tuổi sau có đất nhà
 Ruộng vườn mua sắm tự mình ra
 Tuổi nhỏ khá bôn ba
 Tuổi già có cửa mới yên gia đình.

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi quý mùi phần đông đàn bà con gái hạp, cho nên có câu nam nhâm nữ quý đa số tuổi này cuộc đời được sung sướng, chỉ trừ người nào sinh ra lỗi số thì mới phải gian nan sinh nhằm mùa hạ và thu thì không được tốt tuy vậy cũng không đến nỗi cơ cực, số có tay làm ra tiền, buôn bán làm ăn việc gì thường gặp may nhờ có quới nhơn giúp đỡ, ăn nói có duyên được mọi người mến phục. Số này sau tạo nên được nghiệp lớn có tài sản đất đai, chớ nên bôn ba việc gì đến rồi sẽ đến. Số có nhiều may mắn.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ẤT MÙI (nữ mạng)**

Sinh năm : 1955 đến 2015 và 2075
 Cung KHÂM. Mạng SA TRUNG KIM (vàng trong cát)
 Xương CON DÊ. Tướng tinh CON GÀ.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Ất Mùi cung Khảm mạng Kim
 Vàng trong cát trắng dễ gì tìm ra
 Thuận sanh Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
 Mùa Thu cũng tốt nếu gái thanh nhàn
 Xuân Hạ thì lỗi số nàng
 Phải đành cam chịu hẩm phần lao đao
 Con người có tánh thày nay
 Cửa nhà chẳng có hỏi vay giúp người
 Ất Mùi số gái đáng thương
 Ít kẻ hung dữ nhiều người hiền lương
 Ai nói hung ác thì nhường
 Nhiều người lối xóm rất hay thương tình
 Hoa niên lập đăng gia đình
 Mấy lần nên nghiệp thành linh vỡ tan
 Hậu vận có cửa mới an
 Lập nên gia đạo cùng ngày vinh quan

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số gái Ất Mùi sanh được mùa thu thì tốt hơn hết, hay là mùa đông cũng được người có số tốt. Làm ăn việc gì cũng có quới nhân giúp đỡ. Cho nên tuổi này làm giàu từ thuở hoa niên nhưng số chưa cầm của được giàu có rồi cũng bị tan vỡ. Về sau thì mới an cư lạc nghiệp, số cô nào sanh vào mùa Xuân và mùa Hạ thì gọi là lỗi số phải chịu gian lao khổ cực. Nhưng tuổi ất mùi có tánh thật thà hiền hậu trong đời ít gặp tai nạn. Người có căn tu thọ đến 75 tuổi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi MẬU THÂN (nữ mạng)**

Sanh năm 1908 đến 1968 và 2028

Cung CẤN. Mạng ĐẠI TRẠCH THỔ (đất nhà lớn)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON LẠC ĐÀ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Mậu thân cung cấn số nàng
 Mạng thổ đất lớn nhiều người tài cao
 Thuận sanh Thìn tuất, Sửu, Mùi
 Ty, Ngọ sáu tháng đăng may thanh nhàn
 Thu đông sánh gái là nàng

Mùa Xuân cũng lỗi sanh nàng cực thân
 Số cô chết hụt đôi lần
 Chở ở gian xảo thế mà chẳng qua
 Rán lo tích đức tu nhân
 Về sau mới được an nhàn tắm thân
 Số phải thay đổi nợ duyên
 Chồng sau mới được phỉ nguyên yển anh
 Tuổi nhỏ chẳngặng yên lành
 Trở về hậu vận mới hồng yên thân
 Nếu lòng tin tưởng phật trời
 Ngày sau con cháu một đời vinh quang.

*

* **Phụ giải tổng quát :** tuổi Mậu Thân nếu sanh thuận ban đêm vào mùa Thu và mùa Đông thì được an nhàn phú quý. Tánh người vui vẻ thường gặp những điều may mắn, số chẳng có nhờ anh em họ hàng tự tay làm nên sự nghiệp số phải xa xứ, số gái có duyên nợ đa đoan tuổi nhỏ phải cực về vấn đề sinh kế về già mới được thanh nhàn. Số này phần đông vất vả dù có tiền cũng cực thân, con cái chẳng được nhờ, số thọ đến 69 tuổi nếu có tu tâm nên dùng chay lạc một tháng 6 hoặc 10 ngày thì mới tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi CANH THÂN (nữ mạng)**

Sanh năm 1920 đến 1980 và 2040

Cung KHÔN. Mạng THẠCH LƯU MỘC (cây lựu đá)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON CHÓ SÓI.

*

Bà Cửu huyền Thiên Nữ độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Canh Thân số mạng như vậy
 Cung Khôn mạng Mộc rõ ràng đá xanh
 Hạ Thu lỗi số bất thành
 Thuận Thu sangặng Đặng Xuân mới nhàn
 Số cô có bị hàm oan
 Nhưng mà nhờ phước trời ban yên lành
 Khuyên cô tích đức tu thân
 Về sau mới được an nhàn tắm thân
 Chỉ buồn duyên nợ đa đoan
 Người sau mới được thỏa nguyện ước mơ
 Tuổi nhỏ chẳngặng yên thân
 Trở về lớn tuổi mới hồng làm nên

Nếu mà niệm phật ăn chay
Ngày sau được hưởng của trời ban cho

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi Canh Thân nếu sanh thuận vào mùa Đông và mùa Xuân thì được nhàn hạ, người có cốt cách phong lưu giàu sang phú quý, phải sanh nhằm ba ngày thì trọn tốt, còn cô nào xanh ban đêm là lỗi số nên phải chịu gian lao khổ cực. Tuổi Canh Thân người tính hiền hòa nhưng số gái phải chịu truân chuyên về đường lương duyên. Tiền vận có việc buồn số (vượng phu ích tử) có tiền cũng cực thân nặng vì chồng lo vì con. Số trưởng thọ nên ăn chay niệm phật thì tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP THÂN (nữ mạng)**

Sanh năm 1944 đến 2004 và 2046

Cung KHÔN. Mạng TUYỀN TRUNG THỦY (nước trong giếng)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON HEO.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Giáp Thân mạng Thủy số này
Nước ở trong giếng họ đồn chẳng sai
Nếu nàng sanh đặng Thu Đông
Giàu nghèo cũng sướng bởi sanh thuận mùa
Xuân Hạ sanh ra cực phần
Như cây rụng lá như cua gãy càng
Lỗi sanh vất vả bần hàn
Không ai nường tựa ngó ngàn đến ta
Số cô trắc trở tứ bề
Vợ chồng xung khắc thế mà đông con
Lỗi sanh ăn ở thẳng ngay
Phật Trời phò hộ có ngày vinh quang
Ai mà ăn ở hai lòng
Phật Trời chẳng độ khó lòng làm nên
Số này tiền của có thừa
Nếu mà đức tốt cuộc đời giàu sang

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi Giáp Thân nếu quý cô nào sanh vào mùa Thu và mùa Đông và nhằm ban đêm ấy là thuận số cuộc đời hoàn toàn sung sướng có chồng giàu sang có địa vị quan trọng trong xã hội. Nếu cô nào sanh nhằm ban ngày và nhất là mùa Xuân và mùa Hạ thì sáu số phải tu tâm tích đức thì trời phật độ cho

mới khá. Người đàn bà tuổi Giáp Thân thường hay khổ tâm cực trí vì chồng vì con. Cuộc đời lúc nhỏ vất vả, trung vận có của nhưng phải có đức độ thì mới mong cầm của được.

*** Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH THÂN (nữ mạng)**

Sanh năm : 1956 đến 2016 và 2076

Cung KHÔN. Mạng SƠN HẠ HỎA (lửa dưới núi)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON QUẠ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Bính Thân mạng Hỏa cung Khôn

Lửa ở dưới núi cháy lan đỏ trời

Tuổi sanh Xuân Hạ gặp thời

Giàu nghèo cũngặng an nơi thanh nhàn

Thu Đông lỗi số chẳng an

Có của chẳng hưởng số nàng cực thân

Số cô cực khổ quá tay

Thuận sanh thông thả giàu sang mấy hồi

Có điều lỡ dở duyên đầu

Chồng sau mới hợp thuận hòa lứa đôi

Số trời định xuống an bày

Tài ba cho lắm chẳng qua số phận

Cuộc đời tài sắc phong danh

Đến khi vận giữa mới hồng làm nên

Số người có kẻ giúp thương

Đắc tài hữu lộc phải ngồi ba mươi

**Phụ giải tổng quát : Số cô các tuổi Bính Thân phần đông đều được sung sướng dù là thuận sanh hay lỗi số cũng chẳng đến nỗi nào vất vả, có điều việc chồng con thì khó mà ở đời một chùng vợ phải thay đổi thì đời chồng sau mới làm nên danh nghiệp. Tuổi này ít khi gặp tai nạn hay bệnh tật. Số cầm của và tụ tài phải ngoài ba mươi thì mới chắc số lại ít con có căn tu hành, chịu làm phúc đức nhờ trời Phật che chở cho nên nhiều khi gặp nạn rồi cũng được thoát qua. Số thọ đến 67 nếu ở ác thì thọ không đến 43 tuổi.*

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂN THÂN (nữ mạng)**

Sanh năm 1932 đến 1992 và 2052

Cung KHÔN. Mạng KIẾM PHONG TINH (gươm vàng)

Xương CO KHỈ. Tướng tinh CON DÊ.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Vàng trong cây kiếm ít người tìm ra
 Sanh nhằm tháng chạp tháng ba
 Mùa thu rất tốt sanh ra đặng mùa
 Thuận sanh kẻ đoán người đưa
 Kẻ hầu người hạ sớm trưa nhận nhàn
 Lỗi sanh cực khổ lang than
 Tay bùn chân lấm lang ban ngoài đường
 Nợ tình cũng chẳng thuận đôi
 Khiến cho tan rã cuộc đời quạnh hiu
 Số phải chịu cảnh xa quê
 Lập nghiệp xứ lạ mới nên gia đình
 Ba mươi có cửa chẳng an
 Bốn mươi mới chắc mới an cuộc đời.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi nhâm thân này khi giàu thì giàu lớn mà khi nghèo thì cũng nặng, khi ăn chẳng hết khi đào chẳng ra ấy là số tuổi nhâm Thân vậy nếu cô nào thuận sanh nhằm mùa thu nhứt là ban ngày thì được quý tướng có chồng giàu sang phú quý, còn sanh vào ban đêm thì lỗi số lúc nhỏ khó nuôi. Số lại có tiểu tật. Tuy vậy mà cô nào sanh thuận thì trí sáng suốt tánh tình hiền hậu liêm sỉ, duyên dáng, ăn nói diệu dàng được chồng nể nang ăn nói được nhiều người nghe, hùng biện, tuổi nhỏ không khá lớn tuổi mới thành gia.

*** Đoán vận mạng cho tuổi KỶ DẬU (nữ mạng)**

Sanh năm 1909 đến 1969 và 2029

Cung LY. Mạng ĐẠI TRẠCH THỔ (đất nhà lớn)

Xương CON GÀ. Tướng tinh CON THỎ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Kỷ Dậu mạng Thổ cung Ly
 Đất ở nhà lớn dễ gì tìm ra
 Hạp thì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
 Ty Ngọ sáu tháng hạp mùa thuận sanh
 Thu Đông chẳng hạp chẳng an

Tuy làm giàu có cũng là cực thân
 Đầu tiên là có của kho
 Thế mà chẳng đặng vững bền tiêu hao
 Nhà cửa nhiều lớp rã tan
 Sấm rồi bán đồ chẳng bền về sau
 Nhưng mà nhờ đức Phật Trời
 Làm ăn có của ở thời vận sau
 Lỗi sanh về phước xấu phần
 Chơi bạn không tốt nhiều lần hại ta
 Vợ chồng chẳng được thuận hòa
 Thế mà con cái đầy đàn phải lo

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Kỷ Dậu mới sanh thuận mùa Thu và mùa Đông mà vào ban ngày thì được tốt. Số làm ra tiền của nhưng tuổi nhỏ giữ không được của, số giàu đầu hôm khó sớm mai, tuổi từ 40 trở đi thì mới tụ tài. Vợ chồng khắc khẩu hay cãi vã nhau nhưng con cái đông đủ. Tính người chơn chất thật thà, số có chồng phải là người xa xứ khác làng, phải lập nghiệp phương xa thì mới khá. Người có tánh hiền hậu hay thương bạn bè, nhưng thường bị bạn phản phúc. Số này phần đông sống về tình cảm nhiều hơn.

*** Đoán vận mạng cho tuổi TÂN DẬU (nữ mạng)**

Sanh năm 1921 đến 1981 và 2041

Cung CÀN. Mạng THẠCH LƯU MỘC (cây lựu đá)

Xương CON GÀ. Tướng tinh CON CHÓ.

*

Bà Chúa Tiên độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Tân Dậu mạng Mộc cung Càn tốt thay
 Cây Lựu kê đá mộc tàng
 Đông Xuân sanh đặng thuận mùa số cô
 Hạ Thu sanh gái lỗi thời
 Dù giàu có của số nàng phải lo
 Đàn bà ít có lắm thay
 Ra vai gánh vác đảm đang cho chồng
 Nhưng mà có ở được đâu
 Duyên đầu chẳng thuận duyên sau mới hòa
 Tân Dậu vô số đàn bà
 Tánh tình cứng cỏi chẳng chịu lụy ai

Lỗi sanh lao khổ tứ bề
 Nhà cửa đời đời xa quê họ hàng
 Tuổi già số thọ trời ban
 Vinh hoa phú quý một đời ảm no

**Phụ giải tổng quát:* đàn bà tuổi Tân Dậu được tánh tình tốt, dù là nóng tánh nhưng không hề hại ai, dân thì nói dữ (khẩu xà tâm phật) nếu cô nào sanh nhằm mùa Thu và Đông mà ban ngày thì là trọn tốt. Cuộc đời giàu sang phú quý, còn sanh nhằm ban đêm là lỗi số phải chịu nghèo khổ gian lao. Số thân tự lập thân chứ không nhờ anh em họ hàng. Số cao trường thọ.

*** Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ DẬU (nữ mạng)**

Sanh năm 1933 đến 1993 và 2053

Cung CHẤN. Mạng KIỂM PHONG KIM (gươm vàng)

Xương CON GÀ. Tướng tinh CON ĐUÔI ƯỚI.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Vàng trong gương trắng có phần giàu sang
 Gái mà sanh đặng con này
 Nam Nhâm Quý nữ rõ ràng chẳng sanh
 Đặng sanh sáng suốt tinh thần
 Nói năng lưu loát mọi người mến thương
 Quý Dậu nhiều kẻ hiền lành
 Ít ai ở dữ gian manh bạo tàn
 Hậu vận có của mới an
 Tiền vận làm có của kho chẳng còn
 Hai dòng cho mẹ mới an
 Không thì chồng vợ khó bề ở yên
 Trung niên hay đổi mai đời
 Ai mà có chí mới mong vẹn toàn
 Sanh ra đặng gái đầu lòng
 Làm ăn mới khá mới mong làm giàu

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số gái mang con quý như tuổi Quý Dậu này thì cuộc đời khá tốt ít lận đận trừ cha mẹ thiếu âm đức cho nên mới bị gian nan khổ cực. Thuận sanh thì phải nhằm mùa thu và mùa Đông thì được giàu sang phú quý. Nếu sanh nhằm ban đêm thì tốt hơn, số có quới nhơn giúp đỡ cho nên trong cuộc đời thường gặp nhiều may mắn. Lúc nhỏ có phần chẳng được cầm của chưa yên, trở về hậu vận thì vinh quan phú quý ít ai bằng.

Đoán vận mạng cho tuổi ẤT DẬU (nữ mạng)

Sanh năm 1945 đến 2005 và 2065

Cung CHẤN. Mạng TUYỀN TRUNG THỦY (nước trong giếng)

Xương CON GÀ. Tướng tinh CON CUA.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Ất Dậu cung Cấn số nàng
Mạng Thủy nước giếng chảy hoài liên miên
Thu Đông sanh thuận thời yên
Gái thì sung sướng như tiên gián trần
Xuân Hạ lỗi số cực thân
Có chồng chẳngặng trọn niềm gởi chằng
Trung niên cũng chẳng có phần
Lo lắng bương bãi tảo tần lo thân
Lập nên nhà cửa nhiều lần
Thế mà cũng rã vì phần chưa an
Hậu vận mới được an nhàn
Làm ăn có cửa tụ tài số cô
Số phải tu niệm ăn chay
Thì trời phậ độ họa may sang giàu
Tấm thân an mạnh thanh thoi
Gia tài sự nghiệp có thời mới nên

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số gái tuổi Ất Dậu phần đông phải chịu cảnh bẽ bần duyên phận, có nhiều cô phải nuôi con cho chồng (thứ thiếp). Số đàn bà này (vượng phu ích tử) lo cho người nhiều hơn là lo cho bản thân mình. Nhưng lại là người có tài trí sáng suốt học ít biết nhiều thích sống cuộc đời- phiêu bạt rày đây mai đó. Sống nhờ người dựng nước lã chớ chẳng có họ hàng. Vận sau nếu có tu nhân tích đức thì họa chẳng mới được giàu sang.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH DẬU (nữ mạng)**

Sanh năm 1957 đến 2037 và 2077

Cung CHẤN. Mạng SƠN HẠ HỎA (lửa dưới núi) xương CON GÀ. Tướng tinh CON KHỈ.

*

Phật Bà Quan Âm Độ mạng

*

THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG

Đinh Dậu cung cấn số này
 lửa ở dưới núi cháy hoài ngày đêm
 xuân, Hạ sanh đặng hạp thời
 hỏa bị Thủy khắc đảo điên cực lòng
 thu Đông chẳng lối số nàng
 làm ăn vất vả tiền tài chẳng an
 số tuổi tai nạn hải hùng
 tưởng đâu bỏ xác nhiều nơi đã rồi
 nhưng nhờ ơn đức Phật Trời
 độ cho qua khỏi mấy lần nạn tai
 số này trung vận lao đao
 khá rồi tan rã số ta chưa cầm
 Hậu vận mới được an thân
 Dư ăn dư mặc của tiền đầy kho
 Nhưng mà vận mạng đổi dời
 Lập nên gia nghiệp phải xa quê nhà.

*

*** Phụ giải tổng quát:** số tuổi này tiền vận thì khá nhưng cầm của chưa được cho nên có thể nói là giàu đầu hôm khòd sớm mai, nếu thuận sanh vào mùa Thu và mùa Đông thì lại là lối số cho nên phải vất vả gian truân, nhưng số này sống gíi trung vận. Một đời vinh hiển con cháu đông đủ, gia môn an hòa.

*** Đoán vận mạng cho tuổi CANH THẤT (nữ mạng)**

Sanh 1910 đến 1970 và 2030

Cung KHÂM. Mạnh THOA XUYỀN KIM (xuyến bằng vàng) xương CON CHÓ. Tướng tinh CON CÁO.

*

Bà Chúa Tiên Độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mạng kim xoa xuyến là vàng đeo tay
 Mùa Thu sang đặng gặp may
 Như cây gặp nước như cau đủ cang
 Mùa Hạ hỏa khắc chẳng an
 Đông xuân cũng lối khiến nàng cực thân
 Giá mà tuổi tuất chẳng hiền
 Gặp chồng mangk nhỏ phải đành nhịn ngay
 Canh Tuất số gái chẳng yên

Lỗi sanh tiền bạc khó cầm
 Khi ăn chẳng hết lúc cần chẳng ra
 Số người hậu vận lao đao
 Không bằng vận giữa như tiên giáng trần.

*

** **Phụ giải tổng quát:** số gái tuổi mang chữ Canh (Can) thì phần đông có nhiều chồng. Cùng như gái mà can Mậu cũng thế khó ở yên một chồng. Nhưng tuổi và mạng hợp cho nên cao số, số này trung vận tốt hơn hậu vận, cô nào sanh vào mùa Thu và mùa Đông là thuận sau này sung sướng có chồng giàu sang có địa vị kẻ hầu người hạ, ăn trên ngồi trướ. như duyên thì đa đoan phải ba lần thay đổi mới nên gia đình số thọ đến 67 tuổi phải rán lo tích đức thì phước lại tăng.*

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM TUẤT (nữ mạng)**

Sanh năm 1922 đến 1982 và 2042

Cung ĐOÀI. Mạng ĐẠI HẢI THỦY (nước biển lớn) xương Con Chó. Tướng tinh CON CHIM TRĨ

*

Bà Cửu Hiền Thiên Nữ Độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm tuất mạng thủy số này
 Nước ở biển lớn chảy hồi chẳng thôi
 Tuổi này hợp số Thu Đông
 Ất mùa vượng phát ở không ăn hoài
 Lỗi sanh Tuất, Sửu, Thìn, Mùi
 Dần mọo sáu tháng đáng cay vô ngần
 Số này bị nạn nhiều lần
 Cũng may nhờ có phật trời độ qua
 Số nần phải giữ phải kiên
 Sợ e nạn có tật nguyề chẳng sai
 Vô phần chơi với bạn bè
 Thương người giúp đỡ số người phản ta
 Tiền vận phải chịu linh đình
 Nhà cửa tuy có thế mà cũng tiêu
 Hậu vận mới được tụ tài
 Lập nên cơ nghiệp ở thời bền lâu

*

** **Phụ giải tổng quát:** Số tuổi Nhâm Tuất coi chừng tránh, e phải vấp té mà mang tật nguyề, nếu cô nào sanh vào mùa Thu và mùa Đông thì thuận nhằm ban ngày thì lại càng trọn tốt, còn ai sanh nhằm ban đêm thì lại vất vả, ấy là lỗi số. Vốn thật thà mà có đôi khi phải chịu thiệt thòi, không có phần chơi với bạn bè, tiền vận vất vả lao đao hậu vận mới an cơ nghiệp.*

*** Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH TUẤT (nữ mạng)**

Sanh năm 1946 đến 2006 và 2066

Cung CẤN. Mạng ỐC THƯỢNG THỔ (đất tổ tò vò)

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Bà Chúa Ngọc Độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Bính Tuất mạng Thổ số này

Ất tìm thấy ở nóc nhà mà ra

Thuận sanh mùa hạ thì sang

Gái thì sung sướng, thanh nhàn lo chi

Mùi xuân lỗi số khổ bần

Thu Đông cũng lỗi lắm lần gian nan

Lỗi sanh cực nhọc thở than

Thuận sanh phú quý vinh sang hơn người

Số có lòng tốt thẳng ngay

Rủi gặp tai nạn nhờ thần độ cho

Đàn bà giáp Bính can canh

Người nào cũng quý cũng sang không hèn

Sôs nàng lắm kẻ mệnh thương

Thang mấy bước tới hang thông có ngày

Hạn xưa còn khó nhọc thay

Đến chừng bốn bốn vậy mà mới nên

**Phụ giải tổng quát: Số người tuổi Bính Tuất là người cao sang phần đông là thế, dù nghèo khó cũng không đến nỗi bần tiện, số gái có chồng giàu sang, có địa vị, mọi người mến thương, nếu sanh vào mùa hạ và nhằm ban ngày thì lỗi số, số phải chịu lận đận lúc thiếu thời. số tuổi lập nghiệp giàu có phải là 44 tuổi trở đi thì giàu sang tốt đỉnh. số có căn tu nên dùng trai lạc mỗi tháng 6 hoặc 10 ngày thì tốt.*

*** Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP TUẤT (nữ mạng)**

Sanh năm 1934 đến 1994 và 2054

Cung CẤN. Mạng SƠN ĐẦU HỎA (lửa trên núi)

Xương CON CHÓ. tướng tinh CON NGỰA

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Giáp tuất mạng Hỏa số này

Lửa ở đầu núi rõ ràng sáng trưng

Thuận sanh mùa Hạ mùa Xuân

Giàu nghèo cũng sướng lo buồn làm chi

Số gái sanh đảnh hợp thời
 Làm ăn có của chồng giàu vinh sang
 Lỗi sanh ở ác trật giờ
 Cuộc đời như thể nắm bèm trôi đi
 Tuổi sanh thuở nhỏ chẵn an
 Bệnh tật đau ốm liên miên thảng ngayf
 Số này lại khắc mẹ cha
 Đi xa tưởng nhớ ở gần ốm đau
 Xét qua trang sử lương duyên
 Ngựa, Trâu ,Long, Hổ kết duyên mới thành
 Tuổi nhỏ hậu vận gian nan
 Trở về lứa tuổi mới mong thanh nhàn.

*

* Phụ giải tổng quát: Số đàn bà tuổi Giáp Tuất số và mạng hợp nên được tương sanh nếu thuận sanh vào mùa Thu và mùa Đông thì có số giàu sang phú quý. còn ai sanh nhằm vào mùa Hạ và Xuân thì số cực khổ lúc nhỏ khó nuôi phải chịu đau ốm bệnh tật liên miên, lớn lên vất vả gian truân. Nếu cô nào sanh vào mùa lỗi số thì nên giữ âm đức cho tốt hầu mong lấy cái đức để mà thắng số trời vậy. Sách kinh có câu: Đức năng thắng số là đúng chớ chẳng sai.

* **Đoán vận mạng cho tuổi MẬU TUẤT (nữ mạng)**

Sanh năm 1958 đến 2018 và 2078

Cung TỐN. Mạng BÌNH ĐỊA MỘC (cây mọc trên đất bàn)

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON VƯỜN

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mạng Mộc, bàn địa là cây đất bằng
 Gái sanh nghiệp số Hạ Thu
 R thanh nhàn sung sướng ít ai dám bì
 Có lúc tai nạn hiểm nguy
 Thế mà phật độ được qua tai nạn
 Buổi đầu tai nạn lời thôi
 Nhà cửa nhiều lớp có nhiều cũng tiêu
 Vợ chồng khắc khẩu cãi hoài
 Thế mà con cháu đầy đàn phải lo
 Nữ nhơn ít kẻ hiền lương

Giặp chồng mạnh nhỏ thì cần quyền ngay

Số gái tánh cũng như trai

Giận ai muốn xé nuốt tươi mới mùa

Có tánh khăng khái đảm đương

Thấy mạnh hiệp yếu thì thương nhay vào

***Phụ giải tổng quát:** Số gái sanh nhằm can Mậu, thì có phần khổ hơn các Can khác người nào sanh thuận vào mùa Đông và xuân thì được phú quý. Còn ngoài ra thì dù có tiền của giàu có cũng phải cực thân nhưng phải sanh nhằm ban ngày thì trọn tốt, số người được hưởng của trời cho (Thiên, Lộc, Tấn) trọn đời vinh hoa phú quý. Số này phải chịu xa quê nhà mới lập nghiệp được, có chồng phải là quen nhau trước và cưới nhau thì ở lại ở mới hòa hợp.

*** Đoán vận mạng cho tuổi Quý Mùi (nữ mạng)**

Sanh năm 1923 đến 1983 và 2043

Cung CẤN. Mạng ĐẠI HẢI THỦY (nước biển lớn)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON GÀ

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Quý Hợi, cung Cấn số này

Mạng thủy nước biển chảy tràn vào song

Số gái sanh thuận Thu Đông

Thanh nhàn sung sướng ít ai sánh bằng

Xuân Hạ thì lỗi số nàng

Giàu nghèo cũng cực thân nằng nạnh thương

Tưởng đâu chết huyệt chết oan

Cũng nhờ mạng lớn khỏi mang tật nguyên

Có chồng cũng kể như không

Vì đâu nên nổi nên thừa đắng cay

Anh em xung khắc chẳng hòa

Ở gần gây gổ đi xa thì buồn

Miệng thì nói dữ lòng hiền

Biết người phản phúc có tiền cũng đưa

Trung niên tài lộc có thừa

Thế mà hậu vận hưởng phần giàu sang.

*

* **Phụ giải tổng quát:** Số tuổi Quý Hợi, đàn bà mà lạnh lợi như đàn ông, giàu lòng vị tha không oán thù ai, tuy miệng nói dữ nhưng lòng hiền hậu. Nhưng số lại lỡ dở duyên đầu có chồng phải người có vợ rồi chứ không phải là con trai. Nếu sanh vào mùa Thu hay mùa Đông thì làm ăn phát đạt khá giả. Số người rất sang quý. sanh nhằm vào mùa Hạ và Xuân nhằm ban đêm là lỗi số. Hậu vận mới an cư lạc nghiệp sung sướng an nhàn.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN HỢI (nữ mạng)**

Sanh năm 1911 đến 1971 và 2031

Cung KHÔN. Mạng THOA THIÊN KIM (xuyến bằng vàng)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON CỌP.

*

Bà Chúa Tiên độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này

Mạng Kim thoa xuyến là vàng đeo tay

Mùa Thu là thuận số nàng

Đều đặn sung sướng an nhàn tấm thân

Mùa Hạ thì bị lỗi thời

Đông Xuân cũng cực làm giàu chẳng nên

Anh em xung khắc chẳng gần

Ở xa thương nhớ lại gần khắc xung

Giận ai nói dữ nói hung

Mà lòng chẳng giận, giận ai bây giờ

Số này là gái thật thà

Vì trời phú táng nên nàng dễ thương

Số nàng cách trở nợ duyên

Trước thì có của nhiều lần rã tan

Trung niên vất vả gian nan

Kể từ hậu vận an vương thanh nhàn.

*

* **Phụ giải tổng quát:** Số gái tuổi Tân Hợi phần đông thì giàu hay nghèo cũng sướng thân ít có cơ cực bần hàn, nếu sanh nhằm mùa Thu hay ban đêm thì là thuận số đó của hoạch tài, có chồng giàu sang lại được cầm quyền, quán xuyến gia đình số và mạng được tương sanh tốt cho nên cao số. Người tuổi này nét na

đoan chính hiền lương, tuy vậy lúc nhỏ cũng phải chịu vất vả lập nên cơ nghiệp sớm tuổi từ 32 tuổi đã tự tài.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH HỢI (nữ mạng)**

Sanh năm 1947 đến 2007 và 2067

Cung CẤN. Mạng ỐC THUỶ THỔ (đất của tò vò)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON DỐI

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNH ***

Đinh Hợi cung cấn số nàng

Đất ở dưới thấp mà leo nóc nhà

Số sanh mùa hạ thuận mùa

Gái thời tốt số chẳng thương nề vì

Thổ vượng tứ quý lo chi

Tháng chín, Tháng Chạp không thì tháng ba

Mùa xuân mộc khắc khô khan

Thu Đông lỗi số sanh ra cực hoài

Đinh Hợi số giá tài hay

Hiền lành ngay thẳng ít ai bạo tàn

Số người tánh nết đoan tng

Họ hàng cốt nhục ai mà chẳng thương

Số nàng sang quý tự nhiên

Vận sau sẽ thấy có duyên phú hào

Tuổi xanh cho đến niên cao

Tự mình tự lập biết bao tử hờn.

***Phụ giải tổng quát:** số đàn bà tuổi Đinh Hợi mặc dù tính đoan trang, song về tình duyên thì phải chịu đa đoan người phú quý giàu sang cũng tự mình dựng nên cơ nghiệp chớ chẳng ai giúp đỡ. Số này thuận sanh phải là ban đêm thì được phú quý, còn sanh nhằm ban ngày thì phải chịu gian lao khổ cực thay đổi tình duyên. số được với nhưn phù trợ. số thọ đến 73 tuổi sau nhờ con gái hơn con trai

*** Đoán vận mạng cho tuổi KỶ HỢI (nữ mạng)**

Sanh năm : 1959 đến 1919 và 2079

Cung CẤN. Mạng BÌNH ĐỊA MỘC (cây mộc trên đất bằng)

Xương CO HEO. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Kỷ Hợi cung Cấn số này
Mạng Mộc, bình địa cây đất bằng
Đông Xuân sanh đặng thời sang
Hai mùa thuận số có căn thanh nhàn
Hạ Thu sanh gái là nàng
Ấy là lỗi số thiệp đành cực thân
Thuận sanh gái sướng hơn trai
Giàu cũng thông thả guốc dày nhỏ nhang
Gái thì có tánh hiền lương
Thấy ai nghèo khó thì thương giúp liền
Số phải niệm phật ăn chay
Lòng ở nhơn đức có ngày làm nên
Số người ăn trước ngồi trên
Chức cao tước trọng kẻ trên giúp mình

*

* **Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Kỷ Hợi này là người đàn bà cao số làm việc gì cũng có quới nhơn giúp đỡ. Nếu sanh thuận vào ban ngày mà mùa Đông và mùa Xuân thì hạp mùa, người có chân tử, nhưng về chồng vợ thì có phần trắc trở, tánh người hiền lương, ăn ở có đức độ, cho nên không đến nỗi nào. Vận trước lận đận gian lao chưa được tụ tài. Vận sau mới khá 40 tuổi trở đi thì được giàu sang phú quý ít ai sánh bằng.

***Đoán vận mạng cho tuổi ẤT Hợi (nữ mạng)**

Sanh năm 1935 đến 1995 và 2055

Cung ĐOÀI. Mạng SƠN ĐẦU HỎA (lửa trên núi)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON HƯƠU.

*

Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
Lửa ở đầu núi tỏa bay khắp trời
Mùa Hạ sanh đặng hạp thời
Là số sung sướng có trời giúp cho

Ất Hợi mạng Hỏa nhưng hiền
 Lòng dạ chẳng chấp nói rồi bỏ qua
 Số nàng xung khắc anh em
 Chẳng nhờ chẳng cậy ai làm nấy ăn
 Nhỏ thời chìm nổi linh đình
 Sau nhờ bền chí lập nên gia đình
 Tuổi muộn giàu có yên thân
 Sớm lập gia thất nhiều lần chẳng nên
 Số tuổi hai bốn mới là
 Lập nên chồng vợ cuộc đời an vui
 Bốn mươi sắp tới trở lên
 Làm ăn có cửa vững bền đặng lâu

*

* **Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Ất Hợi nếu cô nào có gia đình trước hai mươi tuổi thì khó mà ở đời được. Nếu sanh mùa Hạ hay mùa Xuân mà ban đêm, chịu đựng mọi vất vả, kể từ bốn mươi tuổi trở đi thì mới mong giàu sang, số này khuyên nên cữ ăn thịt chó, mèo, rùa, ngựa... vì số có căn tu nên dùng trai lạc thì tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi MẬU TÝ (nam mạng)**

Sanh năm 1948 đến 2008 và 2068

Cung CÀN. Trục MÃN. Mạng THÍCH LỊCH HỎA (lửa sấm chớp)

Khắc THIÊN THUỶ THỦY. Con nhà XÍCH ĐẾ, (phú quý)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON CHÓ SÓI.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Vốn người cốt cách can cường
 Ấy là Mậu tý con người đảm đang
 Thuận sanh thì đặng làm quan
 Cha mẹ vui vẻ lập đàn ăn chay
 Số này phước lớn chẳng vừa
 Nhờ ơn trời Phật độ trì là may
 Duyên nợ cũng hải đời đời
 Sau này gia đạo cũng là bành yên
 Phận xưa lận đận lo phiền
 Đến khi vận giữa tài nguyên tới lần

Sớm hôm lo liệu ân cần
 Vận sau sẽ thấy tấm thân an nhàn

*

*** Phụ giải tổng quát :** Con trai số tuổi Mậu Tý, vốn người tính nết can cường, con người tháo vác đảm đương trong ngoài. Nếu thuận sanh ban ngày thì sau có số làm quan. Còn ai sanh ban đêm thì thường hay bệnh tật.

Người trung trực, sống cuộc đời tự lập nên gia đình chẳng nhờ cậy ai. Vận trước không khá vận sau mới tụ tài tuổi từ 40 trở đi giàu sang phú quý.

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM TÝ (nam mạng)**

Sanh năm :1912 đến 1972 và 2032

Cung CHẤN. Trục CHẤP. Mạng TANG ĐỐ MỘC (cây dâu)

Khác ỐC THUẬN THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (quan lộc, tân khổ)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON HEO

*

Ong tử vi độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm tý số mạng như vậy

Phong sương cũng lắm tha phương cũng nhiều

Số này cách trở quê hương

Đi xa xứ khác sanh phương nên nhà

Số phải khắc khẩu mẹ cha

Ở gần cần đăng đi xa thì buồn

Số này cách trở lương duyên

Thay nhà đổi bạn truân chuyên lắm bề

Chẳng nhờ cốt nhục họ hàng

Tự mình lập nghiệp cửa nhà mới nên

Tiền vận chẳng đặt tấm thân

Nhâm Tý nhờ có quới thân

Tu nhân tích đức phước trời ban cho

*

*** Phụ giải tổng quát :** tuổi Nhâm Tý người có tài, học ít biết nhiều nhưng số phải phong trần nay đây mai đó sống phải xa xứ xa nhà lập nghiệp nơi xứ khác mới yên bề gia thất, tự chọn nhơn duyên thì mới hợp cha mẹ không định đoạt số người khắc mẹ thương cha. Vợ chồng khó ở một đời, có thay đổi thì sau mới thành gia. Số người có căn tu tiền vận không khá sau từ 44 trở đi mới tụ tài.

***Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP TÝ (nam mạng)**

Sanh năm : 1924 đến 1984 và 2044

Cung chấn. Trục bế. Mạng HẢI TRUNG KIM (vàng dưới biển)

Khắc BÌNH ĐỊA MỘC. Con nhà BẠCH ĐẾ (phú quý)

Xương CON CHUỘT. Tướng TINH CO CHÓ SÓI

*

Ong quan đế hộ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Luận xem số mạng tuổi này

Giáp tý số cực chịu nhiều nổi trôi

Ly hương tổ quán xa xứ

Anh em cô bác ai giàu nấy ăn

Lỗi sanh phải chịu bơ vơ

Cực nhọc lo lắng tại giờ sinh ra

Số người chết hụt nhiều lần

Người nào thất đức phải sa ngục hình

Tu nhơn tích đức hiển vinh

Rủi bị tai nạn thánh thần hộ cho

Số này hậu vận mới no

Tiền vận làm có của kho chẳng còn

*

* **Phụ giải tổng quát** : tuổi giáp tý số dù giàu hay nghèo thì thân cũng vất vả cực nhọc chờ ít khi sung sướng. Chỉ trừ người nào thuận sanh vào ban ngày mà mùa thu thì mới gọi là tốt số được sống cuộc đời vinh hoa phú quý chờ còn ngoài ra thì vất vả, số này tánh nết bốc đồng làm việc gì cũng không cần suy tính có nhiều khi thất bại.

Số tuổi hậu vận mới nên gia nghiệp. Tiền vận làm giàu rồi cũng hết.

*** Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH TÝ (nam mạng)**

Sanh năm : 1936 đến 1996 và 2056

Cung CẤN. Trục THÀNH. Mạng GIÁNG HẠ THỦY (nước mù sương)

Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON RẮN.

*

Cậu tài, cậu Quý độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Luận xem số tuổi mạng này
 Bính tý mạng thủy nước đầy tràn sông
 Trai mà sanh đặng thu đông
 Như cây gặp nước như rồng gặp mây
 Bính tý tánh ở hiền lành
 Có tiền ai hỏi cũng trao đưa liền
 An rồi phản phúc tự nhiên
 Đòi thời không trả nghịch liền tự nhiên
 Một thân thất ý đủ điều
 Nửa lành nửa dữ bao nhiêu cho đành
 Tới hồi vận giữa hiển vinh
 Căn nguyên tấn phát môn đình đổi thay
 Tuổi già vận đến cùng hay
 Vinh hoa phú quý vàng son cửa nhà
 *

* **Phụ giải tổng quát** :tuổi Bính Tý nếu mà người nào sanh thuận mùa thu và đông thì con người quý tướng có phần ăn trên ngồi trước thiên hạ. Người có tính hiền lương lòng dạ tốt, hay thương người nghèo khó. Thân tự lập chứ chẳng có anh em họ hàng giúp đỡ, tới năm ba mươi tuổi thì bắt đầu vinh hiển sống cuộc đời đầy hạnh phúc. Càng lớn tuổi càng phát đạt là số tuổi Bính Tý

*** Đoán vận mạng cho tuổi CNH TÝ (nam mạng)**

Sanh năm 1960 đến 2020 và 2080

Cung CÀN. Trục THÀN. Mạng BÍCH THƯỢNG THỔ (đất trên vách)

Khắc THIÊN THƯỢNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ (quan lộc, cô quạnh)

Xương CON CHUỘT. Tướng tinh CON RẮN.

*

Ong Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Canh Tý mạng Thổ cung Càn
 Đất ở đầu vách khó mà tìm ra
 Nhỏ thời vất vả phiêu lưu
 Lớn lên lập nghiệp lắm ưu lắm phiền
 Số tuổi khảng khái đảm đương
 Thấy mạnh hiếp yếu thì thương nhẩy vào

Bạc tiền như thể chiêm bao
 Giàu có như thế sớm vào tối ra
 Tạo lập lắm của lắm nhà
 Mua cất rồi bán thế là trắng tay
 Thấy người yếu thế cô đơn
 Có tiền cũng giúp chẳng cần đền ơn
 Số tuổi có chức có quyền
 Có tay quán xuyến có quyền khiển binh
 Vợ chồng xung khắc hay ray
 Thế mà con cháu đầy nhà phải lo

*

* **Phụ giải tổng quát** : tuổi canh tý là người đàn ông không chịu khuất phục kẻ có thế lực, tánh tình khảng khái, ăn nói đứng đắn. Nếu sanh vào mùa đông thì cuộc đời sung sướng quyền cao chức trọng. Số này tuổi và mạng có khắc cho nên lận đận lúc nhỏ, trở về sau thì được giàu sang.

Số tay trắng tạo nên sự nghiệp sau nhờ con cái. Số trai hiếu thảo cha mẹ, số có chân tu, nên ăn chay mỗi tháng trượng hoặc 10 ngày thì tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN SỬU (nam mạng)**

Sanh năm : 1961 đến 2021 và 2081

Cung ĐOÀI. Trục TRÂU. Mạng BÍCH THƯỢNG THỔ (đất trên vách)

Khắc THIÊN THƯỢNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ (phú quý)

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON ĐUÔI ƯỚI.

*

Ong Quan Đế độ mạng

*

* **THỎ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Tân sửu mạng thổ tuổi này
 Số cùng với mạng lắm lần khắc khe
 Vận thời đời đổi ngả nghiêng
 Nhiều phen lận đận lắm lần gian nan
 Nếu sanh mùa hạ thời may
 Thanh nhàn thông thả ít ai dám bì
 Số này chết hụt nhiều khi
 Nhờ ơn trời phật không thì mạng mong
 Anh em cha mẹ hai dòng
 Nếu không chồng vợ long đong đôi bà

Nếu không thay vợ đổi nhà
 Cuộc đời luôn chịu vui nhiều buồn mai
 Cho hay số ở thiên tài
 Tu nhơn tích đức phước nhờ mai sau.

*

* **Phụ giải tổng quát** : Người có số tuổi này bốn thân bất thường trời sanh quả là người khôn ngoan. Số có nhiều người thương mến, nhưng số và mạng có khắc cho nên tuổi nhỏ có chết hụt nhiều lần, nhưng nhờ hồng phúc của trời phật cho nên tai nạn được qua khỏi. Thuận sanh vào mùa đông lúc ban đêm thì quý và sanh ban ngày thì cực khổ. Số phải phiêu bạt gian hồ lập nghiệp ở phương xa thì mới nên nghiệp số phải lấy vợ ít lắm hai lần sau mới bền duyên tơ tóc.

* **Đoán vận mạng cho tuổi KỶ SỬU (nam mạng)**

Sanh năm 1949 đến 2009 và 2069

Cung ĐOÀI. Trục BÌNH. Mạng THÍCH LỊCH HỎA(lửa sấm chớp)

Khắc THIÊN THUỶ (phú quý).

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON CÚ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Kỷ sửu số mạng như là
 Lửa trời chớp nhoáng có ngày cũng tan
 Số người mạng hỏa tương sanh
 Làm ăn thuận lợi công danh dễ dàng
 Thu Đông xung khắc chẳng an
 Phòng người phản phúc mưu toan hại mình
 Chớ có tranh tụng hiểm nguy
 Ở đời nhịn nhục nhẹ thì cho ta
 Anh em nghịch ý chẳng hòa
 Ở gần gây gổ đi xa nhớ hoài
 Số tuổi sau có đất điền
 Ruộng vườn mua sắm của tiền làm ra
 Đầu tiên làm chẳng đặng an
 Hậu vận có của làm ăn mới bền.

*

* **Phụ giải tổng quát** : số mạng của tuổi Kỷ Sửu này con người tánh được hiền hậu thông minh hơn người thành bại cuộc đời nhiều nỗi gian lao ở tiền vận. Nhưng số phải (tài vượng lão lai) hậu vận khá tốt. Người lại có căn tu. Nếu sanh nhằm ban ngày mà được nhằm mùa hạ và thu thì là có số sang quý sau có cơ nghiệp vợ con có hạnh phúc.

Số lại nhờ vợ chớ sau chẳng nhờ con.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH SỬU (nam mạng)**

Sanh năm 1937 đến 1997 và 2057

Cung LY. Trục THÂU. Mạng GIÁNG HẠ THỦY(nước mù sương). Khắc THIÊN THUẬN HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (cô quanh).

Xương CON TRÂU. Tước tính CON TRÙN.

*

Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đinh Sửu số mạng như là

Giang hà là nước chảy dài ra sông

Trai mà sanh thuận thu đông

Mùa hạ lỗi sẽ làm không nên trò

Số như nổi sóng linh đình

Đầu đội tay xách vác cày lừa trâu

Sanh ra nhiều lúc hiểm nghi

Tưởng chết thuở nhỏ lúc thì mới sanh

Số này quyền tước công danh

Không thầy cũng thợ mới đành số ta

Tuổi này tính nét thật thà

Giận đi nói dữ nhưng lòng vị tha

Đầu tiên làm có của kho

Nhiều lần làm khá hiệp rồi lại tan.

*

* **Phụ giải tổng quát** : số tuổi Đinh Sửu, có thể gọi là cao số vì được (tam sanh) có long thần chiếu mạng. Số lập nghiệp nhiều lần làm ăn như điều gặp gió. Con đường sự nghiệp khá vẻ vang, số có quyền cao chức trọng, nhưng lận đận ở tuổi nhỏ, phải muông màng về lương duyên thì mới tốt. Tánh hiền trí sáng hiếu thảo mẹ cha. Số có căn tu và trường thọ

* **Đoán vận mạng cho tuổi ẤT SỬU (nam mạng)**

Sanh năm: 1925 đến 1985 và 2045

Cung TỐN. Trục KIÊN. Mạng HẢI TRUNG KIM (vàng dưới biển). Khắc BÌNH ĐỊA MỘC. Con NHÀ BẠCH ĐẾ (phú quý).

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON CHÓ.

*

Ong Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Át Sữu số mạng cuộc đời

Bà con hàng họ chẳng nhờ chẳng trông

Anh em xung khắc chẳng gần

Người đứng giúp đỡ thích thân chẳng nhờ

Phụng thờ của quý có duyên

Lợi danh được chút hão huyền mà thôi

Tánh người chơn chách thật thà

Làm ơn cho bạn sau mà phản ngay

Bạc tiền trợ giúp hỏi vay

An rồi lấy dao trở tay đâm mình

Bụng người cũng có tánh linh

Nghi ai thì có thiệt tình chẳng sai

Số phải tu niệm ăn chay

Không thì khổ não bị mang giam cầm

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi này có phần lận đận. Sống cuộc đời như gió Đông tuyết lạnh chảy, có anh em họ hàng giúp đỡ, tự tay làm nên gia nghiệp (Bạch thủ thành gia).

Số phải chịu sự khổ não nhiều bề, có chí tan bồng hồ tử phiêu lưu nơi xứ lạ quê người hầu quên sự khổ tâm. Vợ chồng cũng bất hòa. Số về già mới đặt thanh nhàn, chỉ trừ người nào sanh vào mùa Thu và Đông là thuận phú quý trung vận đã giàu có rồi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ SỬU (nam mạng)**

Sanh năm : 1913 đến 1973 và 2033.

Cung CÀN. Trục PHÁ. Mạng TANG ĐỐ MỘC (cây dâu).

Khắc ỐC THƯỢNG THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (quan lộc, tân khổ).

Xương CON TRÂU. Tướng tinh CON CUA BIỂN.

*

Ong Tử Vi độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Số này lúc nhỏ gian nan
 Lao tâm khổ trí vui chiều buồn mai
 Thân phải chịu lao đao
 Tình duyên trở nãi bằng không đổi đời
 Số người thân tự lập thân
 Tha phương cầu thực gia môn an hòa
 Họ hàng như thể người xa
 Cũng như giá lạnh đêm đông điêu tàng
 Lúc nhỏ chẳng đáng an thân
 Hậu vận phú lúc an môn gia hòa
 Mùa Xuân mới đáng thanh thoi
 Thanh nhàn sung sướng đố ai sánh bằng

*

* **Phụ giải tổng quát** : tuổi Quý Sửu này cung Tốn mạng Mộc cho nên sanh vào mùa Thu mà phải chịu vất vả linh đình vận mạng có đời đổi dù rằng có ăn nhưng phải lo hoài chỉ thuận vào mùa Đông thì về sau phú túc, sanh ban ngày là thuận ban đêm là nghịch số

số có bốn ba mà cũng chẳng thành. Bà con cốt nhục chẳng ai giúp đỡ một mình thân tự lập thân ở phương xa, trở về hậu vận sẽ được yên ổn, gia môn mới an hòa. Tình duyên có trắc trở nhưng số con đông.

*** Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP DẦN (nam mạng)**

Sanh năm : 1974 đến 2074 và 2033

Cung KHÔN. Trục KHAI. Mạng ĐẠI KHÊ THỦY (nước khe lớn). Khắc SƠN HẠ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (phú quý).

Xương CON CỌP. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Ong Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng Giáp Dần
 Đại Khê mạng Thủy nước sông chảy hoài
 Số tuổi lúc nhỏ gian nan
 Có lúc bệnh tật khóc hoài khó nuôi

Lớn lên làm có của kho
 Có rồi lại hết sớm đầy tối với
 Số này phải chon phương xa
 Lập nên cơ nghiệp vậy mà mới yên
 Nhon duyên trắc trở buổi đầu
 Về sau mới được an hòa gia môn
 Trung vận phát đạt giàu sang
 Cũng nhờ hồng phúc của trời ban cho
 Nhưng nhà chẳng đặng yên vui
 Trở về vận cuối gia môn đất thành

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi Giáp Dần này dù giàu hay nghèo cũng không đến nỗi cơ cực lắm chỉ trừ người nào sanh vào mùa Xuân và Hạ thì mới khi khó bần. Đêm ngày phải lo thân phận. Khó mà sung sướng an nhàn được. Lúc nhỏ thì khó nuôi, có những bệnh hoạn bất thường, làm có của tiền từ nhỏ nhưng số phải ngoài 40 mới tụ tài. Nhon duyên phải chọn lấy chớ cha mẹ không định đoạt. Tiền vận không khá hậu vận mới hiển vinh.

***Đoán vận mạng cho tuổi MẬU DẦN(nam mạng)**

Sanh năm : 1938 đến 1998 và 2058

Cung CẤN. Trục KHAI. Mạng THÀNH ĐẦU THỔ (đất trên thành). Khắc THIÊN THƯỢNG THỦY. Con nhà HUỲNH ĐẾ (phú quý).

Xương CON CỌP. Tướng tinh CON THUỒNG LUỒNG.

*

Phật Độ mạng

*

*** THỎ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mậu Dần mạng Thổ đất thành đền vua
 Số này trước vắng sau dài
 Anh em thân thích lạc ngoài phương xa
 Số sao có số qua chừng
 Duyên tình trắc trở lòng dòng đôi ba
 Tâm cơ tâm khổ những là
 Bởi vì số mạng trở ra muộn màng
 Một thân toan tính trăm đường
 Đến khi vận giữa mới yên tấm lòng

Tuổi sau mới được hưởng long
Cây già kết trái bông hồng tốt tươi

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi Mậu Dần nếu ai sinh nhằm ban đêm thì tốt, sau này có vợ giàu sang có hạnh phúc số lại có danh dự địa vị trong xã hội có điều mà ai sinh nhằm giữa mùa xuân ấy là bị lỗi số cho nên lúc nhỏ phải chịu gian truân đến tuổi già mới được hanh thông, số không nhờ cậy anh em họ hàng (bạch thủ thành gia) tay trắng làm nên sự nghiệp, số này vợ đông con đến hai hoặc ba dòng. Số lại có căn tu và được trường thọ.

* **Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH DẦN (nam mạng)**

Sanh năm : 1926 đến 1986 và 2046

Cung KHÔN. Trục ĐỊNH. Mạng LƯU TRUNG HỎA (lửa trong lư). Khắc KIỂM PHONG KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh).

Xương CON CỌP. Tướng tinh CON CHIM TRĨ.

*

Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Bính Dần cung Khảm lửa hư

Nếu sanh Xuân Hạ ấm no thanh nhàn

Thu Đông chẳng thuận lỗi thời

Lỗi số cực nhọc nên chàng âu lo

Số này bất luận gái trai

Khôn ngoan mưu trí ít ai sánh thiết tha

Nhưng mà vô số đàn bà

Thế mà sự nghiệp tự tay mình làm

Tiền vận chẳng được an thân

Chẳng bằng trung vận tròn vành mấy phen

Kiến già nhưng lộc còn xuân

Số năm mươi tuổi cũng còn cợ duyên

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi Bính Dần này phần đông thì có giỏi nhưng ít ai thiết tha, đường duyên nợ thì năm ba lần thay đổi, con phải ít lắm là ba dòng, đến già mà lòng vẫn còn xuân. Số lập thành gia nghiệp chỉ tự tay mình làm nên. Vận trước không khá chẳng nói vận giữa, nhưng từ năm mươi trở đi thì mới đăng hanh

thông, số có tiếng tăm lừng lẫy vì số đào hoa. Nhưng có chân tu, về sau thì sẽ được an nhàn.

*** Đoán vận mạng cho tuổi CANH DẦN (nam mạng)**

Sanh năm : 1950 đến 2010 và 2070

Cung KHÔN. Trục NGUY. Mạng TÔNG BÁ MỘC (cây tông cây bá). Khắc LỘ BÀN THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (trường mạng)

Xương CON CỌP. Tướng tinh CON HEO.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số tuổi Canh Dần

Người giàu một trí kẻ nghèo khổ thân

Thuận sanh thì số lại đông

Canh Dần là số vợ chồng đôi ba

Đặng sanh sung sướng vô cùng

Có người sai khiến có bồi nấu ăn

Nhưng mà cũng số lạ kỳ

Có khi hưng thịnh có khi điêu tàn

Ra ngoài doanh nghiệp có duyên

Qưới nhưn phò trợ, phước dư ban cho

Tánh tình ăn ở thẳng ngay

Ai mà hiếp yếu ra tay binh liên

Gặp ai thách đố chẳng kiên

Giận dữ mất trí như điên sợ gì

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi canh dần. Con người có tánh nết không vừa, cuộc đời tự ý mà làm không ai bày vẽ, tánh bốc đồng nóng nảy cho nên trong cuộc đời thường bị thất bại, tuổi này lúc nhỏ thường hay bệnh tật khó nuôi. Nếu ai sanh nhằm vào mùa thu và đông nhằm ba ngày thì chọn tốt, số lập nghiệp phải ở phương xa mới khá, có tiền của nhưng không giữ bền, tuổi từ 44 trở đi mới an phận giàu sang.

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM DẦN (nam mạng)**

Sanh năm 1962 đến 2022 và 2082

Cung CẤN. Mạng KIM BẠCH KIM (vàng trắng). Khắc LƯ TRUNG HỎA.

Con nhà BẠCH ĐẾ (phú quý).

Xương CON CỌP. Tướng tinh CON NGỰA.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Tuổi Dần cung Cấn mạng kim
 Tướng người tật bệnh khó chẳng an
 Tuổi nhỏ như thể chỉ mình
 Ốm đau bệnh tật đã đành khó nuôi
 Tánh tình ăn nói bái buôi
 Khôn ngoan mềm mỏng hay vui hay cười
 Nam hơn cao số hơn người
 Số tu tích đức phật trời độ cho
 Số cao có số hơn người
 Đôi dòng ba thứ vợ ngoài vợ trong
 Nhưng mà chết hụt , phải phòng
 Tướng mạng lớn lắm mới hồng sống lâu
 Đệ huynh cũng chẳng thuận hòa
 Tuổi nhỏ tự lập tuổi già nhờ con

*

* **Phụ giải tổng quát** :Số tuổi này trai thì có tánh nóng nảy mau giận hờn, miệng nói dữ như cọp rống la mà lòng thành hiền đức không hại ai (khẩu xà tâm phật) . Nếu ai sanh thuận ban đêm nhằm mùa thu và đông thì số và mạng được tương sanh sau này công danh hiển đạt với người . Lúc nhỏ phải chịu lao đao . Nếu sanh vào ban ngày thì có hơi khắc cho nên người nào gặp lỗi số phải chịu cuộc sống đủ ăn đủ mặc khó mà giàu sang, nhưng số thọ đến 70 tuổi .

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH MỆO (nam mạng)**

Sanh năm 1927 đến 1987 và 2047

Cung KHẨM.Trực CHẤP. Mạng LỬ TRUNG HỎA (lửa trong lư). Khắc KIỂM PHONG KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh) .

Xương CON MÈO. Tướng tinh CON GA.

*

Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Số này cốt cách ngang tàn

Lữ trong lửa đỏ mau tàn mau nguôi
 Giận ai không thể giận lâu
 Ai tới năn nỉ nắm tay diêu hiên
 Xin lỗi bạn chớ có phiền
 Ít bữa dịu ngọt có tiền cũng đưa
 Số nhờ biết được nhiều nghề
 Cho nên doanh nghiệp tự nhiên có hoài
 Ra ngoài kẻ mến người thương
 Kết bạn phản phúc họ quên ơn mình
 Thương người giúp đỡ của tiền
 An rồi quệt mỏ phản liên theo tay
 Hậu vận nhờ đặng cháu con
 Tiền vận lao khổ chẳng bằng vận sau

*

* **Phụ giải tổng quát** :Người tuổi Đinh Mẹo tánh tình nóng nảy cũng như mạng Hỏa nhưng hay giận mà cũng mau nguôi , không giận ai được lâu ,chịu ngọt ngào ,nhiều kẻ thân thể quyền tước giúp đỡ , được nhiều người thương mến , nhưng số không chơi được bạn hiền mà gặp phải người hay phản phúc tiền vận không bằng hậu vận . Nếu người nào sanh vào mùa thu và đông là thuận số nên gặp nhiều may mắn trong cuộc đời. Người nào sanh vào mùa xuân và hạ thì lỗi số cho nên cuộc đời phải chịu gian lao khổ cực .

* **Đoán vận mạng cho tuổi KỶ MỆO (nam mạng)**

Sanh năm 1939 đến 1999 và 2059

Cung ĐOÀI .Trực BẾ Mạng THÀNH ĐẦU THỔ(đất trên thành).

Khắc THIÊN THUẬN THỦY.Con nhà HUỲNH ĐẾ(phú quý).

Xương CON MÈO .Tướng tinh CON RỒNG .

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Số này tuổi nhỏ có tiền
 Nhưng không giữ được bay liên theo tay
 Mùa xuân lỗi số đắng cay
 Mồ hôi nước mắt chảy ngay ròng ròng
 Gặp hồi cực khổ gian nan
 Vợ chồng khắc bạc muôn ngàn thảm thương

Anh em cha mẹ hai dòng
 Không thì chồng vợ lòng dòng đôi ba
 Thấy ai năn nỉ xót xa
 Bạc tiền ử sẵn, móc ra đưa liền
 An rồi phản phúc tự nhiên
 Ở đâu chẳng thấy oan liên theo tay
 Chờ cho vận cuối phát tài
 Cây già kết trái bằng hai những ngày

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi kỷ mẹo này lúc nhỏ tiền vận làm ra có của nhưng không giữ được cuộc đời sung sướng giàu sang phú quý như nước thủy triều có rồi tan chớ chưa giữ được tiền của số người nào sinh mùa xuân thì phải chịu đắng cay sống cuộc đời vất vả làm ra tiền của bằng mồ hôi nước mắt, còn ai sinh nhằm ban đêm thì được phú quý. Tánh người hiền lương giàu lòng từ thiện hay giúp đỡ người không nợ công lao. Tình duyên trắc trở nếu muộn màng thì sau mới bền chặt số có căn tu hành. Thường bị bạn bè phản trắc. Vận sau sẽ phát đạt hơn vận trước. Số được vinh hiển sau này nhờ con cái.

*** Đoán vận mạng cho tuổi TÂN MẸO(nam mạng)**

Sanh năm 1951 đến 2011 và 2071

Cung TỐN. Trục THÀNH. Mạng TÔNG BÁ MỘC (cây tông cây bá). Khắc LỘ BÀNG THỔ. con nhà THANH ĐẾ (trưởng mạng).

Xương CON MÈO. Tướng tinh CON RÁI.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG

Số gian nan lắm dài lâu
 Bối sinh lỗi số khấn cầu ơn trên
 Hạ thu lo lắng khôn lường
 Hưu tù xung khắc vì chưng lỗi mùa
 Lỗi số mà đặng làm làm vua
 Bị giặc vây không chịu thua hàng đầu
 Nhưng nhờ số tuổi hiền lành
 Nhờ trời Phật độ ngày nay mới còn
 Nhon nghĩa phước đức giữ tròn
 Tham tài ở ác chẳng còn chẳng sai

Vô duyên với kẻ thân như
 Anh em như thể người xa lánh giếng
 Số này tiền vận khác xa
 Đến khi vận cuối nghiệp nhà mới nên
 *

* **Phụ giải tổng quát** : số này phần đông lúc nhỏ khó nuôi số buồn nhiều vui ít , dù có giàu sang đến đâu cũng có nhiều tâm sự lo âu chớ không được rảnh trí như các tuổi khác . số phải thay nhà đổi bạc có bà con cũng như tuyết lạnh giá tan chỗ ở lãnh đạm chẳng cậy nhờ. Thân tự lập mà nên danh nghiệp. Số này có cần tu thì mới thọ trường, còn nếu không có âm đức thì chết khoảng 31 đến 33, ai qua được vận đó thì về sau giàu có được nhứt phú quý tam vinh hiển tứ đạt cao. Càng già càng phát đạt giàu sang.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ẤT MỆO (nam mạng)**

Sanh năm 1915 đến 1975 và 2035

Cung TỐN. Trục BẾ. Mạng ĐẠI KHÊ THỦY (nước khe lớn). Khắc SƠN HẠ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ. (phú quý).

Xương CON MÈO. Tướng tinh CON DỐI.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Số tuổi Ất Mão như vậy
 Đại Khê nước lớn chảy về thiên nhiên
 Thu Đông sanh thuận mới yên
 Thanh nhàn sung sướng sáng kiến nhiều nghề
 Xuân hạ lỗi số bị chê
 Giàu có làm đặng công thân cũng lo
 Xét qua trong đạo vợ chồng
 Hoa thơm hương nhụy trắng vòng tròn gương
 Chẳng qua gãy cánh giữa đường
 Duyên sau chấp nối mới yên gia đàng
 Tiền bạc làm có trong tay
 Ba chìm bảy nổi đổi thay gia đình
 Số phải xa mẹ khắc cha
 Tha phương lập nghiệp tiền tài thanh hưng

*

* **Phụ giải tổng quát** : Người tuổi ất mẹo số giàu có nhưng khổ tâm cực trí không ít dù cho có của kho nhưng tánh vẫn thấy mình thiếu thốn (túi tham không đầy) là số tuổi ất mẹo này. Nhưng được là ở hiền lành không hại ai. Người lại có số đào hoa, sanh ban ngày là lỗi số cho nên cuộc đời thường gặp cảnh trái lòng. Số phải lập nghiệp phương xa mới thành đạt. Vợ chồng khắc khẩu hay cãi vã gia đình thường hay bị xáo trộn, nhưng con cái đông và số trường thọ. Tuổi này từ trung vận trở lên mới được phú quý đến già số tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ MẸO (nam mạng)**

Sanh năm 1903 đến 1963 và 2023

Cung ĐOÀI. Trục MÃN. Mạng KIM BẠCH KIM (vàng trắng). Khắc LƯU TRUNG HỎA. Con nhà BẠCH ĐẾ (phú quý)

Xương con mèo tướng tinh con hươu.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

nhìn xem số mạng tuổi này

Như vàng tây trắng có ngày giàu sang

Tiền vận vất vả khó con

Trung vận mạnh khỏe làm ăn hơn người

Trai thì lại có lắm nghề

Bụng người ngay thẳng không hề tham lam

Mùa thu sanh đặng thuận mùa

Mùa hạ hỏa khắc phải dời đổi thay

Bụng người cũng có tánh linh

Nghĩ đâu trúng đó thiệt tình chẳng sai

Nếu tu thì phước lại tăng

Tuổi già sung sướng lộc tài thiếu chi

Tuổi nhỏ phải chịu gian nan

Tuổi già vinh hiển giàu sang hơn người.

*

* **Phụ giải tổng quát** : số tuổi quý mẹo này tuy rằng lúc nhỏ khổ cực gian nan nhưng về sau càn lớn tuổi càn sung sướng vì có tâm đạo nên tuổi về chiều mới được hưởng thụ nhàn hạ, có con cái sau được nhờ. Nếu người nào sanh ban đêm thì quý tướng sau này có địa vị quan trọng trong xã hội số trường thọ. Người có chí lớn

có tài lại có duyên, số đào qua và cao số được thanh nhân dù giàu có cũng như nghèo không cực về thể xác.

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM THÌN (nam mạng)**

Sanh năm 1952 đến 2012 và 2072

Cung CHẤN. Trục KIÊN. Mạng TRƯỜNG LƯU THỦY (nước chảy dài).

Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (trường mạng)

Xương con rồng tướng tinh con chó sói.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

nhâm thìn số mạng như là

Trường lưu mạng thủy chảy hoài luôn luôn

Lỗi số xuân hạ phải buồn

Giàu sang cũng mệt khổ thân cực hoài

Thu đông sanh đặng thời may

Như cá gặp nước như rồng gặp mây

Đàn ông thuận số can Nhâm

Số người quyền tước không thì cũng ông

Đặng sanh là số tự trời

Nhờ trời phạt độ mới toàn mạng thay

Số phải đợi vận làm giàu

Hạn quá bốn chín lên cao lần lần

Phước dư trời báo thiện hơn

Thọ khương phú hậu duyên xuân một nhà

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số này là số giàu có nhưng thể xác không được sung sướng. Chỉ trừ người nào sanh thuận mùa đông và thu thì cuộc đời gặp may nhiều rủi ít, khi thuận mùa sanh thì đời lên như điều gặp gió, có câu nam nhâm nữ quý. Đàn ông can nhâm thì phần đông được tốt số, hơn nữa nếu sanh vào ban ngày thì dễ nuôi hậu vận lại được vinh hiển, tánh tình của tuổi nhâm thìn người cương trực ngay thẳng mà hiền lương. Số lúc nhỏ vất vả lớn lên có vợ giàu sang tuổi từ 49 thì giàu có ít ai sánh kịp. Nhơn duyên lại có phần trắc trở, hai lần thay đổi sau mới yên nhà.

*** Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP THÌN (nam mạng)**

Sanh năm : 1904 đến 1964 và 2024

Cung CÀN. Trục PHÁ. Mạng PHÚC ĐĂNG HỎA (lửa đèn nhỏ). Khắc XOA
XUYẾN KIM. Con nhà BẠCH ĐẾ (phú quý)
Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON RẮN

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

*** THỞ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Giáp Thìn số mạng may thay
Tuổi cùng với mạng hợp hòa thuận sanh
Thu đông sanh ra khổ hèn
Xuân hạ sanh đăng như đèn sáng trưng
Trai thì vui vẻ đào hoa
Tánh thì hiền hậu, không hay gian tà
Thuận sanh sung sướng biết bao
Lỗi số cực nhọc gian lao lắm lần
Ví như cờ bạc đánh thua
Về nhà lo lắng như cua gãy càng
Số này trước ngắn sau dài
Vợ chồng thay đổi ba lần mới yên
Số phải tu niệm ăn chay
Sống lâu hưởng phước lộc trời ban cho

*

***Phụ giải tổng quát :** Giáp Thìn là số người may mắn vì tuổi và mạng tương cho nên cao số làm ăn có quới nhưn giúp đỡ, số này không giàu thì cũng sang, số lại được trường thọ và có số đào hoa cho nên phải nhiều lần thay đổi vợ chồng mới thành gia thất ít lắm cũng ba lần. Phần đông thì tài lộc đủ dùng trở về già mới được hiển vinh. Nếu có tu niệm thì phước lộc được tặng thêm. Sau này còn cái đột ngột đủ lại được nhờ. Số có chơn tu nên cứ ăn thịt chó, mèo, ngựa, rùa, nên dùng trai lạc mỗi tháng sáu hoặc mười ngày là tốt.

*** Đoán vận mạng cho tuổi CANH THÌN (nam mạng)**

Sanh năm 1940 đến 2000 và 2060

Cung CÀN. Trục BÌNH. Mạng BẠCH LẠP KIM (vàng chân đèn). Khắc
PHÚC ĐĂNG HỎA. Con nhà BẠCH ĐẾ (trường mạng).
Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON LẠC ĐÀ.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Canh Thìn là số rất cao
 Số có kẻ đoán người đưa rợn rùng
 Thuận sanh tiếp đãi dạ thừa
 Hậu vận một cách có thừa chẳng sai
 Mùa xuân lỗi số đáng cay
 Mồ hôi nước mắt chảy ngang ròng ròng
 Anh em xung khắc chẳng xong
 Nói ra gây dữ, tự nhiên chẳng hòa
 Lớn lên lập nghiệp xứ xa
 Cô bác có của thì ta không nhờ
 Can canh can mậu bơ vơ
 Tại sanh lỗi số trật giờ khổ thân
 Thuận sanh sung sướng mười phần
 Lòng ở ngay thẳng thánh thần độ cho.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Người số tuổi canh thìn có số hễ giàu thì giàu hơn người còn ai nghèo thì cũng nghèo xác nghèo xơ chỗ không có lưng chừng. Nếu thuận sanh thì làm quan nhưt là người nào sanh vào ban đêm thì được phú quý. Nhưng số này nói chung là khắc vợ khắc con, không ở gần nhau. Nhơn duyên cũng trắc trở buổi đầu, khó bề chung thủy. Tuổi từ 40 trở về sau mới được tự tài. Số có căng tu nên cứ ăn thịt chó, mèo, rùa, ngựa. Nên dùng trai lạc mỗi tháng 7 hoặc 10 ngày thì tốt.

*** Đoán vận mạng cho tuổi MẬU THÌN (nam mạng)**

Sanh năm 1928 đến 1988 và 2048

Cung LY. Trục TRÂU. Mạng ĐẠI LÂM MỘC (cây ở rừng). Khắc ĐẠI TRẠCH THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (trường mạng).

Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON QUẠ.

*

Phật độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Tuổi cùng với mạng thuận hòa tương sanh
 Số như cây trái nở đua

Nhưng mà bị khắc vì sanh lỗi mùa
 Mùa xuân vượng tướng phát tài
 Mùa hạ giàu có muôn ngàn cực thân
 Anh em cô bác chẳng gần
 Người đứng giúp đỡ ân cần độ ta
 Tuổi sanh biếtặng nhiều nghề
 Phiêu lưu xa xứ xa quê ông bà
 Có tài có đức trong tay
 Xuân sanh thất bại sau này thịnh hưng
 Lòng ở ngay thẳng mới hay
 Phật trời dòm ngó có ngày làm nên

*

***Phụ giải tổng quát :** số tuổi mệnh thìn nhờ tuổi và mạng tương sanh số giàu có mau lẹ cũng như cây trái trổ bông đua nhau nở. Nhưng nếu ai mà bị lỗi số sanh thì dù có giàu tiền muông bạc triệu cũng không nhờ tiền của cha mẹ. Nếu ai sanh nhằm mùa xuân và mùa đông là người quý tướng sau này làm nên danh phận. Nhưng về đường lương duyên thì rắc rối gian truân vì mệnh lớn và cao số nên tình phải long đong phải đôi ba dòng con, nhiều vợ.

*** Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH THÌN (nam mạng)**

Sanh năm : 1916 đến 1976 và 2036

Cung CHẤN. Trục KIÊN. Mạng SA TRUNG THỔ (đất pha cát). Khắc
 DƯƠNG LIỄU MỘC. Con nhà HUỲNH ĐẾ (phú quý)
 Xương CON RỒNG. Tướng tinh CON CHUỘT.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG

bính thìn số mạng tuổi này
 Tuổi cùng với mạng ấy là tương sanh
 Số người tánh nết hiền lành
 Tánh thì đầm thắm thuận hòa tương lâu
 Mạng may có phước lộc trời
 Phong sương cũng lắm gian nan cũng nhiều
 Số phải lập nghiệp phương xa
 Cửa nhà yên ổn gia môn hiệp hòa
 Trung vận làm có cửa kho

Nhưng mà hậu vận mới là hiển vinh
 Số này phước lớn mới an
 Không thời chết hụt chết oan đã rồi
 Giận ai nói dữ nói nhiều
 Lòng không độc ác nói rồi bỏ qua
 *

***Phụ giải tổng quát :** tuổi bính thìn là người có nhiều dịp may mắn trong đời bởi tuổi cùng với mạng tương sinh nếu được sinh nhằm ban ngày thì là người có quyền tước lớn có óc kinh doanh hoặc chỉ huy nhiều người. Người ăn ở có tâm đức, không làm điều gì xằng bậy, hiền lương, siêng năng, trí sáng. Lúc nhỏ thường gặp cảnh khổ cực nhưng lớn lên thì được sung sướng kể từ trung vận sẽ được phát tài, gia đình có hạnh phúc. Số phận lập nghiệp phương xa thì mới khá, sống lâu, có âm đạo cho nên kiên cữ phải thờ phượng ơn trên thì tốt.

*** Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ TỶ (Nam mạng)**

Sanh năm 1953 đến 2013 và 2073

Cung KHÔN. Trục TRỪ. Mạng TRƯỜNG LƯU THỦY (nước chảy dài).

Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (trường mạng).

Xương con rắn. Tướng tinh con CHÓ

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này

Quý tỵ mạng thủy nước tuôn ra vòm

Thu đông thuận số thì sang

Giàu nghèo cũng sướng tầm thân thanh nhàn

Xuân hạ lỗi số cực thân

Hai mùa cũng lỗi tảo tần gian nan

Số này thân tự lập thân

Lộc trời có bởi ông cha để giành

Số đặng vinh hiển gia đình

Bôn ba nào có ích gì bon chôn

Phong trần ngồi những đợi thời

Nam ba mươi tuổi có cơ làm giàu

Một mai vận động hanh thông

Phong lưu sung sướng trong vòng trần ai

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi Quý Tỵ mặc dầu cực khổ lúc nhỏ nhưng số giàu có sớm năm 30 tuổi trở đi thì có cơ hội làm giàu. Số có được hưởng của cha mẹ để lại, số này nhờ âm đức của tiền nhân mà giàu có phát đạt sớm. Nhưng tuổi dưới 20 thì phải lưu lạc nhiều nơi. Số người được quới nhưn giúp đỡ. Số trường thọ và gia môn yên ổn sau có vợ cũng là cũng là con nhà có gia giáo và nhờ bên vợ nhiều hơn cha mẹ ruột.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ẤT TỶ (Nam mạng)**

Sanh năm : 1905 đến 1965 và 2025

Cung KHÔN. Trục NGŨY. Mạng PHÚC ĐĂNG HỎA (lửa đèn nhỏ). Khắc XOÀ XUYẾN KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ (tận khổ).

Xương CON RẮN. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Ất Tỵ mạng hỏa số này

Cung đoài lửa cháy sáng ngời tọa đặng

Thu đông lỗi số khó khăn

Hai mùa khác nghịch có ăn lo hoài

Xuân hạ mà đặng sanh thai

Kẻ hầu người hạ có đầu bếp sai

Số này tuổi nhỏ gian nan

Trở về lớn tuổi có phần an thân

Số người cách trở lương duyên

Bằng không thì cũng vợ trong vợ ngòai

Số mạng phước lớn nhờ trời

Khỏi bị chết hụt cũng thời cầm giam

Phải nên phước đức tu tâm

Phật trời hộ độ mới an gia đình

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số người tuổi ất tỵ lúc nhỏ khó nuôi, nếu cho có thuận số cũng bị lo lắng hoài. Chỉ trừ người nào sanh ban đêm thì mới có số thọ trường và quan lộc, nhưng ít số người tuổi nhỏ có bị chết hụt, hay lớn cũng bị tù đầy nếu kém phước đức. Số trở về từ hậu vận từ 44 về sau mới tụ tài, số phải hai dòng con, hoặc vợ đôi chồng ba chớ không thể một vợ một chồng mà nên nghiệp được. Số người

sinh ban ngày thì có tiểu tật, nhưng lại có giác quan thứ sáu thường hay nghi đầu có đó tâm linh báo trước những điều lành dữ, số thọ đến 64 tuổi hoặc 87 tuổi, sau chết con cháu đông đủ mặt.

*** Đoán vận mạng cho tuổi KỶ TỶ (Nam mạng)**

Sanh năm 1929 đến 1989 và 2049

Cung cấn. Trục khai. Mạng đại lâm mộc (cây ở rừng lớn). Khắc đại trạch thổ. Con nhà thanh đế (trường mạng)

Xương con rắn. Tướng tinh con khỉ.

*

Phật độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

kỷ ty cung cấn tốt thay

Mạng mộc cây lớn mọc ngay giữa rừng

Đông xuân thuận số quá chừng

Có kẻ tuổi nước vun chân lâu tàn

Hạ thu là lỗi số chàng

Lỗi sanh cực nhọc nên đành khổ thân

Số người chết hụt mấy lần

Quối nhân độ mạng mới hồng khỏi nguy

Hạn xưa vất vả long đong

Tới hồi vận cuối mới hồng thanh hưng

Cuộc đời khó lắm cát tường

Không thì vất vả chịu đường linh đình

Tạo nên gia nghiệp sau này

Nhờ trời Phật độ có ngày làm nên

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Kỷ Ty là người tốt số nếu sanh được vào mùa xuân và mùa đông là thuận mà sanh nhằm ban ngày thì mới trọn tốt, tiền vận cũng như hậu vận phú quý. Nhưng số chẳng nhờ được tổ nghiệp hoặc anh em họ hàng. Tay trắng tạo nên cơ nghiệp, số này nhờ âm đức của tiền nhân cho nên phần đông đều có số sung sướng, người có tính hiền hậu không tham lam làm việc gì cũng cố gắng chịu đựng mọi gian khổ cho nên thành công trên đường đời nhiều mà thất bại thì ít.

*** Đoán vận mạng cho tuổi TÂN TỶ (nam mạng)**

Sanh năm : 1941 đến 2001 và 2061

Cung khôn, trực định. Mạng bạch lập kim (vàng chân đèn). Khắc phúc đăng hỏa. Con nhà bạch đế (trường mạng)
Xương con rắn. Tướng tinh con hổ.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Số sanh cách trở quê hương
Lập nên cơ nghiệp phải hai ba lần
Thành nhân cũng tự lập thân
Hai bàn tay trắng tạo nên gia đình
Thuận sanh giàu có đã đành
Nghịch sanh như thể cua con gãy càng
Đặng sanh sung sướng là chàng
Lòng ở ngay thẳng thánh thần độ cho
Ở cho biết phải biết điều
Lòng thành kính phật ít nhiều có ăn
Sẽ có chức phận môn đình
Không thầy cũng thợ ít khi bần hàn
Khi trên trời cũng chịu lòng
Thai vinh sự nghiệp thanh nhàn hồi sau

*

*** Phụ giải tổng quát :** Số tuổi Tân Ty nhờ được của trời cho vì cha mẹ ăn ở có âm đức nên số không bần cùng, nhờ trời phật che chở cho nên gia đình không đến nỗi túng thiếu. Người nào sanh nhằm ban đêm là quý tướng có chức phận giàu có, còn sanh nhằm ban ngày thì ở mức trung bình. Số phần tha phương lập nghiệp. Dựng thành gia phải đôi ba lần về sau từ 40 trở đi mới chắc chắn tụ tài. Vận số truân chuyên lúc nhỏ, về già an nhàn vinh hoa phú quý số được nhờ vợ nhờ con.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH TÝ (nam mạng)**

Sanh năm : 1917 đến 1977 và 2037

Cung khôn. Trực trừ. Mạng sa trung thổ (đất pha cát). Khắc DƯƠNG LIÊU MỘC. Con nhà HUỖNH ĐẾ (phú quý).
Xương CON RẮN. Tướng tinh CON CÚ.

*

Bà Chúa Ngọc độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Trong tâm thường có tánh linh thường thường
 Số người khôn khéo mọi đường
 Nếu mà lỗi số thiên đường sâu vường
 Có khi mắc phải tai ương
 Phu thê cản đặng đôi phen lỡ đường
 Thấy ai thất nghiệp lỡ đường
 Ai mà than thở thì thương giúp liền
 Nhiều lúc làm có của tiền
 Cũng bị tan rã phá tan rã rời
 Bà con thân thích chẳng trông
 Một tay lập nghiệp gia môn an hòa
 Số này trời đã ban cho
 Trở về hậu vận mới là thành thời
 *

* **Phụ giải tổng quát** : Số tuổi Đinh Tỵ con người lại có giác quan thứ sáu, thường hay nghi đầu có đó, linh tính báo trước chuyện may rủi hoặc ngờ chuyện gì thì trúng. Nếu người nào sinh vào ban đêm mà nhằm vào mùa Thu và mùa Hạ thì có số lấy vợ giàu có, giàu sang phú quý. Còn sinh ban ngày là lỗi số lúc nhỏ gian lao cực khổ thường hay thay đổi bạn. Tình duyên cũng trắc trở phải hai lần mới an gia thất, số ít tạo thành sự nghiệp chớ không nhờ họ hàng.
 Số thọ đến 78 tuổi nếu có âm đức.

*** Đoán vận mạng cho tuổi MẬU NGỌ (nam mạng)**

Sanh năm 1918 đến 1978 và 2038

Cung KHẨM. Trục HÀNH. Mạng THIÊN THƯỢNGHỎA (lửa trên trời).

Khắc SA TRUNG KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh).

Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON HEO.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mậu Ngọ mạng Hỏa lửa trời sáng soi
 Xuuan Hạ sanh dặng giập thời
 Thông thả sung sướng an nơi thanh nhàn.

Tiền vận vất vả bồn ba
 Kể từ trung vận mới mong thang nhàn
 Anh em xa cách chẳng gần
 Vắng mặt thương nhớ lại gần chẳng yên
 Bởi vì số nghịch đắng cay
 Gia đình lập trở mới bền lâu
 Nếu người tích đức thiện tâm
 Tu hành giải bớt oan gia nghiệp đời
 Trung vận chẳng đắng thanh thời
 Số người vận cuối giàu sang thanh nhàn

*

* Phụ giải tổng quát : Số tuổi Mậu Ngọ sanh thuận màu Thu và Đông thì quý tướng. Nhưng tánh tình lại cứng cõi bắc đồng làm ăn không tính toán, hễ muống là làm khó khăn cản được. Lòng dạ thông minh, thuở nhỏ vất vả, về tuổi già mới yên, gia nghiệp thanh nhàn. Số có căn tu hành và thọ đến 79 tuổi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM NGỌ (nam mạng)**

Sanh năm 1942 đến 2002 và 2062

Cung TỐN. Trục BẾ. Mạng DƯƠNG LIỄU MỘC (cây dương liễu). Khắc LỘ BÀN THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (trường mạng).

Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON CÁO.

*

Ong Tử Vi đồ mạng

*

THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mạng Mộc cây liễu số người phung lưu
 Mùa Thu lỗi số bơ vơ
 Mùa Hạ cũng lỗi trật giờ khổ thân
 Số này tuổi nhỏ gian nan
 Tưởng đâu chết hụt chết oan đã rồi
 Cây khô mà dặng mọc chồi
 Ấy là Nhâm Ngọ rĩ ràng chẳng sai
 Một tay chinh đồn gia môn
 Điềm viên lưu để tử tôn lâu bền
 Kể từ vận giữu sắp lên
 Làm ăn nên cửa nên nhà mới yên

Số này lạnh lợi khôn ngoan
 Ít kẻ ngu đốt cơ hàn linh đình.

*

***Phụ giải tổng quát :** Người có số tuổi này tính tình thẳng thắn đáng người phụng lưu, dù giàu hay nghèo cũng sung sướng an nhàn, chớ không đến nỗi khổ bần cùng. Số có bị chết hụt chế oan nhưng nhờ phước đức của cha mẹ để lại mà được Trời Phật che chở cho. Người nào sinh nhằm mùa Thu và Đông nhằm ban ngày thì được phú quý sau sau có vợ giàu có, còn sinh nhằm ban đêm mà mùa Xuân và Hạ thì lỗi số nên phải cực nhọc nhiều bề. số thân tự lập thân chẳng nhờ anh em họ hàng người có số làm thầy, nếu tu nành thì quý lắm. Nên kiên kỵ thịt Chó, thịt Mèo, thịt Ngựa, thịt Rùa.

*** Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP NGỌ (nam mạng)**

Sanh năm 1954 đến 2014 và 2074

Cung CẤN. Trục CHẤP. Mạng SA TRUNG KIM (vàng trong cát). Khắc THẠCH LỰU MỘC. Con nhà BẠCH ĐẾ (an mạng, phú quý).

Xương CON NGỰA. Tướng tinh CON CHIM TRĨ.

*

Ong Qua Đé độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Giáp Ngọ cung cần số trai

Vàng ở trong cát ráng tìm giàu ngay

Số tuổi no đủ mọi đường

Phước kiêm phú quý thọ khương một đời

On hòa trung hiếu tánh người

Gia đình giáo dục tự người hiền lương

Bạc tiền không có thì thôi

Có thì ai cũng trao tay liền

An rồi phản phúc tự nhiên

Ở đâu chẳng thấy oán liền theo tay

Có tánh nóng nảy chẳng hay

Gặp ai thách đố ra oai đánh liền

mạnh yếu người cũng chẳng kiên

ai cản chẳng được như diên biết gì.

*

***Phụ giải tổng quát :** người tuổi giáp ngọ có số giàu sang tánh người hiền hậu nhưng nóng nảy có lòng tốt đối với mọi người nhưng số không được chơi với bạn tốt.

Nếu ai sanh nhằm mùa thu và đông thì được giàu sang phú quý còn sanh nhằm mùa xuân và hạ thì bị lỗi số nên lúc nhỏ phải gian nan.

Số này thường hay nhiều may mắn trong đời người có hiếu thảo với cha mẹ. Anh em thì xung khắc, tuổi trở về già mới an cư lạc nghiệp tài lộc danh rạng rỡ.

***Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH NGỌ (nam mạng)**

Sanh năm :1906 đến 1966 và 2026

Cung TỐN. Trục MÃN. Mạng THIÊN HÀ THỦY (nước sông thiên hà).

Khắc THIÊN THUẬN HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (tận khổ).

Xương CON NGỰA .tướng tinh CON THUẦN LUÔNG

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

đoán xem số mạng tuổi này
số cùng và mạng lắm lần gian nan
có lúc nguy hiểm chẳng an
tướng đầu chết hụt chết oan đã rồi
duyên tình lỡ dở lời thôi
trước thì sum họp sau rồi lại tan
anh em gia đạo bất hòa
đi xa thương nhớ về nhà chẳng yên
tiền vận vất vả lao đao
trở về hậu vận mới nhàn tẩm thân
tuổi này cũng có tánh linh
nghĩ đâu trúng đó thiệt tình chẳng sai
số này tướng mạng lớn thay
quyền hành chấp chưởng lo thay cho người.

*

***Phụ giải tổng quát :**số này có cuộc sống thật là gian lao, bởi sao và mạng có khắc. Cho nên nhiều lúc gian khổ nguy hiểm chỉ trừ người nào sanh vào ban đêm thì mới tốt. Lại là người cao số nên tiền vận phải chịu gian nan, hậu vận mới được sung sướng. Ai mà sanh nhằm tuổi này thì nhất định có thay vợ đổi chồng chứ không phải một vợ một chồng như các tuổi khác được. Tánh người thanh liêm chính

trực, hay giữ đạo đức ăn ở hiền lành, số người có chân tu nên kiên cữ thịt chó, mèo ngựa, rùa nên dùng trai lạc mỗi thang 6 hoặc 10 ngày thì tốt.

***Đoán vận mạng cho tuổi CANH NGỌ (nam mạng)**

Sanh năm 1920 đến 1980 và 2040

Cung ĐOÀI. Trực MÃN. Mạng LỘ BÀNG THỔ (đất đường đi). Khắc TUYÊN TRUNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ (cô quạnh).

Xương con ngựa. Tướng tinh con vượn.

*

Phật độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Canh ngộ số mạng như vậy
Đất ở đường lộ muôn ngàn người đi
Thuận sanh sung sướng lo gì
Tháng chạp tháng chín hay thì tháng ba
Đặng sanh tháng sáu ân hòa
Cũng nhờ ơn đức ông cha để giành
Thu đông lỗi số gian lao
Mùa xuân dần mọo biết bao khổ rày
Số này thân tự lập thân
Được người giúp đỡ có phần làm nên
Lộc cao như núi thái sơn
Cơ mưu khéo léo chẳng hề ai hay
Lập nên cơ nghiệp số này
Kể từ vận giữa mọi đường đặng nên.

*

*** Phụ giải tổng quát :** Người có số tuổi canh ngộ nếu thuận sanh thì sung sướng chẳng ai bằng còn nghịch và lỗi số thì vất vả gian nan cũng quá nhiều. Số nhờ của cha mẹ mà được thụ hưởng lộc giàu sang. Số thân tự lập thân chớ không có anh em họ hàng giúp đỡ, nhưng số mạng truân chuyên. Nhân duyên muộn màng thì tốt bằng lấy vợ sớm thì sẽ gây đổ. Số lại có căn tu hành hoặc làm thầy.

*** Đoán vận mạng cho tuổi TÂN MÙI (nam mạng)**

Sanh năm 1931 đến 1991 và 2051.

Cung CÀM. Trực BÌNH. Mạng LỘ BÀNG THỔ (đất đường đi). Khắc TUYÊN TRUNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ (cô quạnh).

Xương CON DÊ. Tướng tinh CON GẤU.

*

Phật độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tân mùi
 Mạng thổ là đất có nhiều người đi
 Nếu sanh mùa hạ lo chi
 Nhiều người giúp đỡ thiếu gì tình thương
 Tân mùi tâm tánh hiền lương
 Giận ai làm dữ nghĩ thương lại người
 Nhưng mà cách trở mẹ cha
 Ly hương tổ quán sau này mới nên
 Số này cốt tướng ít trường
 Tu nhơn tích đức không thì quy tiên
 Nhỏ thời cầm cửa không bền
 Ngày sau mới khá trở nên vững bền
 Tuổi này hậu vận về sau
 Vinh hoa phú quý thành thoi an nhàn

*

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi tân mùi mạng thổ nếu sanh thuận mùa thu và hạ thì sau này có vợ giàu sang phú quý có quan lộc nhưng phải chịu tâm khổ tánh người ít nói lòng dạ hiền lương người ăn ở có chung thủy, nhưng thường hay bạc số chết yếu, nếu có tu nhơn tích đức thì mới sống lâu. Phải lập nghiệp phương xa thì mới tốt. Số này phần nhiều là số tu hành, nếu có tình duyên sớm thì e gây cánh giữa đường phạm biệt ly không tốt. Nhưng về sau thì giàu có lớn.

*** Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ MÙI (nam mạng)**

Sanh năm 1943 đến 2003 và 2063

Cung CHẤN. Trục KIÊN. Mạng DƯƠNG LIỄU MỘC(cây dương liễu). Khắc
 LỘ BÀNG THỔ. Con nhà THANH ĐẾ(trường mạng).

Xương CON DÊ. Tướng tinh CON CỌP

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Quý mùi cung chấn trục kiên

Là cây dương liễu hiên ngang giữa trời
 Sanh đặng tháng giêng tháng hai
 Mùa đông cũng tốt tự nhiên thanh nhàn
 Lỗi số thu hạ bề bâng
 Nên người khổ não khiến chàng cực thân
 Anh em xung khắc chẳng gần
 Người ngoài khác họ lại thương mến mình
 Tuổi trẻ vất vả linh đình
 Giàu sang phú quý để dành phận sau
 Số người sau có đất điền
 Nhà cửa mua sắm từ mình làm ra
 Tuổi nhỏ chớ khá bôn ba
 Trở về hậu vận mới là thanh thoi

*

* Phụ giải tổng quát : số người tuổi quý mùi là người cao số cho nên phải chịu gian truân về tình duyên thì bốn mạng mới tốt bằng không phải hai lần gây đổ mới thành gia thất. Số này phải thuận sanh vào mùa đông nhằm ban đêm thì trọn tốt còn sanh vào ban ngày thì phải chịu khổ cực, bà con họ hàng như người đứng nước lã không nhờ cậy được. Số này phải tha phương lập nghiệp mới nên cửa nên nhà

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH MÙI (nam mạng) ***

Sanh năm 1907 đến 1967 và 2027

Cung CHẤN. Trục BÌNH. Mạng THIÊN HÀ THỦY(nước sông thiên hà).

Khắc THIÊN THƯỢNG HỎA. Con NHÀ HẮC ĐẾ (tân khổ).

Xương CON ĐÊ . tướng tinh CON RỒNG

*

Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đinh mùi tuổi nhỏ khó nuôi
 Thiên hà nước chảy rỏ hoài như mưa
 Thu đông sanh đặng mới vừa
 Lớn lên mạnh khỏe tài ba hơn người
 Xuân hạ lỗi số chẳng vừa
 Gian nan lắm độ hiểm nguy lắm lần
 Số mạng tướng đã quy tiên
 Nhiều lúc nguy hiểm đảo điên gặp hoài

Số người phải chịu truân chuyên
 Tuổi trẻ cực nhọc tuổi già hiển vinh
 Tiền bạc như thể chiêm bao
 Nhiều lúc làm khá tổn hao chẳng còn
 Lắm khi trách trộm buồn thâm
 Người sao cùng tuổi họ cầm bạc muôn
 *

* **Phụ giải tổng quát** :Số đình mùi là người có tài, nhưng chưa thắng thời, làm ăn có của rồi cũng bị tiêu tan số tuổi chết hụt nhiều lần nhưng nhờ có quới nhưn phò trợ cho nên gặp tai nạn suýt chết rồi cũng toàn thân nhờ âm đức của cha mẹ để lại. Tuổi này thuận sanh vào mùa thu và đông nhằm ban đêm thì được phú túc sau này có vợ giàu sang. Còn nếu sanh vào mùa hạ nhằm ban ngày thì lỗi số, phải chịu vất vả gian truân nhưng từ trung niên thì phát đạt, yên cửa yên nhà

***Đoán vận mạng cho tuổi ẤT MÙI (nam mạng)**

Sanh năm 1955 đến 2015 và 2075

Cung CÀN. Trục PHẠ. Mạng SA TRUNG KIM (vàng trong cát). Khắc THẠCH LỰU MỘC. Con nhà BẠCH ĐẾ(an mạng, phú quý).

Xương CON DÊ. Tướng tinh CON GÀ.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đoán xem số mạng tuổi này
 Vàng trong cát trắng khó mà tìm ra
 Đặng sanh sung sướng quý thay
 Mùa thu cũng tốt số trai thanh nhàn
 Thuận sanh phú quý chẳng sai
 Nghèo giàu cũng sướng guốc giày nhỡn nhơ
 Số người no đủ y lương
 Bôn ba lúc trẻ an khương về già
 Một tay gây dựng cửa nhà
 Lao tâm phí lực tự mình làm ra
 Chờ cho vận giữa giao mùa
 Tài nguyên phát đạt việc nhà thanh hưng
 Vợ chồng con cái sum vầy
 Gặp nên gia thất vui vầy ấm no

*

***Phụ giải tổng quát :** số tuổi này phần đông đều ở mức trung bình không giàu có lớn nhưng cũng không đến nỗi bần cùng cơ cực chỉ trừ người nào sanh vào mùa thu và đông thì thuận số nên trong đời thường gặp nhiều may mắn. Còn sanh vào ban đêm mà vào mùa xuân và hạ thì bị lỗi số lúc nhỏ khó nuôi. Những người sanh ở mạng này thì tính nết thật thà ít gặp tai họa có công danh, được quới nơn giúp đỡ. Số này tự lập nên gia nghiệp.

***Đoán vận mạng cho tuổi kỷ mùi(nam mạng)**

Sanh năm 1919 đến 1979 và 2039

Cung ly. Mạng THIÊN THUỶNG HỎA (lửa trên trời). Khắc SA TRUNG KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ(cô quạnh)
Xương CON DÊ. Tướng tinh CON RÁI CÁ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem vận mạng tuổi mùi
Mạng hỏa, là lửa chơi với trên trời
Thuận sanh sung sướng biết bao
Xuân hạ sanh đặng như cua gầy càng
Thu đông cực khổ lỗi thay
Dù giàu cũng khổ tảo tần lo âu
Tình duyên lỡ dở buổi đầu
Phải duyên chấp nối mới mong sắt cầm
Vợ chồng gặp gỡ xứ xa
Khác làng khác xã mới là an thân
Số người thân cận người sang
Trên thì yêu mến dưới hay thương tình
Tuổi trẻ khó đặng yên thân
Trở về hậu vận phước lai thanh nhàn

*

***Phụ giải tổng quát :** số tuổi kỷ mùi phần đông nhờ tánh tình hiền hậu nên được mọi người yêu mến cho nên cuộc sống có phần tương đối an nhàn nhưng lương duyên vợ chồng thì có khác. Con phải hai dòng. Tuổi này nếu sanh ban đêm là nghịch không được tốt dù là lỗi số sanh nhưng cũng không nghèo khó, có quới nơn

giúp đỡ, người có giác quan thứ sáu thường hay nghĩ đâu có đó. Số người có căn tu, số về già được vinh hiển.

***Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM THÂN(nam mạng)**

Sanh năm 1932 đến 1992 và 2052

Cung KHÔN. Trục ngụy. Mạng KIẾM PHONG TINH(guôm vàng). Khắc ĐĂNG HỎA. Con nhà BẠCH ĐẾ(phú quý)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON DÊ.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này

Tuổi cùng với mạng lắm lần gian nan

Tha hương thân lập lầy thân

Tổ tông sản nghiệp khó phần cây trồng

Thuận sanh có kẻ rước đưa

An trên ngời trước bầm thứa đoán chào

Lỗi sanh vất vả biết bao

Tay bùn chân lấm mắt nhòa mờ hôi

Duyên tình phải chịu lời thôi

Anh em phận nấy khó mà giúp nhau

Có khi gặp hội tao phùng

Nhiều phen đổi chất mới xong môn đình

Số này tuổi nhỏ tay không

Lớn lên có của vợ chồng làm nên

*

***Phụ giải tổng quát :** số các tuổi nhâm thân nếu thuận sanh vào mùa thu và đông mà nhất là sanh nhằm ban ngày thì số sang giàu phú quý mà ai sanh nhằm ban đêm thì lúc nhỏ khổ nuôi về sau mới dựng thành gia tử. Số có tiểu tật lúc nhỏ nếu không thì lúc lớn cũng gặp tai nạn rủi ro. Số phần đông trai thì hưởng phần thân giàu sang mạng số phú quý. Tuổi này lúc nhỏ giàu có nhưng rồi cũng tan chưa tụ tài được phải ngoài 40 tuổi thì mới phát đạt.

***Đoán vận mạng cho tuổi MẬU THÂN (nam mạng)**

Sanh năm 1908 đến 1968 và 2028

Cung khôn. Trục ĐỊNH. Mạng ĐẠI TRẠCH THỔ (đất nhà lớn). Khắc THIÊN THƯỢNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ (quan lộc)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON LẠC ĐÀ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Số cùng với mạng lắm lần gian truân
 Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, sanh thai
 Tỵ, Ngọ, sáu tháng đặng mai thanh nhàn
 Số người cốt nhục không hòa
 Tự tay lập nghiệp mà nên cửa nhà
 Tuổi nhỏ chết huyệt đôi lần
 Không thì bệnh tật khổ thân sau này
 Đầu tiên có của chẳng an
 Nhà cửa nhiều lớp rã tan đổi đời
 Tuổi nhỏ cực trí lao tâm
 Trở về lớn tuổi mới mong thanh nhàn
 Số người lại có biệt tài
 Làm ăn nên cửa bằng bàn tay không

*

***Phụ giải tổng quát :** tuổi mậu thân con người có tài trí giỏi trước tuổi khôn hơn người nhưng vì cao số nên phải chịu gian truân lúc nhỏ. Về cha mẹ anh em thì chẳng thuận hòa. Người đứng dựng cơ nghiệp bằng hai bàn tay trắng. Nếu thuận sanh ban đêm vào mùa thu và đông thì sang quý. Tánh nết hiền lương, vui vẻ khôn ngoan. Số phải lập nghiệp phương xa thì mới khá. Nhưng phải thay đổi vợ. Nếu lập gia đình trễ muộn màng thì hay về sau.

***Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP THÂN (nam mạng)**

Sanh năm 1944 đến 2004 và 2064

Cung KHÔN. Trục ĐỊNH. Mạng TUYỀN TRUNG THỦY(nước trong giếng).

Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ(tứ tinh, phú quý)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON HEO.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Giáp thân mạng thủy số này

Nước ở trong giếng họ đồn chẳng sai
 Thu đông sanh thuận là trai
 Giàu nghèo cũng sướng sanh thai đặng mùa
 Xuân hạ là lỗi số sanh
 Bần cùng vất vả như cua gãy càng
 Số này trắc trở nhiều bề
 Cung thê có khác chẳng hề sai ngoa
 Tuổi nhỏ khắc mẹ khắc cha
 Anh em chẳng thuận chẳng hòa cùng nhau
 Nếu mà ăn ở thẳng ngay
 Phật trời phò hộ có ngày đặng an
 Tuổi nhỏ phải chịu gian nan
 Tưởng đâu chết huyệt chết oan đã rồi
 Số này trung vận chẳng an
 Hậu vận tiền của giàu sang hơn người
 *

*Phụ giải tổng quát :tuổi giáp thân số người phải là con người sung sướng dù có nghèo khó nhưng thể xác không cực khổ, số lúc nhỏ có bị tiểu tật, nếu không cũng bị chết huyệt nhiều lần, nhưng nhờ cha mẹ có âm đức cho nên đều qua khỏi. Anh em chẳng hòa thuận. Lúc nhỏ giữ tiền chưa đặng giàu có rồi cũng tan biến đi tuổi ngoài bốn mươi mới tụ tài được. Nhân duyên buổi đầu không thành về sau mới bên duyên giai ngẫu.

***Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH THÂN(nam mạng)**

Sanh năm 1956 đến 2016 và 2076

Cung KHÔN. Trục KHAI. Mạng SƠN HẠ HỎA (lửa dưới núi). Khắc THÍCH LỊCH HỎA. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON QUẠ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Bính thân mạng hỏa cung khôn rõ ràng
 Tuổi sanh xuân hạ gặp thời
 Giàu nghèo cũng đặng an nơi thanh nhàn
 Thu đông lỗi số chẳng an

Có của cũng cực lưỡng mang quần đùi
 Hạn xưa chưa được hanh thông
 Như thuyền trôi dạt không phương bến bờ
 Số trời định những bao giờ
 Tài ba vận mạng chờ ngày phát sanh
 Một đời tài sắc phong danh
 Đến khi vận giữa lần lần nổi theo
 Ra ngoài kẻ quý người yêu
 Đắc tài đắc lộc còn nhiều hạn sau

*

***Phụ giải tổng quát :** tuổi bính thân là người có số cao hơn người dậu rằng giàu cũng như nghèo đều có cuộc sông an nhàn thanh thoi. Nếu người nào sanh thuận mùa xuân và thu sau này có vợ giàu sang lại được nhờ bên vợ, cuộc đời phú quý vinh hoa. Trong đời tuổi bính thân thì ít có bệnh tật hay gặp tai ương nhờ có quý nhơn phò trợ nên gặp nạn rồi cũng qua. Tuổi từ 40 trở đi giàu có lớn gia đạo an hòa. Số có căn tu nên được hưởng thọ.

***Đoán vận mạng cho tuổi CANH THÂN (nam mạng)**

Sanh năm 1920 đến 1980 và 2040

Cung CẤN. Mạng THẠCH LỰU MỘC(cây lưu đá). Khắc BÍCH THƯỢNG THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (cô quạnh).

Xương CON KHỈ. Tướng tinh CON CHÓ SÓI

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Bởi vì lỗi số sanh rời ban đêm
 Nếu mà sanh đặng đông xuân
 Hai mùa vượng tướng ung dung thanh nhàn
 Tánh người nhờ ở hiền lương
 Gia đạo đời đổi lương duyên không bền
 Số người duyên nợ đa đoan
 Đời sau mới đặng phỉ quyền yển anh
 Tuổi nhỏ chẳng đặng yên thân
 Trở về lớn tuổi mới mong thanh nhàn
 Nếu mà niệm phật tụng kinh

Ngày sau con cháu phước làng hưởng lâu
 Tiền vận nhà cửa đổi thay
 Nhiều lúc làm khá khiến rồi phải tan

*

* **Phụ giải tổng quát** : số tuổi này tuy là tánh người hiền lương không số vất vả và mạng có khắc cho nên cuộc đời thường gặp chuyện chẳng may, lúc nhỏ có tiền của rồi khiến cũng tan rã gia đạo bất hòa vợ chồng không hợp nhau cãi vã luôn khắc khẩu mà con lại đông (số xấu) về già mới an nhàn. Nếu sanh nhằm ban ngày thì tốt có quới nhưn phù trợ còn sanh nhằm ban đêm thì lỗi số không tốt cuộc đời phải chịu lận đận lao đao. Về già mới được sung sướng.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN DẬU (nam mạng)**

Sanh năm 1921 đến 1981 và 2041

Cung ĐOÀI. Trục MÃNG. Mạng THẠCH LƯU MỘC (cây lựu đá). Khắc BÍCH THƯỢNG THỔ. Con nhà THANH ĐẾ (cô quạnh)
 Xương CON GÀ. tướng tinh CON CHÓ.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Tân dậu số mạng như vậy
 Là cây lựu đủ cung càn chẳng sai
 Đông xuân sanh đặng thời may
 Suốt đời thông thả gặp may tới hoài
 Hạ thu lỗi số chơi vơi
 Dù cho giàu có cũng lo cũng buồn
 Tánh người vui vẻ dễ thương
 Hai bàn tay trắng tạo nên cơ đồ
 Tân dậu tâm tánh thật thà
 Gặp người hung dữ thì ta nhịn liền
 Nhiều lúc làm có của tiền
 Cũng đều tan rã chẳng yên khó cầm
 Tiền vận nhà cửa chẳng yên
 Hậu vận gia đạo mới yên an hòa.

*

* **Phụ giải tổng quát** : Số người tuổi tân dậu phần đông là người nhân hậu có đạo đức, thật thà nhưng tâm trạng thường có những chuyện buồn vô cớ. Lúc nào cũng là người làm ra tiền của nhưng không giữ được khiến phải tan theo thời vận mà hết. Tuổi này ngoài bốn mươi mới an cư lạc nghiệp. Số này (bạch thủ thanh gia) chớ không nhờ anh em họ hàng gì cả. Người sau có thể đi tu, số thọ đến 79 tuổi nên thờ phật và dùng trai lạc thì tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ DẬU (nam mạng)**

Sanh năm 1939 đến 1993 và 2053

Cung CHẤN. Trục THÀNH. Mạng KIẾM PHONG KIM (gồm vàng). Khắc PHÚC ĐĂNG HỎA. Con NHÀ BẠCH ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON GÀ. Tướng tinh CON ĐUÔI ƯƠI.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Luận xem số mạng con gà

Mạng kim cung chấn ráng tìm thì ra

Số này bất luận là ai

Mùa thu sanh thuận đó ai dám bì

Nhưng mà nhiều kẻ hiền lành

Ít ai ở dữ gian manh bạo tàn

Hậu vận có của mới an

Tiền vận làm có của kho chẳng còn

Hai dòng cha mẹ mới an

Không thì chồng vợ khó toan một đời

Năm xưa tận khổ đã thường

Vận sau bốn chín trời ban phước lành

Anh em xung khắc hay vầy

Cô bác có của ta đây chẳng màng

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi quý dậu phần đông giàu thì tốt đỉnh còn nghèo thì nghèo xác mừng tới chế không lưng chừng như các tuổi khác. Nếu ai thuận sanh nhằm mùa thu và đông thì được phần giàu sang phú túc có kẻ hầu, người hạ. Nhưng số không nhờ cha mẹ họ hàng tự tay làm nên sự nghiệp mới hay. Lập nghiệp

phương xa thì mới tốt tiền vận khổ hơn đến 49 tuổi trở đi thì nhờ phước lộc giàu to số trường thọ đến 83 tuổi.

*** Đoán vận mạng cho tuổi ẤT DẬU (nam mạng)**

Sanh năm 1945 đến 2005 và 2065

Cung KHÂM. Trục chấp. Mạng TUYỀN TRUNG THỦY (nước trong giếng).

Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON GÀ . Tướng tinh CON KHỈ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*	THƠ	ĐOÁN	VẬN	MẠNG	*
---	-----	------	-----	------	---

Đinh Dậu cung tổn tuổi ta

Lửa ở dưới núi cháy hoài ngày đêm

Mùa xuân, mùa hạ sanh ra

Đặng sanh sung sướng làm nên chức quyền

Thu đông lỗi số tự nhiên

Hỏa bị thủy khắc đảo điên cực hoài

Số này trung vận bốn ba

Khá rồi tan rã khiến ta chưa cầm

Hậu vận mới đặng an tâm

Dư ăn dư để của cầm khỏi rơi

Số này vận mạng đổi dời

Xa quê xa xứ ở thời mới an

Bụng người cũng có tánh linh

Nghi đâu có đó thiệt tình chẳng sai

Số tuổi lòng dạ thẳng ngay

Của rơi không lượm gặp người chỉ cho

*

*** Phụ giải tổng quát :** Tuổi này là số tuổi hiền lương tâm đạo, biết trọng lẽ phải, nên thường có quới như độ trì, người lại có giác quan thứ sáu, thường hay nghi đâu có đó, số này sanh nhằm xuân và hạ thì giàu có. Tuổi này tuy vậy mà phải chịu lao đao lúc nhỏ người giỏi có tài hơn người, có lòng quảng đại, lại có thiên tư giỏi. Người có can tu, nên dùng trai lạc thì tốt

*** Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH DẬU (nam mạng)**

Sanh năm 1957 đến 2017 và 2077

Cung TỐN trực BẾ. Mạng SƠN HẠ HỎA (lửa dưới núi). Khắc THÍCH
LỊCH HỎA. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh)
Xương CON GÀ. Tướng tinh CON KHỈ

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đinh Dậu cung tốn tuổi ta
Lửa ở dưới núi cháy hoài ngày đêm
Mùa xuân, mùa hạ sanh ra
Đặng sanh sung sướng làm nên chức quyền
Thu đông lỗi số tự nhiên
Hỏa bị thủy khắc đảo điên cực hoài
Số này trung vận bốn ba
Khá rồi tan rã khiến ta chưa cần
Hậu vận mới đặng an tâm
Dư ăn dư để của cầm khôi rơi
Số này vận mạng đổi đời
Xa quê xa xứ ở thời mới an
Bụng người cũng có tánh linh
Nghĩ đâu có đó thiệt tình chẳng sai
Số tuổi lòng dạ thẳng ngay
Của rơi không lượm gặp người chỉ cho

*

***Phụ giải tổng quát :**tuổi này là số tuổi hiền lương có tâm đạo, biết trọng lẽ phải, nên thường có quới như độ trì, người lại có giác quan thứ sáu, thường hay nghi đâu có đó, số nào sanh nhằm xuân và hạ thì giàu có. Tuổi này tuy vậy mà số phận phải chịu lao đao, lúc nhỏ người giỏi có tài hơn người, có lòng quảng đại, lại có thiên tư giỏi. Người có căn tu, nên dùng trai lạc thì tốt.

***Đoán vận mạng cho tuổi KỶ DẬU(nam mạng)**

Sanh năm 1909 đến 1969 và 2029

Cung KHÔN. Trực CHẤP. Mạng ĐẠI TRẠCH THỔ(đất nhà lớn). Khắc
THIÊN THƯỢNG THỦY. Con nhà HUỖNH ĐẾ(quan lộc).

Xương CON GÀ tướng tinh CON THỎ.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Kỷ dậu mạng thổ cung khôn
 Đại trạch đất lớn ở thì say mơ
 Thìn, tuất, sửu, mùi chẳng chê
 Tỵ ngọ sáu tháng đặt bễ an thân
 Thu đông hưu tù phân vân
 Hai mùa làm đặng công thần cũng lo
 Số này lúc nhỏ lao đao
 Hậu vận sung sướng phong lưu thanh nhàn
 Tánh tình ngay thẳng chẳng gian
 Lại thêm có số tu hành, thọ thân
 Tha phương lập nghiệp mới nên
 Cửa nhà an ổn, gia môn thuận hòa
 Số này hưởng lộc tuổi già
 Cũng như áo gấm lại càng thêm hoa

*

***Phụ giải tổng quát :** Số tuổi kỷ dậu, tuy giàu có nhưng phần tâm trí lúc nào cũng cực lo lắng nhiều mà thụ hưởng chẳng được bao nhiêu. Nếu người nào sanh vào ban ngày thì cũng tốt. Tuổi này lúc nhỏ bôn ba, vất vả vùng mới đủ ăn , nhưng cũng chẳng được yên số cực nhiều sướng ít.'

Tuổi từ bốn mươi trở đi thì mới được thanh nhàn hậu vận được hiển đạt. Người thiết tha, không dối trá lại có căn tu nên trường thọ.

*** Đoán vận mạng cho tuổi GIÁP TUẤT(nam mạng)**

Sanh năm 1934 đến 1994 và 2054

Cung CHẤN. Trục KIÊN. Mạng SƠN ĐẦU HỎA (lửa trên núi). Khắc XA TRUNG KIÊN. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON NGỰA

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Tuổi cùng với mạng thuận hòa tương sanh
 Nếu sanh xuân hạ thời mừng
 Có quyền có chức thanh nhàn tẩm thân

Thu đông là lỗi số ta
 Giàu có cũng cực nghèo thì bơ vơ
 Vận hanh thì ở hạn sau
 Tự nhiên phước lộc theo nhau tới lần
 Tuổi này thuở nhỏ chẳng an
 Tật bệnh đau ốm liên miên tới ngày
 Tâm tánh sáng dạ rất hay
 Ngờ nào cũng biết ai dám bì
 Giáp tuất có chí làm nên
 Quyền tước khá lớn vững bên an thân

*

***Phụ giải tổng quát :** người có số tuổi này thuận sanh vào mùa đông và thu là được sang quý có vợ giàu có sau cũng có địa vị quang trọng trong xã hội, còn sanh nhằm vào mùa xuân và hạ thì bị lỗi số chôn nên khổ cực gian truân vận trước không mấy khá tuổi từ 44 về sau mới tụ tài. Số có con đông và được trường mạng.

*** Đoán vận mạng cho tuổi MẬU TUẤT (nam mạng)**

Sanh năm 1958 đến 2018 và 2078

Cung CHẤN. Trục BÌNH. Mạng BÌNH ĐỊA MỘC (cây mộc đất bằng). Khắc SA TRUNG KIM. Con NHÀ THANH ĐẾ (phú quý).

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON VƯỜN.

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mạng mộc bình địa là cây đất bằng
 Hạ thu lỗi số khó khăn
 Hai mùa vất vả lặn lội cực hoài
 Đông xuân thời ngặt gặp may
 Thanh nhàn sung sướng ít ai dám bì
 Có lúc tai nạn hiểm nguy
 May nhờ Phật độ không thì bỏ thân
 Tiền vận lắm lúc lôi thôi
 Nhà cửa nhiều lớp có rồi cũng tan
 Nhưng mà mạng số giàu sang
 Vinh hoa phú quý an nhàn tẩm thân

Số dạng vui vẻ thanh thoi
 Người nhờ âm đức của trời ban cho

*

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi mậu tuất là người quý tướng. Nếu sanh nhằm mùa đông và mùa xuân thì lại càng phúc đức đầy đầy, vợ đẹp con ngoan. Gia đình hưởng thụ từ trẻ cho nên đến già số này nhờ có căn tu và âm đức của tiền nhân để lại nên hưởng được phước lộc của trời cho (thiên lộc tấn). Số được trên thuận dưới hòa. Gia đình sống có hạnh phúc. Số có căn tu nên dùng trai lạc 6 hoặc 10 ngày thì tốt.

* **Đoán vận mạng cho tuổi CANH TUẤT (nam mạng)**

Sanh năm 1910 đến 1970 và 2030

Cung LY. Trục THÂU. Mạng XOA XUYẾN KIM (xuyên bằng vàng). Khắc ĐẠI LÂM MỘC. Con NHÀ BẠCH ĐẾ (phú quý)
 Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON CÁO.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Canh tuất cung ly số này
 Mạng phần khó dưỡng lúc còn tuổi thơ
 Thuận sanh thì dặng mùa thu
 Mùa hạ khắc như cua gãy càng
 Đông xuân cũng lỗi số sanh
 Người thì vất vả gặp điều chẳng may
 Sớm ra có bệnh chẳng an
 Trong mình yếu đuối hoặc là tật chi
 Nơn duyên trắc trở buổi đầu
 Không thì chồng vợ lòng dòng đôi ba
 Tiền vận cực khổ lao đao
 Trở về hậu vận mới an gia đình
 Tu nhân tích đức thì may
 Trời ban cho phước lộc tiền tài thiếu chi

*

***Phụ giải tổng quát** : Số tuổi canh tuất trong cuộc đời thường gặp nhiều gian khổ, lúc nhỏ có bệnh tật ốm đau khi nuôi. Hoặc có tật nguyên trở về sau từ trung vận mới làm ăn khá. Có bốn ba chẳng ích gì, nếu người nào có tâm đạo ăn ở hiền

lành thì về sau gia nghiệp vui vẻ, tài lộc đầy đủ, còn hơn duyên thì đời vợ sau mới thành.

*** Đoán vận mạng cho tuổi BÍNH TUẤT (nam mạng)**

Sanh năm 1946 đến 2006 và 2066

Cung LY. Trục PHA. Mạng ỐC THUỶ THỔ (đất ở tổ tò vò). Khắc THIÊN THUỶ THỦY. Con nhà HUỲNH ĐẾ (phú quý).

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON TRÂU.

*

Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này

Mạng thổ là đất nóc nhà ở an

Số người lao lực lao tâm

Làm ăn vất vả, mới mong sang giàu

Số nhờ kẻ quới giúp nên

Thang máy bước tới hanh thông có ngày

Xét qua tâm tánh ở đời

Thấy ai nghèo khó thua mình giúp cho

Thế mà người ấy chẳng lo

An rồi quệt mỏ trả cho oán thù

Lòng dạ rất tốt cho nên

Thương người phải chịu không thù giận ai

Con người ăn ở thẳng ngay

Rủi gặp tai nạn ơn trên độ liền

*

*** Phụ giải tổng quát :** số tuổi này con người hiền lương nhưng vất vả lao lực về tâm trí, làm có của nhưng không dám ăn xài, thấy bạn bè nghèo khó thì hay giúp đỡ nhưng không có phần chơi với bạn bè thường bị lấy oán trả ơn. Số người truân chuyên từ lúc nhỏ tuổi khá giả hơn, số này nhờ âm đức phật trời cho nên sống cuộc đời may nhiều rủi ít.

*** Đoán vận mạng cho tuổi NHÂM TUẤT (nam mạng)**

Sanh năm 1922 đến 1982 và 2042

Cung CÀN. Trục PHA. Mạng ĐẠI HẢI THỦY (nước biển lớn). Khắc THIÊN THUỶ HỎA. Con nhà HẮC ĐẾ (quan lộc, tân khổ)

Xương CON CHÓ. Tướng tinh CON CHIM TRĨ.

*

Phật độ mạng

*

***THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Nhâm tuất số mạng như vậy
 Nước ở biển lớn chảy vào tràn sông
 Thuận sanh gặp đặng thu đông
 Mạng đặng sung sướng ở không ăn hoài
 Sanh nhằm tháng khác chẳng may
 Tưởng đâu chết hụt đã rồi
 Nhờ trời Phật độ thưở hồi ấu niên
 Số này phải giữ phải kiên
 Có khi té nặng tạt nguyên chẳng sai
 Không phần chơi với bạn bè
 Bạc tiền giúp đỡ sau là phản ngay
 Tiền vận phải chịu gian truân
 Nhà cửa nhiều lớp kinh dinh đổi dời
 Hậu vận mới được yên thân
 Lập nên cơ nghiệp ở thời bền lâu.

*

* Phụ giải tổng quát : Tuổi nhâm tuất mạng thủy trong năm nên để ý những tháng dần, meo, thìn, tuất, Sửu, mùi là những tháng có khắc kỵ có làm ăn thì nên dè dặt.

Số không phần chơi với bạn bè, gặp bạn phải ít chân tình.

Tiền vận phải chịu gian truân hậu vận mới khá

*** Đoán vận mạng cho tuổi KỶ HỢI (nam mạng)**

Sanh năm 1959 đến 2019 và 2079

Cung KHÔN. Trục ĐỊNH. Mạng BÌNH ĐỊA MỘC (cây mọc đất bằng). Khắc
 SA TRUNG KIM. Con nhà THANH ĐẾ (phú quý)

Xương CON HEO. Tướng TINH CON GẤU

*

Phật Bà Quan Âm độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Đoán xem số mạng tuổi này
 Mạng mộc bình địa cây trên đất bằng

Đông xuân cũng thuận ai bằng
 Hai mùa thuận số có ăn thanh nhàn
 Số này có nạn vào thân
 Gian truân lắm độ phong trần lắm khi
 Tha phương lập nghiệp xứ xa
 Trở về hậu vận cuối làm ra có tiền
 Vợ chồng trắc trở nhiều phen
 Nếu không thì cũng lòng dòng đôi ba
 Kỷ hợi có số hiền lương
 Thấy ai ngọt dịu thì thương giúp liền
 Số tuổi tu niệm ăn chay
 Lòng ở nhơn đức có ngày làm nên

*

* **Phụ giải tổng quát** : số tuổi này nếu không có âm đức e sẽ mang họa vào thân. Cho nên khuyên ai gặp tuổi kỷ hợi phải ráng mà giữ mình. Nếu sanh vào ban ngày thì mùa hạ được sung sướng ấy là thuận sanh. Số tự tay lập nên cơ nghiệp. Chớ chẳng phải nhờ anh em họ hàng. Nhưng phải đi xa lập nghiệp thì mới khá. Vận trước có phần lận đận gian nan, lưu lạc nơi xa, về sau mới an cư lạc nghiệp. Số có căn tu nên giữ gìn đạo đức.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ẤT HỢI (nam mạng)**

Sanh năm 1935 đến 1995 và 2005

Cung KHÔN. Trục TRỪ. MẠNG SƠN ĐẦU HỎA (lửa trên núi). Khắc SA TRUNG KIM. Con nhà XÍCH ĐẾ (cô quạnh)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON HƯỞU.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Ất hợi mạng hỏa số này
 Lửa ở trên núi sáng bay đỏ trời
 Thuận sanh xuân hạ gặp thời
 Giàu nghèo cũng sướng gặp nơi thanh nhàn
 Thu đông chẳng lợi hao tài
 Trai thì lỡ duyên tình phôi pha
 Ất hợi nhiều kẻ lòng hiền
 Ai mà nói dữ ta thời nhin ngay

Anh em xung khắc chẳng gần
 Nói ra gây gổ chẳng hòa chẳng an
 Lớn lên cách trở xứ xa
 Học tập nghề nghiệp sau này mới nên
 Đầu tiên có của chẳng bền
 Làm có hao tán như tên mây hồng
 *

* **Phụ giải tổng quát** : Người tuổi ất hợi số lận đận về công danh. Sự nghiệp cũng như đường lương duyên có phần trắc trở. Nếu người nào sinh vào mùa hạ và thu thì trọn tốt mà đêm thì lại càng quý hơn. Số phải cực nhọc về tiền vận, hậu vận lại càng tốt đẹp hơn. Nên giữ âm đức để được phước trời ban.

* **Đoán vận mạng cho tuổi ĐINH HỢI (nam mạng)**

Sanh năm 1947 đến 2007 và 2067
 Cung CẤN. Trục NGUY. Mạng ỐC THƯỢNG THỔ (đất ở tổ vò vố)
 Khắc THIÊN THƯỢNG THỦY. Con NHÀ HUỖNH ĐẾ (phú quý)
 Xương CON HEO. Tướng tinh CON DỐI.

*
 Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng

*
 * **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Đinh hợi cung cấn số này
 Đất ở dưới thấp bò lên nóc nhà
 Thuận sinh mùa hạ thì sang
 Có phần sung sướng người sang nể vì
 Thổ vượng tứ quý lo chi
 Thu đông xuân mộc khắc lòng chẳng an
 Làm trai đinh hợi gan lì
 Nhưng mà ngay thẳng ít ai bạo tàn
 Số người chết huyệt chết oan
 Nhưng nhờ trời độ qua cơn tai nạn
 Vợ chồng lỡ dở dò ngang
 Duyên sau mới hiệp mới an cửa nhà
 Ra ngoài sang quý số này
 Vận sau cùng lại thêm phần giàu sang
 *

* **Phụ giải tổng quát** : Tuổi đinh Hợi nếu sanh nhằm ban đêm thì về sau được phú quý có vợ giàu sang số người quyền quý mọi người chung quanh kính nể, vì có bản tánh hiền lương ngay thẳng. Còn nếu sanh nhằm ban ngày thì bệnh tật gian lao. Số có thay đổi tình duyên, và lập nghiệp phương xa thì mới khá. Có phước nhờ trời độ mạng không thì phải có tật nguyên có tai nạn.

* **Đoán vận mạng cho tuổi QUÝ HỢI (nam mạng)**

Sanh năm 1923 đến 1983 và 2043

Cung KHÔN. trực NGUY. Mạng ĐẠI HẢI THỦY (nước biển lớn). Khắc THIÊN THUẬN HỎA. Con NHÀ HẮC ĐẾ (tân khổ)

Xương CON HEO. Tướng tinh CON GÀ.

*

Ông Tử Vi độ mạng

*

* **THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG** *

Quý hội số mạng như là
Mạng thủy nước biển chảy tràn vào sông
Số này thuận hạp thu đông
Cuộc đời sung sướng ít ai sánh bằng
Nhưng sanh xuân hạ lỗi thay
Nghèo giàu cũng cực tay chân không ngừng
Vợ chồng có khắc chẳng an
Con thì nhiều đứa làm phiền cho ta
Anh em xung khắc chẳng gần
Người đứng giúp đỡ lập nên nghiệp nhà
Số này tài lộc có nhiều
Tuổi nhỏ chưa được tuổi già hiển vinh
Lắm lúc buồn tảo bán tần
Nhà cửa dời đổi nhiều lần chẳng an

*

* **Phụ giải tổng quát** : số người tuổi quý hội chỉ có thuận là người sanh nhằm thu và đông còn ngoài ra thì có phần gian nan khổ cực dù có giàu nhưng vất vả lắm chớ không được sung sướng như kẻ khác. Số lúc nhỏ giàu có nhưng không cầm của được tuổi từ 44 trở đi mới an hưởng giàu sang.

* **Đoán vận mạng cho tuổi TÂN HỢI (nam mạng)**

Sanh năm 1911 đến 1971 và 2031

Cung CẤN. Trực KHAI. Mạng XOA XUYẾN KIM (xuyến bằng vàng).

Khắc ĐẠI LÂM MỘC. Con nhà BẠCH ĐẾ (phú quý)
Xương CON HEO. Tướng tinh CON CỌP.

*

Ông Quan Đế độ mạng

*

*** THƠ ĐOÁN VẬN MẠNG ***

Số này cung mạng tương sanh
Chẳng sanh cũng quý số người thuận sanh
Mùa thu là hợp với chàng
Đều đặn sung sướng thanh nhàn lo chi
Mùa hạ bị khắc hàn vi
Đông xuân cũng lỗi sau này cực thân
Số này cách trở quê hương
Tha phương cầu thực mới nên cửa nhà
Trung vận vất vả gian nan
Kể từ hậu vận thanh hưng một bề
Tiền vận rắc rối lôi thôi
Ngay gian cũng bị kéo lôi ngục tù
Số may gặp được phước hồng
Không thì cũng ở ngục tù từ lâu

*

*** Phụ giải tổng quát :** số tuổi tân hợi người gặp hoạn nạn nhiều hơn là thanh nhàn, anh em nghịch ý chẳng thuận nhưng khá là nhờ số mạng tương sanh. Tuổi có bị sa nơi giam cầm nhưng nhờ âm đức của ông cha cho nên được quý nhưn che chở được thoát. Số cực nhọc từ lúc nhỏ, xa quê lập nghiệp thì mới khá. Nến tu hành giữ gìn đạo đức để được an hưởng thanh nhàn về sau.

Xem cho biết :

* Coi tuổi năm sanh thuộc vào **CUNG, TRỰC, MẠNG** con vị **ĐẾ** nào ?

* Khắc hay hạp, giàu hay nghèo.



-- BẢNG TÍNH TUỔI TỬ VI TỪ 1 ĐẾN 90 TUỔI LẬP THÀNH VÀO NĂM ẤT MEO, NĂM 1975 DƯƠNG LỊCH RỒI QUA MỖI NĂM SAU QUÝ VỊ TÍNH LÊN MỘT TUỔI NỮA LÀ ĐÚNG



1975 – 1 tuổi Ất Mão : Cung Ly, Trực Bế, mạng Đại Khê Thủy, khắc Sơn Hạ Hỏa, con nhà Hắc Đế, phú quý, xương con mèo, tướng tinh tinh con dơi. Nam: Ông Quan Đế độ mạng. Nữ: Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1974 – 2 tuổi Giáp Dần : Cung Cấn, Trực Khai, mạng Đại Khê Thủy, khắc Sơn Hạ Hỏa, con Nhà Hắc Đế, phú quý, xương con cọp, tướng tinh con trâu. Nam : Ông Quan Đế độ mạng, Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1973 – 3 tuổi Quý Sửu : Cung Tốn, Trực Phá, mạng Tang Đố Mộc, khắc Ốc Thượng Thổ, con nhà Thanh Đế, quan lộc, tận khổ, xương con trâu, tướng tinh con cua bể, Nam: Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1972 – 4 tuổi Nhâm Tý : Cung Cấn, Trực Chấp, mạng Tang Đố Mộc, khắc Ốc Thượng Thổ, con nhà Thanh Đế, quan lộc, tận khổ. Xương con chuột tướng tinh con beo, Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1971 – 5 tuổi Tân Hợi : Cung Khôn, Trực Khai, mạng Xoa Xuyến Kim, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý, xương con heo tướng tinh con cọp. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1970 – 6 tuổi Canh Tuất : Cung Khảm, Trực Trâu, mạng Xoa Xuyến Kim, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý, xương con chó tướng tinh cáo. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1969 – 7 tuổi Kỷ Dậu : Cung Ly, Trực Chấp, mạng Đại Trạch Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc, xương con gà, tướng tinh con thỏ. Nam và Nữ Phật Quan Âm độ mạng .

1968 – 8 tuổi Mậu Thân : Cung Cấn, Trực Định, mạng Đại Trạch Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy, con nhà Huỳnh Đế, quan lộc. Xương con khỉ, tướng tinh con lạc đà. Nam và Nữ Phật Quan Âm độ mạng.

1967 – 9 tuổi Đinh Mùi : Cung Đoài, Trực Bình, mạng Thiên Hà Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa, con nhà Hắc Đế, tận khổ, xương con dê, tướng tinh con rồng. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1966 – 10 tuổi Bính Ngọ : Cung Cấn, Trực Mãn, mạng Thiên Hà Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa, con nhà Hắc Đế, tận khổ, xương con ngựa tướng tinh con thuồng luồng. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng .

1965 – 11 tuổi Ất Tỵ : Cung Đoài, Trực Ngụy, mạng Phúc Đăng Hỏa, khắc Xoa Xuyến Kim con nhà Xích Đế, tận khổ. Xương con rắn tướng tinh con trâu Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1964 – 12 tuổi Giáp Thìn : Cung Tốn, Trục Phá, mạng Phúc Đăng Hỏa, khắc Xoa Xuyên Kim, con nhà Xích Đế, tận khổ, xương con rồng, tướng tinh con rắn. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1963 – 13 tuổi Quý Mão : Cung Ly, Trục Mãn, mạng Kim Bạch Kim, khắc Lư Trung Hỏa con nhà Bạch Đế, phú quý, xương con mèo, tướng tinh con hươu. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1962 – 14 tuổi Nhâm Dần : Cung Cấn, Trục Trừ, mạng Kim Bạch Kim, khắc Lư Trung Hỏa con nhà Bạch Đế, phú quý, xương con cọp, tướng tinh con ngựa. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng .

1961 – 15 tuổi Tân Sửu : Cung Đoài, Trục Thâu, mạng Bích Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc, cô quạnh, xương con trâu, tướng tinh con đười ươi. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1960 – 16 tuổi Canh Tý : Cung Cấn, Trục Thành, mạng Bích Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc, cô quạnh, xương con chuột, tướng tinh con rắn. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng .

1959 – 17 tuổi Kỷ Hợi : Cung Cấn, Trục Định, mạng Bình Địa Mộc, khắc Sa Trung Kim con nhà Thanh Đế, phú quý. Xương con heo, tướng tinh con gấu. Nam và Nữ :Phật Quan Âm độ mạng .

1958 – 18 tuổi Mậu Tuất : Cung Tốn, Trục Bình, mạng Bình Địa Mộc, khắc Sa Trung Kim con nhà Thanh Đế, phú quý, xương con chó, tướng tinh con vượn. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1957 – 19 tuổi Đinh Dậu : Cung Chấn, Trục Bế, mạng Sơn Hạ Hỏa, khắc Thích Lịch Hỏa, con nhà Xích Đế, cô quạnh, xương con gà tướng tinh con khỉ. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1956 – 20 tuổi bính thân : cung khôn, trục khai, mạng sơn hạ hỏa, khắc thích lịch hỏa, con nhà xích đế, cô quạnh, xương con khỉ tướng tinh con quạ. Nam và nữ : phật quan âm độ mạng.

1955 – 21 tuổi Ất Mùi: Cung Khảm, Trục Phá, mạng Sa Trung Kim, khắc Thạch Lưu Mộc con nhà Bách Đế, an mạng, phú quý. Xương con dê, tướng tinh con gà. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng .

1954 – 22 tuổi Giáp Ngọ : Cung Ly, Trục Chấp, mạng Sa Trung Kim, khắc Thạch Lưu Mộc con nhà Bạch Đế, an mạng, phú quý. Xương con ngựa tướng tinh

con chim trĩ. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng .

1953 – 23 tuổi Quý Ty : Cung Khôn, Trục Trừ, mạng Trường Lưu Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà hắc đế, trường mạng. Xương con rắn, tướng tinh con chó. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng .

1952 – 24 tuổi Nhâm Thìn : Cung Khảm, Trục Kiên, mạng Trường Lưu Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, trường mạng. Xương con rồng, tướng tinh con chó sói. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1951 – 25 tuổi Tân Mẹo : Cung Ly, Trục Thành mạng Tòng Bá Mộc, khắc Lộ Bàng Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con mèo tướng tinh con rái. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1950 – 26 tuổi Canh Dần : Cung Cấn, Trục Nguy, mạng Tòng Bá Mộc, khắc Lộ Bàng Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con cọp tướng tinh con heo. Nam và Nữ Phật Quan Âm độ mạng.

1949 – 17 tuổi Kỷ Sửu : Cung Đoài, Trục Bình, mạng Thích Lịch Hỏa, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Xích Đế phú quý. Xương con trâu tướng tinh con cú. Nam và Nữ Phật Quan Âm độ mạng.

1948 – 28 tuổi Mậu Tý : Cung Cấn, Trục Mãn, mạng Thích Lịch Hỏa, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, phú quý. Xương con chuột tướng tinh con chó sói. Nam và Nữ Phật Quan Âm độ mạng.

1947 – 29 tuổi Đinh Hợi : Cung Cấn, Trục Nguy, mạng Ốc Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, phú quý. Xương con heo tướng tinh con dơi. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng . Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1946 – 30 tuổi Bính Tuất : Cung Tốn, Trục Phá, mạng Ốc Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà huỳnh đế, phú quý. Xương con chó tướng tinh con trâu. Nam Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1945 – 31 tuổi Ất Dậu : Cung Chấn, Trục Chấn, mạng Truyền Trung Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, từ tánh, phú quý. Xương con gà tướng tinh con cua biển. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1944 – 32 tuổi Giáp Thân : Cung Khôn, Trục Định, mạng Tuyên Trung Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, từ tánh phú quý. Xương con khỉ tướng tinh con heo. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Huyền Thiên Nữ độ mạng.

1943 – 33 tuổi Quý Mùi : Cung Cấn, Trục Thiên, mạng Đại Lâm Mộc, khắc Lộ Bàn Thổ con nhà thanh đế, trường mạng. Xương con dê tướng tinh con cọp. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1942 – 34 tuổi Nhâm Ngọ : Cung Ly, Trục Bế, mạng Đạo Lâm Mộc, khắc Lộ Bàn Thổ con nhà thanh đế, trường mạng. Xương con ngựa tướng tinh con cáo. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1941 – 35 tuổi Tân Tỵ : Cung Tốn, Trục Định, mạng Bạch Lạp Kim, khắc Phúc Đăng Hỏa con nhà Bạch Đế, trường mạng. Xương con rắn tướng tinh con thỏ. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1940 – 36 tuổi Canh Thìn : Cung Chấn, Trục Bình, mạng Bạch Lạp Kim, khắc Phúc Đăng Hỏa con nhà bạch đế, trường mạng. Xương con rồng tướng tinh con lạc đà. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1939 – 37 tuổi Kỷ Mão : Cung Khôn, Trục Bế, mạng Thành Đầu Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, phú quý. Xương con mèo, tướng tinh con rồng. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng .

1938 – 38 tuổi Mậu Dần : cung khảm trục khai, mạng thành đầu thổ, khắc thiên thượng thủy con nhà huỳnh đế, phú quý. Xương con cọp tướng tinh con thuồng luồng. Nam và nữ Phật độ mạng .

1937 – 39 tuổi Đinh Sửu : Cung Ly, Trục Thâu, mạng Gian Hà Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế cô quạnh. Xương con trâu tướng tinh con trùn. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1936 – 40 tuổi Bính Tý : Cung Cấn, Trục Thành, mạng Giang Hà Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế cô quạnh. Xương con chuột tướng tinh con rắn. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1935 – 41 tuổi Ất Hợi : Cung Đoài, Trục Trừ, mạng Sơn Đầu Hỏa, khắc Sa Trung Kim con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con heo tướng tinh con hươu. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1934 – 42 tuổi Giáp Tuất : Cung Cấn, Trục Kiên, mạng Sơn Đầu Hỏa, khắc Sa Trung Kim con nhà Hắc Đế, cô quạnh. Xương con chó tướng tinh con ngựa. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1933 – 43 tuổi Quý Dậu : Cung Chấn, Trục Thành, mạng Kiếm Phong Kim, khắc Phúc Đăng Hỏa, con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con gà tướng tinh con đười ươi. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1932 – 44 tuổi Nhâm Dần : Cung Khôn, Trục Nguy, mạng Kiếm Phong Kim, khắc Phúc Khắc Đăng Hỏa, con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con khỉ tướng tinh con dê. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1931 – 45 tuổi Tân Mùi : Cung Khảm, Trục Bình, mạng Lộ Bàn Thổ, khắc Tuyền Trung Thủy con nhà Huỳnh Đế, cô quạnh. Xương con dê tướng tinh con gấu. Nam và Nữ : Phật độ mạng.

1930 – 46 tuổi Canh Ngọ : Cung Ly, Trục Mãn, mạng Lộ Bàn Thổ, khắc Tuyền Trung Thủy con nhà Huỳnh Đế, cô quạnh. Xương con ngựa tướng tinh con gấu. Nam và Nữ : Phật độ mạng.

1929 – 47 tuổi Kỷ Tỵ : Cung Cấn, Trục Khai, mạng Đại Lâm Mộc, khắc Đại Trạch Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con rắn tướng tinh con khỉ. Nam và Nữ : Phật độ mạng

1928 – 48 tuổi Mậu Thìn : Cung Đoài, Trục Thâu, mạng Đại Lâm Mộc, khắc Đại Trạch Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con rồng tướng tinh con quạ. Na : Phật độ mạng. Nữ Phật Quan Âm độ mạng

1927 – 49 tuổi Đinh Mão : Cung Càn, Trục Chấp, mạng Lư Trung Hỏa, khắc Kim Phong Kim con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con mèo tướng tinh con gà. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1926 – 50 tuổi Bính Dần : Cung Khảm, Trục Định, mạng Lư Trung Hỏa, khắc Kim Phong Kim con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con cọp tướng tinh con chim trĩ. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa NGỌc độ mạng.

1925 – 51 tuổi Ất Sửu : Cung Tốn, Trục Kiên, mạng Hải Trung Kim, khắc Bình Địa Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con trâu tướng tinh con chó. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1924 – 52 tuổi Giáp Tý : Cung Chấn, Trục Bế, mạng Hải Trung Kim, khắc Bình Địa Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con chuột tướng tinh con chó sói. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1923 – 53 tuổi Quý Hợi : Cung Cấn, Trục Nguy, mạng Đại Hải Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, quan lộc, tận khổ. Xương con heo tướng tinh con gà. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1922 – 54 tuổi Nhâm Tuất : Cung Đoài, Trục Phá, mạng Đại Hải Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, quan lộc, tận khổ. Xương con chó tướng tinh con chim trĩ. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1921 – 55 tuổi Tân Dậu : Cung Càn, Trục Mãn, mạng Thạch Lưu Mộc, khắc Bính Thượng Thổ con nhà Thanh Đế, cô quạnh. Xương con gà tướng tinh con chó. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1920 – 56 tuổi Canh Thân : Cung Khôn, Trục Trừ, mạng Thạch Lưu Mộc, khắc Bính Thượng Thổ con nhà Thanh Đế, cô quạnh. Xương con khỉ tướng tinh con chó sói. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1919 – 57 tuổi kỷ Mùi : Cung Tốn, Trục Thâu, mạng Thiên Thượng Hỏa, khắc Sa Trung Kim con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con dê tướng tinh con rái. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1918 – 58 tuổi Mậu Ngọ : Cung Chấn, Trục Thành, mạng Thiên Thượng Hỏa, khắc Sa Trung Kim con nhà Xích Đế, phú quý. Xương con ngựa tướng tinh con heo. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1917 – 59 tuổi Đinh Tỵ : Cung Khôn, Trục Trừ, mạng Sa Trung Thổ, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Huỳnh Đế, phú quý. Xương con rắn tướng tinh con cú. Nam và Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1916 – 60 tuổi Bính Thìn : Cung Khảm, Trục Bế, mạng Sa Trung Thổ, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Huỳnh Đế, phú quý. Xương con rắn tướng tinh con cú. Nam và Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1915 – 61 tuổi Ất Mão : Cung Ly, Trục Bế, mạng Đại Khê Thủy, khắc Sơn Hạ Hỏa con nhà Hắc Đế, phú quý. Xương con mèo tướng tinh con dơi. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1914 – 62 tuổi Giáp Dần : Cung Cấn, Trục Khai, mạng Đại Khê Thủy, khắc Sơn Hạ Hỏa con nhà hắc đế, phú quý. Xương con cọp tướng tinh con trâu. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1913 – 63 tuổi Quý Sửu : Cung Tốn, Trục Phá, mạng Tang Đố Mộc, khắc Ốc Thượng Thổ con nhà Thanh Đế, quan lộc, tận khổ. Xương con trâu tướng tinh con cua biển. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1912 – 64 tuổi Nhâm Tý : Cung Chấn, Trục Chấp, mạng Tang Đố Mộc, khắc Ốc Thượng Thổ con nhà Thanh Đế, quan lộc, tận khổ. Xương con chuột tướng tinh con beo. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1911 – 65 tuổi Tân Hợi : Cung Khôn, Trục Khai, mạng Xoa Xuyến Kim, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con heo tướng tinh con cọp. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1910 – 66 tuổi Canh Tuất : Cung Khảm, Trục Thâu, mạng Xoa Xuyên Kim, khắc Đại Lâm Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con chó tướng tinh con cáo. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1909 – 67 tuổi Kỷ Dậu : Cung Ly, Trục Chấp, mạng Đại Trạch Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc. Xương con gà tướng tinh con thỏ. Nam và Nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1908 – 68 tuổi Mậu Thân : Cung Cấn, Trục Định, mạng Đại Trạch Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc. Xương con khỉ tướng con lạc đà. Nam và nữ : Phật Quan Âm độ mạng.

1907 – 69 tuổi Đinh Mùi : Cung Đoài, Trục Bình, mạng Thiên Thượng Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, tận khổ. Xương con dê tướng tinh con rồng. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1906 – 70 tuổi Bính Ngọ : Cung Cấn, Trục Mãn, mạng Thiên Thượng Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Hắc Đế, tận khổ. Xương con ngựa tướng tinh con thỏ lông. Nam và nữ Phật Quan Âm độ mạng.

1905 – 71 tuổi Ất Tỵ : Cung Đoài, Trục Nguy, mạng Phúc Đăng Hỏa, khắc Xoa Xuyên Kim con nhà Xích Đế, tận khổ. Xương con rắn tướng tinh con trâu. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1904 – 72 tuổi Giáp Thìn : Cung Tốn, Trục Phá, mạng Phúc Đăng Hỏa, khắc Xoa Xuyên Kim con nhà Xích Đế, tận khổ. Xương con rồng tướng tinh con rắn. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên Huyền Nữ độ mạng.

1903 – 73 tuổi Quý Mão : Cung Ly, Trục Mãn, mạng Kim Bạch Kim, khắc Lữ Trung Hỏa con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con mèo tướng tinh con hươu. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1902 – 74 tuổi Nhâm Dần : Cung Cấn, Trục Trừ, mạng Kim Bạch Kim, khắc Lữ Trung Hỏa con nhà Bạch Đế, phú quý. Xương con cọp tướng tinh con ngựa. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1901 – 75 tuổi Tân Sửu : Cung Đoài, Trục Thâu, mạng Bích Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc, cô quạnh. Xương con trâu tướng tinh con đười ươi. Nam Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Chúa Tiên độ mạng.

1900 – 76 tuổi Canh Tý : Cung Càn, Trục Thành, mạng Bích Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Huỳnh Đế, quan lộc, cô quạnh. Xương con Chuột tướng tinh con Rắn. Nam Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : bà chúa tiên độ mạng.

1899 – 77 tuổi Kỷ Hợi : Cung Cấn, Trục Thành, mạng Bích Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Thanh Đế, phú quý. Xương con Chó tướng tinh con Vượn. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1898 – 78 tuổi Kỷ Hợi : Cung Tốn, Trục Bình, mạng Bình Địa Mộc, khắc Sa Trung Kim con nhà Thanh Đế, phú quý. Xương con Chó tướng tinh con Vượn. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1897 – 79 tuổi Đinh Dậu : Cung Chấn, Trục Bế, mạng Sơn Hạ Hỏa, khắc Thích Lịch Hỏa con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con Gà tướng tinh con Khỉ. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng .

1896 – 80 tuổi Bính Thân : Cung Khôn, Trục Khai, mạng Sơn Hạ Hỏa, khắc Thích Lịch Hỏa con nhà Xích Đế, cô quạnh. Xương con Khỉ tướng tinh con Quạ. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng .

1895 – 81 tuổi Ất Mùi : Cung Khảm, Trục Phá, mạng Sa Trung Kim khắc Thạch Lựu Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý, an mạng. Xương con Dê tướng tinh con Gà. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1894 – 82 tuổi Ất Mùi : Cung Ly, Trục Chấp, mạng Sa Trung Kim khắc Thạch Lựu Mộc con nhà Bạch Đế, phú quý, an mạng. Xương con Ngựa tướng tinh con Chim Trĩ. Nam : Ông Quan Đế độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1893 – 83 tuổi Quý Tỵ : Cung Khôn, Trục Trừ, mạng Trường Lưu Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Huỳnh Đế, trường mạng. Xương con Rắn tướng tinh con Chó. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1892 – 84 tuổi Nhâm Thìn : Cung Khảm, Trục Kiên, mạng Trường Lưu Thủy, khắc Thiên Thượng Hỏa con nhà Huỳnh Đế, trường mạng. Xương con Rồng tướng tinh con chó Sói. Nam : Ông Tử Vi độ mạng. Nữ : Bà Cửu Thiên huyền Nữ độ mạng.

1891 – 85 tuổi Tân Mão : Cung Ly, Trục Thành, mạng Tòng Bá Mộc, khắc Lộ Bàn Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con Mèo tướng tinh con Rái. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1890 – 86 tuổi Canh Dần : Cung Cấn, Trục Ngụy, mạng Tòng Bá Mộc, khắc Lộ Bàn Thổ con nhà Thanh Đế, trường mạng. Xương con Cọp tướng tinh con Heo. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1889 – 87 tuổi Kỷ Sửu : Cung Đoài, Trục Bình, mạng Thích Lịch Hỏa, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Xích Đế, phú quý. Xương con Trâu tướng tinh con Cú. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1888 – 88 tuổi Mậu Tý : cung càn, Trực Nguy, mạng Thích Lịch Hỏa, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Xích Đế, phú quý. Xương con Chuột tướng tinh con chó Sói. Nam và Nữ : Phật Bà Quan Âm độ mạng.

1887 – 89 tuổi Đinh Hợi : Cung Cấn, Trực Nguy, mạng Ốc Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Hắc Đế, từ tánh, phú quý. Xương con Heo tướng tinh con Dơi. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

1886 – 90 tuổi Bính Tuất : Cung Tốn, Trực Nguy, Mạng Ốc Thượng Thổ, khắc Thiên Thượng Thủy con nhà Hắc Đế, từ tánh, phú quý. Xương con Chó tướng tinh con Trâu. Nam : Cậu Tài, Cậu Quý độ mạng. Nữ : Bà Chúa Ngọc độ mạng.

*****HẾT*****